

BÍ PHÁP CAO ĐÀI



**Tây-Ninh Thánh Địa mùa Hoa Đạo nở
Kỷ-niệm Hội-yến Diêu-Trì-Cung Quý Hợi (2007)
Nữ Soạn giả**

NGUYỄN THỦY

Lời nói đầu:

Tôn-giáo quan trọng nhất là BÍ PHÁP. Nghiên cứu về một Tôn giáo tức nhiên nghiên cứu về BÍ PHÁP của Tôn giáo đó. Thử hỏi Đạo Cao-Đài có Bí pháp không và tìm hiểu Bí Pháp ấy như thế nào?

Đền-Thánh này chứa tất cả BÍ PHÁP!

Nay, Đức Chí-Tôn đến tạo Đạo, Ngài dựng nên Toà-Thánh Cao-Đài hện tại nơi miền Nam Việt-Nam, vùng Tây Ninh Thánh Địa này, là ngôi của Đức Chí-Tôn ngự, tượng-trung Bạch Ngọc Kinh tại thế:

“Cái quyền-năng vô cực vô thượng của Ngài do những pháp vô-vi mẫu-nhiệm mà có nên gọi là BÍ PHÁP. Đức Chí Tôn cũng dùng BÍ PHÁP mà lập Đại-Đạo Tam kỳ Phổ-Độ để ứng nghiệm cái quyền-năng của Ngài nơi địa cầu 68 này để bảo-tồn cơ sanh-hóa, vì Ngài là Chúa Thượng yêu, mà vì thương-yêu mới có sanh sanh hóa hóa. Vậy nên Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ do BÍ PHÁP lập thành.

“Đền-Thánh là nơi Tọa ngự tại thế cũng do BÍ PHÁP mà biến tướng ra. Ấy vậy, Đền-Thánh này chứa tất cả BÍ PHÁP của Đấng Chúa-tể Càn khôn vậy.

Đền-Thánh hoàn thành là cái trụ chứng “Châu nhi phục thủy”. Từ đây đến vô cùng Vạn linh sanh chúng sẽ hưởng được muôn điều hạnh phúc của quyền-năng vô cực vô thượng của Đức Chí-Tôn ban cho tại thế này”.

Xin trân trọng gửi đến Đồng Đạo bốn phương đề tài “BÍ PHÁP CAO ĐÀI” để cùng nhau nghiên cứu.

Thánh Địa ngày Vía Đức CaoThượng-Phẩm

In ngày 01- 03 - Kỷ Sửu (dl 26-3-2009)

Nữ Soạn giả

NGUYỄN THUY

CHƯƠNG I

Khái niệm về Bí-pháp

Mọi vật trong trời đất không thể đơn giản như dưới mắt con người trông thấy hằng ngày mà xem thường, như mặt trời buổi sáng mọc ở phương Đông, chiều lặn ở phương Tây. Cũng như Đạo không chỉ là một sự bái lạy, đến Chùa dâng hương xá Phật như người đời thường nhận định; Mà trong sự vận hành của mặt trời phải đi theo một định luật của Tạo hoá. Người đến Chùa dâng hương là cả một tấm lòng thành kính, một sự cầu thông với Càn-Khôn Vũ-trụ trong một Đức tin tuyệt đối. Còn nếu ta chưa được Đức-tin ấy là vì chưa thấu hiểu Chơn truyền Luật pháp Đại-Đạo mà thôi. Chứ không có một việc làm nào là vô ích, cử chỉ nào mà vô dụng đâu.! Tất cả đều ẩn tàng một cái gì khó giải bằng lời nói cho rõ thông được, vì nó còn bí ẩn, còn trong vòng bí mật của vũ trụ, hay nói khác hơn là ta chưa đủ ngôn từ mà diễn đạt cho chính xác được, Đạo giáo gọi đó là Bí Pháp.

Bí nghĩa là trang sức. Bí có nghĩa là rực rỡ, sáng sủa, to lớn. Ví như dưới núi có khí âm: núi là chỗ ngưng tụ của vạn vật, trong đó tượng đủ Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ; là nơi cây cỏ, thú cầm tụ hợp. Sự tụ hợp theo một luật định có thứ tự theo văn vẻ của trời đất.

Trên núi thì cây cỏ mọc xanh um, dưới có bò dê đang ăn cỏ. Sự tụ hợp của loài nào theo loại ấy, kết thành cái đẹp của thiên nhiên, của Tạo hoá bày ra, cho nên dưới bàn tay của Tạo hoá không có gì là không có chủ định hay nói rõ hơn là một sự hỗn tạp cả. Ví như trâu bò thì theo

giống loại của nó kết hợp mà phủ giống, chắc chắn trâu, bò sẽ sanh ra giống trâu, bò. Ngựa sinh ra ngựa, không bao giờ sai lệch ra giống khác, gọi là “Nguru tầm nguru mã tầm mã” là vậy.

Nếu lấy quẻ Dịch mà nói thì đây là quẻ SƠN HOẢ BÍ. Có nghĩa là dưới núi có ánh sáng chiếu lên núi, như vậy tượng là một sự trật tự, đẹp đẽ của Tạo hoá. Trật tự ấy là theo một luật định của Hoá công mà con người chưa thấu đáo được, chưa giải thích nổi nên gọi là BÍ-PHÁP.

Theo cuộc sinh tồn thì thân xác ta là chỗ an trụ của kiếp sống trong cõi đời, nhưng cả đời nếu không phải là một chuyên môn như Bác-sĩ, chắc chắn ta không bao giờ thấy cả ruột gan, phèo phổi nằm theo cách thức nào trong bụng, đừng nói chi đến cả bộ não ta hoạt động như thế nào, tâm tư ta suy nghĩ đây do ai điều khiển. Sống, ta chưa hiểu phương thức sống; chết, hồn này sẽ về đâu? Tất cả những sự kiện trên gọi là Bí-Pháp vì nó quá bí ẩn trong cuộc đời. Nhưng có phải vì vậy mà không một ai thấu đáo được? - Có chứ!

Trong cửa Đạo Cao-Đài ngày nay người nắm giữ BÍ PHÁP thực về quyền hành của Hộ-Pháp Giáo Chủ Đạo Cao-Đài. Tức nhiên Hộ-Pháp là người nắm pháp Thiên Điều, nắm cơ mầu nhiệm của Đạo vậy.

Làm sao biết được?

Chính Đức Hộ-Pháp có thuật lại rằng:

“Đời quá ư bạo-tàn, cho nên Đức Chí-Tôn mới giáng trần mở Đạo cho con cái biết: các ngôi Thần, Thánh, Tiên, Phật đều tình nguyện hạ thế cứu đời, xuống bao nhiêu lại càng mất bấy nhiêu. Trong thời-kỳ ấy Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo, thì Đức Chí-Tôn mới hỏi rằng:

- Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở Bí pháp

trước hay là mở Thễ-pháp trước?

Bần-Đạo trả lời:

- Xin mở Bí-Pháp trước.

- Chí-Tôn nói:

- **Nếu con mở Bí-Pháp trước thì phải khổ đa!**

Đang lúc đòi cạnh-tranh tàn bạo, nếu mở Bí Pháp trước, cả sự bí-mật huyền-vi của Đạo, Đòi thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào?

Vì thế nên mở Thễ-pháp trước, dầu cho đời quá dữ có tranh-giành phá hoại cơ thể hữu-vi hữu-hủy đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn mặt Bí Pháp còn là Đạo còn.

- Bí-pháp là Hiệp-Thiên-Đài giữ.

- Thễ pháp là Cửu Trùng Đài mở mang bành trướng về mặt phổ thông chơn giáo”.

Đức Ngài còn cho biết:

“Bí-pháp Chơn truyền của Đức Chí-Tôn ấy là một thuyết pháp trọng yếu khó-khăn hơn hết.

Các nền Tôn-giáo đương nhiên bây giờ nếu gọi là thất chơn truyền, thì thất chơn truyền do đâu?

- **Do tội Bí-pháp không đúng lương tri lương năng của loài người, lương tri lương năng của mỗi người đương thời buổi này đã đạt đến mức cao thượng, trọng hệ là những triết-lý đơn sơ buổi nọ của các nền Tôn giáo để tại mặt thế này, hồi buổi Thượng cổ không cảm được quyền năng cùng tâm ý của nhân loại trong khuôn -khô đạo-đức tinh-thần nữa.**

Ngày nay Đức Chí-Tôn đã đến, đem nền Tôn giáo của Ngài để tại mặt thế này dựng chính đốn đạo đức tinh thần từ Thượng cổ đến giờ **bằng Huyền Diệu Cơ bút**. Ngài đến không có quyền nào ngăn cản, Ngài dạy con cái của Ngài, Ngài có quyền đem Cơ bí-mật huyền vi Tạo

đoan giáo-hóa con cái của Ngài”.

Thế nên cùng một sự việc, mà mỗi người mỗi có sự thấy khác nhau. Người Bác-sĩ rất sợ vi-trùng vì người đã từng nhìn thấy vi trùng đủ các loại qua kính hiển vi. Có thể phóng to lên lăng triệu lần, nên đã thấy rõ hình dạng và biết được sự hoành hành của nó đến mức độ nào. Đối với người thường thì thần nhiên, không hề sợ sệt vì chưa bao giờ được một lần trông thấy vi trùng !

Mọi vật trong vũ-trụ này cũng đầy sự bí mật huyền vi nào nhiệm, không thể thấy bằng mắt thường được, nhưng vẫn có người thấu biết được. Vì sao? Vì người ta nhìn bằng con mắt thấu thị. Muốn có được con mắt thấu thị ấy phải làm sao? - Phải luyện. Phải học cho đến nơi đến chốn. Sự luyện ấy gọi là TU, là luyện đơn. Chính là sự cúng kiếng hằng ngày qua pháp Tứ thời Nhựt tụng là tu luyện cho chính mình có con mắt thấu thị đó.

Người thấy biết được mọi vật trong cõi bí mật, vô hình gọi là Phật, tức là bậc đã giác ngộ hay nói khác đi là người đã quét sạch được lòng phàm. Trong chữ **Phật** 佛 gồm có bộ *nhân* là chỉ về người và chữ *Phất* 弗 là quét, tức nhiên người đã quét sạch bụi trần. Nếu xem đầu óc như một ngăn tủ trống trải thì chứa được những thứ mà ta muốn, còn tủ đã đầy ắp đồ đạc rồi thì không thể để một vật gì khác được nữa. Thế nên khi muốn làm một việc gì phải suy nghĩ kỹ lưỡng rồi mới làm, vì Phật thì sợ nhân, cho nên không dám gây nhân. Chúng sanh chỉ sợ quả, nên làm việc gì cứ làm liều, khi thất bại thì đau khổ.

Ví như rượu, thuốc lá là có hại, thậm chí đến như người uống rượu bị phạt, hút thuốc lá đến nơi công cộng bị cấm, nói rằng hậu quả là ung thư, là chết người, nhưng vẫn chứng nào tật nấy, thuốc vẫn cứ hút, rượu vẫn cứ uống.

Mai ngày ra sao cũng được.!

Vì tâm nhãn giới của các Đấng vô hình thấy được cả hành tàng thiện ác của chúng sanh, nên kêu gọi chúng sanh lo làm thiện, làm lành, trì trai giữ giới, đừng giết hại sanh vật, vì nó cũng là đàn em chưa ti ến hoá của chúng sanh mà thôi. Nhưng cũng vì thói quen ăn uống đã nhiều đời rồi bây giờ không nhịn được. Khó lắm, ngày còn bé Mẹ đã cho ăn món ngon vật lạ, thịt này, thức kia cốt yếu cho con mau lớn, mập-mạp. Chính người Mẹ cũng không nhận ra Luật quả báo, Luân hồi là gì. Cứ cái đà ấy mà người cứ giết chóc từ con vật nhỏ đến con vật lớn, rồi tranh chấp nhau mà giết hại đến con người cũng xem là một điều tự nhiên. Tại sao có kẻ kiêng dè không giết một con ong cái kiến, mà có kẻ khác sát hại hàng loạt mà không gớm tay?

Thế Đòi, nhưng với những việc cụ thể như vậy đó là Thế pháp. Hậu quả của việc làm ấy sẽ có lợi hại, nên hư đặng thất như thế nào đó là Bí-pháp của Đòi.

Nhiều nhà nghiên cứu, nhà đạo học phân tích, nhận định rõ-ràng: Rượu, thuốc lá là Thế pháp của đời. Hậu quả chết người, bệnh ung thư là Bí-pháp của đời. Tức là Thế đạo. Như vậy Đòi có Thế pháp và Bí pháp.

Cũng như một học trò mới cấp sách đến trường bắt đầu học là tu theo Thế pháp Thế đạo, một vài tháng sau, nó đọc được chữ tức là đạt được Bí-pháp Thế đạo đó. Nó cầm tờ giấy bạc đọc được, biết được giá trị đồng tiền này lớn, nhỏ...Nhìn vào tấm bảng “Cấm đi lối này!” “Không leo trèo cột điện, nguy hiểm, chết người!” Nó đọc được, nó biết tránh. Nó đạt Bí pháp Thế đạo rồi đó!

Đạo cũng vậy, khi đã ý thức cảnh đời là nơi “Sống gỏi thác vè”, không vĩnh cửu, thì ngrời mới lo tiến thêm một bước học hỏi nữa là Tu theo Thiên đạo: cúng kiếng,

làm công quả, bổ thí, trường chay khổ hạnh, phụng sự, tất cả những thứ ấy là hành theo Thể pháp Thiên Đạo, mục đích là gì? - Tức nhiên giải thoát kiếp luân hồi sanh tử. Có thật vậy không? Chưa tin, hãy thí nghiệm.

Nay, Đạo Cao-Đài, Đức Chí-Tôn cho thờ “Thánh Tượng Thiên nhân Thầy” tức nhiên Thầy đã trấn Thần vào đó. Sự cúng kiếng hằng ngày qui trước Thiên bàn tức là nhận “Thần” của Đức Thượng Đế đó vậy.

Tại sao những người tu thần sai pháp thường bị một chứng gọi là “tẩu hỏa nhập ma”? Thử xét lại có nhiều nguyên cớ, nhưng có một điều là nơi ngồi “Tịnh” mà điểm để họ “Luyện Thần” không có ai trấn Thần cho họ, nên khi ấy Thần lực trong người mới đầu chưa đủ sức chống lại Tà lực bên ngoài. Nhưng khi hấp thu từ-trường được mạnh rồi bất cứ ngồi nơi nào cũng được. Cần yếu nhất là không vọng tưởng.

Bởi chữ **NHÃN 眼** tức là con mắt thấu thị, gồm chữ **Cán 艮** là núi hợp với chữ là **mục 目** là mắt, do hai chữ này kết hợp lại, thế nên còn gọi là Huệ nhãn, Thần nhãn, Thánh nhãn. Do vậy thời điểm này Đạo Cao-Đài có được Bí-Pháp để chỉ rõ một thời kỳ chuyển tiếp để đến một giống dân Thần Thông Nhơn, tức là người người đều có được một sự sáng suốt, chí linh, chí diệu.

Hỏi vậy sứ mạng Cao-Đài-giáo phải làm gì?

“Thầy dạy rằng: Thầy đến chẳng phải lập một nền Đạo mới mà đến nhắc các con rằng: Ngày tận tuyệt đã hầu gần, Quí Vương sắp đến, Thánh ngôn các Đạo đã khai từ thuở tạo thiên không đủ kèm thúc nhơn sanh đang trợn lành.

Đời càng ngày càng trở nên hung bạo, nhơn loại giết lẫn nhau, cả hoàn cầu giặc giã, bệnh chướng biến

sanh, thiên tai rập đến. Ấy là các điều Thầy đã nói tiên tri rằng: **Ngày tận thế đã đến!**

Thầy đã tạo thành đủ cả Pháp luật.

Thầy đến chỉ độ kẻ vô Đạo chớ không phải sửa Đạo. Các con hiểu à!” (23-11 Bính Dần – 1926)

1- Về mặt hình thành Bí-pháp:

Trong các Bí-pháp có màu nhiệm đặc Đạo

Pháp Chánh-Truyền Đức Lý Giáo-Tông có dạy:

...Nhờ Ngài và Hội-Thánh cầu khẩn, Thầy mới giảng bút truyền các Bí-pháp ấy cho Hộ-pháp:

“Mừng thay cho nhân loại chút ít rồi. Hội-Thánh chọn truyền Tân pháp đã đạt đẳng như phép “Giải-oan”, phép “Khai sanh môn”, Ban Kim quan...đi còn nhiều Bí pháp nữa mà Hộ-pháp chưa có lĩnh truyền và lại bị chúng sanh và Hội-Thánh còn mờ hồ không nạp dụng. Ngày nay chẳng biết các Đấng Thiêng-liêng và chư **Tân**, Thánh, Tiên, Phật tại Bát-Quái-Đài đã thọ lệnh của Thầy mà hành pháp vì thuộc về quyền hành của các Đấng ấy; ngày nay mới tính sao? **Trong các Bí-pháp có màu nhiệm đặc Đạo**, bây giờ các Đấng ấy cho hay là không? Thảm!...Cười. Nếu Lão có phương chinh đốn nền Đạo lại thì đẳng, bằng chẳng vậy, thì không có một người đặc Pháp, Cửu Trùng Đài cũng đã yếm quyền Bát Quái-Đài mà chớ! Thật vậy đó chút”

2-Đạo mở tức Cơ Đại-Ân-xá của Đức Chí-Tôn:

Ngài Bảo-Đạo Hộ-Tấn-Khoa có nói:

“Người mới Nhập môn vào Đạo Cao-Đài lập Minh thế thì đẳng hưởng hồng-ân là thọ phép Giải oan. Phép này rửa sạch tội tiền khiên của mình từ trước.

Phép này ững là một Đại Ân xá những tội tình, nhưng từ ngày Nhập môn về sau thì phải gìn giữ đừng gây

thêm tội mới cho đến ngày chết tức là ngày trở về với Đức Chí-Tôn (Đại-Từ-Phụ) thì được nhẹ nhàng rất nhiều.

Ngoài Bí-Pháp giải-oan này Đức Chí-Tôn còn ban cho Pháp Tắm Thánh, pháp làm Hôn phối và đặc biệt nhưt là phép xác và phép độ thăng.

Người Tín-hữu Cao-Đài nào **gỡ** được 10 ngày chay trong mỗi tháng đổ lên được thọ truyền bửu pháp tức là hưởng được phép xác, cắt hết 7 dây oan-nghiệt. Linh hồn không còn bị ràng buộc với thi hài bởi 7 dây oan nghiệt nữa nên được xuất ra nhẹ-nhàng về cõi Thiêng liêng hằng sống.

Còn phép Độ thăng là để giúp cho linh hồn những Chức-sắc được nhập vào Bát-Quái-Đài dễ-dàng hơn”.

3- Người Đạo Cao-Đài hành Bí pháp Đạo là lờ Minh thế:

Cho chí đến Thiên-phong Chức-sắc như hai vị Đầu-sư khi lãnh nhiệm vụ cũng phải lập Minh-Thệ.

Thánh ngôn dạy:

“Cả thầy Môn đệ phân làm ba ban, đều quì xuống, biểu **TẮC** leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôị đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt **TẮC**, đặng Thầy trực xuất Chơn Thần nó ra, nhớ biểu **Hậu, Đức** xông hương tay ả chúng nó, như Em có giữ t mình té thì đỡ.

Rồi biểu hai vị Đầu Sư xuống ngai, quì, đến trước mặt Ngũ Lôị, hai tay chấp trên đầu, quì ngay bùa Kim Quang Tiên mà thề như vậy:

“Tôi là Lê Văn Trung **tr** Thiên Ân là Thượng Trung Nhựt và Lê Văn Lịch **tự** Thiên Ân là Ngọc Lịch Nguyệt, **thề** Hoàng Thiên, **Hậu Thổ**, trước **Bửu Pháp Ngũ Lôị** rằng làm trọn Thiên Đạo mà dui dắt cả mấy em chúng tôi đều

là Môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế; nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định chẳng dám chuyên quyền mà lập thành Tả đạo; như ngày sau hữu tội thì thẻ có Ngũ Lô tru diệt” (Lời thẻ trên có 60 chữ)

Đến bàn Vi Hộ Pháp cũng quì xuống, vái y vậy, đều câu sau thì như vậy:

“Như ngày sau phạm Thiên Điều thẻ có Hộ Pháp đọa Tam Đồ bất năng thoát tục”.

Rồi mới biểu Giảng xuống lại nữa “Phục vị”, thì nhị vị Đầu Sư trở lại ngồi trên Ngai. Chư Môn-đệ đều đến lạy mỗi người hai lạy.

Tới phiên các Môn đệ, từ người đến bàn Ngũ Lô mà thẻ rằng:

Tên gì?... Hộ gì?... **“Thẻ rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.”**(36 chữ)

Tới trước bàn Hộ Pháp cũng thẻ như vậy, rồi mới đến lạy nhị Đầu Sư.”

Đức Hộ pháp có dạy vào ngày rằm tháng 9 năm Bính Tuất (1946) rằng:

... “Còn nói ề **phần chư Môn Đệ của Chí Tôn**, từ buổi đem thân vào ả Đạo t rong lúc Nhập môn đã quì trước Bửu Điện có bàn Ngũ Lô, mà lập Minh thẻ (như trên) Than ôi! Cho **nặng** người thẻ như vậy, mà cũng không để trọn đức tin nơi Chí Tôn lại thối bước ngã lòng, cỡi áo Đạo, dẹp khăn tu, mong mỗi xu hướng theo con đường tục lụy, cho nên mới gây tạo ra con đường lẫn lộn sủng mũi đạn ngày nay.

Vậy, **ai là người thất thế với Chí Tôn thì phải sớm thức tỉnh tâm hồn, ăn năn sám hối, cầu xin Đại Từ Phụ**

Bí-pháp Đạo Cao-Đài

cùng các Đấng Thiêng Liêng, từ bi ân xá tội lỗi tiền khiên, họa may đặng chung hưởng ân huệ của Đức Chí Tôn ban cho sau này.

Ngày nào toàn thể nhơn sanh đều biết hồi đầu hướng thiện, nhìn Đạo Trời là một Cơ Quan Cứu Thế, thật hành chủ nghĩa Thương yêu cho ra thật tướng thì n gày ấy mới đặng hưởng Hòa bình Đại đồng thế giới”.

Đức Hộ-pháp cũng dạy cho biết rằng:

“Về Bí pháp của Đạo cũng như triết lý của Đòì, là càng đau khổ thì càng kinh nghiệm, càng thanh cao. Con đường Thiêng liêng lập vị của Đạo cũng do nơi Bí Pháp ấy. Thử hỏi từ ngàn xưa, biết bao vị đắc đạo mà không nhờ trong khuôn khổ nào chẳng ?

Lại có câu: “Lửa thử vàng, gian nan thử Đạo” là cũng trong một ý niệm ấy. Nếu thoảng như đi trên con đường lập vị thiêng liêng được sung sướng hoặc dễ dàng hoặc không cần chi phải mệt xác mệt trí, hoặc không có chịu sự khảo duyệt nào về tinh thần hay hình thể, thì nhơn loại trên mặt địa cầu này sẽ thành Phật hết. Như thế, các em nghiệm coi phẩm trật ấy có phân biệt và quý trọng không ? Hẳn là không phân biệt rồi.

Vậy các em nên hiểu điều đó để lướt qua mọi trở ngại thử thách đặng kịp sớm cho các em đoạt được sở hành phi phạm đó vậy.”

4- Đạo Cao-Đài có Thể-pháp và Bí-pháp:

Nay là thời - kỳ Hạ nguơn Tam chuyển bước qua Thượng nguơn Tứ chuyển, Đức Chí-Tôn mở ra mối Đạo Trời là cơ Đại Ân xá cho nhân loại. Cơ Đại Ân xá này được thực hiện ở mọi nơi, mọi chỗ và bằng nhiều phương thức khác nhau:

“Đức Chí-Tôn để cả hai triết-ly cho nhơn-loại biết sự thật. Bởi cơ cho nên Đức Chí-Tôn đến: Ngài đến đặng

giải một triết lý, một công-lý hiện hữu tại mặt thể gian này: **Sự chơn thật.**

Ngài đã giải sự chơn thật.

Phải hiểu Thể-pháp, bắt Thể-pháp rồi mới thấu đến Bí-pháp. Khó lắm! Phải để tinh -thần tìm hiểu cho lắm! Khó lắm! phải rón học cho lắm mới có thể đoạt được! Điều rất khó-khăn là phải viết sách.”

ĐHP 5-4 Kỷ-Sửu)

Vì : “Có Thể pháp thì có Bí-pháp!

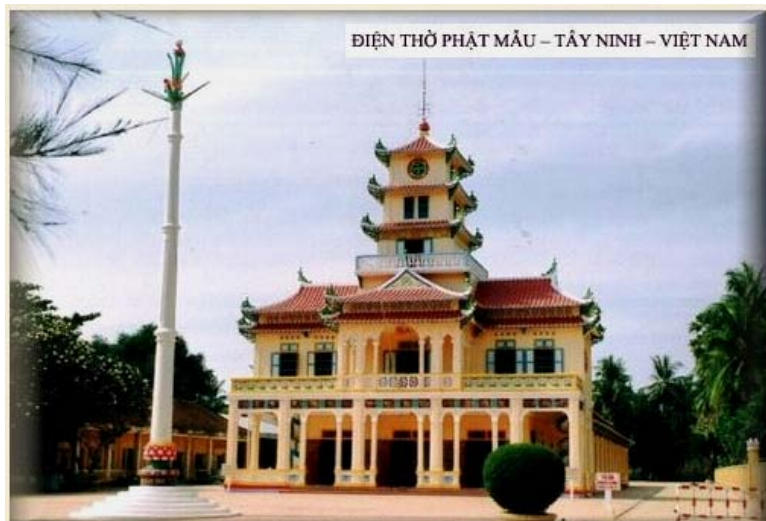
Các vị Giáo-chủ cũng phải tùng theo khuôn luật đó, một nền Tôn giáo có:

- **Thể-pháp** là cơ-quan giải khổ cho chúng sanh, tức nhiên phải có:

- **Bí-Pháp** dựng làm cơ-quan giải thoát cho chúng sanh. Hệ độ phân xác tức nhiên phải độ phần hồn cho toàn vẹn. Một nền Tôn giáo đã xuất hiện tại thế gian này dầu Thể-pháp cao siêu bao nhiêu đi nữa, nếu không có Bí pháp làm tương diện căn bản thì nền Tôn giáo ấy chỉ là Bàng môn tả đạo mà thôi”.

(ĐHP: 9-4 Kỷ Sửu 1949)





CHƯƠNG II

A- NHỮNG HÌNH THỨC GỌI LÀ BÍ PHÁP TRONG NỀN ĐẠI ĐẠO

Bí pháp 秘法

A: The sacrament.

P: Le sacrement.

Bí: sáng rõ. Giấu kín, không hở ra cho ai biết.

Pháp: có nghĩa là pháp thuật, phương pháp.

Bí Pháp là những pháp thuật huyền diệu, mà khi thi hành sẽ có những hiệu quả thiêng liêng mà ta không thể dùng trí phàm hiểu biết hết được.

Đây là những Bí Pháp Chơn truyền của Đại-Đạo.

Trong cửa Đạo Cao Đài, Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn truyền cho các Chức sắc vào hàng Thánh Thể của Cửu Trùng Đài và Hiệp-Thiên-Đài hay Phước Thiện đi hành đạo ở địa phương bằng Pháp sau đây để cứu độ nhơn sanh phần xác cũng như phần hồn, hầu giúp cho công cuộc Phô Độ nhơn sanh được kết quả:

1- Phép Tắm Thánh. 2- Phép Giải Oan.

3- Phép Hôn Phối. 4- Phép Giải bệnh.

5-Phép Xác 6-Phép Đoạn Căn. 7-Phép Độ Thăng.

Tương tự: Bên Thiên Chúa giáo cũng có bảy Bí Pháp dành cho “Con chiên của Chúa” là:

1- Phép Rửa tội 2- Thêm sức

3- Thánh Thể. 4- Giải tội

5-Xức dầu 6-Truyền chức 7-Hôn phối.



1- Bí pháp xưng tội

Chon-truyền từ trước đến nay Đức Chí-Tôn để tại mặt thể trên các Đạo: Phật, Tiên, Thánh, là phương để gội rửa linh-hồn mà thôi. Đức Hộ-Pháp nói:

“Nhứt là Công-giáo có phép xưng tội là một Bí pháp, nhưng ta không hiểu tại sao Chí-Tôn lại không truyền chon-pháp.

Ta nghĩ, có lẽ Đức Chúa Jésus-Christ đã ban quyền cho những đại-diện của Ngài tức là người cầm quyền Hội Thánh có đủ năng-lực xá tội, nhưng trong hai đảng là kẻ xá tội và kẻ xưng tội; cũng có lẽ có người không thực tâm xưng tội, hoặc người không xứng đáng là người xá tội. Nếu xét ra người đến xưng tội và người xá tội cũng đều là phạm cả, chưa biết người này có xá tội được cho người kia chăng? Thẳng không đủ quyền tha tội càng thêm mang tội hơn nữa. Hễ có tội tức là có hình, có hình tức có phạt, có phạt phải thành án, mà án tiêu mới hết tội. Nên hễ có tội thì phải trả, mà có trả rồi thì hết tội”..

(Đức Hộ-Pháp 1-7 Mậu Tý 1948)



2- Nhận dạng Bí tích

Tại sao cũng thời là người mà không ai giống ai? Trách nhiệm, quyền hành cũng không giống nhau? Cuộc đời thẳng trảm cũng không giống nhau? Có ai biết được?

Nhưng duy chỉ biết được một phần nào trong cái cơ vi bí mật của Tạo hoá có thể từ trong kiếp trước, nay qua kiếp này còn lại một ít dấu tích mà người “sành đời” mới nhận biết hay đoán ra được thôi. Đó gọi là Bí tích.

Trong cửa Đạo Cao -Đài ngày nay: Một Đảng mà toàn Đạo rất là tôn trọng đây là Đức Hộ-Pháp, có ai biết được Ngài là ai? Cũng vì theo trí phạm mà trước đây có

nhiều sự ngộ nhận về Ngài, vì nghĩ rằng Ngài nhỏ tuổi không quyền thế, nên coi thường Ngài. Đến khi có Luật, Pháp, phân ngôi cao **áp** thì sinh ra ganh tỵ, không nể nang nhau, vì nghĩ rằng Ngài nhỏ tuổi thì cái gì cũng nhỏ, Đức Chí-Tôn cho là lắm lắm!

**Đức Hộ-Pháp là hiện thân của Đức Chúa
Jésus Christ.**

Làm sao biết được?

Trong năm 1956, thời gian Ngài còn lưu vong nơi Miên Quốc, Kim biên Tông Đạo . Công việc tắm rửa cho Ngài là của Ba Hiệu, hôm ấy Ba Hiệu bị cảm không lo cho Ngài được nên nhờ Ông Út Thoại (Hữu Phan Quân Lê Văn-Thoại) làm thay. Đang tắm kỳ lưng cho Ngài thấy sau lưng hiện lên một Thiên-Nhân hào quang sáng chói, trông việc lạ, ông quan sát tiếp thấy bên hông có vết sẹo lớn và hai bàn tay cũng như hai bàn chân có dấu đóng đinh, còn trước trán hiện lên chữ Vạn 卐. Khi tắm xong và mặc đồ cho Ngài rồi, ông Thoại tự tay đóng cửa phòng tắm lại, đoạn quì xuống bạch với Đức Ngài rằng:

“Có phải Thầy là Chúa Jésus Christ Hộ-Pháp Di Đà không?”

Đức Hộ-Pháp quở:

- *“Đồ quái gỡ. Ai bảo con hỏi?”*

Ông Thoại bạch:

- Thừa Thầy do con thấy Thiên Nhân sau lưng Thầy và trước trán hiện lên chữ Vạn và vết sẹo do CHÚA bị đóng đinh trên Thập Tự giá”.

Đức Thầy dạy:

- *“Con không được tiết lộ nghe!”*

Ông Phạm Công Tắc nguơn linh là Ngự Mã Thiên Quân Hộ-Pháp Di-Đà. Hiện Ngài nắm Ba Châu trên cõi

Trời, nên nhơn sanh **riêm** danh Ngài là “Nam mô Tam Châu Bát Bộ Hộ-Pháp Thiên Tôn”. Nhưng khi **ngự** ngài thì mặc Đại phục có Mão và “*Người phải mặc giáp, đầu đội Kim Khôi toàn bằng Vàng, trên Kim Khôi có thể Tam Sơn, giống như cái chĩa ba ngạnh, chủ nghĩa là Chương Quân Tam Thiên bên Tây Phương Cực Lạc*”. (PCT)

Do đó mà khi thuyết giảng Đức Ngài có dạy rằng lẽ ra câu niệm phải là “*Nam mô Tam Thiên Thế giới Hộ pháp giáng lâm*” nhưng vì đã thành thói quen niệm như trên nên không sửa.

Đức Hộ-Pháp nói về quyền hành của Ngài:

“*Bản Đạo duy muốn làm Bạn với con cái Ngài, nên phẩm vị PHẬT SỐNG của Đức Chí Tôn để cho Bản Đạo, mà Bản Đạo chưa có ngôi. Ấy vậy mê tín dị đoan trong cửa Đạo Cao Đài không có và không cần có, quả quyết hẳn vậy, nên đình lại Bí pháp chơn truyền, nếu thuyết ra là lấy cái quyền năng mê tín dị đoan mà thắng thiên hạ là một điều hèn nhát nên Bản Đạo không dùng, để khi nào dùng được Bản-Đạo sẽ dùng. Bản Đạo hứa chắc sẽ giáo hóa cho con cái Đức Chí Tôn mà thôi*”.

Đức Hộ-Pháp làm phận sự của Chí-Tôn giao phó.

Đức Ngài nói:

“*Chỉ Qua biết phận sự của Qua là Đại-Từ-Phụ giao phó với một lời yếu thiết như thế này:*

- **Tắc**, đời quá khổ chẳng phải khổ về xác thịt mà thôi, mà **đi** khổ để n tình **thần** nữa, nạn của nhơn loại tương tàn tương sát **ấp đ** ến. Thầy giao cho con một cây **CỜ CỨU KHỔ**, chẳng phải cứu khổ tinh thần mà thôi, lại lẫn cả thể xác nữa. Trọng hệ hơn hết là điều ấy Thầy giao phó cho con, nhưng mà con phải hiểu: **có khổ về tinh thần mới biến sanh ra khổ của thể xác**.

Thầy nói rõ Thầy giao cho một gánh Đạo và Đời.

Thực sự ra Bàn Đạo xin thú thật, gánh của Đạo chẳng hề khi nào làm cho Bàn-Đạo khùng khiếp. Duy có gánh của Đời, Ngài giao phó nó nặng nề hơn hết...”

Về việc “**Bí Tích**” này Ông Thoại rất tôn kính và giữ nơi lòng không dám nói ra cho một ai biết. Chỉ duy ông Sĩ-Tải Huỳnh-Văn Hưởng thuở sanh tiền thường ghi chép tài liệu và thân cận với Ông Hữu Phan Quân Lê văn Thoại nên có ghi lại. Tình cờ tôi biết được, nhưng hai vị này còn sinh thời, tôi không dám tiết lộ sớm, nhân có một em ở Tiền giang yêu cầu tôi nên viết về những bí sử, tôi vẫn còn e ngại, nhân hôm nay thấy ông Thanh Minh đã phổ biến những vấn đề này tôi mới từng theo và ghi vào quyển “**Bí pháp Cao-Đài**” mà tôi đang soạn.

Được biết Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là Ngự Mã Thiên Quân tức là người đánh xe (*ngự* là đánh xe) của Đức Ngọc Đế, giáng trần làm Hộ Pháp cầm cây Kim Tiên, còn cây Giáng Ma Xử trần ở Thiên môn. Mãi đến khi Đức Hộ-Pháp triều Thiên rồi mới dám viết nên lời này: “*Đức Ngài chính là Chúa Jésus Christ Hộ-Pháp Di Đà*” đó vậy.

Trong tài liệu này vị Phạm Thanh có đề cập đến thuở xưa Đức Di-Lạc đang tắm với ông Cư-sĩ họ Trần nơi suối Trường Đình, đưa lưng nhờ ông Cư sĩ kỳ giùm, bỗng thấy hiện bốn Thiên Nhân sau lưng Phật Di-Lạc.

Sự so-sánh này để thấy vào hàng Phật thì có nhãn quang chiếu khắp cõi ta bà để cứu nhơn độ thế. Phật Di Lạc là một trong ba vị Cổ-Phật là: Nhiên Đăng, Di-Đà và Di-Lạc. Còn Hộ-Pháp Di-Đà là Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí-Tôn thay thế cho Ngài giáng trần chuyển Pháp lập Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ. Ngài là Đấng thay quyền cho Cực-Lạc Thế giới chuyển pháp.

Nhân đó, nhìn trong Đạo phục của Chức sắc Đại

Thiên phong bên Cửu Trùng Đài như Chuông Pháp phái Ngọc “**Bộ Đại Phục** thì toàn *bằng màu hồng (màu Đạo) nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí (PCT)*”.

(Chuông Pháp phái Thượng cũng như trên nhưng đặc biệt thay bằng màu Trắng)

- Ngoài ra thì Pháp Chánh Truyền còn dạy rõ là phẩm **Giáo sư** “*nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng vô vi, áo ba dải*”.

- **Chánh Phối Sư** thì áo chín dải, còn **Phối Sư** ba dải. Đạo Phục cũng có hai bộ phân biệt (Đại Phục và Tiểu Phục) như của vị Đầu Sư, song trước ngực và sau lưng có **thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng vô vi**.

- Riêng **Đầu sư** thì khác, *ở trước ngực và sau lưng có “thêu sáu chữ Đại -Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, bao quanh ba vòng vô vi”*.

Thiên Nhân ở trước ngực là sự nhập tâm về giáo lý, giáo pháp của Đại-Đạo. Thiên Nhân ở sau lưng là sự phát huy lý Đạo, như hào quang chiếu diệu khắp nơi để Phổ Độ chúng sanh trong cơ chuyển thế và cứu thế này. Nhưng đây chỉ là “thêu Thiên Nhân”. Còn Thiên Nhân thực thì mỗi người phải ra công tu tập mới có được vậy.

3- Hỏi vậy ngày xưa Chúa đã chịu nạn cho nhân loại như thế nào?

Đức Hộ-Pháp nói:

“Đức Chúa Jêsus-Christ thương nhơn dõ một cách nồng nàn thâm thúy. Bởi Ngài đã ngó thấy:

- **Nhứt Kỳ Phổ-Độ** nhơn loại ký Hòa-uớc với Chí Tôn mà đã bội ước, nên phạm Thiên-Điều, nhân-quả nhơn loại góm ghiết. Do nhân-quả ấy mà tội tình nhơn loại lưu trữ đến ngày nay, Thánh-Giáo gọi là “Tội Tổ tông”.

- Chính mình Ngài đến, đến với một xác thịt phạm phu, Ngài đến giơ tay để ký **Đệ Nhị Hòa ước** với Đức Chí Tôn chịu tội cho nhơn loại, ký đệ nhị Hòa-ước đặng dúi dắt chúng sanh trở về cùng Đấng Cha lành ủa họ tức nhiên là Đức Chí-Tôn, là Đại Từ-Phụ chúng ta ngày nay đó vậy.

Đấng ấy vô tận vô biên, thấy nạn của nhơn loại đã đầy-dẫy, Ngài chỉ xuống tại mặt thế này làm con tể vật đặng chuộc tội tình cho nhơn loại, mà lại còn đem quyền của Chí-Tôn để nơi tay của nhơn loại, bàn tay đó đã ký đệ nhị Hòa-ước cho nhơn loại, nó làm cho Ngài thế nào?

- Do tay Ngài ký tờ Hòa ước với Chí Tôn, nên hai tay của Ngài bị đóng đinh trên cây Thập Tự giá. Hai chân của Đấng ấy đã đi trước nhơn loại đi đường hằng sống cho họ, rồi hai chân của Đấng ấy cũng bị đóng đinh trên cây Thánh-Giá, còn trái tim yêu ái nhơn sanh vô hạn ấy bị một mũi kiếm vô tình đâm ngay cạnh hông của Ngài, lấy giọt máu cuối cùng đó đặng cứu nhơn loại, một tình ái vô biên ấy để lại cho loài người một tôn chỉ yêu ái. Tôn chnhìn nhơn loại là anh em cốt nhục và khuyên nhủ nhơn loại coi nhau như đồng chủng.

“Đức Chúa Jésus Christ đã lấy máu thịt đặng chuộc tội cho loài người. Giờ phút này là giờ hiển Thánh của Ngài dùng quyền hành yêu ái vô biên của Đức Chí Tôn mà tha tội cho nhơn loại đó vậy”.

Làm sao bắt được Đức Hộ -Pháp là hậu thân của Đức Chúa? – Bài thi khoán thủ “Hộ-Pháp Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài” có câu:

Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,

Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.

Nếu kiếp thứ nhì Người đến thế này cầm máy tạo nơi “Tây Âu” do Thiên thơ định đoạt là Đức Chúa Jésus,

thì kiếp thứ nhứt là ai? – Chính là Phật Thích Ca.

Còn kiếp thứ ba hay kiếp hiện tại là Hộ-Pháp Phạm Công Tắc. Qua “bức hình ba mặt” thì gồm có Hộ pháp, Phật Thích Ca và Đức Chúa, cho ta kết luận ấy. Tức là ngày nay thì Ngài: “*Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ*”. Chính Đức Ngài đang hành quyền Hộ-Pháp đó vậy.

Hiện tại hàng rào quanh Hộ-Pháp-Đường là hình ảnh Thập Tự Giá trang trí thành những cây sắt đứng, cốt để nhắc nhở cho nhơn sanh thấy rằng biểu tượng “Thập Tự Giá” là hình ảnh của Chúa Cứu Thế đó.

Đức Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm có trả lời Đức Hộ-Pháp về nguyên linh **VI-HỘ** khi Ngài cầu hỏi:

(Báo Ấn Đường Kì êm Biên, ngày 15-8-Bính Thân (dl 19-9-1956). Phò loan: Hộ Pháp - Bảo Đạo)

- “*Phải! Thì trước đầu kiếp vào nhà họ VI, còn nay vào nhà họ PHẠM. Điều đó có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bản Tạng đã nhiều và chỉ rõ Việt Nam xuất Thánh thì đã hẳn rồi, còn chi không rõ rệt. Hơn nữa lại còn một điều trọng hệ hơn là DI-LẠC giáng linh, thì Thiên Tôn đã thấy rằng, tiên tri vốn không sai sót. Vui mừng hơn nữa là từ đây thiên hạ sẽ hiểu rõ Thánh chất của Thiên Tôn và ngọn cờ cứu khổ sẽ cứu quốc cho giống nòi Việt Nam, rồi loan ra cho toàn thế giới chung hưởng.*”

Quả thật ngày nay Vi Hộ đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là VI HỘ PHÁP, hộ giá Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Vi Hộ Pháp đầu kiếp xuống trần vào nhà họ Phạm, tên là Phạm Công Tắc, làm Tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo cứu Đời



B-Tìm hiểu nguơn linh của các bậc tiền bối:

Trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ này, Bát Tiên lâm trần độ chúng sanh bằng thi phàm xác thịt là các ông:

- | | |
|-------------------|-------------------|
| 1. Lê Văn Trung | 2. Cao Quỳnh Cư |
| 3. Cao Hoài Sang | 4. Ca Minh Chương |
| 5. Lâm Quang Bính | 6. Huỳnh Hương Hồ |
| 7. Vương Quan Kỳ | 8. Ngô Văn Chiêu |

BÁT TIÊN LÂM TRẦN

Việc chi trên cõi vũ trụ tuần hoàn này cũng do Thiên Thơ định sẵn. Lúc mới thâm Môn đệ đầu tiên, Đức Chí Tôn đã dùng Huyền diệu cho Ngài Ngô văn Chiêu thấy cảnh Bồng Lai để ham Đạo mà tu hành, làm người nhân chứng thứ nhứt trong cửa Đạo. Chính cảnh Bồng Lai báo hiệu cho Bát Tiên giáng phàm lập Đạo cứu đời.

Vào đêm 17-6-Qúi Hợi (dl 30-7-1923) tại Miếu Nổi, Tào Quốc Cự giáng cơ khuyên tu như sau:

“Chư Nhu có phước có duyên nên mới gặp Đạo ở kỳ thứ ba “Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ”. Tiên Thánh đều lâm phàm mà độ kẻ nguyên nhân”(Đại Đạo căn nguyên)

Miếu Nổi nằm trên cồn đất độ trăm thước ở giữa sông Bến Cát, một nhánh của sông Bình Lợi (Gia định). Theo sách Tỉ Nguyên và Quảng sự Loại, Bát Tiên là những người phàm tu thành Tiên. Kể thứ tự như sau:

- | | |
|-----------------|-------------------|
| 1. Lý Thiết Quả | 2. Chung Ly Quyền |
| 3. Lữ Đồng Tân | 4. Trương Quả Lão |
| 5. Lam Thê Hòa | 6. Hà Tiên Cô |
| 7. Hàn Tương Tử | 8. Tào Quốc Cự |

Trước tiên Đức Lão Tử độ Lý Thiết Quả; sau khi đắc đạo, Lý Thiết Quả độ Hón Chung Ly và Hón Chung Ly độ Lữ Đồng Tân. Độ tất cả tám người thì lập thành Bát Tiên. Lữ Đồng Tân là Đệ tử của Hón Chung Ly.

1- Lý Thiết Quả hay Lý Ngưng Dương Là ngươn linh của Ông Lê Văn Trung (1876 - 1934)

Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt



Lý Thiết quả người đất Giáp, sinh đời nhà Tùy, tên là Hồng Thủy, tiểu tự Thiết Quả (hay Quả). Người khôi ngô, tu luyện ở Nham Động. Trước khi xuất Chơn thần đi học với Đức Lão Tử, Thiết Quả dặn đệ tử: giữ xác Ta ở đây, hồn Ta đi trong 7 ngày. Sau ~~th~~ gian đó Ta không về thì hủy xác. Mới 6 ngày, mẹ học trò bị chết, người học trò vội hủy xác Thầy. Lý Thiết Quả xong việc trở về, không thấy xác, nhập vào tử thi của một kẻ hành khất. Ngài biên bị và gậy của kẻ ăn mày thành “Bầu Hồ lô và gậy sắt” làm Bửu pháp của Ngài. Do đó, Lý Thiết Quả chân què, mặt và thân hình xấu xí, tay cầm bầu rượu.

Đức Lý Ngưng Dương hay Lý Thiết Quả cho thi:

“Đại hỉ chư Đạo-hữu:

*Trời đất riêng tay giữ một bầu,
Ngàn mây dặm gió gót chơn trâu.*

*Rừng tòng thông-thả nhàn ra dạo,
Đền Ngọc thung-dung rảnh đến châu.
Thoát tục sớm chiều nên Bảy bạn,
Dẫn phàm nay rảo khắp Năm châu.
Thế trần mừng gặp Tam-Kỳ độ,
Biển khổ thuyền đưa khách lánh sầu.*

Lý-Ngưng-Dương

Hai vị này có điểm giống nhau là hay cứu người.

Ngài Lê văn Trung quê ở Chợ Lớn, sinh ra trong một gia đình Nho phong. Ông rất thông minh năm 17 tuổi đã được bổ vào ngạch Thư ký Soái phủ Nam Kỳ. Năm 1906, ông đắc cử Hội Đồng Quản Hạt. Năm 1911, ông đề xướng trường Nữ Học Đường, được thưởng Bắc Đẩu Bội Tinh. Ông Lê văn Trung được Đức Cao Thượng Phẩm độ vào cửa Đạo năm Ất Sửu (Đl 6-10-1925).

Ông từ chức Nghị viên, phế đời hành Đạo:

Ngày 23-4-1925 đắc phong Đầu Sư, Thánh danh Thượng Trung Nhựt.

Ngày 03-10-Canh Ngọ (1930) Đức Lý Giáo Tông ban cho Ngài phẩm “Quyền Giáo Tông” hữu hình.

Đức Quyền Giáo-Tông Lê văn Trung hành Đạo: Tính từ ngày Khai Đạo là 15-10- Bính Dần (19-11-1926) Lúc Ngài qui Tiên ngày 13-10-Giáp Tuất (19-11-1934). đúng 8 năm tròn, không thừa không thiếu 1 ngày. Điều ấy đúng vào con số Bát Tiên mà Ngài là vị Tiên trưởng. Về lý Đạo thì Ngài đã nắm trọn Bát Quái Cao Đài vào tay. Ấy là Đấng đã “thay Trời tạo thế” trong nền Đại-Đạo.

Tượng Đức Quyền Giáo-Tông LÊ VĂN TRUNG đứng trên quả đất đặt trước Bạch Ngọc Chung Đài (lầu chuông) của Đền Thánh. Ngươn linh Ngài là Lý Ngưng Dương hay là Lý Thiết Quả.

Hiện nay Tháp của Ngài đặt phía sau Bát Quái Đài
Đền Thánh - Toà Thánh Tây Ninh-.

Đức Hộ Pháp đề Thần Lý Ngưng Dương du Nam:

*Bầu linh gậy sắt quấy du Nam,
Nương bóng Từ Bi đến cõi phàm...
Bấy Bạ ai còn nơi cõi thế,
Đông du xin nhắc chuyện ông Lam.*

(1949)

Tượng, **Đức Quyền Giáo Tông** tay trái cầm gậy sắt, tay phải cầm quyền Thiên Thơ (Bộ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển) đúng câu “*Cầm mối Thiên Thơ lo cứu chúng*”.

Cũng nên phân biệt những quyển sách có trên các bức Tượng trong Đền Thánh như:

- **Đức Khổng-Tử** tay cầm quyển sách cuộn tròn ấy là *Bộ Xuân-Thu* mà bình sinh Đức Ngài đã san đĩnh. Nay là buổi Cao-Đài Đại-Đạo nên bộ *Xuân Thu* trở thành *Cổ pháp* của Đạo Thánh, là một trong *Cổ-pháp Tam giáo*:

“*Xuân-Thu, Phát chủ, Bát-vu,
“Hiệp qui Tam-giáo hữu cầu chí chơn”*.”

(*Kinh Phật-Mẫu*)

- **Đức Quan-Thánh** tay cầm sách mở ra, cũng là bộ *Xuân-Thu*, nhưng Đức Quan-Thánh là người học ở Bộ *Xuân Thu*, lập chí từ đó “*Chí tại Xuân Thu tâm tại Hồn*”.

Như vậy là có cả thầy ba bộ sách cũng vừa đủ cho người Cao Đài suốt thông lý Đạo, là số ba tròn đầy rồi!

Như vậy Giáo Tông trong cửa Đạo có các Ngài:

- Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo-Tông Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ là Giáo-Tông chánh vị, thuộc về *Thần*.

- Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, chỉ mới “Quyền” thuộc về *Khí*.

- Ngài Ngô văn Chiêu thì Đức Chí -Tôn định ban phẩm Giáo-Tông, trong thời gian 10 ngày thì *biêm*.

Nhưng Ngài cũng có công “mời gọi” các bậc lương sanh, truyền lại phương thức thờ **Thiên Nhân Thầy**, thuộc *Tinh*.

Vậy *Tinh* - Khí - Thần đã đủ. Thế nên trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này không một ai có quyền xưng là Giáo-Tông nữa cả.

Thánh ngôn Đức Lý có dạy ngày 19 - 3- 1928:

*“Đại hỉ, Đại hỉ ! Cười... Lão cũng nên cất nghĩa phẩm vị của chư Hiền hữu. Tỷ như ngôi của Thượng Đâu Su, Ngọc Đâu Su, Thái Đâu Su, Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, hay là Giáo Tông của Lão đi nữa, dầu ngày sau có nhượng cho ai, thì họ ngồi địa vị của mình, **chớ chẳng hề ở thế này có hai Thái Bạch, hai Thượng Trung Nhựt, hai Ngọc Lịch Nguyệt, hai Thái Nương Tinh, hai Hộ Pháp, hai Thượng Phẩm, hai Thượng Sanh** bao giờ, hiểu à!”*



2- Hón Chung Ly hay Chung Ly Quyền Là Ngươn linh ông Cao Quỳnh Cư (1887-1929)

Thượng Phẩm Hiệp-Thiên-Đài

Do điển tích “Hón rước Diêu Trì” nơi Báo-Ân-Từ:

Vốn là Vua **Hón Vũ Đế** có lòng mộ Đạo và sùng kính ĐỨC DIÊU-TRÌ-KIM-MẦU hơn hết trong các triều



đại. Ngài là Vua thứ V của nhà Hán (Hớn) bên Tàu khoảng 141-87 trước Tây lịch, nghĩa là cách nay hơn 2.000 năm, Ngài có lập một cảnh chùa cực kỳ tráng lệ gọi là Hoa Điện để sùng kính Đức Diêu -Trì. Nhân ngày 14c tuần, Ngài thiết lễ ăn mừng, được một vị Tiên ĐÔNG PHƯƠNG SỐC đến mách bảo cho cách thức để thỉnh Đức Phật Mẫu Diêu-Trì về ngự.

Thường, Đức Mẹ Diêu Trì cỡi con chim Thanh loan tức là con chim linh của Đức Phật-Mẫu. Theo hầu, có 4 vị Tiên-Đồng Nữ Nhạc là: Hứa Phi Yến, An Phát Trinh, Đồng song Thanh, Vương Tử Phá. Đồng thời có 9 vị Tiên Nương theo sau Đức Phật Mẫu. Khi đến ngự nơi Hoa Điện Đức Phật Mẫu có ban cho HÓN VÕ ĐẾ bốn quả Đào Tiên. Ông Đông Phương Sốc hai tay nâng cái ~~th~~ để nhận tặng vật ấy.

Do theo điển tích này mà trên bức hình đều được đắp tượng nổi để tỏ lòng ngưỡng vọng Đức DIÊU TRÌ KIM MẪU. Hình ảnh Hớn-Võ-Đế đắp theo gương mặt của Đức Cao Thượng Phẩm, vì chính Đức Cao Thượng Phẩm là hậu thân của Hớn Chung Ly hay còn gọi là ngươn linh của Ngài.

Cuối năm Tân Mão (1951) Báo -Ân-Từ xưa bị hư mục qua 20 năm, gờ này được chuẩn bị để kiến tạo lại ngôi Báo Ân Từ cho khang trang. Phần trang trí được tạo dưới hình thức mới mẻ hơn, đắp vẽ bằng Tượng nổi do theo điển tích “HÓN RUỐC DIÊU TRÌ” nói trên.

Hớn Chung Ly do từ tên Chung Ly Quyền, tự Vân Phòng, người đất Hàm Dương, làm tướng đời Hớn. Chung Ly râu dài, mặt sáng, mình cao tám thước nên được vua Hớn phong làm Nguyên soái đi đánh quân Phiên. Lý Thiết Quả thấy Chung Ly ham chinh chiến nên khiến cho thất trận chạy lạc vào núi gặp Đệ tử của ông là Đông Huê. Ông

ấy mời cơm chay rồi nói “*Công danh như bọt nước, phú quý như đèn trước gió. Thừa dịp này, Tướng quân nên đi tu, ham chi phú quý*”.

Chung Ly hỏi: Luyện phép chi được sống lâu?

Đồng Huê đáp: *Tổng lòng là đừng lo chi cả, đặc bụng là không đam mê sắc dục, lo gì không trường thọ.* Chung Ly Quỳ xin thọ giáo. Sau gặp Chính Dương Chơn Nhơn truyền thêm phép Tiên và đắc Đạo. Tay ông cầm cây Long Tu Phiến (quạt kết bằng râu Rồng).

Hón Chung Ly giáng Cơ:

“*Chư Đạo-hữu may mắn thay, gặp đường Chánh giáo, chớ dần-dà, trễ công thiếu quả, mà chẳng đến thang Thiêng-liêng lập thì Hội vị. Lão mong ngày Đạo khai hoàn, chư Đạo-hữu nên gắng sức. Đường cũng chẳng bao xa, miễn hiệp đồng nhứt tâm vì sanh chúng, sau còn ngày gặp-gỡ.* Cho thì:

*Rảo khắp non sông dậm trái qua,
Bì gương như nguyệt tác không già.
Biển trần nay gặp kỳ diu chúng,
Muôn dậm đèn soi đã có TA !*

Hón-Chung-Ly

Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, ngọn linh là Hón Chung Ly trong Bát Tiên và tiền thân là vua Hón Võ Đế xưa. Ban đầu Bát Tiên do Lý Thiết Quả cầm đầu.

Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư Chương quản chi Đạo (Hiệp Thiên Đài) tuổi **Mậu Tý** (1888). Qui thiên ngày 1 tháng 3 năm Quý-Ty (1929).

“*Đức Cao Thượng Phẩm làm sứ-mạng của Chí Tôn đến tạo dựng nền Tôn giáo ai thế này. Người cùng với Đức Hộ-Pháp hợp thành cặp cơ phong Thánh lập Pháp Chánh truyền và Tân-luật để làm Hiến-chương cho nền Quốc Đạo.*

“Chúng ta phải nhìn-nhận đầu công khai Đạo của Đức Cao Thượng-Phẩm, vì nếu thiếu bàn tay xây dựng của Người để chắp Cơ cùng Hộ-Pháp thì:

- Đâu có Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ.
- Đâu có Chức-sắc Thiên-phong Nam Nữ.
- Đâu có Hội-Thánh và các cơ-quan trong Đạo.
- Đâu có Pháp-Chánh-Truyền và Tân-luật.
- Đâu có ội -nghệp hiện giờ cho nhơn-sanh thừa hưởng.”

Đến khi khởi công xây dựng Thánh Thất tức là nhà chung của Đạo (là Thánh -Thất tạm trước khi xây Đền Thánh bây giờ) thì Đức Thượng-Phẩm là người đứng ra cùng góp công với nhơn -sanh búng gốc phá chồi, thật là Đáng đã khai sơn phá thạch cùng với Đức Hộ-Pháp tạo nên một ngôi thờ phượng khang-trang, một ngôi Tổ đình lưu lại cho nhơn-sanh một đức-tin tuyệt-đối. Nhưng đại nghiệp ấy mới nửa chừng Người phải về Thiêng-liêng làm nhiệm-vụ của Đức Chí-Tôn giao-phó, đành buông gánh Đạo lại cho Đức Hộ-Pháp một tay lèo-lái. Với hai Đáng đầu công thật là công-trình vẹn-vẻ, vừa lo phần Thể pháp, vừa thực hiện Bí-Pháp của Đạo, hai Ngài đã thể hiện cơ Âm Dương tương đắc vậy.

Với lời minh-chứng của Đức Hộ-Pháp như sau:

“Bản-Đạo xin nhắc lại, xin làm chứng cho cả thầy con cái Đức Chí-Tôn: Nam Nữ cũng vậy. Nếu toàn thể con cái của Ngài một đôi triệu chơn linh mà có Đức-tin vững chắc như Đức-tin của:

- Đức Thượng-Phẩm Cao Quỳnh-Cư,
- Đức Giáo-Tông Thượng-Trung-Nhật,
- Hộ-pháp Phạm-Công-Tắc.

Nếu cả thầy đều có Đức-tin vững-vàng dường ấy Bản-Đạo dám nói chắc rằng: Các người đời nui Bà xuống

châu-thành Sài-gòn cũng đặng. Có thể nói: nền Đạo Cao Đài này thiết-hiện được như ngày nay là nhờ Đức-tin của Thượng-Trung Nhựt.”

Đức Hộ-Pháp nói lý do:

“Cả toàn con cái Đức Chí-Tôn buổi nọ còn lại có ba người. Thật ra hồi ban sơ chỉ có ba người. Ba người ấy thiên-hạ kêu là ba người lý, ba người ấy là:

- Đức Cao-Thượng-Phẩm*
- Đức Quyền Giáo-Tông*
- Và Bần-Đạo đây (Hộ-pháp)*

“Chúng tôi nhứt tâm, nhứt trí quyết làm cho thành Đạo, cho vừa lòng Đức Chí-Tôn. Bởi vì không biết duyên cớ nào chúng tôi hiểu rằng: chúng tôi phải báo hiếu cho Đức Chí-Tôn và tự nhiên quyền -năng thiêng-liêng giúp chúng tôi biết ĐẠO CAO-ĐÀI này tương-lai sẽ cứu quốc, cứu chủng-tộc và giống-nòi.”

...Kể từ đó bị khảo miết: Đức Cao Thượng-Phẩm bị khảo đến ngày giờ chót. Ngày giờ cuối cùng, nằm trên giường bệnh cho tới hơi thở cuối cùng không buổi nào không bị khảo, không buổi nào không bị nhục-nhã. Cái luật thiên-nhiên không có điều gì xin-xỏ, điều gì cũng phải mua chuộc.

Bần-Đạo đã quyết rồi, xin để Bần-Đạo kết luận: Bởi mua chuộc với cái khảo-đạo, nhục-nhã của đời, để bảo-trọng danh-giá của Ngài. Ngày nay Ngài sang-trọng vô đối.”

Giữa ngươn linh và hiện kiếp: Hai vị này có điểm giống nhau là rộng tâm tu, xả thân cầu Đạo.

Ngài Cao Quỳnh Cư sinh trong gia đình Nho phong Lễ giáo ở Hiệp Ninh (Tây Ninh).

Thời kỳ làm Thơ ký Sở Tạo Tác tại Sài Gòn, ông thường cùng các bạn họp Xây bàn, được Đấng AÁÁ giảng

đàn cho thi. Sau **Đức Phật Mẫu** và **Thất Nương** hướng dẫn vào đường Đạo.

Ngày 23-4-1925, ông thọ phong **Thượng Phẩm**, sau khi lập bàn **Vọng Thiên cầu Đạo** (ngày 1-11-Ất Sửu).

Ngày 7-10-1926 lập **Tờ khai Đạo** với chánh phủ.

Ngày 18-11-1926 (14-10-Bính Dần) thiết **Đại Lễ Khai Đạo** tại **Từ Lâm Tự**. Ngài phò cơ viết ra **Bộ Pháp Chánh Truyền** thành lập **Hội Thánh**.

Năm 1928, Ngài **lộ** khả o đảo, sau khi **Thánh Thất** dời về **Chùa mới** ở làng **Long Thành**. Quá đau lòng, Ngài lâm bệnh và **qui Tiên** (ngày 1-3-Kỷ Ty) tại **Thảo Xá Hiên Cung**. Tháp Ngài đặt phía trái, trước mặt tiền **Đền Thánh**.



3- LỮ ĐỒNG TÂN

**Là ngươn linh của ông Cao-Hoài-Sang
(1900 - 1971)**

Thượng-Sanh Hiệp Thiên Đài.

Lữ Đồng Tân tên là **Nham**, tên chữ là **Đồng Tân**, thuộc gia đình vọng tộc đời **Đường**.

Ông **nhất phụng**, **mày tằm**, **tay dài**, **cổ cao**, **mũi thẳng**, **xương gò má nhô lên**, **thích ăn mặc như đạo sĩ**, năm 20 tuổi lấy hiệu là **Thuần Dương**, thi đỗ **Cử nhân**..



Khi đến Trường An, Lữ Đồng Tân gặp Chung Ly Quyền trong một quán trọ. Chung Ly muốn độ ông tu Tiên nên bày việc nấu nôi kê. Trong khi Lữ Đồng Tân ngủ mê nơi quán, thấy mình thi đỗ Trạng Nguyên cấp đệ, hai lần cưới con gái nhà quyền thế. Có gia đình, con cháu đủ đầy, đều đỗ đạt vẻ vang, hạnh phúc trong 40 năm. Sau bị nình thần vu oan, tịch thân gia sản và đầy qua núi Lãnh Biểu, cực khổ vô cùng, ông ôm mặt khóc rồi giựt mình thức giấc. Ông thấy Chung Ly Quyền còn nấu nôi kê chưa chín nên phá lên cười và nói: *“Huỳnh Lương do vì thực, nhất mộng đảo Hoa Tư”* (Nôi kê chưa chín, mộng đã đến nước Hoa Tư). Rồi ông quay sang Chung Ly hỏi: Ông biết tôi nằm mơ thấy gì không ?

Chung Ly đáp: Chiêm bao 40 năm, công việc muôn mà không đầy giấy lát. Việc được không đủ mừng, việc mất không đủ lo, nhưng có ý thức đại giác, thế gian này chỉ là giấc mộng lớn mà thôi. Lữ Đồng Tân nghe lời nói phải, giác ngộ, bèn lạy Chung Ly Quyền và xin theo học phép tu Tiên. Sau Lữ Đồng Tân đắc Đạo, tay cầm Thư Hùng Kiếm. ..

Lữ Đồng Tân giáng Cơ:

Chư Đạo-hữu, Đức Chí-Tôn đi bước, cả Tiên Phật dẫn đường, há chẳng sớm lánh phồn hoa, dặng dôi dào gương độ chúng. Huống chi, chư Đạo-hữu đã có quả nơi mình, lại chẳng vì mạng lệnh Đức Từ-Bi, mà chịu ít lâu khổ hạnh, hầu mong buổi đoạt phẩm-vị Thiêng-liêng sao?

Ước mong ngày hội ngộ, trông mong buổi tạc thù, rượu Thánh ra non dóm thế, cờ Thần dựa đánh luận đời. May thay! Vui thay! Chư Đạo-hữu nên gắng sức! Thăng.

*Riêng vui nguyệt chiếu sắc trong ao,
Đền ngọc từng khi để bước vào.
Rảnh hững trăm hoa khoe Đánh Ngự,*

*Nhàn vầy mây Bạu dự Bàn-Đào.
Độ đời rảo gót non sông lướt,
Cứu thế diu nhân đạo-đức trau.
Chờ buổi tuần hoàn Thiên Địa trở,
Nương gương Thân huệ một vùng cao.
Lữ-Đồng-Tân*

Ngươn linh còn vọng lại trong hiện kiếp: Lữ Đồng Tân vốn thổi tiêu, tâm hồn thích tiêu dao với thiên nhiên cùng tểng nhạc diu dặt. Ngài Thượng Sanh Cao -Hoài Sang đã mời nhiều đoàn nghệ sĩ về Thánh Địa diễn các vở tuồng do Ngài biên soạn được khán giả và đồng Đạo hoan nghênh nhiệt liệt.

Ngài Cao Hoài Sang, sinh ngày 11-9-1900 tại xã Thái Bình, tỉnh Tây Ninh. Thân sinh là cụ Cao Hoài Ân, một vị Thầm Phán đầu tiên tại Miền Nam và thân mẫu là Bà Hồ Hương Lự (Nữ Đầu Sư Hàm phong). Đức Ngài là con út trong gia đình có ba anh em. Ngr ời anh cả là Ngài Cao Đức Trọng Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài và chị là Giáo Sư Cao Hương Cường (Giám đốc Cô nhi viện Tây Ninh).

Sau khi thi ấ bằng Thành chung, Đức Ngài vào làm việc tại Sở Thương Chánh (tức Quan thuế Sài gòn) cho đến chức Tham Tá Thương Chánh rồi hồi hưu.

Trong thời gian làm viên chức, Ngài còn là một Nhạc sĩ tài hoa của trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon.

Đức Thượng Sanh là một trong những bậc tiền khai Đại-Đạo. Ngài góp công nhiều trong nền Đạo Cao-Đài:

Ngày 30-10 Ất-Sửu (dl 15-12-1925)

Ông ÁÁÁ giảng dạy rằng:

“Ngày mùng 1 tháng 11 này (dl 16-12-1925) Tam vị phải VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO.

Tắm gội cho tinh-khiết, ra quì giữa Trời cầm 9 cây

nhang mà vái rằng:

“Ba Tôi là: Cao-Quỳnh-Cư, Phạm-Công Tắc, Cao Hoài-Sang. Vọng bái CAO-ĐÀI THƯỢNG-ĐẾ, ban ân đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh.”

Sớm mai ngày mùng một, ông Cao-Quỳnh Cư đi mượn một Đại Ngọc-Cơ của ông Tý ở ngang nhà (cũng ở đường Bourdais, Sài-gòn). Nhớ lời Ông AAA dạy, ba ông quì ngoài sân, sắp đặt có một cái bàn nhỏ, quì chống tay trên bàn, cầm 9 cây nhang mà vái:

“Ba tôi là: Cao-Quỳnh-Cư, Phạm-Công Tắc, Cao Hoài-Sang. Vọng bái Cao-Đài Thượng Đế ban ân đủ phúc lành cho Ba tôi cải tà qui chánh.”

Ba ông cứ tịnh tâm mặc niệm vái như lời Ông AAA dạy, không nhớ tới cái vụ quì ngoài đường có kẻ qua người lại đập-diu, lớp thì xe cộ họ đi chơi, đi coi hát về, họ dừng chân lại coi ba ông cúng vái ai mà quì ngoài sân cở như vậy. Ai coi mặc ai, ba ông cứ quì đó cầu-khẩn van-vái cho tàn hết 9 cây nhang.

Ngày Vọng Thiên Cầu Đạo là sắp vô đề mở Đại Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, các Đấng diu-dắt ba ông lần lần, nghĩa là ba ông mới nhập trường Đạo.”

Tại sao Đức Phật-Mẫu dạy phải cầm 9 cây nhang mà khẩn-vái?

- Bởi mỗi người là một tế-bào khởi thủy cho sự trường tồn của nền Đại-Đạo.

Nền Đạo trải qua nhiều lúc gian truân. Sau khi Đức Hộ-Pháp tự lưu vong sang Miên quốc để tránh cảnh nổi da xáo thịt, lúc ấy Hội-Thánh có mời Ngài về để lèo lái con thuyền Đạo đang luân vơi. Ngài có làm bài thơ vào tháng 7-1970 hai câu đầu là:

*Hội Thánh mời giao nắm Đạo quyền,
Mười ba năm một dạ trung kiên*

Hắn Đức Ngài biết mình chỉ giúp Đạo hơn 13 năm thôi? Đến khi qui Thiên Ngài giảng Cơ và cho sả hai câu đầu như trên, còn toàn bộ giữ nguyên. Thế nên bài thơ ấy hàng năm làm:

Bài thài để dâng hiến lễ Ngài Thượng Sanh:

*Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền
Nguyên đem thi thố tâm trung kiên
Độ đời quyết lánh vòng danh lợi,
Trau chí tìm noi bậc Thánh hiền.
Từ ái làm nền an thổ võ
Đức ân dụng phép tạo nơon duyên,
Những mong huệ trạch trên nhuần gội,
SỨ MẠNG LÀM XONG giữ trọn nguyên.*

Thượng Sanh Cao Hoài Sang

Ngài Qui Thiên ngày 26 tháng 3 năm Tân-Hợi (1971) tại Sài gòn, nhưng Hội-Thánh rước về Toà-Thánh làm lễ Thánh tang cho Ngài. Một đám tang lớn nhất trong nước, kể cả đời lẫn Đạo. Nhất là toàn Đạo để tang Ngài như một “rừng tang” trắng xoá.

Đức Hộ-Pháp có lời tiên tri qua bài Thi:

*Cao-Đài khai Hội tại Tây trường
Cải cựu hoán tân chế Lệ Thương
Qui chánh cải tà hoàn miếu võ
Tòng chơn khử giả định phong cương
Hong Môn thử nhật tri thành bại,
Xích Bích kim triêu biện nhược cường.*

Phụng tấn Long hồi hườn Nhứt thổ.

Lập căn hiến hiện buổi Huỳnh Lương.

Bài này là một trong số nhiều bài thơ của Đức Hộ Pháp. Ngoài lời tiên tri về vấn đề thời cuộc qua các điển xưa tích cũ làm dẫn chứng cho sự việc ngày nay, chúng tôi không đủ khả năng bàn luận. Duy chỉ hai câu cuối là dùng

lỗi chữ Hán chiết tự cũng lý thú xin ghi để làm quà hiên cho chư độc giả:

Phụng là loài điều, trong Dịch chỉ thời gian là tháng, năm Dậu. *Long* là chỉ vì Vua: người đứng đầu một quốc gia, một lãnh thổ. *Huòn* là hiệp lại. *Nhứt* — và *Thổ* 土 đặt lên nhau thành ra chữ **VUÔNG 王**

Câu cuối: *Lập* 立 là đứng, *cân* 巾 là khăn. Hai chữ này đặt lên nhau sẽ thành chữ **ĐẾ 帝**. Như vậy cả hai chữ mới tìm thấy đọc thành **VUÔNG ĐẾ** nghĩa là có Vua Trời.

Hình ảnh người đứng trên Ngai mà đội khăn đây là Đức Thượng Sanh khi mặc phẩm phục thì Ngài đội khăn, gọi là “bao tải xanh” là hình ảnh Vua Đồi đó vậy.



4- TRƯỞNG QUẢ LÃO

Là ngươn linh của ông Ca Minh Chương (1850-1928)

Bảo Đạo Chơn Quân Hiệp-Thiên-Đài

Trưởng Quả Lão là con dơi tằng tu hành thành Tiên, làm bạn với Lý Thiết Quả, ở ẩn trong núi Trung Điền (Hàng Châu). Tên thật là Trương Quả, chữ Lão là già được người đời thêm vào.

Dưới đời Đường, niên hiệu Khai phong (713-733) Võ Hậu cho triệu về Kinh, nửa đường ông giả chết. Đường Minh Hoàng nhiều lần đem sắc chỉ rước, ông mới chịu ra và được phong là Ngân Thanh Lộc Đại phu. Sau ông xin về ẩn dật trên núi, lấy hiệu là Thông Huyền tiên sinh, qui Tiên dưới đời Thiên Bảo (742-755).

Trưởng Quả Lão giảng cơ:

Hỉ chư Đạo-hữu, Đạo gặp lối quanh co, há biết

ngừa vực thẳm, gắng sức cho tròn trách-nhậm lớn lao của Đấng Chí-Tôn phú thác.

Chư Đạo-hữu khá biết:

TRƯỜNG kỳ bạch động mộ Tiên gia,

QUẢ diệu thâm trì tác trí kha.

LÃO được độ sanh tiên tự khởi,

Hiển trần tu thức trực ninh tà.

Trương Quả Lão

*Ách nước nạn dân, số Trời đọa thế. Vòng vay trả, mỗi
buộc ràng; nếu có tai mắt rộng xa, tự hỏi vì đâu nông nổi.*

Đây hậu thân của Trương Quả Lão là:



Ngài Ca Minh Chương

sanh năm 1850 (tối Canh Tuất) tại ấp Thanh Ba, làng Mỹ Lộc Tây, tổng Phước Điền Trung, quận Cần Giuộc, trong một gia đình thâm nhuần Nho giáo (Ngài Ca Minh Chương cùng quê ới Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung).

Ngày 21-2-Bính Dần (dl 3-4-1926) Đức Chí Tôn giáng cơ tại Vĩnh Nguyên Tự, Ngài Ca Minh Chương có hầu đàn, được Đức Chí Tôn ban cho bốn câu thi và

thâu nhận Ngài vào hàng Môn đệ:

Thế thượng hê vô bá tuế nhân.

Thất tuần dĩ định vận thời quân.

Ưu tư mạc vọng thường vô lộ,

Nghiệp trái tùy căn định số phân.

Khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên-Đài, ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Ca Minh Chương phẩm Bảo Đạo, nên người ta thường gọi Ngài là Ca Bảo Đạo. Ngài được Đức Chí Tôn khai khầu. Ngài phò loan cùng Ngài ~~Hiên~~ Đạo Phạm Văn Tươi, lập thành cặp Phò loan truyền Đạo.

Hoàn cảnh khắc khe của Ngài Ca Minh Chương thật quá thảm thiết. Bài Văn tế của Đức Hộ-Pháp có ghi:

*...Hỡi ôi ! Vợ già yếu, gái thời ngây dại,
Nổi lửa hương, ngó lại vắng người.
Theo linh xa một gái chơi-vơi,
Phò giá triệu bóng trời không kẻ dầy...*

Đức Chí Tôn giáng cơ cho Ngài Ca Bảo Đạo bài thi để an ủi cho hoàn cảnh gia đình quá bi thảm của Ngài:

*Thấy con gia đạo tợ tơ cuốn,
Chạnh đến lòng Thầy dạ ước tuôn.
Ngặt nỗi vợ nhà đau dã dượi,
Khật khùng con trẻ nói luông tuông.
Khiến nên mai đánh khơi màu trắng,
Cho đến tòng lâm trở sắc buồn.
Công quả đã đành công quả đủ,
Nay đem ba kiếp dập dồn luôn.*

Qua bài thi trên, Đức Chí Tôn cho biết: Đức Chí Tôn cho gia đình của Ngài Ca Bảo Đạo nhồi quả ba kiếp nhập lại trả trong một kiếp này: Ngài bị bệnh, vợ cũng bị bệnh, con bị điên khùng. Nay phải ráng chịu đựng để trả trong kiếp này cho sạch nợ tiền khiên thì mới có thể trở về cực vị (lúc này Bà Lâm Hương Thanh có đến trị bệnh cho)

Ngài Ca Bảo Đạo hành quyền được gần ba năm . Ngài qui Tiên vào ngày 19-10-Mậu Thìn (dl 30-11-1928), hưởng thọ 79 tuổi. Ban đầu an táng tại quê nhà, vì Đạo mới khai chưa có điều kiện đất đai. Sau cải táng về Ngã Ba Ao

Hồ, Châu Thành Thánh địa, Toà-Thánh Tây Ninh



5- LÂM THỂ HOÀ Là Ngươn linh của ông Lâm Quang Bính (1873-1931)

Phối sư Thái Bính Thanh

Lam Thể Hòa là ông Tiên hỷ đầy đọa làm khách trần. Tính tình thuần hậu nhất trong Bát Tiên.

Ông thích mặc áo rộng màu xanh, buộc dây lưng đen thật to, một chân đi đất, một chân đi giày. Mùa hạ mặc áo lót bông, mùa đông nằm trên tuyết. Thường ngày, ông cầm cặp sanh dài 3 thước ta, vừa đi, vừa nhịp ca ngoài chợ mà kiếm tiền bố thí cho người nghèo.

Đạp ca Lam Thể Hòa

Thế giới năng kỳ hà ?

Hồng nhân nhất Xuân Thu

Lưu quang nhất trịch thoa

Cổ nhân hỏn hển khứ bất phản

Kim nhân phân lai cánh đa

Triệu kỳ loan phụng cáo bích lạc



Lam Thể Hoà cỡi chim Trĩ

Mộ kiến tang điền sinh bạch ba
Trường cảnh minh huy tại không tế
Kim ngân cung khuyết cao ta nga

Dịch ca:

Nhịp chân ca Thái Hòa
Thế giới được bao lâu ?
Nhan sắc như xuân cội
Thời hạn tựa thoi đưa
Người xưa không trở lại
Người mới đến quá thừa
Sáng cuối loan trời thắm
Chiều dâng thành sóng xa
Không trung lâu đài sáng
Cung điện cao nguy nga

Về sau, trong lúc uống rượu với Lý Thiết Quả nơi Hào Lương, bổng trên mây có xe hạc, tiếng tiê u thanh thoát đưa hai ông bay bổng, trở về Tiên vị, tay ông cầm Giỏ Hoa Lam.

Lâm Tế Hoà giảng Cơ:

“Hỉ chư Đạo-hữu, Đạo gặp kỳ Phổ-độ, khá biết cái thế thì. Đạo khả trọng, đức năng trau.

Đời đời đổi, Đạo chờ người.
Khách tục nương thuyền độ,
Non Tiên tiếng khánh đưa,
Gắng nhọc thế lọc-lừa,
Tìm đường ngay thẳng-rằng.
Nguồn rửa bợn nhiều đường cay đắng,
Bước nâu sông dậm lầy gay go.
Liệu sao khỏi trĩ con đồ,
Mới thoát vòng khổ hải.
Gắng sức vì sanh mạng,
Lao tâm chớ sợ bởi căn xưa.

*Đường quanh co, bước khá ngửa;
Nẻo hiểm trở, chơn nên lánh.
Hậu tái ngộ. Thăng*

THI

*Tùng vào non Thánh lại Đền vàng,
Mãn quả sớm nhờ sắc ngọc ban.
Lần hạc tu tâm thìn nét Đạo,
Biển trần độ chúng vững con thoàn.
Cuộc cờ chung hứng nơi rừng thẳm,
Bầu rượu riêng vui với cội tàng.
Gặp lúc dẫu đời qua bến tục,
Để công phải nhọc đến phàm gian.*

Lâm-Thể-Hòa

Hậu thân là **Phối sư THÁI BÌNH THANH**, tên thật Lâm Quang Bình, người Rạch Giá, là ngươn linh của Lâm Thể Hòa. Hai vị giống nhau ở tánh tình thuần hậu, ý tứ từ hòa, thương người nghèo. Ông được phong Giáo sư phái Thái ngay từ buổi đầu. Ông chưa rõ tự sự bạch rằng:

“Thưa Thầy, Lâm Thể Hòa mặc áo xanh, sao Thầy ban cho phái Thái (áo vàng).

Đức Chí Tôn chuyển cơ viết:

- “Đó là bí pháp, con biết sao được”.

Vai trò của ông Bình trong việc xây dựng Toà Thánh cũng rất quan trọng:

Thầy dạy:

“*Hộ Pháp, Thượng phẩm, nội trưa này phải cầm một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn, vào Điện phò loan cho Lão vẽ (khuôn viên Toà Thánh).*

Bính Thanh phải có mặt, còn kỳ dư không cho ai vào Điện hết, nghe à !”

Nhất là việc thiết kế Quả Càn Khôn có Thiên Nhân để thờ. Thầy dạy ngày 12-8 Bính Dần (17-9-1926):

Bính – “Thầy giao cho con lo một trái Càn Khôn; con hiểu nghĩa gì không?... Cười... Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới đặng, vì là cơ mầu nhiệm Tạo Hóa trong ấy!...”



6- HÀ TIÊN CÔ

là Ngươn linh của Bà Giáo sư Hương Hồ



Hà Tiên Cô là người con gái mang họ Hà ở huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam, tên là Tố Nữ, sinh vào đời Đường. Thuở nhỏ, trên đầu có 6 xoáy, mọi người lấy làm kỳ. Năm 15 tuổi, cô xin cha mẹ đến ở khe Vân Mẫu. Đêm nằm mộng thấy Tiên dạy ăn hột Vân Mẫu sẽ nhẹ mình và trường thọ. Cô vội đi tìm hạt Vân Mẫu thì gặp Lý Thiết Quả và Lữ Đồng Tân đang hái thuốc. Thấy cô gần thành Tiên, Lữ Đồng Tân cho cô một quả Đào. Cô ăn mới nửa trái thì thấy không đói nữa, biết được mọi sự họa phúc, lành dữ trên đời. Mọi người cho cô là Thần Tiên, cất lâu cho cô ở và gọi cô là Hà Tiên Cô. Bà Võ Hậu nghe tiếng, cho người đến rước, đi được nửa đường, cô biến mất. Sau Lý Thiết Quả độ dẫn hai mẹ con cô đều thành Tiên. Tay

Hà Tiên Cô cầm bông sen.

Bà Giáo sư Hương Hồ (Huỳnh Thị Hồ) ngươn linh là Hà Tiên Cô, con gái của Bà Lâm Thị Thanh (Đầu sư Hương Thanh). Một hôm, Đức Chí-Tôn giáng đàn gọi đến Bà Hương Hồ. Hôm ấy Bà đang hành kinh (kinh nguyệt) không dám lên lầu để trình diện, nên được Bà Bát Nương dạy: Bà Bát Nương giáng đàn:

THI

*Thân phận phàm nhơn trước đã đành
Chẳng vì nguyệt huyết kỳ anh Linh
Âm dương Nam Nữ hoa trêu bướm
Hòa ái tương sanh thủy nhập bình
Tạo hóa ví tay xây đắp danh trí
Chúng sanh nên mặt tạo khuôn hình
Thợ trời đâu dễ chê đồ Tạo
Tốt xấu sạch dơ tại miệng mình*

Đó là một quan niệm tiên bộ của nền Tân Tôn giáo.



7- HÀN TRƯƠNG TỬ (hay Trương Tử)
Là Ngươn linh của ông Vương Quan Kỳ
(1880 - 1940)

Giáo sư Thượng Kỳ Thanh

Hàn Trương Tử sinh vào đời Đường, người huyện Nam Dương kê Hàn Dũ (Xương Lê) bằng chú.

Thuở nhỏ, theo Lữ Đồng Tân học đạo Tiên. Sau về quê gặp ngày sinh nhật Hàn Dũ. Hàn Dũ có ý trách Hàn Trương bỏ nhà đi lưu lạc. Hàn Trương liền thưa rằng:

“Xin chú đừng giận, cháu có nghề này xin kính mừng sinh nhật”. Nói xong, Hàn Trương nhóm đất rồi trùm lại, giây lát dờ ra nhiều hoa nở, mỗi cánh đều có chữ Vàng:

“Vân hoành Tàn Lĩnh gia hà tại

“Tuyệt ủng Lam quan mã bất tiên”

Xương Lê không hiểu gì cả. Sau vì can vua sùng Đạo Phật mà bị đày ra Triều Châu. Khi đến Tàn Lĩnh, Lam quan, Hàn Dũ được Hàn Trương ra đón. Hàn Dũ nhờ đó biết được ý hai câu thơ của Hàn Trương bèn tiếp:

Nhứt phong triều tấu Cửu Trùng Thiên

Tịch phiến Triều Câu lộ bát thiên

Dục vị Thánh Triều trừ tặc sự

Khảm tương suy hũ tích tàn niên

Vân hoành Tàn Lĩnh gia hà tại

Tuyệt ủng Lam quan mã bất tiên

Tri nhữ viễn lai ưng hữu ý

Hảo thu ngô cốt chương giang biên

Dịch thơ :

Buổi sớm dâng vua một bức thư

Triều Châu chiều đến bị đày lưu

Muốn vì Thánh Chúa trừ tặc nạn

Đâu tiếc cuối đời vận đã suy

Tàn Lĩnh mây che nhà chốn ấy

Ài Lam tuyết phủ ngựa không đi

Biết mi hảo ý từ xa đến

Thu nhật cốt ta ở bên ni !



Thấy Hàn Trương đoán không sai, từ đó Hàn Dũ mới trọng Đạo. Rạng ngày, Hàn Trương dâng cho chú một bầu thuốc nói: Chú uống thuốc này khỏi bệnh và không bao lâu nữa được phục chức nhờ bài “Văn Tế cá sấu”. Nói rồi, Hàn Trương từ biệt chú. Về sau, nhờ vua Tề đuổi được cá sấu, Hàn Dũ được phục chức cũ.

Hàn Trương thành Tiên, ~~người~~ đời gọi là Hàn **Trương Tử hay Trương Tử**, tay cầm ống tiêu. Bản tính của Hàn Trương Tử là thích phóng túng tiêu dao.

Hậu thân là:

Ông VƯƠNG QUAN K người tỉnh Chợ Lớn, cháu nội của Thống Chế Vương Quan Hạc, ông ngoại là nhà Nho yêu nước Huỳnh Mẫn Đạt. Ông là tri phủ Sở Thuế Thân Sài gòn.

Song thân ông Kỳ là Vương Quan Đế và Bà Huỳnh Thị Bảy. Ông học Lycée Chasseloup đậu Diplôme, cùng làm việc với ông Ngô Văn Chiêu ở Dinh Thống đốc Nam Kỳ. Ông theo Đạo được Đức Chí Tôn phong phẩm Giáo sư (26-4-1926) và cho bài thi:

Nhật nhật tân hể nhật nhật tân

Niên đảo tân hể đạo khả tân

Vô lao công quả tri đương tác

Niên hóa niên hể đạo tối tân.

Ông Kỳ là bào đệ của Ông Vương Quan Trân - thân sinh cô Vương Thị Lễ (tức Thất Nương Diêu Trì Cung) hướng dẫn Tam vị Thiên sứ học Đạo buổi đầu. Trong “Con đường Thiêng Liêng hằng sống” Đức Phạm Hộ Pháp nói về ông như sau:

“Bản Đạo nói rõ người ấy là Vương Quan Kỳ chú ruột của Thất Nương. Người mở Đạo mà chẳng biết Đạo là gì hết và cả hành tàng nếu chúng ta thấy sẽ lên án là Tả Đạo Bàn Môn chắc hẳn vậy.

Người đó bận Thiên phục giống hình đội Mão Giáo sư, áo tốt lại vắt vai, mão cầm nơi tay, bận quần cụt ở trần đi ngật ngờ, ngật ngưỡng cười một mình không biết cười cái gì, đi ngang qua Bát Quái Đài, như không vậy..”.

Đó là ngọn linh Hàn Trương Tử thích phóng túng tiêu dao. Nay:

Ông Kỳ thọ phong Giáo-Sư ngày 26-4-1926. Ông là Chú của cô Vương Thị Lễ. Cô Lễ đến với Tam Kỳ Phổ Độ trong buổi đầu tiên, tá danh là Đoàn Ngọc Quế tức Thất Nương Diêu-Trì-Cung hướng dẫn các ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư và Cao -Hoài-Sang học Đạo buổi đầu.

Ngày 15-3 Bính-Dần, ông Vương Quan-Kỳ được phong chức “Tiên đắc Lang quân nhậm Thuyết Đạo Giáo sư”. Rồi ông được Thiên-phong Giáo-sư phái Thượng, tức là Thượng-Kỳ Thanh ngày 14-5 Bính-Dần.

Đến rằm tháng 10 Bính Dần (dl 19-11-1926) lại xảy ra việc thử thách: Cô Vương Thanh Chi là ái nữ Ngài Vương Quan Kỳ bị “nhập xác” tạo nên chuyện biến trong ngày Lễ khai Đạo này tại Thánh Thất Gò-Kén. Có lẽ vì vậy thêm một lý do nữa khiến Ngài Vương Quan Kỳ chán nản và lui dần việc Đạo sự mới ra đến nỗi.

Nhưng đến ngày 14-11 Bính-Dần (18-12-1926) thì Đức Lý giảng dạy:

“Thượng-Kỳ-Thanh bị sứt chức làm Giáo Hữu. Như không tuân lệnh xuất ngoại”.

Đến ngày 18-11 Bính-Dần (22-12-1926)

Đức Lý dạy:

“Thượng-Trung-Nhật, Hiền-hữu viết thơ cho mấy Thánh-Thất lục tỉnh nói Thượng-Kỳ Thanh bị trục xuất ra khỏi hàng Môn-đệ chẳng quyền-hành truyền Đạo nữa. Như nó chẳng tin nghe lời bị phạt Tả đạo bâng môn thì

chịu, nghe à! *Đã* L ập Pháp mà nó muốn làm chi thì làm như buổi trước vậy hoài, thì bị phạm Thiên-điều tránh sao cho khỏi tội. Hộ-Pháp Hiền-hữu khá an lòng”.

Qua ngày 28-11 Bính-Dần (1-1-1927) thì:

Đức Lý giảng dạy:

“*Thượng-Trung-Nhật, Hiền-hữu từ đây coi Thượng Kỳ Thanh như một Môn Đệ vậy thôi, chứ chức Giáo-Hữu cũng cất luôn nữa. Thầy để lời xin tha mà Pháp-luật đã phạm tha sao cho được*”.

Vào năm 1930, Giáo-Sư Thượng Kỳ-Thanh tức là Vương-Quan-Kỳ, không tuân lệnh Toà Thánh Tây-Ninh áp dụng nghi lễ mới, nên tách ra lập Chi phái, lập tại Thánh Thất Cầu-Kho.



8-TÀO QUỐC CỬU (Cựu)

**Là Nguơn linh của ông Ngô văn Chiêu
(1878-1932)**

Đệ-Tử đầu tiên của Đức Thượng Đế

Tào Quốc Cửu (hay Cựu) tên Hữu, là con trai thừa tướng Tào Ban, người đất Linh Thọ, em Hoàng Hậu, vợ của Tổng Thái Tổ. Tào Hữu, tướng khôi ngô đẹp đẽ, được Vua và Hoàng hậu quý mến, nên tặng cho một bài vàng. Ngược lại, người em ý thể hại dân. Sợ liên lụy, Tào Hữu bán hết sản nghiệp bố thí cho dân nghèo, rồi mặc đồ đạo sĩ đi tu.

Tào Hữu gặp Lữ Thuần Dương, bị Tiên ông này gạn hỏi: Đạo ở đâu mà tu? Tào Quốc Cửu chỉ trái tim Thuần Dương cười nói: lòng là trời, trời là Đạo, đã biết cội rễ, tu chắc thành Tiên.

Tào Quốc Cửu hay Cựu xin thọ giáo và đắc Đạo.



Tay cầm cặp sanh. Năm 1923 Tào Quốc Cự giảng đàn Bến Cát (Gò Vấp) “*Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ*” báo trước Đạo Tam Kỳ xuất hiện .

Nay, **Ông NGÔ VĂN CHIÊU** sinh tại Bình Tây, Chợ Lớn, ngươn linh của Tào Quốc Cự. Hai vị giống nhau ở điểm lánh trần. Năm 1920 ông làm chủ quận Hà Tiên, rồi ra Phú Quốc mà ngộ Đạo Cao Đài. Năm 1921, Tiên Ông giảng dạy “*Chiêu, tam niên trường trai*”.

Ngài Ngô Văn Chiêu, sanh ngày 7 tháng Giêng năm Mậu-Dần (dl 8-2-1878) Thân mẫu là bà Lâm-Thị Quý và thân phụ là ông Ngô-Văn Xuân thuộc dòng dõi quan Thị Lang của triều đình Huế.

Khi Ngài Chiêu được 6 tuổi, ông bà thân của Ngài tìm được việc làm ở Hà-Nội nên đem Ngài gửi cho người em ruột là bà Ngô Thị Đây ở Mỹ Tho. Bà Đây có chồng là người Hoa, mở tiệm thuốc Bắc tại xã Điều Hòa, cạnh nhà việc, thuộc Mỹ Tho.

Ngài Chiêu ở với cô ruột và được cô cho đi học đến

năm 12 tuổi thì nhờ người quen cũ của cha bảo lãnh xin vào học nội trú tại Collège Mỹ Tho. Sau đó Ngài lên Sài Gòn học tại trường Chasseloup Laubat và đậu bằng Thành Chung năm Ngài được 21 tuổi.

Lý do Ngài Ngô ễn Chiêu không được làm Giáo Tông trong thời Đại- Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ:

Thầy giảng Cơ nói:

“Chư Môn đệ nghe dạy:

Vốn từ trước trong Thiên thư Tam Kỳ Phổ Độ này nền Chánh giáo phải có: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên đồ đệ, Chương quản thâu Tam giáo hiệp nhứt.

CHIÊU, thiết là Nhứt Phật đó.

Vậy, trước ngày định lập Thiên phong đặng tôn chức Giáo Tông cho nó, thì Chúa Quỷ sai tam thập lục động địa giới kêu nài với Ta rằng: Cựu phẩm nó chẳng xứng ngôi ấy và kiện rằng: Nó chẳng nhứt tâm thờ phượng Ta. Ta có cãi lẽ, Quan Thánh Đế và Quan Âm giúp lời, Ta nhứt định phong chức Giáo Tông cho nó.

Chúa Quỷ xin lệnh Ta mà khảo nó và phải để cho Tam thập lục động hành xác nó. Ta không nỡ nên cho khảo mà không cho hành xác.

Rủi thay! Đau đớn thay! Buổi khảo nó phải bị Tà quái áp chế nên phải mất ngôi, song Ta cũng còn thương yêu chẳng nỡ, nhưng mà có mặt chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thì khó bề bào chữa đặng.

Đại lụy! Ta phải dùng quyền Chí Tôn mà tha thứ, song buộc nó phải Tịnh thất.

Ta vừa muốn tha nó, lại bị Tam thập lục động khảo nữa thì mới liệu sao? Ta phải giảng cơ biểu nó.

Con Thơ! con phải tuân nơi lệnh Thầy đã dạy khi Thầy giảng cơ mà thôi, còn mọi sự khác thì đừng nghe:

- Kể bị tù còn có thể rồi ai chẳng?

Chư Môn đệ khá nghe lệnh dạy, từ đây, ai còn phạm đến thì Thầy buộc trục xuất cho khỏi rối loạn nền Đạo của Thầy.” Thầy thẳng.

(Trích trong ập Thánh Ngôn chép tay của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, trang 237)

Ngày 9-1 Bính-Dần (dl 21-2-1926)

Đức Chí-Tôn giảng Cơ ban Thi cho Ông Chiêu bài:

*Bao năm dạy-dỗ quá dày công.
Lời hứa năm xưa gắng giữ lòng.
Siêu đọa đôi đường tua chọn lấy.
Lời chơn một bước sẽ hoàn không.*

Cao Đài

*Theo Đạo-sử của Bà Đầu sư Hương-Hiếu
(Ngày 21-10 Bính Dần - dl 26-11-1926)*

Thầy nói:

“Thầy cũng thương đó chút. Thầy đã nói cái lòng thương của Thầy hơn biếm trách, nên Thầy chẳng hề biếm-trách các con, ngặt trước quyền của Thần, Thánh, Tiên, Phật biết sao cứu rồi choặng.

*“Thầy lại phải làm thỉnh cho kẻ thì mất lễ công bình. Thờ nó tưởng Thầy giận mà nài xin tha-thứ. Thầy thì đặng còn chư Thần, Thánh, Tiên, Phật mới nài sao? Nhất là Thái-Bạch Kim Tinh rất khó. **Chiêu cũng vì vậy mà mất ngôi.** Các con chớ dễ người mà phạm thượng nghe à!”.!*

Trước đó thì chư Môn-đệ đồng quì lạy Thầy xin thứ tội cho ông Chiêu.

Ông Vương-Quan-Kỳ bạch hỏi Thầy:

-Bạch Thầy:Anh Cả Ngô-Văn-Chiêu bảo Thầy giao cho Ảnh thay Thầy làm Chủ mỗi Đạo, dạy-dỗ Môn Đệ mà Ảnh không chịu tiếp xúc với chúng con, phải làm sao?..

C-THẬP NHỊ THỜI QUÂN

Ngày 15-10-Bính Dần (DL 19-11-1926) chính thức Khai Đạo tại Từ Lâm Tự (Gò kén - Tây Ninh), Đức Chí Tôn phong phẩm tước cho Thập Nhị Thời Quân. Đúng ra phải 12 vị nhưng thực tế chỉ có 11 vị thôi, trong đó khuyết phẩm Tiếp Đạo.

Công việc điều hành phải lo xây cất Đền Thánh tạm ở làng Long Thành thì do Đức Cao Thượng Phẩm, còn Đức Phạm Hộ Pháp thì sau khi nghỉ phép sáu tháng để lo Lễ Khai Đạo, xong trở lại công sở thì người Pháp đổi Ngài đi Campuchia. Nhưng khi sang đây thì Ngài bắt đầu mở Đạo ra nước ngoài, tức là thành lập Kim Biên Tông Đạo, rồi từ đó truyền giáo ra ngoại quốc, tức là có thêm một Hội-Thánh ngoại giáo..

Trong đàn cơ đêm 29-6-Đinh Mão (dl 27-7-1927) tại Thánh Thất Nam Vang do Đức Phạm Hộ Pháp và ông Cao Đức Trọng phò loan, Đức Chí Tôn giảng dạy và phong Thánh cho nhiều vị. Nhưng tuyệt nhiên không thấy ban phẩm cho ông Cao Đức Trọng. Đức Hộ Pháp câu hỏi:

- Bạch Thầy, còn Trọng em con, sao không thấy Thầy phong chức?

Đức Chí Tôn giảng Cơ đáp:

- **Tức**, sao con đại quá vậy, Trọng thuộc về chi Đạo bên Hiệp Thiên Đài.

Thật vậy, sau đó ông Cao Đức Trọng được Đức Chí Tôn phong cho phẩm Tiếp Đạo. Lúc đó thì ông Trọng đang làm việc tại Văn phòng Chương Khế (Nam Vang). Tức nhiên quyền năng Thiêng liêng dành cho con gà (ông Trọng tuổi Đinh Dậu) Gà đi gáy xù người, một Bí pháp nhiệm màu làm sao người phạm rõ thấu được!

Thấy ra Đức Hộ-Pháp là Người của Hồn Nguơn Thiên, Cung thứ 11. Thế nên trên bàn thờ Hộ-Pháp chỉ 11 Cúng phẩm. Trong khi đó Thiên bàn thờ Đức Chí-Tôn phải đủ 12 Cúng phẩm, vì Đức Thượng Đế quyền hành là Chúa Tể Càn Khôn vũ trụ. Còn Hộ-pháp nắm Cung Càn

(quẻ Bát-thuần Càn  biểu tượng 6 nét Dương, biệt số 11) thay trời trị Thế: Giáo Chủ Đạo Cao-Đài cơ hữu hình

Thế nên: Thập nhị Thời quân có 12 phẩm cho 12 vị khác tuổi nhau: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Người lớn tuổi nhất là Bảo Đạo Ca Minh Chương tuổi Canh Tuất (1850). Người nhỏ tuổi nhất là Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh tuổi Quý Mão. Một vị ở đầu bảng và một vị ở cuối bảng Thập Nhị Thời Quân. Quả là một cơ mầu nhiệm của Tạo hóa.

Dưới đây là danh sách Thập Nhị Thời Quân:

- 1- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa tuổi Mậu **Tý** (1888)
- 2- Khai Đạo Phạm Tấn Đãi tuổi Tân **Sửu** (1901)
- 3- Hiến Pháp Trương Hữu Đức tuổi Canh **Dần** (1890)
- 4- Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh tuổi Quý **Mão** (1903)
- 5- Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu tuổi Nhâm **Thìn** (1892)
- 6- Tiếp Pháp Trương văn Tràng tuổi Quý **Tỵ** (1893)
- 7- Hiến Thế Nguyễn văn Mạnh tuổi Giáp **Ngọ** (1894)
- 8- Bảo Thế Lê Thiện Phước tuổi Ất **Mùi** (1895)
- 9- Hiến Đạo Phạm văn Tươi tuổi Bính **Thân** (1897)
- 10- Tiếp Đạo Cao Đức Trọng tuổi Đinh **Dậu** (1897)
- 11- Bảo Đạo Ca Minh Chương tuổi Canh **Tuất** (1850)
- 12- Khai Thế Thái văn Thâu tuổi Kỷ **Hợi** (1899)

Lại nữa chư vị Thời Quân có mặt trong buổi đầu gọi là Thập Nhị Chơn Quân.

Tuổi và ngày giờ được ghép bởi Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi còn gọi là Thập nhị Thời Thần.

Đúng như lời Kinh Cúng Đức Phật Mẫu:

*“Thập Thiên Can bao hàm vạn Tượng
“Tùng Địa Chi hóa trưởng Càn Khôn”.*

Cũng nên nói rõ:

Thập Thiên Can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Thập Nhị Địa Chi là: Tý, Sửu, Dần, Mão (Mão), Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Theo thứ tự người ta ghép một CAN với một CHI như: Can thứ nhất với Chi thứ nhất là khởi Giáp Tý.

Sau đó, mỗi chu kỳ mười Can thì tiếp tục phối hợp Can thứ nhất với Chi thứ mười một, ví như chu kỳ mới của vòng Thiên Can thứ nhì là: Giáp Tuất, Ất Hợi.. Rồi Can thứ ba với Chi thứ nhất... cứ tuần tự như vậy lại đến năm Giáp Tý là đáo tuế. Trong một chu kỳ, tên mỗi Can xuất hiện sáu lần ($60 : 10 = 6$) và tên mỗi Chi xuất hiện năm lần ($60 : 12 = 5$). Chu kỳ này, ta gọi là Lục thập hoa giáp hay biểu Giáp Tý. Một Lục Thập hoa giáp (chu kỳ 60 năm). Mỗi chu kỳ ấy sẽ khởi lại như ban đầu nữa, nhưng chắc chắn sẽ có những biến chuyển mới lạ hơn.

Bài thi Đức Chí-Tôn ban cho ông Ca Minh Chương:

*Giáp Tý niên hê! Giáp Tý niên!
Càn Khôn thiên địa định qui tiền
Hạ ngươn Kỷ Ty xuân viên mãn
Thượng cổ Mậu Dần thất ức niên*

Chư vị Thập Nhị Thời Quân bảy giờ là đồng tử làm trung gian giữa Trời và Người. Nếu không có Thời Quân thì cũng không có Đạo, vì chư vị là những Thiên sứ phò Cơ, chấp Bút đủ huyền linh cho Trời, Phật, Thánh, Thần giảng Cơ dạy Đạo. Các vị là Tướng Soái của Chí Tôn.

Từ trước Hiệp Thiên Đài đã qui định có 4 cặp cơ:

- 1- Chư vị: **Tắc - Cư** là Cơ Lập giáo
- 2- Chư vị: **Hậu - Đức** là Cơ Lập pháp
- 3- Chư vị: **Sang - Điều** là Cơ Truyền giáo
- 4- Chư vị: **Nghĩa - Tràn** là Cơ Bí pháp

Cơ Bút là Bí Pháp mẫu nhiệm và là huyền -lực của Thiêng Liêng. Thánh ngôn ch có giá trị khi cầu ở Cung Đạo Đền Thánh Toà-Thánh Tây Ninh mà thôi. Ông tử phải là những người được Thiêng Liêng chỉ định.

Ngoài ra ầu có những Đàn Cơ khác ngoài sự chuẩn nhận nêu trên thì chỉ có giá trị học hỏi riêng không được phổ biến rộng ra ngoài. Bất tuân thì phạm tội cùng Hội-Thánh Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ. Nhưng điểm quan trọng là sẽ bị lạc vào bàn Môn Tả Đạo mà thôi.



1- Ngài Trần-Duy-Nghĩa (1888-1954)

Khai pháp Chơn Quân Hiệp-Thiên Đài Ngươn linh là Thánh Pierre

Ông Trần Duy nghĩa sinh ngày 17-8 Mậu-Tý (dl 11-9-1888). Qui lúc 3giờ sáng ngày 22 -01-Giáp-Ngo (24-2-1954)

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, ngu ƠN linh là Thánh Pierre, một trong 12 vị Thánh Tông Đồ của Đức Chúa Jêsus Chris, nhưng có đến ba lần chối Chúa.

Chuyện kể lại:

“Một hôm nọ, Đức Phạm Hộ Pháp lập Đàn, có các vị Chức sắc Thiên phong dự chứng. Đức Phạm Hộ Pháp cầm cây Kim Tiên đưa ra bên trên và trước mặt Ngài Khai Pháp đang quì. Đức Phạm Hộ Pháp nói:

- “*Này Pierre, ngày trước ngươi đã chối TA ba lần, lần này Ta tha cho đó.*”

Tiền kiếp của Ngài là Thánh SAINT PIERE, tức là một trong 12 Thánh Tông-Đồ của Thiên-Chúa-giáo, ngày nay các vị Thánh ấy cũng trở lại trong hàng Thập Nhị Thánh, tức là Thập Nhị Thời-Quân trong cửa Hiệp-Thiên Đài cũng giữ phận sự hầu Thầy mà thôi”.

Hiện tượng này, một lần nữa xác định rằng Đức Chúa Jêsus-Christ vốn tiền thân của Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc, Ngài làm nhiệm vụ tha tội cho Thánh Pierre.

Khi Ngài Khai Pháp Trần Duy nghĩa qui Thiên liên giảng Cơ cho bài thi làm:

Bài Thài hiển Lễ

*Đã chán công danh dưới phép người,
Đem thân của Phạm để nên nơi.
Lóng chuông Bạch-Ngọc hồi hồn tục,
Nghe trống Lôi-Âm tỉnh mộng đời.
Nắm pháp Thiêng-Liêng dìu Thánh vị,
Cầm Cân Công-lý giữ ngôi Trời.
Dầu chưa trọn nghĩa Thiên-Thơ định,
Giác ngộ vui theo cũng kịp thời.*

Đức Hộ-Pháp nhắc lại buổi đầu Đức Chí-Tôn dạy “đi tìm Pháp”. Nhưng rồi lại đi tìm đúng Ông Trần -Duy Nghĩa, sau Đức Chí-Tôn phong cho Ngài là KHAI-PHÁP CHƠN-QUÂN:

“Bản Đạo đưa bài Thánh Giáo Đức Chí Tôn dạy đi tìm Ngài thì Ngài nói với Bản Đạo hai câu, mà làm cho Bản Đạo kính phục và cảm tưởng mãi nơi tâm, biết rằng ông này có thể chung sức với mình gánh vác nỗi sự nghiệp của Chí Tôn đã giao phó.

Ngài nói rằng:

“Tôi tưởng dòng dõi của dân tộc Việt Nam trên bốn ngàn năm đã chết, nào dè ngày nay Đức Chí Tôn đến định

lập Quốc Đạo thì chắc hẳn rằng đất nước Việt Nam sẽ sống lại được mà là cứu chữa Tổ quốc và giống nòi dân tộc Việt Nam sẽ khỏi ách lệ thuộc giữa thời Pháp thuộc đang bạo hành.”

Kể từ đó thì Ngài vẫn cương quyết lo giúp đỡ Bản Đạo và sự kính nể đáo để không giờ phút nào mà Đức Ngài muốn rời xa Bản Đạo.

Khi trở về Thánh Địa Bản Đạo gượng làm vui chớ kỳ thật riêng về Đức Ngài Khai Pháp và Bản Đạo không giờ khắc nào mà quên trong cảnh tù đầy lao lung...

Bản Đạo đã thấy toàn thể con cái Đức Chí Tôn rất chú ý về việc đó, nhưng Bản Đạo ôm lòng nín chịu và can dặn Ngài vẫn dần lòng không thốt ra lời nói gì cả. Bản Đạo sợ nói ra đây gây oán chát hơn thêm cho Đạo, nếu Bản Đạo nói ra không có bút mực nào tả cho hết, lại thêm xung đột.

Kể từ ngày về Thánh Địa Đức Ngài Khai Pháp thường than khổ với Bản Đạo, vì sợ e không khỏi gây cảnh nổi da xáo thịt, bên ngoài thì Pháp, bên trong thì Việt Minh, ở giữa thì Quân Đội Cao Đài, ai vui hứng chớ riêng Đức Ngài không có ngày nào mà không lo sợ sự đổ máu giết chóc lẫn nhau làm đến tương tàn cốt nhục của nòi giống Việt Nam ta nữa mà chớ...”

Thử cơ Bút - Ngươn linh Pierre giảng:

Một hôm Ông Bà Đốc Phủ Chi, là người theo Đạo Công-giáo có đến nhà Ngài Cư, mục đích muốn thử xem vấn đề chơn giả của Cơ Bút, nên ông Bà có đề nghị:

“Xin cho chúng tôi để thử trên bàn Cơ hai vật này là Ảnh tượng CHÚA và Cây Thánh giá. Nếu Đức Cao Đài là Thượng -Đế thật thì mới giảng Cơ được, bằng Qui Vương thấy hai vật báu này tự nhiên phải tránh”.

Ông Cư ằng lòng cho thử. Đoạn Ông Đốc Phủ cùng ngồi với Ngài Tắc để quan sát. Trước hết Thánh Pierre giảng Cơ cho bốn câu thi để trả lời cho Ông Bà Đốc Phủ Chi, vào ngày 17-11 Ất-Sửu (dl 01-01-1926)

Thánh giảng Cơ cho biết là:

SAINT PIERE

*Thiên đàng giữ cửa góc Trời Tây,
Truyền Đạo cho dân biết mặt Thầy.
Cứu chuộc đã gần đôi ngàn tuổi,
Cao Đài phú thác đất diu bay.*

(31 Decembre 1925)

Ngày 11-01 Bính Dần (dl 23-2-1926) Đức Chí Tôn có giảng cho KHAI-PHÁP CHƠN-QUÂN bài thi:

*Đạo Tâm rõ rõ sáng như ngày
Hiệp cũng may mà gặp cũng may.
Đã mộ trong lòng thân cũng mộ,
Một lòng mộ Đạo chớ đơn sai*

Đức Chí-Tôn

Ngài Khai Pháp quý danh là Tồn Duy Nghĩa, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Thành Phô, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò-Công. Trưởng thành trong một gia đình Nho phong. Thân phụ là Ông Trần-Duy-Quyền và Thân mẫu là Bà Đặng thị Lâu, đều ở Gò Công.

Ngài Tồn Duy Nghĩa được Thiên phong Khai Pháp, cùng một lượt với chư vị Thời-Quân khác khi Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp-Thiên-Đài ngày 12 tháng Giêng năm Đinh Mão (dl 13-2-1927).

Ngài hợp cùng Ngài Tiếp-Pháp Trương văn Trảng thành cặp Phò-loan truyền Đạo lúc ban sơ và sau đó trở thành cặp Phò loan chuyên về Bí Pháp.



2- Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi (1901-1976)

Ngươn linh Ngài là Đông phương Sóc

Là Tiên gia giảng ~~tân~~ làm Quân sư cho Hớn Võ Đế, trong sự tích “Hớn rước Diêu Trì” (Xem lại trang 27)

Ông Phạm Tấn Đãi, tộc danh là Thuộc và Đạo hiệu là Trí Thanh, sanh ngày 28-7-Tân Sửu (dl 10-9-1901) tại làng Mỹ Lệ, quận Cần Đức, tỉnh Chợ Lớn. Qui ngày 19-2 Bính-Thìn (1976)

Thân phụ của Người là Ông Phạm Thành Thiệt, được Thiên phong Giáo Hữu, sau khi nhập môn cầu Đạo, thăng lần đến phẩm Phối Sư Phái Thượng.

Thân mẫu là Bà Nguyễn Thị Ruộng, cũng được thọ Thiên ân Giáo Hữu, quê ở Chợ Trạm làng Mỹ Lệ. Vào ngày 4-11-Ất Sửu (Thứ Bảy:19-12-1925). Người được ông Phủ Nguyễn Ngọc Tương mời đến dự Lễ Khai đàn, có rất đông viên chức đến dự. Đêm ấy, Đức Chí Tôn giảng dạy, ban cho mỗi người một bài thi và riêng Người thì Đức Chí Tôn cho bốn câu thi như sau:

*Dần lòng len lõi hãy qui y,
Nay gặp Ta đây đã đến kỳ.
Oanh liệt hồng trần e phải khổ,
Tâm đường đạo đức tránh đường nguy.*

Đúng một tuần sau, ngày 11-11-Ất Sửu, Thứ Bảy: ngày 26-12-1925 các ông ~~áy~~ đến tư gia của Người để Khai đàn thượng tượng cầu các Đấng.

Đêm ấy, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo và thấu nhận nhập môn, có cho Người một bài thi:

*Nên gầy đạo đức đặng hồi nguyên,
Un đức trẻ thơ sửa tánh hiền.
Nương bút Thiên cơ lo độ chúng,
Dù người gắng sức đến rừng thiên.*

Chính ngày ấy là ngày Người nhập môn cầu Đạo. Sau ngày nhập môn, Người cùng ông Đốc học Tươi tập cầm cơ hằng tháng mới viết ra chữ và thi phú.

Ngày Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên-Đài ngày 12 tháng Giêng Đinh-Mão (dl 13-2-1927), Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm Tấn Đãi chức Khai Đạo Hiệp Thiên-Đài .



3- Ngài Hiến-Pháp Chơn Quân TRƯƠNG HỮU ĐỨC (1890-1975)

Ngươn linh là Từ Hàng Đạo Nhơn.

Ngài Hiến Pháp lấy Đạo Hiệu là Thân Dân.

Ông sanh ngày 02-02-Canh Dần (1890). Qui Tiên lúc 20g15 ngày 15-12- Ất Mão (dl 15-01-1975).

Quê quán: Cầu An Thượng, Hiệp-Hòa, Chợ-Lớn.

Đức Chí Tôn có cho biết ngươn linh của Ngài Hiến Pháp là *Từ Hàng Đạo Nhơn*. Ngày 3-7 Đinh-Mão (31-7-1927) may được *Qui Cốc Đại Tiên* giáng đàn, Ngài mới xin cho mỗi người một bài thi kỹ niệm:

Thập Nhị Tiên gia nhứt tánh TỪ,

HÀNG phong Vương mãn thọ hàn thư.

Trung niên thế cuộc tao vân mộng,

Quản thị Càn Khôn thủ Phật thư.

“Trương Hữu Đức, sanh ngày mùng 2 tháng 2 năm Canh Dần (1890) (trên giấy tờ sanh năm 1892), con ông Trương Văn Trụ (chết) Cựu Cai Tổng Cầu An Thượng, làng Hiệp Hòa (Chợ Lớn), Giáo Sư phái Ngọc và bà Lê Thị Nhụy tức Sốt (chết). Hiền nội của Ngài Trương Hữu Đức là Bà Nguyễn Thị Sanh, nhập môn vào Đạo Cao Đài rất sớm, được Đức Chí Tôn phong phẩm Nữ Lễ Sanh, do kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ nhứt ngày 14-Giêng năm

Đinh Mão (dl 15-2-1927).

Ngài Nhập môn vào Đạo Cao Đài từ năm Ất Sửu (1925) lúc mới còn Xây bàn, vì lúc ban sơ, những người theo Đạo đều do lệnh Đức Chí Tôn chỉ định, nên không có Sớ Cầu Đạo.

Trong số 12 Môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn nêu tên trên bài thiút tuyệt trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển thứ I có tên **ĐỨC** (sau thọ phong Hiến Pháp Hiệp Thiên-Đài), hiệp với Ông HẬU thành cặp phò loan truyền Đạo, Ông Hậu sau thọ phong Bảo Pháp Hiệp Thiên-Đài.

Ngài Hiến -pháp là một trong những Tướng -Soái của Đức Chí-Tôn, lúc qui thiên Ngài cũng giáng đàn cho

Bài Thi đề tài hiến lễ:

*HỮU-ĐỨC mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn mong ước cái không hay.
Mừng nay gặp Đạo lòng mong muốn,
Chỉ quyết cùng nhau để hiệp vầy.*

Hiến-pháp Chơn Quân

Trong khi Ngài nhập môn vào Đạo Cao -Đài ngày 9-01 Bính-Dần (dl 21-02-1926) Qua bữa sau, lúc đứng Ngọ, trong khi thanh ịnh, Ngài bắt chước Đức Hộ -Pháp ngồi chấp bút một mình và cầu nguyện xin thi, có vị Minh-Nghĩa Tiên Ông giáng bút cho bài thi như sau:

*Minh Đức mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn mong ước cái không hay
Mừng cầu Âu Á càng thêm mật,
Mừng nậu côn đồ đã chịu chay!*

Ông Hữu Đức chỉ chấp bút được một lần ấy thôi. Chính Ngài Hiến -Pháp Trương-Hữu-Đức được Đức Chí Tôn cho biết rằng **“Đức cứu Đạo”**. Sau quả thật như vậy.



4- BẢO-PHÁP CHƠN QUÂN NGUYỄN TRUNG HẬU (1892-1961)

Ngươn linh là Xích Tinh Tử

Ông Nguyễn Trung Hậu, tên thật là Nguyễn Văn Hậu, bút hiệu Thuần Đức, sanh ngày 5-3-Nhâm Thìn (dl 1-4-1892) tại làng Bình Hòa, tỉnh Gia Định. Qui tại Gia định lúc 16 giờ ngày 7-9 Tân-Sửu (1961) táng ở quê nhà.

Về nguyên căn của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Ngài có ghi lại như sau:

*“Ngày mùng 3-7 Đinh-Mão (dl 31-7-1927) nguyên Đức Chí Tôn có cho biết tiền thân của **Hậu là Xích Tinh Tử** và của **Đức là Từ Hàng Đạo Nhơn**. May được Qui Cốc Đại Tiên giáng đàn, chúng tôi xin Ngài cho mỗi đứa một bài thi:*

Bài thi cho Hậu (Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu):

*Đỏ đỏ một vùng ấy Hỏa tinh,
Nhà Châu tên tuổi đã rành rành.
Tam Kỳ tái thế an thiên hạ,
Hậu nhật thành công hậu hứng tình,
Sau khi qui Thiên, Ngài giáng cơ cho bài thi làm:*

Bài thài hiển lễ

*Nhà Phật hôm nay giữ Đạo mâu,
Phiền ba nghĩ lại có vui đâu.
Tẻ đường phi thị noi đường tịnh.
Tìm cửa Từ-bi lánh cửa Hầu.
Xác thịt trải qua miền gió bụi.
Năm xương chờ gởi bóng tang du.
Lửa lòng vụt tắt từ đây vẫn...
Giọt nước nhành Dương gởi tắm sầu.
(Bảo-Pháp Nguyễn Trung Hậu)*

Được Huyền diệu từ ban đầu mới đủ đức tin:

Năm 1926 vì làm ăn sa sút, ngày 23-6-1926 (14-5

Bính Dần) Người có câu hỏi Đức Chí-Tôn coi nên tiếp tục hay để cho sụp đổ, thì Thầy dạy:

*Con muốn làm sao tự ý con,
Nhà nghèo nhơn nghĩa miễn vương tròn
Thầy đâu nỡ để Môn đồ cực,
Mối đạo giữ cho ngàn thưở còn.*

Đức Chí-Tôn

Tuy nhiên không phải mỗi việc nào cũng hỏi, dầu Thầy trả lời nhưng cũng có ý trách phiền:

*Cái khiếu thông minh con ở đâu ?
Kêu Thầy mà hỏi việc cơ cầu.
Hễ là quân tử chi màng việc,
Hễ biết điều cao bớt việc sầu.*

Đức Chí-Tôn

Chỉ có hai Chơn-Quân: HẬU, ĐỨC có tên trong số 12 vị Môn-Đệ đầu tiên của Đức-Chí Tôn được chỉ định, như thế cũng đủ thấy rằng tất cả đều có sự an bày của Thượng Đế:

*CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh
BẢN đạo khai SANG QÚI GIẢNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC CU thiên địa cảnh,
Quờn, Minh, Mân đảo thủ đài danh.*

Đức Chí-Tôn

Vào khuya mùng một Tết năm Bính-Dần (dl 13-12-1926) khoảng giờ Tý, Ngài tái cầu thì Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng-Đế giảng dạy rằng: ***“Đức, Hậu tập Cơ sau theo mấy Anh mà độ người, nghe!”***

Năm Bính-Dần (24-9-1926) Đức Chí-Tôn cho thi, điểm đúng tên: Nguyễn Trung Hậu bút hiệu Thuần-Đức một bài thi khoán thủ như vầy:

*THUẦN phong mỹ tục giáo nhơn sanh,
ĐỨC hóa thường lao mạt dị danh.
HẬU thế lưu-truyền gia pháp quý,*

GIÁO dân bắt lậu tán thời manh.

Bài thi kế tiếp:

Đã có căn phần dựa cảnh Tiên,

Bước đời chờ quản bậc sang hèn.

Mưa mai nắng xế chờ qua khỏi.

Đêm tối lần ra gặp ánh đèn.

Đức Chí-Tôn

Ngày 12-1 Đinh Mão (dl 13 -2-1927) Ngài th
Thiên phong BẢO PHÁP CHƠN QUÂN.

Theo Châu tri ngày 7-3 Quý-Dậu (1-4-1933) Ngài
giữ Quyền Chương Pháp Cửu Trùng Đài.

Năm 1934, Ngài về dưỡng bệnh tại Gia Định (Cây
Quáo). Ngài hợp với Hiến-Pháp thành một cặp Cơ chánh
thức phò loan cho Đức Chí-Tôn truyền Đạo các nơi: Cầu
kho, Gò kén, Chợ-lớn, Gò công, Tân an, Mỹ-tho, Bến tre.

Lúc sanh tiền, thú vui của Ngài là làm thơ và cờ
tướng. Chính Ngài Nguyễn Bảo-Pháp có biệt tài về làm
liễn đối được Đức Lý Đại Tiên khen tặng là: Ai muốn xin
liễn hãy tìm Hậu.

Hai câu liễn trên Thuyền Bát-Nhã do Ngài viết:

- **Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh hoàn tại Thổ.**
- **Thiên niên tự hữu linh hồn thiên tứ phản hồi Thiên**



5- Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng (1897-1958)

Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, **nguồn linh ông là
Thánh Juda**, một trong 12 vị Thánh Tông Đồ của Chúa
Jésus Christs.

Đức Hộ-Pháp nói về ông Tiếp Đạo:

*“Khi Đức Chí-Tôn đến với chúng tôi, Đức Chí Tôn
mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ chứ không phải mở Đạo*

Cao-Đài, tời chừng Ngài biểu cầm một cây Cơ và một ngọn Bút đi các nơi thu Môn đệ.

Trọng yếu của Ngài là thu mấy vị Tông đồ có sứ mạng trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ này đã giáng sanh trước đặng làm môi giới độ Đạo sau này. Đức Chí-Tôn biểu chúng tôi phò loan đặng Ngài dùng quyền năng thu dụng mấy vị Tông đồ đó. Quả nhiên chẳng bao lâu, có đủ Thập Nhị Thời Quân hiển hiện ra, trong số các vị Thời Quân ấy có CAO TIẾP ĐẠO ở tại Kiêm-Biên chứ không phải ở Sài-gòn.

Đi thu Thập Nhị Thời Quân rồi Đức Chí-Tôn mới mở Đạo”. (ngày 13-10 Giáp-Ngọ - 1954)

Ngài Tiếp Đạo quý danh Cao Đức Trọng, sanh ngày 20-4 Đinh-Dậu (1896) tại làng Ích Thạnh, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định. (Ngài Cao Tiếp Đạo là bào huynh của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang).

Đàn cơ ngày 29-6-Đinh Mão (dl 27-7-1927) Đức Chí Tôn ân phong Ngài Cao-Đức-Trọng phẩm Tiếp-Đạo Hiệp-Thiên-Đài.



6- Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa

Ngươn linh là Sa Nặc theo hầu Thái tử Sĩ-Đạt Ta tức là Phật Thích Ca sau khi đắc Đạo.

Ông là vị Thời quân sau cùng, thứ 13, tức nhiên là người thừa hành trách nhiệm Bảo Đạo thế cho Ngài Bảo Đạo Ca-Minh Chương sớm qui Tiên, nên chưa làm gì cho Đạo. Ông chỉ là người tiếp lo về mặt hữu hình thôi. Vậy nên sau ngày Qui thiên ông báp lực cho chôn hàng năm và mặc đạo phục trắng, cũng là chuyện đương nhiên.

Đêm 9 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (dl 11-2-1954), tức là gần 5 tháng sau, tại Cung Đạo Tòa Thánh, Ngài Bảo

Đạo Ca Minh Chương giảng cơ xin với Đức Hộ Pháp trao quyền Bảo Đạo tại thế cho Ông Hồ Tấn Khoa để Hiệp Thiên-Đài có đủ chư vị Thời Quân làm việc.

Ngài Ca Minh Chương giảng Cơ nói rằng:

“Chào Hộ Pháp Thiên Tôn, cùng chư vị Thời Quân Hiệp-Thiên-Đài. Cùng các Bạn,

Thưa Đại huynh Hộ Pháp Thiên Tôn,

Đệ xin giao nơi tay Ngài uy quyền Bảo Đạo đặng Ngài ban lại cho bạn Hồ Tấn Khoa và lập Thánh lệnh.

Bốn Quân Bảo Đạo Ca Minh Chương tuân y mệnh lệnh của Chí Tôn và quyền Ngọc Hư phê chuẩn, giao chức tước quyền hành nơi thế về hữu vi nhi trị, còn phần thiêng liêng về phần Bốn Quân nắm giữ.

Hồ Hiền hữu! Bốn Quân lấy làm hữu hạnh đặng hiểu Hiền hữu kế nghiệp thì chỉ mong một điều trọng hệ hơn hết là trách vụ khó khăn cực nhọc ấy, Hiền hữu càng đáng kham tất. Vậy Hiền hữu nên nhớ rằng, nghiệp thiêng liêng hằng tồn tại mãi, còn quán tục là thừa.

Hiền hữu nên nhớ mãi lời ký thác của Bốn Quân hầu ngày sau vui gặp nhau nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống”.



D- CỬU TRÙNG ĐÀI

1-Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh (1874-1937)

Ngươn linh là Long Nữ hầu Phật Quan Âm.

Long Nữ vốn là em của Đệ Tam Thái Tử con vua Long Vương, hóa cá dạo chơi, bị vương phải lưới ông chài. Đức Quan Âm sai Thiên Tài Đồ ng ừ hóa thường nhơn đến mua cá đem ra Nam Hải thả. Nam Hải Long Vương cảm

ơn đức, sai con gái là Long Nữ đem tặng Đức Quan Âm một viên ngọc chiếu sáng cả ban đêm. Long Nữ cảm phục quyền năng của Đức Phật nên xin qui y và làm đệ tử Đức Quan Âm. Ngày nay Bà cùng ông Nguyễn Ngọc Thơ nên duyên chồng vợ. Ngươn linh ông là Từ Hàng Đạo Nhân, tức Quan Âm Bồ Tát. Kiếp này Ông Thơ và Bà Lâm Hương Thanh là đôi bạn đời với nhau vì tiền kiếp đã định.

Bà Nữ Đầu sư Lâm Hương Thanh, thế danh là Lâm ngọc Thanh, sanh năm Giáp Tuất (1874) tại làng Trung Tín, quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thân mẫu là Bà Trần thị Sanh.

Tóm tắt Tiểu-sử:

Thế danh: Tên Bà là Lâm-Ngọc-Thanh.

Thánh-danh: HUƠNG THANH hoặc Lâm Hương Thanh.
Nơi sanh: Làng Trung-Tín, quận Vũng -Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thuở nhỏ Bà qui y theo Đạo Phật với Thầy là Hoà Thượng Như-Nhân, trụ trì tại chùa Giác-Hải, Phú Lâm (Chợ-lớn)

***Phần Đời:** Một bậc giàu có của cải nhưt bấy giờ.

***Phần Đạo:** Tuyệt phẩm là Đầu-sư Nữ-phái.

Bà được ông Phạm -Tấn-Đãi (Sau là KhaĐạo – Thời-quân Hệp -Thiên-Đài) vâng lệnh Đức Chí -Tôn đến độ Ông Nguyễn-Ngọc-Thơ và Bà Lâm-Ngọc-Thanh vào Đạo Cao-Đài.

- Bà Nhập môn vào nền Đại-Đạo ngày mừng 5-6 Bính-Dần (Mardi, 15 Juillet 1926).

Khi đến với Đạo, Bà giàu lòng Bác-ái, dâng hiến một phần lớn sự nghiệp vĩ-đại của Bà cho Đại-Đạo làm phương tiện hoằng-hoá đạo-mẫu của Đức Chí-Tôn, biến Phật-tự thành Thánh-Thất tại Vũng-Liêm.

- Bà phát kinh, **lưu** Đạo -phục cho những người mới Nhập môn cầu Đạo.

- Hiến tài sản để tu bổ ngôi chùa Từ-Lâm-Tự, Gò kén Tây ninh để làm nơi Khai Đạo trong ba tháng trường. Ngôi Chùa Gò kén này vốn của Hoà Thượng Như Nhân. Ông Bà cũng đã đóng góp nhiều của cải để làm chùa này.

- Bà thọ phong đầu tiên là đêm 14 rạng ngày rằm tháng 10 năm Bính-Dần (dl 18 Novembre 1926) là ngày Đại Lễ Khai Đạo tại Thánh-Thất tạm Từ-Lâm-Tự. Bà Lâm-Ngọc-Thanh thọ Thiên Ân **Nữ Giáo Sư**, Thánh danh là Lâm Hương-Thanh.

- Đức Chí Tôn thăng phẩm Bà lên **Nữ Phối Sư** ngày 14 tháng giêng năm Đinh Mão (dl 15 Février 1927) - Bà Lâm Hương Thanh ~~được~~ thăng phẩm tiếp là **Nữ Chánh Phối Sư**, Chứng quản Hội-Thánh Nữ phái. Ngày mùng 9-3 Kỷ-Tỵ (dl 16 Avril 1929)

- Bà qui Tiên vào ngày mùng 8 tháng 4 năm Đinh Sửu (dl 17-5-1937) đúng vào Lễ Thánh đàn của Đức Phật Thích Ca, tại quê nhà ở Vũng Liêm, hưởng thọ 63 tuổi.

- Tuy Bà ~~đã~~ qui TIÊN ngày 8 -4 Đinh-Sửu nhưng đến ngày 25-4 Đinh-Sửu (dl 3 Juin 1937) Bà mới được Đức Chí Tôn ân tứ thăng lên phẩm **Đầu Sư**. Tức là Nữ Đầu Sư hàng truy phong.

Ban đầu: Bà Lâm Ngọc Thanh là vợ của ông Huyện Huỳnh Ngọc Xây, nên Bà thường được người ta gọi là Bà Huyện Xây, là một nghiệp chủ rất giàu có tại Vũng Liêm. Ông và Bà có một người con gái tên là Huỳnh thị Hồ.

Sau này Ông Huyện Xây chết, Bà gá nghĩa với Ông Huyện Hàm Nguyễn Ngọc Thơ, một nghiệp chủ ở Tân Định Sài gòn. Hai Ông Bà đều hâm mộ Phật giáo nên đều qui y theo Phật giáo, thọ giáo với Hòa Thượng Như Nhân, trụ trì Chùa Giác Hải ở Phú Lâm, Chợ lớn.

Hai ông Bà đã đóng góp công quả rất lớn trong việc mua đất cất Toà Thánh và nhiều dinh thự. Hơn nữa Bà là

người rất giàu lòng đạo đức nên bất cứ khoản tiền nào thiếu thì Ông Bà sẵn sàng, từ ngôi Từ Lâm Tự đến Toà Thánh, đâu đâu cũng có bàn tay của Bà, xứng đáng là người Chị lớn cầm đầu Nữ phái Cao-Đài ngàn năm.



2- Ngọc Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt Ngươn linh Ngài là Dương Tiễn

Là một trong Thất Thánh, đời Phong Thần. Dương Tiễn rất tài giỏi, có nhiều mưu lạ và có nhiều phép biến hóa không lường. Trước khi khởi sự Chinh Đông, đánh Ngũ quan, diệt vua Trụ, Dương Tiễn lạy thầy là Ngọc Đảnh Chơn Nhơn, hỏi việc chinh chiến sắp tới thế nào. Ngọc Đảnh Chơn Nhơn đáp:

- Ngươi khác với người ta xa lắm.

Nói rồi ngâm rằng:

Tập luyện huyền công, ai sánh kịp,

Tung hoành thế giới, bực nào hơn.

Dương Tiễn nhờ có Thất thập nhị Huyền công (72 phép biến hóa), nên đã giúp Tử Nha rất đắc lực, tạo nhiều kỳ công.

Ngài Lê văn Lịch là hậu thân của Dương Tiễn:

Ngài Lê văn Lịch được Chí-Tôn ban phẩm Đầu Sư phái Ngọc là **Ngọc Lịch Nguyệt**.

Hiệu là Thạch Ân Tử, sanh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (dl 14 -10-1890) tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Thân sinh của Ngài là Cụ Lê văn Tềng, tu theo Đạo Minh Sư đến bậc Thái Lão Sư, hiệu Lê Đạo Long, là người sáng lập ngôi chùa *Vĩnh Nguyên Tự* ở Cần Giuộc. Cụ Tềng tu đắc đạo, sau khi qui Thiên đắc quả *Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn*.

Cụ có lời di chúc:

"Lập Vĩnh Nguyên Tự để sau này có Thập nhị Khai Thiên đến mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ".

Khi hai Ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh để về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, thì Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt cũng rời Tòa Thánh, trở về về Vĩnh Nguyên Tự tu hành.

Năm 1943, trong công cuộc nhà cầm quyền Pháp khủng bố Đạo Cao Đài, Ngài bị họ bắt đày đi Côn Đảo, đến năm 1945, Ngài mới được trả tự do trở về.

Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt bị sát hại trong cuộc chiến chống Pháp xâm lược của phong trào Việt Minh, Ngài qui thiên tại Chợ Lớn ngày 2 -9-Dinh Hợi (dl 15-10-1947) thọ 58 tuổi. Mộ của Ngài đặt tại phần đất phía sau Vĩnh Nguyên Tự, gần mộ của thân phụ Ngài là Cụ Lê văn Tiếng.



3- Ngài Thái Đầu Sư Thái Nương Tinh Ngươn linh là Văn Thù Bồ Tát đời Phong Thần

Đức Chí Tôn giảng cơ tể lộ cho biết, ngươn linh của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh là Từ Hàng Bồ Tát, còn của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh là Long Nữ, đồ đệ của Đức Quan Âm Bồ Tát. Ngài Đầu Sư Thái Nương Tinh là Văn Thù Bồ Tát. Thầy dạy:

"... Thầy chẳng nói ra căn cội của Nương e con giận. Vậy Thầy cũng nói luôn thể để anh em nhìn nhau, thương yêu nhau. Nó là Văn Thù Bồ Tát tái thế, nghe à ! Nó lập ngôi vị cho con, nó đi một đường với con mà hành Đạo cho tới ngày hai con đến đắc quả đặng trở về cùng Thầy.

*Ngày 12-12 Bính-Dần (15-01-1927) (ĐS. II. 177)
Thầy giảng dạy rằng:*

“Nương, Thầy dặn con, con chẳng hề nghe đến, Thầy muốn bỏ, song vì cừu vị nên chẳng đành. Từ đây phải lo Đạo nghe! Thầy phong cho con chức Thái-Đầu Sư, phải hành-Đạo và hiệp sức phổ-độ phái Thái, Thái-Minh Tinh bị Lý Thái Bạch cách chức”.

Đức Lý dạy:

“Nương phải sắm Thiên-phục như Thơ Thanh vậy nghe!” (13-12 Bính-Dần).

Đức Thượng-Đế cũng xác nhận về ba vị Tướng soái của Thầy bên cơ-quan Cửu-Trùng Đài rằng:

“Thầy đến đây đặng cho hội-hiệp sum-vầy BA NGÔI cho đoàn-tụ đó, bỏ mấy con! Nghĩa là Ngọc Thanh, Thái-Thanh và Thượng-Thanh đã đủ mặt ngày nay rồi, thì phải lo thi-hành bốn-phận cho chóng.

“Bởi ngày giờ đã muộn, ráng mà làm bĩa cho đời sau noi dấu đến bảy chục muôn năm đó con! Chớ chẳng phải là cuộc nhỏ mọn đâu con, phải ráng mà đồng công cộng sự mới đặng, trong thì Thầy giúp sức, ngoài thì BA CON phụ lực mới thành-công.”

Chú thích:

Nương: là tên của Ngài Đầu Sư Thái Nương Tinh. Đây là ba ngôi đặc biệt của ba vị Đầu sư buổi ban đầu mới có chữ: NHỰT, NGUYỆT, TINH là Tam bửu của Trời, nay Thầy đến ban cho trong cơ quan Cửu Trùng Đài này là các vị: Thái Đầu sư Thái Nương Tinh, Thượng Đầu sư Thượng Trung Nhựt, Ngọc Đầu sư Ngọc Lịch Nguyệt. Ngài Nương là Chơn linh của Đức Quan Âm Bồ Tát ; tức là của Đức Từ Hàng Bồ Tát biến sanh. Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh có chơn linh cùng ới Quan Âm Bồ Tát, tức là cùng có một gốc là Chơn linh của Đức Từ Hàng Bồ Tát.

Ba phẩm Đầu sư kế tiếp lấy chữ THANH làm Tịch Đạo cho Nam phái, các Ngài phải lấy Thánh danh là: Thái Đầu-sư Thái Thơ Thanh, Ngọc Đầu -sư Ngọc Trang Thanh, Thượng Đầu sư Thượng Tương Thanh (buổi đầu các Ngài chỉ là “Quyền Đầu sư”. Từ đó hai Ngài Tương và Trang hợp với Ngài Thơ lập “Quyền Thống Nhứt”.

Hai vị cùng là **TỪ HÀNG ĐẠO NHƠN** như:
nguyên linh của Ngài Hiến Pháp là *Từ Hàng Đạo Nhơn*. Ngày 3-7
Đinh-Mão (31-7-1927) may **đọc** *Quĩ Cốc Đại Tiên giáng đàn*
(Trang 60)

Ở đây Ngài Thái Thơ Thanh cũng là Từ Hàng Đạo Nhơn,
theo như **Đức Chí -Tôn** cho biết. Hỏi vì sao hai người cùng một
nguyên linh ? Đây không **phải** là lạ vì Đức Chí -Tôn có cho biết một
nguyên linh cao tọng có thể chiết chơn linh xuống trần cùng một lúc
mà hai ba người cùng làm nhiệm vụ cứu đời.



4- Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh **Nguyên linh Ngài là Từ Hàng Đạo Nhơn**

Tức là Quan Âm Bồ Tát. Tầm nguyên thì Phật Từ Hàng tu
đắc Đạo ở **Phổ Đà Sơn**, “*Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng*”
cũng là Quan Âm Bồ Tát.

Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, thế danh là Nguyễn
Ngọc Thơ, tên thật là Nguyễn văn Tơ, sanh năm 1873 tại
quận Bãi Xàu tỉnh Sóc Trăng, sau lên Sài gòn lập nghiệp ở
Tân Định. Thân sinh là Ông Nguyễn Hưng Học, cháu ruột
của Trung Quân Nguyễn văn Thiện, vốn dòng trâm anh thế
phiệt, Trung hưng công thần

Ngài Nguyễn Ngọc Thơ có chấp nối duyên vợ
chồng với Bà Lâm ngọc Thanh ở Vũng Liêm, tục gọi là Bà
Huyện Xây (Lâm Ngọc Thanh). Hai Ông Bà **được**
Đức Chí Tôn độ theo Đạo. Về sau bà Lâm Ngọc Thanh
đắc phong Nữ Đầu Sư, Thánh danh là Lâm Hương Thanh.

Ngày 2-7-Bính Dần (dl 9-8-1926), **Đức Chí Tôn**
phong Ngài Thơ làm Phối Sư phái Thái, cầm quyền Thái
Chánh Phối Sư, Thánh danh là Thái Thơ Thanh.

Ngày 17-2-Quý Dậu (dl 12-3-1933), Ngài Thái Thơ
Thanh được thăng lên Quyền Thái Đầu Sư.

Cả hai nhà nghiệp chủ này vừa giàu sản nghiệp lại

vừa giàu đạo đức nên đã góp một công quả rất lớn trong buổi đầu như mua đất hiến làm Toà Thánh và các cơ sở...

Bài Thánh Ngôn Đức Chí Tôn dạy Ngài Đầu Sư Thái Nương Tinh. Đức Chí Tôn nói: *“Thiên cơ Thầy đã thố lộ nơi Thơ, rón xem đó mà liệu trong lúc sau này”*.

Ngày 08-12-Bính Dần (dl 11-1-1927) Đức Chí Tôn giảng dạy Ngài Thái Thơ Thanh như sau:

ĐS. II. 177: *“Thơ, con đừng lo lắng về Chơn thần con lắm vậy nghe...Nhiều phen Thầy nghe con vái, nhưng mà ngày giờ chưa đến nên Thầy chưa nói. Ngày nay Thầy tỏ thiệt cho con hiểu. Con là một chơn linh cùng Quan Âm Bồ Tát. Con đã hiểu rồi, vậy từ đây phải biết mình trân trọng mà trau dồi tánh hạnh nghe.*

Thầy chẳng nói căn cội của Nương e con giận. Vậy Thầy cũng nói luôn để cho anh em nhìn nhau, thương yêu nhau. Nó là Văn Thù Bồ Tát tái thế, nghe à! Nó lập ngôi vị cho con, nó đi một đườn g với con mà hành Đạo cho tới ngày hai con đến đắc quả đặng trở về cùng Thầy.

Lâm Thị Ái Nữ! như lời Thầy nói thì hai con phải thương yêu nhau hơn nữa, hầu sau khỏi thẹn với nhau, nghe con !”



5 -Ngài Nguyễn Ngọc Tương Quyền Đầu sư Thượng Tương Thanh

Đức Quyền Giáo Tông giảng cơ tiết lộ cho biết: Ngài Nguyễn Ngọc Tương là chơn linh của **Ngô Tôn Quyền tái kiếp**.

Ông Nguyễn Ngọc Tương sanh ngày 26-5-Tân Tỵ (dl 22-6-1881) tại làng An Hội, tỉnh Bến Tre, thuở nhỏ học tại Collège Mỹ Tho, rồi lên Sài Gòn đư ở Lycée

Chasseloup Laubat, đậu bằng Thành Chung năm 1902, xin làm Thơ ký phòng Thượng Thơ. Làm nơi đây được 1 năm thì xin về làm Thơ ký nơi Tòa Bố tỉnh Bến Tre suốt 17 năm liền.

Năm 1919, thi đậu ngạch Tri Huyện, được bổ làm Chủ Quận Châu Thành Cần Thơ, rồi Chủ Quận Hòn Chông (Hà Tiên), rồi đến năm 1924 thì đổi về làm Chủ Quận Cần Giuộc, qua năm 1927 đổi ra làm Chủ Quận Xuyên Mộc (Bà Rịa).

Ông nhập môn theo Đạo Cao-Đài vào tháng 2 năm Bính-Dần (1926), thọ phong **Thượng Chánh Phối Sư** ngày 17-5-Bính Dần (dl 26-6-1926). Năm 1930, thăng lên Quyền Đầu Sư.

Đầu năm 1934, ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, rút về làng An Hội lập Ban Chính Đạo và sau đó biến thành Chi phái Bến Tre.

Ngày 8-1-Ất Hợi (dl 11-2-1935), Đại Hội Vạn Linh phái Bến Tre bầu ông Tương làm Giáo Tông phái Bến Tre.

Ngày 7-4-Ất Hợi (dl 9-5-1935) cử hành Lễ Đăng điện cho Ngài Tương lên ngôi Giáo Tông ở Thánh Thất An Hội Bến Tre và từ đó Thánh Thất An Hội được gọi là Tòa Thánh Bến Tre.

Từ năm 1942 đến 1951, ông Tương thường nhập tịch trong Tịnh Thất riêng, lúc đó ông thường tự xưng là Lý Giáo Tông. (Xem “Chi phái Cao-Đài” cùng Soạn giả)



6- Ngài Lê Bá Trang

Quyền Ngọc Đầu sư Ngọc Trang Thanh

Đức Quyền Giáo Tông giảng cơ tiết lộ cho biết: Ngài Lê Bá Trang là **chơn linh Quan Vân Trùng** thời Tam Quốc tái kiếp. Người phản Đạo là **hai Ông**

Tương Trang. Cả hai tách rời Toà-Thánh ngày 5-3-1934 (Giáp Tuất)

Khi ông Trang qui ngày 30-5 Bính-Tý (dl 17-7-1936) ông Tương ~~âm~~ đi người cộng sự đắc lực, nên tuyên-bố rằng:

“Chi phái lập thành do Cơ Bút bình thường dẫn dắt, nay Chi phái đã hết phận sự thì Cơ Bút bình thường không còn hiệu lực. Chương trình hiệp nhứt gốc Đạo về Tổ Đình Tây-ninh phải lo...”

Khi đưa xác Ông Trang về Thánh Địa do Chi phái nài xin. Ông Tương thừa dịp đưa đám táng ông Trang, ông mặc áo mảo Giáo-Tông tự phong, bị Đức Hộ Pháp ra lệnh: *“Nếu Ông Tương muốn Liên Đài ông Trang vào Nội-ô để an táng phải mặc đồ thường phục, bằng không thì chẳng được vào Toà-Thánh hành Lễ Đức Chí Tôn”*.

Tội phản loạn của ông Trang bị Đức Hộ-Pháp đánh Ma-Xử vào Liên đài ba cái mà linh hồn ông bị đọa vào Lạc-Hồn-Trì nằm mê suốt ba tháng trường do Thánh giáo Đức Quyền Giáo-Tông giảng dạy. Sau ba tháng tỉnh hồn rồi trốn chạy nhập vào xác một người, rồi chạy vào Hộ Pháp-Đường để cầu xin Đức Hộ-pháp xá tội. Nhưng khi gặp Phật, hồn ông Trang nói không nên lời chỉ ú-ớ, bị Đức Ngài đánh cho một tát tay chạy mất dạng.

Đức Quyền Giáo-Tông yêu cầu: *“Nhờ Hộ pháp gấp bắt giữ giùm chờ Ngài đến độ dẫn kéo tội nghiệp”*.

Còn Ông Tương tuy c hừa chết nhưng Thánh giáo của Đức Quyền Giáo-Tông nói: *“Rồi đây Nguyễn Ngọc Tương cũng phải chịu hình phạt như thế. Vì ông Tương là chánh phạm dụ dỗ một số người bỏ Chánh Đạo chạy theo để lập Chi-phái mà Bát-Đạo Nghị Định của Đức Lý ghép vào Tả Đạo Bàn-Môn”*.

Tại sao dám nói hai vị Chức sắc này là phản Đạo?

Đây chỉ lập lại lời nói của Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh. Ông Lê-Thế Vĩnh gởi Chức-sắc và bỗn Đạo nói về ông Lê-Bá-Trang vào năm Đạo thứ tám (Đệ Bát niên) tại Toà-Thánh Tây-Ninh, ngày 29 tháng 8 năm Quý Dậu (le 10 Novembre 1933). Nguyên văn như sau:

Kính gởi cùng Chư Chức sắc Thiên-phong Nam Nữ và Chư Đạo-Hữu Nam Nữ lưỡng phái,

Kính cùng chư Hiền huynh và chư Hiền Tỷ.

*Ngày 12 Septembre 1933, **Đạo-hữu Lê Bá-Trang** là Cựu Quyền Đầu-Sư Cửu-Trùng Đài bị ngưng quyền.*

Ngày 26 Juillet 1933, có ra Châu-tri số 146 nói là can dự đến Tệ Đệ và toàn nền Chánh-trị Đạo.

Tệ Đệ chỉ buồn cười cũng bỏ qua cho Người biết xét mình mà ăn -ăn ư hỏi, dè đâu ngày 20 Septembre 1933, Người lại ra thêm một tờ Châu-tri số 147 cố ý nhục mạ Đức Quyền Giáo-Tông và nhiều vị Chức -sắc đương hành Đạo.

Tệ Đệ vẫn điềm nhiên xem coi trong trí lực thường tình của Người sau này được nảy nở được nhiều chi đặc biệt nữa.

*Thật vậy cách vài hôm sau, quả có kẻ phụ sự của Người đến Giáo-Tông-đường giựt máy đánh chữ và vu vạ, rồi thì càng ngày càng lộ, nào là nhóm ngày nhóm đêm, nào là xúi giục kiện thưa, nào là hăm dọa bỏ tù Đạo hữu, nào là lỳ cho một tháng nữa là **đuổi hết cả Quyền Giáo Tông và Hộ-Pháp ra khỏi Thánh-Địa**, nào là hiêu hiêu tự đắc khoe rằng: Chấp ba ngựa cũng thắng...*

Đầu-sư gì mà luật Đạo không thông, trách -nhiệm không biết, thậm chí kinh Cúng Tứ Thời cũng không thuộc,

Tu-hành gì mà còn giả dối, còn mưu-mô, còn quyền quyền thế thế.

Than ôi! Nếu Tệ Đệ không có phận -sự đặc biệt trong Hội-Thánh, thì Tệ Đệ đã thối bước lâu rồi, để cho họ tự quyền diệt Đạo.

... Cả bằng có Tệ Đệ đều nắm sẵn nơi tay đang đợi ngày giải kẻ phạm ra Toà Tam giáo, sẽ cho toàn Đạo biết rõ rằng: “**Hai Đạo-Hữu Lê-Bá-Trang và Nguyễn Ngọc Tương là người phản Đạo**”.

Tệ Đệ xin chư Đạo-Hữu cứ giữ phận-sự tu-hành, đừng làm nghe mà sau này ăn-năn rất muộn.

Tệ Đệ vì phận-sự quyết xin Đức Hộ-Pháp giữ nghiêm pháp luật và từ đây ngày nào còn Đức Hộ -Pháp và Tệ Đệ thì bọn Tà Thần đừng mong gì đến cửa Đạo mà dụng Tà quyền để áp bức và hãm dọa đạo-hữu...”



7- Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Ca Thanh Ngươn linh Ngài là Độc giác Thanh Ngưu

Tức là con trâu của Đức Lão Tử cưỡi.

Năm 1931 Ngài **Phối Sư Thái Ca Thanh** rút khỏi Toà Thánh Tây ninh về Mỹ Tho lập Minh Chơn Lý trong cơ Đạo phân chia Chi phái. Ngài Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang hợp tác với Minh Chơn Lý, sau đó thấy ông Ca và ông Phùng ừa dối hết cách thờ phượng, nên Ngài rút khỏi Minh Chơn Lý, xuống Bạc Liêu hợp tác với ông Cao Triều Phát mở phái Minh Chơn Đạo năm 1935.

Nguyên căn của Phối Sư Thái Ca Thanh là Độc Giác Thanh Ngưu của Đức Lão Tử giảng phàm. Truyền Trạng Phạm Văn Ngộ là Từ Giáp cùng giảng phàm với. Thanh Ngưu ở với Đức Lão Tử lâu năm nên có nhiều phép biến hóa huyền diệu (truyện Đông Du Bát Tiên).

Khi Đức Hộ-Pháp đến Ngọc-Hư-Cung lãnh ịnh xuống trần lập Đạo Cao-Đài có gặp Đức Thái Thượng Đạo-Tổ, Ngài cho biết: “*Hiện hữu sẽ bị Thanh Ngu xuống thế khảo Hiện-hữu, nhưng không sao, Lão sẽ cho Từ-Giáp xuống thế theo gìn-giữ nó*”.

Nguyên do: Đức Hộ pháp đến Cung Đầu Suất từ già Đức Lý-Lão-Quân. Ngay lúc mà Đức Hộ -Pháp mặc khôi giáp ực rỡ đến trình diện trước Ngọc Hư Cung. Thanh ngu của Đức Lão Tử kinh hoảng giựt mình chạy làm đứt dây sút lỗ mũi, chạy bay xuống thế đầu kiếp làm Nguyễn văn Ca, với ý định để trả thù Hộ-Pháp sau này, gọi là báo thù “Sút lỗ mũi trâu”.

Độc Phủ Ca, sau lập Chi phái Minh Chơn Lý chống đối Toà-Thánh Tây-ninh dữ-dội. Cuối cùng đi đến cuồng tín không còn thờ Thiên-Nhân và danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ nữa.

Từ-Giáp giữ Thanh Ngu, khi đầu kiếp xuống trần để giữ ông Ca là Truyền Trạng Phạm-văn-Ngo.

Sau đó, Đức Hộ -Pháp cho Ông Ng liên hiệp Chi phái của ông Ca để kèm giữ. Ông Ca chỉ sợ và nghe lời khuyên nhủ của ông Truyền Trạng Ngọ mà thôi. Vì thế mỗi sự việc đều có nguyên-nhân của nó. Dấu tích của ông Ca hiện hiện rõ như: lỗ mũi có theo, nơi ngực có chòm lông, đưng đầu bẹ đó, cũng như trâu thường vung sừng đưng trán đối phương.

Cuộc Ân oán đối với Độc Phủ Ca:

Lúc đầu ông Độc Phủ Ca làm Quận Trưởng Châu Đốc. Ông vâng ịnh Thực dân Pháp rùng bố các nhóm Cách Mạng chống Pháp đang lập căn cứ trong Thất Sơn, giết chết ông Cử Đa và bắt học trò của Cử Đa là Bảy Do giao cho Pháp xử tử. Chơn linh Ông Bảy Do là Phật Thầy Tây-An. Linh hồn Ông Bảy Do lên kiện nơi Ngọc Hư

Cung. Ngọc Hư Cung cho phép ông Bý Do báo oán và giao phận sự giục loạn trong nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn để trục ngoại các thành phần phản đạo, rửa ráy hàng ngũ Chức sắc cho trong sạch.

Theo luật báo oán, Ngọc-Hư-Cung cho phép ông Bảy Do báo thù ông Ca về tội sát nhơn, báo cho Ông Ca tu không được, bị khảo cho đến chết.

Lúc đương quyền thì ông Quận-trưởng nhiều uy quyền, ai cũng sợ ông Ca, riêng ông Ngọ đối xử với ông bằng tình bạn-bè thân mật vẫn gọi ông Ca bằng tiếng “mày, tao”. Ông Ngọ nói gì ông Ca cũng nghe cả (đó là người nài đối với con trâu nên cả nể nhau từ tiền kiếp đến giờ là vậy).

Khi Ông Ca chết Chi-phái này tan rã, vì không còn dấu vết gì của Cao-Đài Toà-Thánh Tây-Ninh nữa, ông Ca là người phản Đạo thứ nhứt.

Ngày 21-7-1934, tại Phạm Nghiệp, Đức Hộ Pháp cùng Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan, ông Bảy Do nhập cơ:

BẢY DO

“Kính chào chư vị Đại Đức và chư Đạo hữu,

- Xin cho biết phẩm vị.

*- **Thần.** Thầy của Bần tăng mắc chuyển cơ đặng giáo hóa TRANG, TUÔNG, nên đến không đặng, mới sai Bần tăng thưa lại cùng chư quý vị.*

*Thưa Đức Hộ Pháp, Bần tăng lấy làm bất nguyện vì buổi nọ Ngọc Hư Cung **ban lệnh cho trừ diệt Phủ CA đặng báo oán.** Bần tăng đã dụ nó vào Cẩm Sơn và định đưa luôn vào ngục thất đặng sát hại, nào dè có lệnh Chí Tôn mật chỉ không cho sát mạng. Sau Bần tăng muốn nhập thể nó làm cho nó điên cuồng rồi bắt nó tự ải, nào dè Chí Tôn lại binh vực cấm ngăn thêm nữa, chỉ cho hành bệnh mà thôi. Nay nó bị điều tàn cơ giả Đạo nên mang bệnh*

thất tình, tưởng khi Bần tăng cũng còn phương tẩy hận.

Ngài nín nấp lóng tin thì hiểu rõ hành tàng mọi lẽ. Còn hai ngòìi TRANG, TƯỜNG thì Ngọc Hư Cung cho khảo. Thần dâng phép thử, khử tà trừ trược đủ ba năm khảo án, rồi dạy dỗ cho nó trung tâm, rồi cho trở lại Hội Thánh.

- Không. Cười! Hạng Thiên Thánh mà vào phẩm Đầu Sư saoặng. Bần tăng tưởng khi Ngài hiểu điều ấy chán chường, chẳng cần đề luận. Họ chỉ lãnh Hàm phong là may mắn lắm đó.” (sưu tập của Quang Minh)



E- Phần ngoại lệ:

1-Trạng-Trình Nguyễn Bình Khiêm là chơn linh của Quan Âm Bồ Tát

Ngài đứng đầu trong Tam Thánh, ký Hoà-ước với Đức Chí-Tôn. Ngài là Sư Phó của Bạch-Vân Động.

Nay, Tam Thánh đại diện cho nhân loại, vâng lệnh Đức Chí-Tôn ký Hoà ước với Đức Chí-Tôn thực hiện cho được hai điều: BÁC ÁI – CÔNG BÌNH. Ba vị Thánh là:

1. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.
2. Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ.
3. Đức Tôn Trung Sơn.

Là đại diện của Hội-Thánh Ngoại-Giáo, các Ngài là *những* Thiên mạng truyền giáo Ngoại quốc (Missionnaires étrangers) cho nên ~~trong~~ ảnh hưởng ở Hiệp Thiên-Đài, dạy ~~nứt~~ ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi Thiêng liêng của các Ngài..

Ba vị Thánh là:

1-Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ: Ngài giảng trần ở Việt-Nam là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585).

2-Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn: Ngài giáng trần tại nước Pháp là Đại văn hào Victor Hugo (1802-1885).

3-Đức Trung Sơn Chơn nhơn: Ngài giáng trần ở Trung Hoa là nhà Cách mạng Tôn Dật Tiên, tức là Tôn Văn (1866-1925)

Ba vị Thánh kể trên là Người của Bạch Vân Động.

BẠCH VÂN ĐỘNG là gì?

Đức Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động:
“Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu (Mặt Trăng) là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới (Địa cầu) đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với Địa cầu, để quen lặn với đời sống ở thế gian này.

Từ cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung). Cơ giáng ở Âu Châu, mệnh danh là LOGE BLANCHE (Bạch Động). Giáo chủ của Bạch Vân Động là Bạch-Vân Hòa-Thượng, miêu duệ của Tì-Hàng Đạo -Nhơn, đồng đởi Đức Phật Quan -Âm. Bạch Vân Hòa Thượng đã **hai lần giáng trần ở Pháp và một lần ở Việt-Nam.**

- Một lần là Hồng Y Giáo Chủ Richelieu.
- Một lần là Quận Công La Roche Foucault.
- Ở Việt-Nam, Ngài giáng **ần** là **Trình Quốc Công Nguyễn Bình Khiêm, tức gọi Trạng Trình**”.

“Chính Trạng-Trình là chơn-linh của Quan Âm Bồ Tát cảm quyền điều-khiển cả thời-gian mới hiểu rõ”.



2-Ông Cao Quỳnh Tuân ngu ợn linh là Xuất Bộ Tinh Quân ở Thượng giới

Ông Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của các Ngài Cao Quỳnh Diêu (Bảo Văn Pháp Quân Hiệp Thiên Đài) và Cao

Quỳnh Cư (Thượng Phẩm Hiệp Thiên Đài).

Cơ Phổ Độ ngày nay, chính ông là người đến trước tiên trong việc Xây bản. Ông cũng là người vén màn bí mật để làm niềm tin cho ba vị tiền khai Đại-Đạo là ba ông Cư, Tắc, Sang (sau là Thượng phẩm, Hộ Pháp, Thượng Sanh) qua bài thi **Tự thuật**.

Ông Cao Quỳnh Tuân làm Cai Tổng Hàm Ninh Thượng và mất lúc Ông Diêu được 14 tuổi.

Ngày mừng 6-8 Bính-Dần (dl 12-9-1926) Đức Chí Tôn giáng ~~đ~~ riêng Ngài Cao Quỳnh Diêu (hiệu Mỹ Ngọc) sau đó cho Xuất Bộ Tinh Quân Cao Quỳnh Tuân, thân phụ của Ông Diêu và ông Cư giáng cơ dạy tiếp.

Phò loan: Cao Hoài Sang – Cao Quỳnh Diêu.

THẦY (Đức Chí-Tôn)

“Mừng mấy con: Mỹ Ngọc! Từ đây việc nhà con an ổn, dầu điều chi nhớ để ý rằng có Thầy bên con.

Đặng một việc chi chớ vội mừng, thất một việc chi chớ vội buồn, vì sự buồn vui và sự buồn tủi thường pha lẫn kế cận nhau, còn sự gì phải đến cho con, ấy là tại nó phải vậy, chớ cưỡng cầu mà nghịch Thánh ý Thầy. Hãy xem dò theo đây mà dạy trở trong bước đường Đạo:

THI

*Mối Đạo từ đây ráng vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đình ninh.
Lòng thành một tấm Trời soi xét,
Gương rạng nghìn thu nguyệt chiếu minh.
Gai góc lần đường công trước gắng,
Thảnh thơi có lúc buổi sau dành.
Vòng trần chìm nổi từ đây dứt,
Công quả tua bền độ chúng sinh.*

Đức Chí-Tôn

Thầy sẽ cho Xuất Bộ Tinh Quân đến nhập cơ. Thăng

Tái cầu:

CAO QUỲNH TUÂN

Mừng mấy con và mấy cháu,

Diêu! Từ đây Thầy (1) lấy làm vui mà thấy con
đặng để bước vào đường Thánh Đạo. Vậy hãy ráng tu
hạnh hầu phục hồi cựu vị.

Thầy rất vui mà thấy Cư và con đã đem tâm nhiệt
thành cứu độ nhơn sanh khỏi dòng khổ hải. Ấy cũng số
phần rất may mắn của lệnh Ngọc-Hoàng đã định cho con
và Cư, Tắc, Sang.

Vậy thầy có mấy lời thiết yếu cùng con sau đây:

Cựu vị ngày xưa đã có rồi,

Đường về chớ bỏ há con ôi!

Công trình chớ nệ xây nền Đạo,

Phước mỏng đâu hay bởi tứ Trời.

Đức trước hưởng rồi tua trả đức,

Ngôi sau gìn ắtặng an ngôi.

Từ đây son sắt vì sanh chúng,

Cảnh tịnh mai sau cũngặng ngôi.

(Thầy là Cha: Cao Quỳnh Tuân)

Thầy đã an lòng cho con và Cư, còn ĐỨC, AN,
THÂN, thì có ịnh Thượng Đế định phần cho chúng nó.
LƯỢNG từ đây phải ở nơi Lôi Âm Tự mà châu Phật Như
Lai và nghe ịnh, chừng có ịnh Thượng Đế đòi sai trần thì
nó sẽ về cùng con đặng. Thầy kiếu mấy con



**3-Ông Hữu Phan Quân Lê văn Thoại
là người linh của Nhan Hồi.**

Nhắc lại việc Đức Hộ-pháp giao sứ mệnh cho ông
Lê văn Thoại cầm cờ Bến-Hải:

(Trích tài liệu của ông Thanh-Minh)

“Trước sự hiện diện của Ngài Hồ Bảo-Đạo và ông Lê-Văn-Thoại, Đức Hộ-pháp đưa ra **gửi** pháp cần chọn người ra Bến hải cạm cờ trên cầu Hiền Lương. Đức Ngài vừa dứt lời thì hai ông đều tỉnh ngộ nên ra đi:

- Ông Hồ Bảo-Đạo nói:

“Tôi đã già sống đến tuổi này cũng đã thỏa mãn, nếu có chết cũng không còn luyến tiếc điều gì nữa, còn Thoại, em nó còn trẻ để nó sống hầu phục vụ nền Đạo có lợi hơn”.

Phản ông Thoại nói:

- *“Tôi dốt nát ít oi, nếu có sống cũng không ích gì, để Ngài Bảo-Đạo sống gần Thầy có lợi hơn. Như giao thiệp chính quyền hai miền hay đi Hội Nghị quốc tế, tôi làm sao mà làm tròn phận sự được”.*

Cuối cùng Đức Hộ-Pháp nhận ông THOẠI và nói: *“Nó có Thiên mạng cạm cờ Nhan Uyên ở Bến Hải”.*

Chơn Linh nhập thể

Đức Hộ-pháp hành pháp: ạy 4 vị Chức sắc mỗi người đứng một góc, nắm tám vải đỏ để trên đầu ông Thoại. Đức Ngài hành pháp kêu **chơn linh của Nhan Hồi nhập vào xác Lê-văn-Thoại**.

Ngài hỏi *“Con có cảm giác gì không?”*

Ông Thoại đáp: *Thưa con có nghe nổ một tiếng lớn trên Nê-hườn-cung.*

Như vậy là đắc pháp! Nói xong Đức Ngài rất vui vẻ vì đã có người dùng trong Giải pháp Hoà Bình Chung Sống mà Ngài chủ trương.

Sau có thêm ba ị nữa xin được tháp tùng làm sứ mệnh, tất cả là bốn vị: THOẠI, KỶ, ĐÀI, LỢI. Chuyến đi này ất nguy nan như Kinh Kha thích khách ầ -Thị Hoàng thuở nọ. Nhưng sau cùng nhờ Huyền diệu Thiêng liêng che chở nên mỗi người phải chịu 6 năm tù từ 1956-

1962 chứ lẽ ra đã mất mạng cả rồi vì thời-kỳ này là thời kỳ gắt gao, chủ trương diệt Đạo Cao-Đài để đưa Công giáo lên hàng Quốc Đạo!

NHAN UYÊN KỶ:

Nhan-Uyên-Kỷ là cò của Thầy Nhan Hồi tự là Nhan Uyên, học trò thứ nhứt của Đức Khổng Tử. Ông là người cần mẫn, thức khuya dậy sớm, học Kinh Thi, chuộng kinh Lễ, làm việc gì không làm lỗi hai lần, nói điều gì không cầu thả. Khổng Tử khen là người có nhân. Nhưng cuộc đời ông chỉ sống đến 31 tuổi thì mất. Sử ký của Tư Mã Thiên viết về Nhan Hồi như sau:

“Trong 70 môn đồ, Trọng Ni chỉ khen riêng Nhan Hồi hiếu học, mà Nhan Hồi (Uyên) thường xác xơ, ăn hẩm hút mà cũng không được no, lại chết yểu. Trời kia báo đáp người thiện mà như vậy ư?”.

Thật ra thì cò Nhan-Uyên không có, chỉ có trong lý thuyết mà thôi. Một hôm trước hàng Môn đồ, Đức Khổng Tử đưa ra một đề tài để thảo luận. Giả thiết rằng trong nước có loạn thì làm cách nào để trị loạn hay nhất?

Trong hàng Môn đồ người trả lời cách này, kẻ trả lời cách kia. Chỉ có Nhan Hồi là đưa ra ý kiến: làm một cây cờ trắng xông vào chốn ba quân, kêu gọi hai tiếng trách nhiệm chấm dứt đổ máu.

Ý kiến đó được Đức Khổng Tử cho là kế hay hơn cả. Kết luận câu chuyện của Đức Phạm Hộ Pháp nói với ông Trứ là:

“Mấy em nếu có chí can đảm đến Thái Bình dương sẽ gặp Thầy là buổi sau này kìa. Dầu cho Thượng Sanh chừng đó có can đảm đến đó sẽ gặp. Bằng chẳng vậy, cây cờ CỨU THỂ của Thượng Sanh về tay kẻ khác hay là qua sẽ đến giữa trận giặc toàn cầu thứ ba”.

Trong câu chuyện của Đức Hộ Pháp nói với ông

Đình Công Trứ, cai trường Qui Thiện ngày 12-8-Đình Hợi (1947) như sau:

“Nhan Hồi buổi nọ cố công thật hành lý-thuyết bình đẳng nhân loại, tránh nạn tương tàn tương sát nòi giống, nhưng rốt cuộc chưa làm được thì chết”.

Ngài nói tiếp:

“Em biết cây cò trắng truong nó lên để làm gì? Biểu hiện ấy có phải để cứu nhân loài không? Chỉ một ngày kia, Thượng Sanh ra mặt đời là cây cò Cứu Thế, còn Thượng Phẩm cây cò Cứu Khổ. Qua đã thay cho Thượng Phẩm gây dựng đào tạo. Thầy trò ta đã chung chịu cực khổ, từ khoảng rừng xanh ít người lai vãng. Mà buổi nọ Qua vắng mặt, em đi ngược Thánh ý của Qua”.

“Cây cò trắng dùng để khi nước nhà nòi giống ta xô xát, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy là giá trị của nó. Ngày giờ nào có kẻ thất thế, yếu cô, rách rưới, lang thang, đói cơm, khát nước, khổ não tâm hồn của nòi giống, không ai bình vực che chở. Chừng ấy nhiệm vụ trọng yếu của Thầy trò ta phải ra gánh vác. Đó là CƠ CỨU KHỔ thực hiện”.

Phong trào Hòa Bình Chung Sống do các ông THOẠI, KỶ, ĐẠI, LỢI tổ chức Ban Túc trực Bến Hải cấm cò Nhan-Uyên tại đó kêu gọi hai miền Nam Bắc sớm thống nhất, bị chánh quyền Ngô Đình Diệm giải tán.

Cũng nên biết vào ngày 23-10-1961 Sĩ Tài Phạm Duy Nhung thừa Ủy-quyền của Đức Hộ Pháp họp báo tại nhà hàng Soái Kinh Lâm (Sài gòn) công bố các bức thư gởi qua Mỹ, Anh, Pháp (trong Hội nghị Genève) có đoạn viết *“Chúng tôi tin tưởng sự chân thành của quý quốc với đại danh là liệt cường luôn luôn có ý chí giúp đỡ dân tộc chúng tôi mà không vụ lợi”* ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt và tra tấn đến chết.



4-Thượng Phối Sư Thượng Vinh Thanh Ngươn linh Francois Hugo đệ tử Bạch Vân Động

Tiền kiếp ông Trần Quang Vinh là con của Đức Victor Hugo -Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Chính Đức Victor Hugo Ngài có giảng Cơ nhìn con, là ông Trần Quang Vinh. Sau, ông Trần Quang Vinh đắc phong vào phẩm Phối sư phải Thượng là Thượng Vinh Thanh.

Ông Trần Quang Vinh đạo hiệu Hiên Trung là con của Đức Victor-Hugo hồi tiền kiếp

Ông Bà VICTOR-HUGO giảng Cơ nhìn Con:

Nguyên văn bài Cơ chữ Pháp: (Hiên Trung sao lục ra đây để lưu kỷ niệm. Đây bài của Đức Chưởng Đạo giảng đàn đêm 30-12-1931, hồi 23 giờ, có đăng trong quyển lịch sử “Les Messages Spirites de la 3ème Amnistie de Dieu” trang 63)):

Saigon 30-12-1931, (23 h)

Chez le grand Dignitaire Thái Thơ Thanh à Tân Định, Saigon.

Médiums: Hộ-pháp et Văn Pháp.

*Présents à la séance: Le Pape Intérimaire Qàny
Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, Chánh Phối-Sư Thái thơ
Thanh, Giáo ~~hi~~ Thượng Vinh Thanh et quelques
Dignitaires*

Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ou Victor Hugo

Bonjour mes grands frères,

Et la Mission Étrangère

Viens Hiên Trung mon enfant,

Voilà ton nom est maintenant grand,

Viens recevoir la bénédiction de ton père

*La lignée des Hugo a le droit d'être fière
Tu as assez vu n'est-ce pas?
La France est vraiment grand Etat,
Oh! Ne te plains pas de son ingratitude,
Quoiqu' Elle soit France, Elle garde cette habitude.
Tu lui as rendu un grand service,
Et, en religion , tu n'es que novice.
Pauvre garçon! Tu m'as fait tant souffrir au berceau,
Et tu me paies maintenant d'un renom des plus beaux
Ta mère a promis de venir
Avec moi, elle voudra te benir*

*Nous parlerons plus amplement au Saint-Siège.
Au revoir et à tantôt.*

Bài dịch ra Việt văn:

Muốn cho chư đọc giả dễ hiểu, nên xin tạm dịch ra đây bằng Việt văn, điệu “Song thất lục bát” cũng cố gắng cho sát ý nghĩa, chư đọc giả nào rành hai thứ chữ Pháp Việt, xin bảo cho tác giả nếu có điều sơ sót, xin đa tạ.

Sai gòn, đêm 30 -12-1931 (23 giờ) tại Biệt xá ông Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh ở Tân Định.

Phò loan: Hộ Pháp và Văn Pháp

Hầu đàn: Q.Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, Chánh P.S Thái thơ Thanh, G.H Thượng Vinh Thanh và vài C.S.

***Chường Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn
hay Victor Hugo***

Chào chư Đại Huynh và Hội Thánh Ngoại giáo.

HIỀN TRUNG con ! Lại đây Thầy dạy,

Tuổi tên con nay đãng chói lòe,

Huê ân con nhận nơi Cha,

Có quyền hãnh diện giòng Ta với đời.

*Con đã thấy bao thời Pháp thuộc,
Được các nơi tôn bậc Đại cường,
Phiền chi con, kẻ vô ơn,
Mặc dù danh vọng cũng còn thói quen.*

*Ân lớn kia một phen con trả,
Khi mới vào lập quả đường tu,
Nuôi con CHA lắm công phu,
Giờ đây mừng trẻ đền bù vinh quang.
MẸ con hứa đến trần gian,
Cùng CHA thăm viếng ân ban con hiền.*

Thăng

Trong hai câu ầu bài Thánh giáo trên Đức
Chưởng Đạo báo cho hay rằng BÀ VICTOR HUGO, tức
là MẸ kiếp trước của HIỀN TRUNG, hứa ban ơn cho con.

Lần lượt, ngày qua ngày, cho tới hơn một năm sau,
mới có dịp cho Bà giảng tại Kiêm Biên đêm 16-02-1933,
do Đức Hộ-Pháp và ông Cao Tiếp Đạo phò loan.

Sau đây là nguyên văn bài thi ăng Pháp văn. Tác
giả cũng tạm dịch ra Việt Văn theo điệu “Song thất lục
bát”. Có đăng trong quyển lịch sử “Les Messages Spirites
de la 3ème Amnistie de Dieu” trang 73:

Phnom-Pênh, le 13 Février 1933 (22h)

(Chez Chánh Đức)

Médiums: Hộ-Pháp et Tiếp Đạo.

Présents à la séance: Giáo sư Thượng Bửu Thanh,
Giáo-Sư Thượng Vinh Thanh, G.S. Thượng Chữ Thanh.

VICTOR HUGO

Bonjour mes frères et soeurs.

Charles et Francois, votre mère vient.

Madame VICTOR HUGO née Adèle FOUCHER

Debout mes enfants. Pleurs!

*Je ne suis pas contrarier de ma vie
La volonté de votre père,
Surtout dans ses actes humanitaires
C'est toujours contre la tuerie
Qu'il a lutté.
Après sa mort, il n'abandonne pas son projet,
Il vous envoie continuer ses oeuvres
Parmi ceux qui vous ont reniés.
Par ingratitude, ils accumulent les pires
 manoeuvres
Les calomnies et les iniquités.
Qu'a-t-il pu obtenir comme resultat?
Il a toutes les facultés de connaître dans l'Au-Delà
Non, il persiste malgré mes pleurs
A vous envoyer dans ce monde de terreur*

*Vacquerie lui aussi se reincarne;
Il se dit souvent que cette terre est son charme.
Il va être grand homme d'Etat.
Il suit la trace de Léopold dans les Pays-Bas
Adèle ne veut plus souffrir,
Pour vous voir seulement, elle refuse de venir.
Elle dit que le souvenir est cuisant,
Elle ne veut revoir le monde des vivants.
Au revoir*

Bài dịch ra Việt văn:

Victor Hugo phu nhân, nữ danh Adèle FOUCHER

Này hai con bình thân nghe dạy!
Đồ lụy thương MẸ phải đến đây,
Xét ra đời MẸ bao ngày,
Giữ tròn bốn phận đấng cay cùng chồng.

Ý CHA con MẸ không dám trái,
Bởi việc làm Nhơn ngãi của Người.
Đấu tranh chống giết muôn loài,
Về Tiên, người cũng chưa nguôi mộng lành.

Nên giao con sở hành tiếp tục,
Lắm những người xúi dục không nhìn,
Bày trò bạc nghĩa vô tình,
Muru mô bất chánh để mình con cam.

MẸ hỏi thử có đem kết quả?
Cõi Thiêng liêng Người đã rõ thông,
MẸ dù than khóc cũng không,
Chí Người cương quyết gởi con xuống trần.

Vacquerie riêng phân tái kiếp,
Đến thế gian cho hiệp với lòng,
Đại Thần nó sẽ nên công,
Hoà Lan giúp nước theo giòng Léopold

Adèle sợ tâm hồn thêm khổ,
Nên không về hội ngộ cùng con,
Và rằng kỷ niệm xưa còn,
Đau thương lắm cảnh héo hon lòng người.

Nên không muốn thấy cõi đời,
Con người sống nữa để rồi khổ thân.
Thăng.

(Bài này có trong Huyền Diệu cơ Bút II, chưa in)
Ông là người lập ra Quân Đội Cao-Đài:
Nhắc lại: Mấy tháng cuối năm 1945 đến mấy tháng

đầu năm 1946 là giai đoạn nguy khốn nhất của Đạo Cao Đài. Pháp tàn sát Đạo để trả thù đảo chánh. Còn Việt Minh tàn sát Đạo vì buộc tội theo phát xít Nhật. Một đảng giết mà có điều kiện dàn xếp, còn một đảng giết không có điều kiện giải quyết.

Sau khi được một số tín hữu ở Cà Mau giải thoát khỏi nhà giam Việt Minh, ông Trần Quang Vinh về Saigon ẩn náu được vài ngày thì bị Pháp bắt giam tại bót Catinat cùng một số C hức sắc. Trước tình cảnh bi đát đó, ông buộc lòng phải nhận lời của Pháp, dàn xếp với điều kiện phải kêu gọi hai Chi Đội 7 và 8 trở về thành lập Quân đội tự vệ Cao Đài thì Pháp sẽ cho Đạo được tự do tín ngưỡng.

Việc hiệp tác với Pháp buổi đó ngoài ý muốn của mọi người, nên anh em ở chiến khu còn dè dặt chưa quyết định dứt khoát vì không hợp nguyện vọng của họ. Nhưng dầu muốn hay không cũng phải gỡ rối cho Đạo lúc khó khăn. Anh em chỉ về hiệp tác một số ít, phần đông ở lại đề phòng mọi sự bất trắc có thể xảy ra, nếu người Pháp không thật tâm.

Thỏa hiệp ký kết với Pháp ngày 9-6-1946



5- Bà Giáo Sư Trần Hương Phụng nguyên linh Khổng Minh đời Tam Quốc Trung Hoa

Bà Giáo Sư Trần Hương Phụng, tức Kim Phụng, Đạo hiệu Ứng Quân, Chương Quân Nữ Phái Hội Thánh Ngoại Giáo, Thánh Thất Kiêm Biên Phnom-Pênh. Bà là bậc Nữ lưu có tài giỏi về thi thơ cũng làm cho Nam giới kính nể. Bà đảm đang, nhiều trực tính nên cương quyết. Chồng Bà là người Pháp tên Batrya. Bà Hương Phụng cùng một thời với Bà Hương Thanh. Hai Bà có xướng họa thơ văn

Bà Hương Thanh xướng bài chữ “ĐẠO”:

*ĐẠO nguyên một gốc nảy sanh ra
ĐẠO mở kỳ này ấy thứ ba
ĐẠO giáo rộng quyền do bút Thánh
ĐẠO căn vun đắp tự lòng ta
ĐẠO lo trỗi bước lên đường Chánh
ĐẠO chớ làm chơn tới nẻo tà
ĐẠO Lão, Đạo Nho và Đạo Phật
ĐẠO nguyên một gốc nảy sanh ra*

Nữ Thi-sĩ Trần-Kim-Phụng cũng nổi tiếng trong cửa Đạo lúc bấy giờ. Bà thuộc Họ Đạo Kiêm Biên (Nam Vang). Họạ nguyên vận bài thơ trên:

*ĐẠO vẫn một nguồn bũa khắp ra
ĐẠO qui Tam giáo độ kỳ ba
ĐẠO mâu chống vững tinh thần nước.
ĐẠO pháp bao đồng thế giới ta
ĐẠO chỉ nhiệt tâm vì nghĩa vụ
ĐẠO do chơn lý khứ gian tà,
ĐẠO tâm cội đức mà tu tỉnh
ĐẠO vẫn một nguồn bũa khắp ra*



6- Ông Batrya Ngươn linh là Mạnh Hoạch

Ông Batrya là chồng của Bà Trần Kim Phụng, một Nữ Chức sắc Chương quản Hội Thánh Ngoại giáo ở Kiêm Biên Tông Đạo (Nam vang). Tiền Kiếp Ông Batrya (Đạo Hữu người Pháp) ở vào đời Tam Quốc, bị Khổng Minh bắt 7 lần mới chịu phục. Nay tái kiếp làm chồng Bà Trần Kim Phụng tức Khổng Minh, giúp Bà hành Đạo.

7- Ông Lò Ngươn linh là Thổ Hành Tôn

Gọi là Ông Lò (không nhớ tên) thường quen gọi như thế. Người có mặt ngay từ buổi mới Khai Đạo, ở luôn trong Nội Ô Toà-Thánh. Người công quả rất lớn, chuyên lo nấu nước tại nhà lò Trai đường và hốt thuốc Nam cho công quả làm Đền Thánh uống. Nguơn linh Người là *Thổ Hành Tôn*, đời Phong Thần, Hội Thánh có lần đem danh sách Người xin cầu phong, nhưng Đức Lý Giáo Tông cho biết Người là một vị Tiên giáng trần đi chơi, không có tên trong Tam Kỳ Phổ Độ, nên không phong tước phẩm cho Ông Lò.



**Đức Hộ-pháp chuẩn bị Trấn pháp
cầm nhành Dương và Cam lồ Thủy**

CHƯƠNG III

A- LỄ TRẦN THẦN & HÀNH PHÁP

Pháp Đạo ngày nay khi Trần Thần hay Trần pháp thì dùng NƯỚC TRẮNG để luyện thành NƯỚC PHÁP gọi là MA-HA-THỦY.

Trần Thần là dùng phép Huyền diệu của Đức Chí Tôn ban cho để ban rải thanh điền vào một vật, khử trừ các trược điển và đưa một vị Thần đến trấn giữ, không cho tà quái xâm nhập khuấy phá. Nơi cửa Đạo, Đức Hộ Pháp trấn Thần các Dinh thự như: Trần Thần Đền Thánh, Báo Quốc Từ, Chợ Long hoa...Trần Thần trên vật như Áo Mào của Chức sắc...

Hành pháp là trên hài cốt đối với người giữ Đạo đã qui Thiên gọi là hành phép xác; với Chức sắc gọi là hành pháp độ thăng... tất cả các Bí-pháp này có được trong buổi Đại Ân Xá của Chí-Tôn mà thôi.

Ma Ha thủy 摩訶水

A: The Holy water.

P: L'Eau bénite.

1-Ý nghĩa của Ma Ha Thủy:

Ma Ha thủy, nghĩa đen là nước của con sông lớn linh thiêng ở Ấn Độ, đó là sông Gange, tức là Hằng hà. Đây là con sông mà Đức Phật Thích Ca xuống tắm, tẩy trần và đạt Đạo.(*Ma Ha*: do tiếng Phạn phiên âm: lớn, đại. *Thủy*: nước). Nơi Tây Ninh Thánh Địa thì sông Cẩm giang tương lai cũng sẽ là huyền diệu như sông Gange vậy.

Trong Đạo Cao Đài, Ma Ha thủy là nước đã được làm phép, dùng trong hai Bí pháp:Tắm Thánh và Giải oan Sách “Bí Truyền Chơn Pháp” các Ngài dẫn giải về Ma Ha thủy và cách luyện Ma Ha thủy để dùng trong Phép Tắm

Thánh và Giải Oan. Nguyên văn như sau:

“Khi Đức Phật Tổ từ ngôi báu, tầm Đạo, thì Người gặp phải manh sư truyền giáo, cố lấy phương ép xác **đặng** đạt huyền diệu thiêng liêng. Người tập tuyệt thực, ngồi tại hòn núi chịu khổ hạnh 6 năm, thân hình yếu ớt, sức lực hao mòn, đến đổi ngày cùng tận của Ngài duy có ăn một hạt cơm mà thôi (theo lời kinh nói). Buổi ấy cái thảm tượng sắp chết của Ngài hầu đến, thoát nhiên có một người tiều phu đến nơi núi của Người đang trì định; lần đến bên Người, ôm đòn, đòn một điệu rất nên hòa nhã thâm thúy không cùng, nhưng có một điều là lên dây đòn quá thẳng, làm cho đến khúc hay thì đứt dây loan. Đứt rồi nói, nói rồi lên thẳng, đòn lại đứt nữa, chẳng biết mấy lần, làm cho Phật đang nhập thiền trì định phải tỉnh hồn, day qua mà than với ông ấy rằng: Ông đòn thì hay mà lên dây chỉ cho cao quá, mỗi lần hay phải đứt dây, thì cái hay ấy phải mất đi sự tuyệt diệu, tôi rất nên thương tiếc.

Ông tiều ấy liền trả lời rằng: Tiếng Đòn của tôi hay cũng giống như sự tu của Phật. Dây đòn của tôi lên cao quá nó phải đứt thì cái hay của nó chẳng hữu ích chút nào; còn sự tu của Phật, nếu cái cao siêu huyền bí của nó mà đạt cơ bất diệt, cái cao của nó cũng phải chết theo Phật, còn chỉ cứu thế độ đời.

Thốt như thế rồi liền đứng dậy xách đòn mà đi (Kinh cho rằng ông ấy là Bồ Tát đến kiến tánh cho Phật). Mấy lời ấy làm cho Phật tỉnh giác, biết mình làm theo Tà pháp Bàn môn, **lê** n đứng dậy, vội vàng xuống núi, làm cho bốn vị Đệ tử theo bên Người, mong cho thấy Người đạt pháp. Khi thấy Phật xuống núi mộng phàm thì ngã lòng thối chí, bỏ Phật không làm Môn đệ nữa.

Trước khi Phật xuống núi, nơi xứ của Phật tu có một vị thiện nữ giàu có sang trọng, nuôi thú vật rất nhiều.

Ban đêm nằm mộng thấy một vị Bồ Tát dặn rằng: Ngày ấy, giờ ấy, sẽ có Phật tại rừng Bồ đề, nàng phải bắt 72 con bò cho ăn bông mai mà thôi, vắt sữa 72 con bò ấy, cho 12 con uống, rồi vắt sữa 12 con cho một con uống, lấy sữa của con ấy đựng vào Bình bát vàng đem dâng cho Phật.

Khi Phật bộ hành đến mé rừng Bồ-đề thì mệt mỏi quá, thân hình rã rời, thân sắc lờ mờ, sa vào một cội Bồ đề mà chết giấc, nhờ chết giấc ấy mới xuất thần đăng hội diện cùng chư Phật, thấy rõ trước mắt Địa ngục, Niết Bàn. Ấy là giờ của Người đạt pháp. Duy lạ một điều cả cảnh tượng ấy mịt mịt mờ mờ, Người không gần đăng. Thoạt thấy một vị Bồ Tát dặn rằng: Thân phàm xác của Người và chơn thân của Người đã chịu nhiều quả kiếp cho nên ô trược nhớp nhơ, khi tái nhập thể trần, phải đến sông Ma Ha ấy trước. Trong cơn ấy, người đàn bà bụng bình bát sữa vừa đến rừng Bồ đề, tìm chẳng thấy ai khác hơn là một thầy tu nằm dựa gốc cây mà chết, sờ nơi ngực còn nghe hơi ấm của trái tim, vội vàng tất cả cùng ra tay hô hấp.

Phật vừa tỉnh dậy thì nàng dâng bình bát sữa cho Người. Phật uống đăng bình bát sữa ấy rồi trụ Thần, định Khí, mạnh lại như xưa.

Ấy là cơ hiệp Tam bửu: Tinh – Khí- Thần hiệp nhưt. Tinh là hình hài, Khí là chơn thân, Thần là chơn linh. Nhờ Tam bửu phối tể, người định giác lần lần, thấy đăng cội Hư linh và cảnh phàm trần xa nhau không đầy một sợi tóc. Thăng thì đến cội Hư linh, đọa thì sa vào phàm tục.

Khi đã định tâm đạt Pháp rồi, Phật liền nhớ lời Bồ Tát dặn, nên lần hồi tới bãi sông Gange, nhưng có một điều lạ là chơn thân và xác thịt của Ngài chưa trọn tương liên hòa hiệp, nên người mờ hồ chưa biết chắc mình đã quả nhiên đạt Pháp.

Xuống tắm sông Gange rồi lên khỏi bờ, cầm Bình Bát vu nơi tay mà vái ằng: Nếu quả nhiên tôi đã đặng đạt Pháp, xin chư Phật cho cái Bình Bát Vu này trôi ngược dòng nước.

Nói rồi, Người liệng Bình-Bát-Vu giữa dòng thì Bình-Bát-Vu từ từ trôi ngược dòng nước.

Phật mừng quá, ngoắt nó vô bờ, cầm Bình Bát Vu mà nói rằng: Nước sông Gange sẽ rửa sạch oan nghiệt tội tình của kiếp sống “*Ma Ha thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa*”.

Kể từ ngày tắm nơi sông Gange rồi thì mỗi phen tri định xuất thần, Phật mới đến đặng gần chư Phật, nhập vào đặng Tây Phương Cực Lạc. Ấy là nhờ **Phép Giải Oan** mà đạt vị.”

2-Cách luyện Ma Ha Thủy Hành Phép Giải Oan

(Baptême de l'eau)

"Múc một tô nước lạnh để tại Thiên bàn. Người hành pháp đứng, định thần ngó ngay lên Thiên Nhãn, vẽ bằng con mắt chữ (.) trong con người của Thiên Nhãn, rồi co chơn trái lên vẽ chữ (.), đạp trên chữ (.) ấy, rút chân mặt ký chữ Đinh, gọi là đạp Đinh Giáp.

Khi hành pháp rồi tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp để trên tô nước, buông ấn ra, co ngón tay giữa vẽ bùa (.) đoạn ngay tay ra truyền thần xuống nước, niệm câu chú: “*Ma Ha thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa*”. Nhắm mắt định thần đợi thấy Thiên Nhãn giáng trên mặt nước thì xả Ấn liền rút tay ra liền.

Cầm tô nước tay mặt, đến trước mặt người Giải oan biểu cúi đầu xuống, lấy con mắt vẽ chữ (.) ngay Nê Hoàn.

Hễ vẽ vừa rồi liền chụp ngay ngón tay trái lên mỏ ác gọi là **ẤN NGŨ-HÀNH SƠN**, vừa chụp vừa niệm câu Chú này: “Úm Ma ni bát ri hồng”. Đoạn cầm tô nước đổ xuống ngay mỏ ác mà niệm: Nam mô Phật; giọt thứ nhì: Nam-mô Pháp, rồi trút hết tô nước niệm: nam Mô Tăng. “Nam-Mô CAO-Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma-Ha-Tát”.

Hành Phép Tắm Thánh

(Baptême de l'eau)

Phép Tắm Thánh cho trẻ nhỏ cũng vậy, nhưng vừa niệm câu chú “**ÚM MA NI BÁT RI HỒNG**” phải niệm tiếp câu này: “Đây là con cái Thiêng liêng của Thầy, xin Thầy gìn giữ trong sạch vậy hoài”.

Đoạn cầm tô nước đổ xuống ngay mỏ ác mà

- Niệm Nam Mô Phật.
- Giọt thứ nhì niệm: Nam mô Pháp.
- Rồi trút hết tô nước niệm: Nam mô Tăng.

“Nam-Mô Cao-Đài Tiên Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát”

CHÚ GIẢI PHÉP XÁC

(Mystère de la délivrance)

Sự sống của con người do nơi Khí Sanh Quang (Vialité) nuôi nấng. Khí Sanh Quang nơi mình chúng ta tu tại 7 khiếu làm nên điện lực. Hễ còn điện lực thì thi hài còn vận chuyển, sanh hoạt, dứt điện lực thì thi hài “Bất động tử kỳ” (Inaction)

Ai cũng hiểu rằng: Khi tử kỳ đã chí thì thi hài phải chịu một phen đau đớn thảm khổ quá chừng, vì Phật Thích Ca biết cái sự đau đớn ấy đường nào nên Ngài gọi là Tứ Khổ. Sự đau đớn khởi ra từ ngày điện lực đã giảm hao tiêu tụy, thi hài phải bình hoạn, mòn mỏi, vì điện lực đã yếu hấp thụ Sanh quang thì cái sanh mạng của con người

không còn phương bảo tồn đặng nữa..

Kể từ năng lực mòn mỏi cho đến ngày tuyệt Khí Sanh quang thì là một thời gian dài ngắn tùy theo quả kiếp của con người, chẳng một vị tu hành nào đã đạt pháp mà định đặng cái thời gian ấy nổi. Có nhiều kẻ đã chết mà cái năng lực Sanh quang hầy còn, chỉ còn mảy mún mà thôi, nhưng sự mảy mún ấy nó làm cái dây điện lực mà truyền sự đau đớn của thi hài lại với tâm hồn. Sự đau đớn ấy đã quá sức phàm tính để hiểu. Ấy là một quả kiếp đáng ghê sợ. Có kẻ hiểu rằng: Thi hài đã bị nứt nở tiêu huỷ, dòi ăn, hôi thúi mà tinh thần thoát ra không khỏi, rồi chịu sự đau đớn ấy cho tới xương tàn cốt rụi mới thôi. Ấy là một cái hình phạt Thiêng Liêng oai nghiêm hơn hết. Hễ còn biết đau thì còn tưởng đến mình, tưởng đến mình thì còn nhớ sự đời, nhớ sự đời thì còn thương kiếp sống, thương kiếp sống thì còn chuyển kiếp luân hồi.

Vì Chí-Tôn biết lẽ ấy là một lẽ đầy đoạ cả con cái của Người nên Người nhứt định dùng diệu pháp cắt bảy cái mối năng lực gọi là Thất khiêu Sanh Quang gọi là bảy dây oan nghiệt đặng cho Chơn Thần xa lìa xác tục rồi cũng dùng diệu pháp mà đưa vào cõi Hư linh mới rõ ràng là Cơ TẬN ĐỘ.

Ấy vậy làm PHÉP XÁC cốt yếu là tắm gội xác tục và hôn với giọt nước Cam Lồ, cắt đứt 7 dây oan nghiệt cho Chơn Thần lìa khỏi xác, rồi đưa Chơn-Thần vào cõi Hư linh nghĩa là Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, Tứ Đại Bộ Châu và Tam Thập Lục Thiên.

Ở trong Tam Thập lục Thiên có Ngọc Hư Cung và Niết Bàn ở đó.

PHÉP XÁC

Trước khi hành phép Xác ~~đi~~ sẵn sẵn một cái chén, một nhánh dương, một cái kéo và 9 cây nhang.

Dùng chén ấy đựng nước Cam-lồ.

Đoạn vẽ bằng con mắt trong con người Thiên Nhân chữ (.) vẽ dưới chơn trái của mình chữ (.) vẽ trên đầu người chết chữ (.)

CAM-LỒ-THUY

Nơi Lôi-Âm-Tự có một Cây Dương bao trùm ở LÔI ÂM, mỗi chót nhánh của lá Dương có ~~một~~ giọt sương. Một giọt sương là một sanh mạng của con người. Hễ giọt sương ấy rơi thì con người phải tuyệt. Vậy phải đến LÔI-ÂM-TỰ lấy nước Cam lồ (Bí pháp này phải luyện mới đặng).

Cách luyện Cam-lồ-Thủy:

Để chén ngay thiên Bàn, gát ngang nhánh Dương liễu qua miệng chén, đoạn lấy hai chén nước Âm Dương xấp lại cùng nhau cho Âm Dương Ký Tế, nghĩa là hai mặt nước hiệp nhau rồi đổ ngay giọt xuống chén mà niệm câu Chú này: “*Cam-lồ-Thủy năng huỷ trước kiếp ô sanh oan nghiệp tội chướng chi đoạ*”.

Hễ dứt câu niệm thì phải ngưng giọt nước, đoạn tay trái bắt ấn Hộ-Pháp để chén nước Cam lồ trên Ấn; tay mặt cũng bắt Ấn Hộ-pháp chụp lên miệng chén, co ngón tay giữa tay mặt vẽ bùa (.) trên mặt nước rồi buông ngón ra, truyền thần xuống mặt nước. Đoạn nhắm hai mắt định Thần, hễ thấy Thiên Nhân giáng ngay mặt nước thì tức cấp giựt tay ra, đứng đứng đợi để tiêu Thiên Nhân thì thất Pháp. Nước CAM LỒ đã thành.

PHÉP ĐOẠN CĂN

Cầm cái kéo nơi tay trái, ngón cái và ngón giữa xỏ vô hai lỗ kéo, còn ngón trỏ thì để ngay lỗ kéo cho đủ ba chấm: PHẬT – PHÁP- TĂNG. Đưa cái kéo ngay lên Thiên Nhân (làm thế nào cho cái kẽ kéo ngay Con Ngươi của Thiên Nhân rồi cầm chín mũi nhang đốt vẽ chữ (.))

Ấy thành Pháp của cơ thể Đoạn căn (nhớ đếm cho đủ 9 cây đăng cho đủ Cửu Tiêu là ảnh hưởng Cửu Thiên Khai Hoá. Hễ thiếu tắt một cây là thất pháp)

HÀNH PHÉP XÁC

Phải có một người phụ lễ cầm cả một món Bí-pháp theo mình, đứng ngay đầu hàn rồi chính mình người Hành pháp phải xướng đọc BÀI CẦU HỒN. Khi Đồng Nhi đã tiếp đọc rồi thì tay trái lật ÁN HỘ -PHÁP để chén nước Cam lồ lên. Tay mặt cầm nhánh dương liễu ngay lên Trời gọi là “chỉ thiên”, định Thần thể nào thấy thầy kẻ chết cho rõ rệt, chớ không đăng phép thấy hòm. Nhún nhánh Dương vào Cam-lồ-Thủy mà rải cùng thi hài ấy. Hễ mỗi phen rải thì phải niệm câu Chú: *“Cam Lô thủy năng huỷ trước kiếp ô sanh oan nghiệt tội chướng chi đoạ”*.

Hễ cái Thần mình biết nước Cam-lồ rửa cùng mình của kẻ chết thì thôi (đừng thấy cái hòm trước mắt đó mà cứ rải nước thì không ăn thua gì ráo).

Đi giáp vòng ra chính giữa đầu hàn , tiếp tụng kinh với Đồng nhi cho mãn hồi thứ nhứt.

HÀNH PHÉP ĐOẠN CĂN

Người Hành xướng tụng BÀI CẦU HỒN lần thứ nhì, khi Đồng nhi tiếp đọc rồi thì lấy cái kéo cầm như khi

nầy (nhớ đừng tưởng cái kéo, chỉ tưởng cái “Cắt” của nó mà thôi) đoạn định Thần cho thấy thầy chết, đi vòng chung quanh cắt bảy dây oan nghiệt ấy nơi:

- | | | |
|---------------------|-----------------------|------------|
| 1- Trên đầu (mỏ ác) | 2- Ngay trán | 3- Ngay cổ |
| 4- Ngay tim | 5- Ngay hông bên trái | |
| 6- Dưới dạ dưới | 7- Dưới xương khu. | |

Hết cắt đủ bảy dây rồi, trao cái kéo cho người hầu Lễ, vào đứng tại đầu hàn tiếp tụng kinh cùng Đồng nhi cho mãn hồi thứ nhì.

HÀNH PHÉP ĐỘ THĂNG

Người Hành lễ xướng tụng Kinh CẦU HỒN. Khi Đồng nhi tiếp tụng rồi thì cầm 9 cây nhang bên tay mặt. Tay trái bắt Ấn Hộ-Pháp để ngay trái tim, định thần vẽ chữ (.) trên thầy kẻ chết, truyền Thần vô 9 cây nhang rồi thầy cho đặt thi hài hoặc còn nằm hoặc ngồi. Đưa chín mũi nhang ngay vào nguyệt cung (ngay miếng kính trước đầu hàn) định Thần, trực chơn thần của kẻ chết ngồi trên 9 cây nhang rồi nán đợi cho Chơn Thần thăng đủ ba Tam giới, nghĩa là ba bậc thăng rồi lại cầm vững cho Tam bửu nhập định đủ ba lần. Hết thăng thì lên, trầm thì đoạ. Rồi giao 9 cây nhang cho người hầu lễ, đứng tụng tiếp Kinh cho mãn hồi thứ ba.

CHÚ GIẢI KINH HỒN PHỐI (Mystère d'union)

Cả cơ thể hữu vi của Tạo Hoá từ Càn khôn thế giới cùng vạn vật đến loài người đều do khối lửa THÁI CỰC mà sanh ra. Khối Thái cực là chỉ một khối lửa..

Khối lửa ấy vì nhờ vật chất trong Càn khôn thế giới chụm vào càng ngày càng lớn, quá sức lớn thì chẳng còn trụ nguyên làm một đặng nữa, phải phân đôi. Hai khối

phân đôi ấy chạy khít nhau và xây tròn nơi không trung mau lẹ quá đổi, chạm nhau biến hình ra như hai cây. Thoạt nhiên hai cây ấy y xấp nhau mà thành chữ Thập, giống in như chong chóng lửa trẻ thường làm mà chơi đó vậy . Chong chóng ấy xoay rất mau, từ Đông qua Tây và vì sự vụt động quá lẹ, bốn cái đuôi chữ Thập ấy liền cuốn mà thành ra chữ VẠN. Những cuống đuôi chữ Vạn ấy đứt, liệng lửa cùng trong thế giới mà thành ra địa cầu (Tam Thiên Thế giới và Thập thập Nhị địa). Ấy cũng là những đóm lửa của Thái cực đã văng ra, nguội lại thành Địa cầu.

Hai không khí ấm lạnh do : nhiệt (Calorie) của Thái cực Hàn (Froid) của Càn Khôn tương **lực** bi ến thành nguơn Khí. Cái nguơn Khí ấy y theo lời của Đức Nguyệt Tâm chứa đầy đầy sanh quang (Vialité). Khí sanh Quang lại biến ra muôn hình vạn tượng mà tạo thành vạn vật toàn trong Càn khôn thế giới. Thật sự thì Thái cực chỉ sanh Tứ tượng mà thôi gọi là Tứ Dương, nhưng bởi vận động giữa không trung mau chóng quá **đổi** mới biến bóng hình thêm bốn cánh. Bốn cánh ấy chỉ là bóng mà thôi nên gọi rằng Tứ Âm. Nhưng nhờ cái Tứ Âm ấy vốn là bốn khoản trống để cho Sanh Quang ra vào biến đổi mới có linh cảm hình tượng của vạn vật trong Càn khôn (cũng như chúng ta đánh trống gà, biến ra hình này hình kia, rồi Thầy dùng huyền diệu Thiêng Liêng hoá sanh ra vạn vật). Mỗi hình thể của vạn vật không giống nhau là vì đó.

Chúng ta đưa cả và hai tay hai chơn ra thì thành chữ Thập gọi là Tứ Dương hiệp lại với hình thể của đàn bà thì thành ra Tứ Âm nữa. Âm Dương tương hiệp thì mới đủ Bát Quái, mới ra cơ sanh hoá:

- Nam là Tứ Dương.

- Nữ là Tứ Âm

Hành pháp bí mật chỉ hiệp Tứ Dương và Tứ Âm

của tinh thần đang cho biến hoá thêm nữa, sản xuất thêm nữa, chẳng phải sanh hình thể của con mà thôi, mà sanh cả hồn phách của chúng nó nữa.

Ấy vậy khi hành LỄ HÔN PHỐI phải biểu chàng rể và cô dâu vào quì giữa Bửu Điện trên hết mọi người, đầu cho cha mẹ cũng phải quì sau (Quyền phép ấy Đạo chỉ coi rể là Tứ Dương, dâu là Tứ Âm của Tạo Hoá mà thôi, ngoài nhưn luân và nhưn hình, Hội Thánh chẳng biết chi khác hơn nữa).

HÀNH PHÉP HÔN PHỐI

Bảo Cô dâu và chàng rể phải nắm tay nhau, tay tả của nam nắm tay hữu của nữ, tay hữu của Nam nắm tay hữu của nữ, thành ra Ấn Bát-Quái, đoạn vị hành pháp ngó ngay Thiên Nhân định Thần lấy con mắt của mình viết chữ (.) trong con người của Thiên Nhân, rồi co chân trái lên viết chữ () đập trên chữ () ấy rút chơn mặt ký chữ Đinh () gọi là đập Đinh Giáp, day lưng lại ngó ngay vào đầu của con dâu và chàng rể viết chữ () ngó ngay Nê Hoàn nghĩa là mở ác của chúng nó, viết chữ cho lớn, đang bao trùm cả hai mở ác, viết bằng con mắt ().

Đội chường Thiên Nhân giáng ngay Nê hoàn ấy, chụp trên Thần hai bàn tay ngay Thiên Nhân và đỡ nó lên lưng bàn tay cho hẹp hai Thiên Nhân ấy lại kề nhau thì thấy mặt của CHÍ-TÔN hiện tượng, đoạn đỡ hình tượng của Chí-Tôn day lại ngay Thiên Nhân mà cho nhập chung vào đó (nhớ đừng lo ra thì mất mà thành ra nguy hiểm cho hai người Nam Nữ ấy lắm). Khi cho nhập rồi thì để hình tượng ấy yên tịnh nơi Thiên Nhân đứng cầu nguyện dùm cho hai trẻ dài dòng cả họ, hữu hạnh hữu phước, truyền kế không ngừng, nương nơi quyền Thiêng Liêng của Chí-Tôn đang tấn hoá trong đường Thánh Đức, nổi tóc đến già,

đồng tịch đồng sàng, đồng sanh đồng tử.

Đoạn ngó ngay lên Thiên Nhân của Chí-Tôn định thần trực Thiên Tượng ấy ra (nhớ lấy cho đủ hai con mắt) day lại lờ Thiên Tượng ấy ngay đầu hai trẻ trả lại như xưa, tức làm tiêu Thánh Tượng (hồi đem xuống cũng bắt Ân Bát Quái Dương nằm trên Âm)

Đứng ngay giữa đôi đứa đọc bài thi của Đức Chí Tôn dạy làm phép Hôn phối:

Bài Thi:

Thiên ân thử nhứt tứ thành hôn,

Mãn thế bất ly thế dữ hôn.

Đạo-đức nhất tâm tu đạo cáo.

Chủ trung thị Ngã chí Thiên Tôn (1)

Rồi khuyên lon hai trẻ và dặn rằng: phải giữ như luân đạo nghĩa (dạy dỗ giữ vẹn như luân và cho biết rằng quyền Hội-Thánh định không cho dặng lìa nhau cho đến trọn đời. Nếu như đôi lứa phản nhau, có lẽ phải sa đoạ Phong đô định tội) Khi dạy khuyên đôi trẻ rồi thì vị hành pháp với tay nắm hai tay ngoài của nam và nữ đỡ đứng dậy sắp hai mặt vào nhau, xây cho hai đứa cặp nhau (đừng day lưng mà khổ cho hai trẻ) còn mình đi chính giữa, nắm tay hai trẻ dịu dặt đưa ra cho khỏi Toà Thánh, tức nhiên ngoài cửa Hiệp Thiên Đài mới cúi đầu từ tạ trở lại Điện)

Ghi lại nguyên văn “BÍ TRUYỀN CHƠN PHÁP” của Hội Thánh giữ bản quyền, được Ngài Hiến Pháp quyền Chương Quản Hiệp-Thiên-Đài kiểm duyệt và chính văn ngày 12-8-1972

Lời Bà tường thuật như vậy:

“Nhắc lại hồi Tôi mới gặp Đại -Đạo Tam-Kỳ Phổ

Chú thích (1) Bài thi này là của Đức Chí-Tôn ban cho Bà Lâm Hương Thanh trong ngày thành hôn. Ông Nguyễn Ngọc Thơ và Bà. Chính Thầy làm Lễ Hôn phối cho:

Bí-pháp Đạo Cao-Đài

Độ nhằm ngày mùng 5 tháng 6 năm Bính-Dần (Mardi 15 Juillet 1926) Thầy giảng Cơ kêu hai Tôi quì trước Thiên bàn, Thầy ban ơn cho hai Tôi, Thầy làm phép Hôn-phối đầu tiên hết. (Phò loan có Thượng-Phẩm, Hộ-Pháp). Thầy cho 4 câu thi cùng dạy Đạo Tại nhà ông Nguyễn-Ngọc-Thơ ở Tân Định (5-6 Bính Dần)

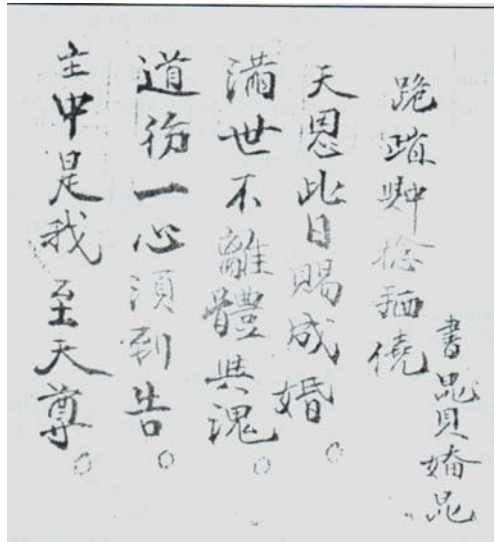
Thầy,

“Thơ, con với vợ con quì ngay giữa, nắm tay nhau:

Dạy con hiểu à!

Thầy bảo ông Nguyễn-Ngọc-Thơ viết ra Hán văn: dưới là bút tích của Ngài Thái Thơ Thanh (Trích: Tam vị Nữ Đầu sư)

天恩此日賜成婚
滿世不離體與魂
道德一心須到告
主中是我至天尊



I- Lễ Trấn Thần Tòa Thánh

“Sớm mai ngày mùng 6 tháng Giêng năm Đinh Hợi (dl 27-01-1947), Đức Phạm Hộ Pháp hành lễ Trấn Thần Tòa Thánh và có ghi đi thuyết minh. (Lời ký chú của Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài đã thừa lệnh Đức Hộ Pháp) minh tả:

Khởi đầu:

Đức Hộ Pháp mặc Tiểu phục, dạy Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi, Truyền-Trạng Phạm-Ngọc-Trần và các Chức sắc có trách nhiệm đồng theo Ngài đến Báo -Ân-Từ triều bái Đức Chí-Tôn xong (vì Quả Càn Khôn còn thờ nơi Báo Ân Từ), Ngài dùng nước Âm Dương cúng thời Mẹo hành pháp, xin Cam Lô Thủy và một n hành dương giao cho Thừa Sứ Lợi.

Đức Hộ Pháp lấy 3 bó hương, hành pháp xong, Ngài giao cho Truyền Trạng Trần.

1-Trấn Thần Thiên Nhân trước Phi Tượng Đài:

Đức Ngài ra đi thẳng lại Đền Thánh là 9 giờ 28 phút. Ngài đứng trước Đền-Thánh, ngó ngay Thiên Nhân trước Phi Tượng Đài rải Cam Lô Thủy và cầm bó hương hành pháp Trấn Thần.

Ý nghĩa là:

“Từ đây, Đức Chí Tôn hằng để mắt diu dẫn con cái của Ngài và mong mỗi được vui thấy con cái của Ngài về châu Ngài nơi Bạch Ngọc Kinh, sau khi làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng của Ngài phú thác.”

2-Trấn Thần tượng Đức Phật Di-Lạc:

Đoạn tiếp hành pháp Trấn Thần như thế lần lượt đến tượng Đức Phật Di-Lạc trên nóc Phi Tượng Đài.

Đức Hộ Pháp nói:

“Đức Phật Di-Lạc đã ngự vào tượng, ngôi thị chứng cho nhơn loại thập phương thế giới dạy hướng về Đền Thánh mà cầu nguyện Ngài ban ân huệ cho toàn sanh chúng.”

3-Trần Thần Tượng Đức Quyền Giáo Tông và Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh

Với ý nghĩa là:

“Nhiệm vụ ngự thường xuyên trước Đền Thánh để tiếp rước nhơn sanh tiến bước vào đường Chánh giáo, năng lo điều dắt con cái Chí-Tôn mỗi khi vào Cầu nguyện và chiêm bái Đức Chí-Tôn”.

4-Trần Thần hai vị Thiện Thần và Ác Thần:

Pho tượng hai vị Thiện Thần và Ác Thần đặt hai bên mặt tiền Đền Thánh Tòa Thánh Tây ninh, ở cấp hạ của Tịnh Tâm Đài.

Đức Phạm Hộ Pháp nói:

“Đời thường làm lạc, làm điều ác cho là thiện và thường lấy điều lành cho là ác. Nên từ đây, năng lực của Thiện Thần sẽ phô bày ra mặt đời, thế nào là chánh, việc nào là thiện, làm thế nào là phước cho thiên hạ rõ.

Còn Ác Thần thì phô bày ra mặt đời, thế nào là tà, việc nào là ác, sao gọi là tội, cho nhơn loại rõ.

Hai Ông Thần này rất linh hiển, dùng quyền năng thiêng liêng đưa ra ~~ch~~hi tướng trong hai con đường: Phước và Tội, Siêu và Đọa, Sanh và Tử để cho con cái Đức Chí Tôn khỏi làm lạc, hầu tránh khỏi con đường tự diệt. Đi vào con đường sanh, thì nhơn loại mới mong hòa bình được”.

5-Trần Thần cây Cân Công Bình:

Đức Hộ Pháp vào cửa Đền Thánh, đứng ngay ngó vào Tịnh Tâm Điện, Trần Thần cái Cân trên ngưỡng cửa. Ngài nói:

“Từ đây, cái Cân Công Bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã biến tướng thiết hiện ở thế gian này để phân công chiết tội mà định phẩm vị Tòa sen cho toàn con cái của Ngài”.

6- Trấn Thần con Long Mã:

Đức Hộ-Pháp sang bên Nam, phía ~~át~~Đền Thánh, ngang Cửa Trùng Đài đứng 12 bước thẳng, trấn Thần con Long Mã.

Ngài giải: “Long Mã tượng trưng Đạo là cơ sanh hóa vạn vật, trên lưng nó có bộ Bát Quái Đồ Thơ và cây Bửu kiếm, nên có câu “Long Mã phụ Hà đồ”.

Ý nghĩa: Đạo xuất từ Đông, đem từ Đông sang Tây cứu vớt chúng sanh, đem Vạn linh trở về nơi sanh hóa, tránh cơ ~~tự~~ diệt, nên hình Long Mã chạy về Tây mà đầu ngoéo về Đông. (Sau này Đức Ngài sẽ giải thêm hay là nhờ các bậc uyên thâm đạo đức giải rõ)

7-Trấn Thần tượng Tam Thế Phật:

Đức Hộ-Pháp đến Bát-Quái-Đài, ngó lên trên, ~~tấn~~ Thần pho tượng Tam Thế Phật (Tam Thanh).

- **Brahma Phật** đứng trên lưng con Thiên nga (Ngỗng trời) ngó tới (ngó hướng Tây), ấy là ngôi thứ nhất, tượng trưng ngôi Thánh đức, thuộc về Cơ Sanh hóa, ấy là Đấng tự hữu hằng hữu, hữu nguyên hữu thi của vạn vật.

- **Đức Phật Civa** đứng trên Thất đầu Xà (rắn bảy đầu) ngó qua phía chánh Bắc, ấy là ngôi thứ hai tượng trưng phần Âm Dương: Cơ Sanh cũng là cơ Cơ Diệt, ấy là ngôi Bảo tồn.

- **Đức Phật Christna** đứng trên con Giao long (Cá hóa rồng) ngó về phía chánh Nam ấy là ngôi thứ ba, tượng trưng cuộc tuần hoàn, tiên tri cho nhơn loại biết việc trí xảo thuộc Cơ Tranh đấu, cũng là cuối Hạ nguon, khởi Thượng nguon Tứ Chuyển.

8-Trấn Thần tám con Kim Mao Hẩu:

Đức Hộ Pháp trấn Thần hai con Kim Mao Hẩu ở hai bên nấc thang bên hữu Đền Thánh, rồi Ngài vào Cửa Trùng Đài sang qua bên tả Đền Thánh trấn Thần hai con

Kim Mao Hẩu ở nấc thang luôn.

Giải: Con Kim Mao Hẩu rất mạnh và khỏe, tượng trưng cái năng lực tinh thần người tu, nhờ nó mà qua các tầng Trời và về cùng Thầy.

Ngày nay, Đền Thánh cất xong, Đức Chí Tôn cho tám con Kim Mao Hẩu xuống trần để trấn Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài tại thế, là không cho ai dùng bạo quyền nào mà chạm đến nó vậy.

9-Trấn Thần 23 Thiên Nhân bên ngoài Đền:

Đức Hộ Pháp vào bên tả Cửu Trùng Đài, trấn Thần Thiên Nhân xung quanh Tổ đình, khởi từ giữa xuống đến Bát-Quái-Đài, rồi sang qua bên hữu, hết thấy là 23 Thiên Nhân ngó ra ngoài hành lang.

10- Trấn Thần bên trong Đền:

Rồi Đức Ngai trở vào trong cửa bên hữu Cửu Trùng Đài, trấn Thần tượng **Tam giáo Ngũ Chi**, sang bên hữu trấn Thần **tượng Bát Tiên**: Hồn Chung Ly, Trương Quả Lão, Tào Quốc Cự, Lý Thiết Quả, Hàn Tương Tử, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên Cô, Lam Tể Hòa. Sang bên tả Đức Hộ Pháp **trấn Thần Thất Thánh**: Lý Tịnh, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử, Na Tra, Kim Tra, Mộc tra.

11-12- Trở xuống, Ngai trấn Thần chữ KHÍ và Thất Đầu Xà:

Nơi Ngai của Đức Hộ Pháp ngự có một con rắn Thần 7 đầu, quấn vào thân dưới của Ngai, ngóc lên sau lưng 3 đầu, cúi xuống 4 đầu, cái mình quấn ngôi Thượng Phẩm, cái đuôi quấn ngôi Thượng Sanh.

Rắn Thần 7 đầu tượng trưng con người có Thất tình: 3 đầu rắn ngóc lên sau lưng Hộ Pháp có chữ: HỈ, ÁI, LẠC. Người tu nên luyện tập nâng đỡ 3 tình này tức là Mừng, Vui, Thương. Còn 4 tình: AI, NỖ, Ồ, DỤC (buồn, giận, ghét, muốn) thì đè nén xuống, đừng cho ngóc lên.

Đức Hộ-Pháp trấn pháp. Hành Bí pháp trong các Đàn Vía, Sóc, Vọng: khi Ngài đứng là Chuyển Pháp, Ngài ngồi là Trụ Pháp; nên khi Ngài ngồi, hai chân đạp lên 2 đầu: AI (bên tả), NỘ (bên hữu); hai tay đè: DỤC (bên tả), Ồ (bên hữu).

Đức Ngài nói:

Khi Hộ Pháp trấn trên Thất Đầu Xà là đè nén các vật dục ở thế này gom lại để đời khỏi cấu xé nhau, để Mừng, Vui, Thương cho mọi người chung hưởng, để gìn giữ đạo đức, tu hành dễ dàng, nước nhà thanh trị. E sau này Hộ Pháp xuất ngoại, Thượng Sanh về ngự nơi đuôi, thì tự do Thất tình lôi cuốn cấu xé lẫn nhau, không phương kèm chế. Ấy là cơ thử thách nội và ngoại...

Ngày nào Hộ Pháp trấn lại trên Ngai thì mới có thể dễ dàng mọi việc cho Đời Đạo.

Quyền thiêng liêng phải vậy, dặng vay trả cho sạch oan khiên, mới đem thuần phong mỹ tục, văn minh hòa bình trật tự, tháng Thuần ngày Nghiêu, trở nên thời Thượng cổ."

Còn chữ **KHÍ** ở sau ngai Hộ Pháp là Khí Sanh Quang của Càn Khôn Vũ Trụ. Vạn vật nhờ Khí Sanh Quang hiện tượng ra mặt thể để bảo tồn Cơ Sanh hóa hay Tấn hóa của toàn thể vạn loại, tức là hữu sanh.

Đã xong Lễ Trấn Thần, Đức Phạm Hộ Pháp đứng giữa Đền Thánh, thì cô Lễ Sanh Hương Tranh hỏi:

- Bạch Thầy, còn 23 Thiên Nhân ngó vào trong Đền Thánh, sao Thầy không trấn Thần luôn ?

Ngài dạy rằng:

"Thiên Nhân bên ngoài, thì để cho thiện nam tín nữ qui ở ngoài, khi châu Lễ nếu chật chỗ thì ở ngoài xung quanh Đền Thánh lạy vào chiêm bái trong giờ hành Lễ. Đó cũng là nêu ra từ Đông, Tây, Nam, Bắc, dầu ven trời

góc bể, nơi nào đến giờ lễ bái, dạy về hướng Đền Thánh lay thì đều có Thiên Nhân cả. Ấy là Thể pháp tượng trưng Bí pháp. Còn Thiên Nhân rách ngó vô Đền Thánh, vì người đạo quì ngang, sợ ô-úế, không coi sóc cho tinh khiết được”.



II-Trần Thần tượng Tam Thánh

1- Đại cương về Tượng Tam Thánh:

Bức hình “Truyền ký Tượng Tam Thánh” đặt tại Tịnh-Tâm-Đài thuộc phạm vi Hiệp-Thiên Đài của Đền Thánh Toà Thánh Tây ninh. Bên cạnh bức Tượng Tam Thánh, có tấm bia đề giải thích về bức tranh:

- **Cụ NGUYỄN BÌNH KHIÊM:** Nhà tiên tri danh tiếng lớn ở đời Mạt Lê, thi đậu Trạng Nguyên, tước vị là Trình Quốc Công, tục gọi là Trạng-Trình, giáng cơ tự xưng là Thanh Sơn Đạo Sĩ, tức là Sư Phò của Bạch Vân Động.

- **Cụ VICTOR HUGO:** Một Thi gia tứ danh của Pháp quốc, giáng cơ tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là Đệ tử của Cụ Nguyễn-Bình-Khiêm ở Bạch-Vân Động.

- **Cụ TÔN DẤT TIÊN:** Đại-Cách-mạng-gia nước Trung Hoa, nữ danh là Tôn -Vân, giáng cơ tự xưng là Trung Sơn Chơn Nhơn, tức là Đệ tử Cụ Nguyễn-Bình Khiêm ở Bạch Vân Động.

Ba vị Thánh-nhơn trên đây là Thiên-sứ đặc lệnh làm Hướng đạo cho nhơn loại để thực hành Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước”.

2- Nguồn gốc Tượng Tam Thánh:

Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tông vâng lệnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ mỗi

bề: 2 m 80 X 1 m 90. Hình tượng bằng người thường.

- **Đức Thanh Sơn** cầm bút lông thỏ viết lên 8 chữ Hán.

- **Đức Nguyệt Tâm** cầm bút lông ngỗng viết 4 chữ Pháp.

- **Đức Tôn Sơn** cầm nghiên mực dùng cho việc viết chữ
Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ, như:

* 8 chữ bằng Hán văn:

Thiên thượng - Thiên hạ - Bác ái - Công bình

天 上 天 下 博 愛 公 平

* 4 chữ bằng Pháp-văn:

DIEU et HUMANITÉ- AMOUR et JUSTICE

3- Trấn Thần Tượng Tam Thánh:

Đức Hộ-Pháp nói:

“Trấn Thần ba vị Thánh rất khó, vì phải kêu Chơn linh họ đến nhập vào tượng ảnh, mà muốn Chơn-linh họ đến phải thấu đáo cả căn kiếp của họ mới được. Còn 9 cây nhang dùng để trấn Thần là 9 cái thang bắc lên Cửu Trùng-Thiên cho các Chơn-linh nương theo đó. Chúng biết họ ở tầng Trời thứ mấy mình cứ đưa lên đủ, họ gặp họ tới ngay. Quan hệ là trước khi trấn Thần, phải xem lại coi có tắt cây nhang nào không. Thằng như họ ở tầng thứ 7 mà cây nhang thứ 6 rụi tắt đi, thành ra bị cách khoảng, họ không thể tới được. Bây giờ chúng ta chỉ thông công với các Đấng trong Cửu Thiên Khai Hóa, rồi đây cũng có ngày Bản Đạo kêu lên Đức Di-Lạc ở tầng thứ 11 chưa biết chừng, khi ấy sẽ phải dùng đến 11 cây nhang, chớ không phải 9 cây nữa.”

4-Giải thích Ba vị Thánh:

Khi Đức Hộ-Pháp Trấn Thần tượng ảnh Tam Thánh xong, cả nhân viên tùng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng ra cửa trước, đi vào Hiệp-Thiên-Đài, thỉnh Thánh Tượng

đặt lên vách tường, ngó mặt ra trước cửa Đền-Thánh.

Đức Hộ Pháp giải thích về Ba vị Thánh:

1. *Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.*
2. *Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ.*
3. *Đức Tôn Trung Sơn.*

Là đại diện của Hội-Thánh Ngoại-Giáo, các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo Ngoại quốc (Missionnaires étrangers) cho nên tợng ảnh để ở Hiệp Thiên-Đài, day nặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi Thiêng liêng của các Ngài..

Cả ba vị Thánh đều mặc Cổ phục.

Cái nghiên mực trên tay Đức Tôn Trung Sơn có hào quang chiếu diệu, tượng trưng sự rực rỡ của nền văn minh tối cổ Trung Hoa.

Cái khuôn xi măng đúc trên vách Hiệp -Thiên-Đài, từ ngày tạo tác Tổ đình, là để dành ngày nay đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia, Bản đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

Ngày nay thời cuộc biến thiên, vị Hi ền Tài LÊ MINH TÔNG ở Hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lệnh cho vẽ tượng ảnh này, mới hiểu rằng Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến.

Trước tượng ảnh không có bàn thờ chi hết vì Chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy.

Kể từ ngày 10-7 Mậu-Tý (dl 19-8-1948) tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp-Thiên-Đài là biểu hiệu cho Chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài, mở đầu một giai đoạn tiếp dẫn chúng sanh Vạn quốc vào cửa Đại Đạo, mà cũng là ngày khởi đoan sự bành trướng ngoại giáo”.

Cuộc lễ bế mạc lúc 9 giờ cùng ngày."

Tòa Thánh, ngày 10-7 Mậu-Tý (dl 19-8-1948)
Luật Sự VỖ QUANG TÂM tường thuật.



III- Trấn Pháp nơi Trí Huệ-Cung Thiên Hỉ Động

Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền Thánh đêm 14 tháng chạp năm Canh Dần (1950)

“Ngày mai này Trấn Pháp Thiên Hỉ Động - Trí Huệ Cung. Bần Đạo lấy làm mừng đã làm tròn phận sự đặc biệt của Bần Đạo. Từ thử đến giờ Bần Đạo đã nhiều phen giảng giải về hình thể Đức Chí Tôn.

Bần Đạo đã gánh vác về Thể pháp Cửu Trùng Đài, tạo nghiệp cho Đạo là làm giùm cho thiên hạ chớ không phải phận sự của Bần Đạo. Ngày nay là ngày vui mừng của Bần Đạo hơn hết, là Bần Đạo còn sức khỏe đầy đủ cầm Bí Pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bần Đạo đó vậy.

Hộ Pháp đến kỳ Long Hoa này cốt để rước Cửu nhi ực Nguyên Nhân là bạn chí thân của Người đã bị đọa lạc nơi hồng trần không phương giải thoát, muốn rước các Bạn chí thân của Bần Đạo, Đức Chí Tôn buộc phải lấy Pháp Giới tận độ chúng sanh.

Hôm nay là ngày mở cửa Thiêng Liêng và đưa nơi tay các Đấng Nguyên Nhân ấy là một quyền năng đặng tự giải thoát lấy mình hai món Bí Pháp ấy là:

1-Long Tu Phần của Đức Cao Thượng Phẩm để lại.

2-Kim Tiên của Bần Đạo.

Hiệp với ba vòng Vô Vi, tức nhiên Diệu Quang Tam Giáo hay là hình trạng Càn Khôn Vỗ Trụ, mà đó cũng là tượng ảnh Huệ Quang Khiếu của chúng ta đó vậy.

KIM TIÊN là gì? Là tượng hình ảnh diễn lược điều

khiến Càn Khôn Vô Trụ mà chính nơi đó là điển lực tức nhiên là sanh lực đó vậy. Với nó mới có thể mở Đệ Bát Khiếu, trong thân thể con người có Thất Khiếu và còn có một khiếu vô hình là Huệ Quang Khiếu, vì nó là điển lực, nên nó mở Khiếu ấy mới được.

Nói rõ con người có Ngũ quan hữu tướng và Lục quan vô hình mà **ph** nhờ cây Kim Tiên ấy mới có đủ quyền hành mở Lục quan của mình đặng.

LONG TU PHÉN có thể vận chuyển Càn Khôn Vũ Trụ, do nguồn khí đào độn sanh ra đó vậy. Nó có quyền đào độn nguồn khí, thấu hoạch nguồn khí để trong sanh lực.

Con người nắm được điều ấy là kẻ đắc Pháp, nhờ nó mới có thể luyện TINH hóa KHÍ, luyện KHÍ hóa THẦN được.

Ấy là Bí Pháp trấn tại Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung. Toàn thể ngó thấy không có gì hết, mà trong đó có quyền pháp vô biên, vô giới. Giải thoát đặng cùng chẳng là do bao nhiêu đó.



IV- Ban phép lành và Trấn Thần chợ Long Hoa.

Long Hoa Thị, ngày 5 tháng 6 năm Tân Mão (1951)
Đức Hộ-Pháp nói:

“Cái cơ Chuyển thế đã đến ngày lập: hiệp như Đạo Giáo, khiến toàn thể con cái Đức Chí Tôn lo quay về một mối sống dưới lá cờ NHÂN NGHĨA của Đạo Cao Đài. Ngoài thì được sự bảo vệ của Quân Đội, trong thì được sự đùm bọc của Hội Thánh, càng ngày nhơn sanh qui tụ càng đông, vì thế nguồn sanh sống càng bị bóp nghẹt, nên Bản

Đạo cho lập gấp cái Chợ này để tạo lại một nguồn sanh sống dễ dàng cho nhơn sanh.

Ngày gờ này, tuy là nhìn thấy cái chợ thô sơ, nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế, nhưng Bần-Đạo dám quả quyết nó phải có và nhất định có, vì cái chợ chuyển thể và huyền diệu Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy.”



B- ĐỨC HỘ-PHÁP NHẬP TỊNH

1-Nhập Tịnh 3 tháng nơi Trí Huệ Cung:

Đức Hộ-pháp thuyết tại Đền Thánh, đêm 17-04 năm Tân Mão (1951)

“Kể từ ngày nhập tịnh nơi Trí Huệ Cung, chắc con cái Đức Chí Tôn đều đánh dấu hỏi? Đức Hộ Pháp nhập tịnh để làm gì? Muốn làm gì? Nghĩa lý gì mà nhập Trí Huệ Cung trong 3 tháng nay?

- Vậy Bần Đạo giải rõ hành tàng trong 3 tháng mà Bần Đạo đã làm, cái hành tàng đó cũ kỹ chớ không mấy lạ gì. Cái hành tàng về mặt Đạo giống như 40 ngày của Đức Chúa Jêsu ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhơn loại, đặng đem cơ quan Cứu thế của Ngài giao cho khắp xã hội nhơn quần được hưởng, giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ đề ngồi thoàn định đặng xin giải thoát cho chúng sanh.

Còn về mặt thế, nó giống như Vua David vì tội tình nhơn loại mà buổi nọ ra đồng Sa mạc cầu đảo, xin giải pháp cứu khổ cho dân Y-sơ-Ra-Ên, giống như Vua Hạ Võ mặc hài gai đội nón lá, chịu phong trần đặng cầu đảo cho quốc dân khỏi tội.

Muốn nói rõ hành tàng căn mạng của toàn thể nhơn loại và toàn thể quốc dân Việt Nam đã làm cho Bần Đạo phải chịu 3 tháng nơi chốn tịch mịch, để cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban hồng ân đặc biệt đăng cứu rồi lấy họ, là đem cơ quan Cứu khổ của Ngài đã thiết hiện cho toàn thể nhơn loại nhứt là sắc dân yêu ái đồng chủng cùng Bần Đạo là sắc dân Việt Nam.

Chúng ta thử hỏi, một người tượng trưng tinh thần của một dân tộc, tinh thần đạo đức cho nước Việt Nam đã có sứ mạng đem tinh thần đạo đức ấy cứu khổ cho thiên hạ, sửa lại cái hành tàng hung ác của người đời cho thành giọt nước Thiêng liêng của Đức Chí Tôn, nước Thiêng liêng đạo đức của Ngài gội rửa con đường Thánh Đức cho sạch-sẽ đường cho nhơn bản, ấy là nước chí Thánh của Ngài, cầm giọt Cam lồ đem rưới khắp toàn thể con cái của Ngài tức là cả chúng sanh nơi mặt địa cầu này, người ấy còn phải làm thế nào hơn?

Ồi! Cái cao vọng buổi này ai cũng muốn làm, được hay chẳng không phải do quyền của mình, kẻ xin thì khác, mà kẻ cho lại khác.

Hại thay, tạo nghiệp của nhơn loại từ khi có nơi mặt địa cầu này, đến bao giờ mới bảo vệ được sanh mạng của họ, cấp tiến trong con đường giải khổ, họ đã gây thêm trong sự nghiệp của họ tội chướng thì nhiều, mà phúc hậu lại ít, biểu sao không có trường lưu huyết!.

Nếu chúng ta dờ lịch sử ra xem từ năm mười năm nay, khởi đầu thế kỷ hai mươi dĩ chí đến 1951, không buổi nào nhơn loại hưởng đăng hanh phúc Hòa bình, chỉ tương tàn tương sát với nhau mà thôi. Nếu không có quyền năng Thiêng Liêng kia thì Bần Đạo nói quả quyết rằng: Không ai cứu chữa tội tình nhơn loại được. Chúng ta thương

nhơn loại không bằng Cha sanh ra con, đã sanh họ ra vừa hình thể, vừa linh hồn tức là Đại Từ Phụ. Ngài đã cầm quyền sanh mạng của nhơn loại mà không cứu chữa tội tình của nhơn loại được, phải chịu khoanh tay ngồi để lụy, vì căn quả của nhơn loại đã định vậy. Chính mình Đức Chí Tôn cũng không phương sửa cái, nếu có phương sửa cái, thì không cần gì Bần Đạo phải vào Trí Huệ Cung cầu khẩn, Ngài đã làm trước rồi.

May thay! Nhờ đạo tâm của toàn Thánh Thể của Ngài và toàn con cái nam, nữ cũng vậy, nhứt là đám thiếu niên đã làm cho cảm động Đức Chí Tôn, nên Ngài cho Bần Đạo hội diện cùng quyền năng thiêng liêng bốn phen trong ba tháng.

Bần Đạo nói rằng: Cái định mệnh của nhơn loại, cũng như cái định mạng của toàn thể quốc dân Việt Nam, trong giờ phút này ở trong tay Đức Chí Tôn và Bần Đạo dám quả quyết rằng: Luật nhơn quả của nhơn loại chưa hết thì chưa tạo hạnh phúc được.

Cái mơ vọng của thiên hạ đạtặng cùng chẳng là khi nào khối Thánh đức của họ cao hơn phạm tâm của họ, thì giờ phút ấy hạnh phúc của họ mới có, và cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn mới thiết hiện được.”

2- Đức Chí-Tôn mở con đường Thiêng liêng Hằng sống

Trí Huệ Cung: 16 tháng chạp, Canh Dần (1950)

“Ngày hôm nay nếu chúng ta biếtặng hồng ân của Đức Chí Tôn ban thưởng thế nào, thì đây là một ngày vui của chúng ta không thể gì tả đặng. Bởi giờ phút này, sau khi 20 năm chúng ta chịu khổ hạnh vì Đạo mà lẫn lóc, cực nhọc về phần xác lẫn phần hồn.

Ngày nay Đức Chí Tôn đã mở cho chúng ta một con

đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bản Đạo đã vâng mạng lệnh Đức Ngài tạo dựng một bến giải thoát cho toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này.

Bản Đạo nói: từ đây, kể từ ngày nay của Thiêng Liêng của Đạo đã mở rộng, Bản Đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm Cửu nhị ức Nguyên Nhân (92 Ức Nguyên Nhân) hãy tỉnh mộng lại đăng về cùng Đức Chí Tôn.

Cửa này là cửa của các người đến đoạt Pháp đăng giải thoát lấy mình, đến trong lòng Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ mà chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến, thì sau này ắt sẽ bị đọa lạc nơi cõi Phong Đô. Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí Tôn rằng: không thương yêu con cái của Người, không đem cơ quan tận độ chúng sanh để nơi mặt địa cầu này cứu vớt nữa. Bản Đạo để lời cảm ơn toàn thể con cái Đức Chí Tôn một phen nữa.

3- Trí Huệ Cung là một cơ quan tận độ chúng sanh:

Trí Huệ Cung, 26 tháng chạp Canh Dần (1950)

“Các Bạn, ngày nay Bản Đạo tạm giải chức Hộ Pháp; giờ phút này là người Bạn tu của các Bạn mà thôi. Bản Đạo tạm giải chức Hộ Pháp đăng đến với các con cái của Ngài, với một tình nồng nàn, Hộ Pháp cũng là người Bạn Thiêng Liêng về phần hồn với con cái của Ngài.

Trí Huệ Cung là một cơ quan tận độ chúng sanh đã xuất hiện nơi cửa Đạo Cao Đài này. Bản Đạo nói rằng: nó không phải của ta, của đặc biệt của chúng ta, mà nó là của toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này; bởi nó tượng trưng hình ảnh Chí Linh Đức Chí Tôn nơi thế này, mà hệ tượng trưng hình ảnh Chí Linh tức nhiên không có quyền nào nắm nó được, vì nó là của đặc biệt của toàn thể nhơn

loại, tức nhiên toàn thể con cái Đức Chí Tôn. Nó không có phép phân biệt đảng phái, Tôn giáo hay nơi giống nơi mặt địa cầu này.

Cửa Thiên Hỉ Động là ả Thiêng Liêng Hằng Sống của toàn thể các đẳng chơn linh, nên nó không chịu thúc phục hay là nô lệ cho một tư tưởng nào, hơn là tượng trưng cái quyền vô tận, vô đối của Đấng Chí Linh, hằng tạo dựng đại nghiệp cho con cái của Ngài nơi mặt địa cầu này, tức nhiên toàn thể nhơn loại đó vậy.

Nó đã đến, đến đặng chi?

Đặng làm Bạn chí thân cùng toàn thể con cái của Ngài, thì nó phải có độ lượng yêu ái rộng nần, nó không phân biệt tư tưởng hay hình thể, nếu nó có còn tư tâm để cả tinh thần nơi một chủ hướng nào, thì nó đã phạm quyền vô biên của Đức Chí Tôn tại thế đó vậy.

Ấy vậy, toàn thể con cái của Đức Chí Tôn, các Bạn đồng cùng Bần Đạo không phân biệt đảng phái hay nơi giống tư tưởng nào, Bần Đạo đã thọ mạng lệnh Đức Chí Tôn đến làm Bạn với các con cái của Ngài; nhưt là Cửu nhị ức Nguyên Nhân tỉnh mộng lại. Những hình thể của thiên hạ đã do nơi trí óc con người từ thử đến giờ, chưa có ai đặng quyền nắm cơ giải thoát, thì giờ phút này Cửu nhị ức Nguyên Nhân vẫn còn đọa lạc.

Bần Đạo cả tiếng kêu con cái Đức Chí Tôn nhưt là **Cửu nhị ức Nguyên Nhân tỉnh mộng lại**, ngó nơi Trí Huệ Cung phải vào cửa ấy mới đoạt đặng mà thôi, đoạt cơ giải thoát đặng, mới nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống mà Đức Chí Tôn đã tạo dựng riêng biệt dành để cho mọi người.”



C- HÀNH BÍ-PHÁP

1- Đức Chí-Tôn hành pháp tại Kiêm biên

Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền Thánh, thời Tý đêm 24 tháng 5 năm Mậu Tý (dl. 30-06-1948)

“Bần Đạo nhớ khi lên mở Hội Thánh Ngoại Giáo trên Kiêm Biên năm 1927, đang truyền giáo, Đức Chí Tôn cho vị Phối Sư Hương Lự của chúng ta đây được thông công cùng Ngài, nhờ nghe, nhờ thấy, truyền pháp cho Bần Đạo.

Khi nọ, Chí Tôn biểu Bần Đạo lại kê “bàn viết” có sắp một dãy nhứt trình đang rút ra hai tờ. Ngài lại dạy Chì chúng ta là Bà Phối Sư Bảy đứng bắt ấn, kể Bần Đạo trải hai tờ nhứt trình sau lưng mà bà Chì vẫn không biết. Tới lúc bắt Ấn rồi, Bần Đạo thưa “Đã trải rồi”. Tức thì bà Chì nhảy ngược lại, đập hai tờ nhứt trình. Bần Đạo không hiểu nghĩa gì. Đức Chí Tôn biểu coi hai chơn đập cái gì ?

Bần Đạo coi chơn trước giờ lên là hình Tượng Giới Thạch, đập ngay trên đầu, còn chơn sau Bần Đạo biểu giờ nhón lên, coi thấy hình Roosevelt, quan Tổng Thống củ a nước Mỹ đập ngay ngực và miệng. Đức Chí Tôn nói với Bần Đạo rằng:

- "Một ngày kia Trung Hoa sẽ thờ phụng Đạo đạo đẽ, còn nước Mỹ sẽ lãnh trách nhiệm đi truyền giáo toàn cầu".

Ngày nay, chúng ta ã thấy tượng chừng như Chí Tôn đã khiến mấy vị phóng viên bên Mỹ đến lấy hình tròn vẹn của Đạo, đủ cả chi tiết, Kinh Luật đem về xứ để truyền bá, thì mấy vị này chẳng khác như Đức Tam Tạng ngày xưa đến Ấn Độ thỉnh Kinh. Bần Đạo dám chắc sự bí mật mà Bần Đạo thấy Chí Tôn Hành pháp buổi nọ, đã kết liễu ngày hôm nay.

Ấy vậy, chúng ta phải chịu nhọc một chút đăng nghinh tiếp họ, trong buổi lễ này.

Bần Đạo tưởng khi những người có mặt ngồi tại đây hầu lễ này, biết chừng đâu, cũng sẽ được hạnh phúc như đi truyền giáo bên Mỹ sau này mà chớ!

Bần Đạo để lời cảm ơn toàn ả nam nữ và các BÍ PHÁP ấy chúng ta sẽ thấy Chí Tôn làm thành tướng trong thời gian ngắn ngủi sau đây.”



2- Đức Hộ Pháp "Ban Phép Lành"

Đền Thánh, đêm 01-01- Ất Mùi (24-01-1955)

“Đêm nay, đêm giao thừa năm Ất Mùi. Cũng như các năm trước, Bần Đạo đã nhớ dường như Đức Chí Tôn khi mở Đạo ngày 15-10 năm Bính-Dần tại Chùa Từ Lâm Tự (Gò Kén). Qua đầu năm Đinh Mão cũng giờ này, cũng đêm nay, khi hầu Đàn rồi phò loan Đức Chí Tôn - Ngài biểu cả thầy con cái của Ngài hiện diện nơi đó ra:

“Thầy đưa Cơ lên các con chung ngang qua Cơ Thầy ban Phép Lành cho các con”.

Đức Cao Thượng Phẩm và Bần Đạo bị Đức Chí Tôn xách đứng lên ra ngay giữa Đại Điện đưa cần Cơ lên cho cả thầy con cái của Ngài Nam Nữ chung ngang qua.

Bần Đạo vâng mạng lệnh của Đức Chí Tôn, đêm nay Bần Đạo Ban Phép Lành cho toàn cả con cái của Ngài Nam, Nữ. Cả thầy cả u nguyện Đức Chí Tôn chan rưới “*Hồng Ân Thiêng Liêng*”, Hồng Ân của Ngài rải khắp cho con cái Nam, Nữ.

Thơ Xuân đầu năm Ất Mùi.

Đêm nay Bần Đạo không giảng Đạo chỉ đọc bức thơ của Bần Đạo gửi cho toàn ả Quốc Dân Việt Nam. Tiếp theo bức thơ Bần Đạo có làm một bản “Tuyên Ngôn” gửi các Quốc Trưởng và các nhà âm vận mạng của các dân tộc trên thế giới. Lát nữa Bần Đạo sẽ giải nghĩa bức thơ này sơ lược cho nghe.

Bây giờ Bần Đạo đọc bức thơ Bần Đạo gửi cho toàn Quốc Dân Việt Nam:

**Bức thơ Xuân gửi cho toàn thể đồng bào Việt Nam
đầu năm Ất-Mùi của Đức Hộ-Pháp
Giáo chủ Đạo Cao-Đài**

Cùng toàn cả Quốc Dân đồng bào Việt Nam,

Nhơn dịp ngày Xuân năm Ất Mùi, Bần Đạo thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn chan rưới hồng ân cho toàn dân nước Việt đừng mau thoát khỏi ly loạn tương tàn. Sau nữa Bần Đạo có mấy lời thống thiết ngõ cùng toàn thể quốc dân.

Trót mười năm quật cường giải ách lệ thuộc, thâu hoạch độc lập cho Tổ quốc giống nòi thì toàn thể đồng bào đã góp vào biết bao nhiêu xương máu và đau khổ. Lập trường tranh đấu thâu hoạch cho kỳ được hạnh phúc tự do cơm áo của nòi giống sau 80 năm đô hộ, đã khiến cho lòng ái quốc nồng nàn của mỗi công dân Việt Nam để tâm vào một chí hướng là Độc Lập và Thống Nhất non sông.

Hại thay! Cơ cấu tranh đấu cho kỳ được ấy nó đã chia rẽ dân tộc ra nhiều phương pháp và nhiều chí hướng: Việt Minh là gì ? Và Quốc Gia là gì?

Thì cũng là đồng bào Việt Nam tìm phương tranh đấu. Nhưng các danh từ và nhãn hiệu ấy chẳng lẽ có năng lực định chia rẽ con cái của một nước, một chủng tộc và xem lẫn nhau là kẻ tử thù?

Đau đớn thay nạn tương tàn tương sát đã xảy ra cũng do nơi định nghĩa bất đồng của các phương pháp và danh từ tranh đấu.!

Từ ngày mừng 9 tháng 3 năm 1945 dương lịch, cuộc giải phóng dân tộc đã khởi đầu. Các biện pháp đem thắng lợi cho nước nhà hôm nay cũng chưa thấu hoạch đáng trọn vẹn, lại còn gây thêm nạn qua phân lãnh thổ: Từ vĩ tuyến 17 đổ vô là của khối Quốc Gia, còn vĩ tuyến 17 đổ ra là của Việt Minh làm chủ. Nạn nhị Chúa phân tranh Nguyễn Trĩnh ngày xưa đã biểu diễn lại.

Bản Đạo thử hỏi cuộc tranh đấu giải ách lệ thuộc đang đem hạnh phúc đó lại cho ai?

Phải chăng cho Tổ Quốc và cho toàn thể đồng bào thì lý ra chẳng lẽ có một nguyên cớ nào làm cho nòi giống Việt này chia phân cho đặng. Chúng tộc duy có một thì Hoàng Đờ chỉ có một. Rồi ta lại thử hỏi: Ai đã gây nên nội loạn ly tán giống nòi? Phải chăng vì năng lực ngoại bang đã gây nạn phân chia tộc chúng.?

Hai chí hướng đương nhiên của Quốc tế và lý thuyết Dân chủ xã hội và Cộng sản xã hội. Hai lý thuyết ấy đều hứa hẹn rằng nhân loại phải duy tân và cải tổ xã hội, vì tổ chức xã hội đương nhiên đã gây thất vọng cho nhân loại quá nhiều nên đem lại cho họ nhiều đau khổ hơn là hạnh phúc. Đồi bên đều hứa hẹn tìm một phương pháp sửa chữa đặng tìm cái hay trừ cái dở, lời hứa hẹn ấy đã thấm nhuần trong trí não đau khổ của nhân loại nhất là hạng bần dân và các quốc gia lạc hậu đều mong ước chóng được thực hiện điều ấy.

Hai triết lý xã hội mới mẻ kia đương tranh đấu đặng thấu hoạch tín nhiệm của toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này. Cuộc tranh đấu của họ đã hiển nhiên kịch liệt và hỗn độn nhưng họ cũng đã đủ năng lực phân chia nhân

loại làm đôi chỉ hướng.

Hại nỗi, hạnh phúc đâu chẳng thấy, chỉ gây cho nhân loại một tâm thảm kịch tương sát, tương tàn. Ta nên để đức tin cho thời gian và không gian định nên hư của họ, nhưng hiển nhiên hôm nay ta chịu biết bao nhiêu đau khổ. Ta muốn cho vay đặng hưởng lợi, mà lợi đâu chẳng thấy vì hứa hẹn ấy chỉ với lỗ miệng, không bảo kê, không chứng chắc mà giờ phút này ta bị lỗ vốn một cách đau đớn và oan uổng.

Cuộc chạy theo bóng bỏ hình của nòi giống Việt Nam từ xưa đã vậy; nó đã làm nên bệnh chủng tộc. Đồng bào sẽ hỏi Bần Đạo dùng phương pháp nào để trừ hại thì Bần Đạo chỉ trả lời một cách đơn giản như thế này:

- Ngày nào **ả chủng tộc Việt Nam đặng định tỉnh** trong **Quốc hồn** của họ thì họ mới có thể cố thủ và bảo vệ **sanh tồn** của họ.

- Ngày nào **lòng ái quốc nồng nàn** của nước Việt Nam thoát khỏi **lợi dụng** đặng biến thành một ngọn lửa thiêng dâng lên **bàn thờ Tổ Quốc** của họ thì họ mới bảo thủ được **trọn vẹn Hoàng Đồi** cùng **tộc chủng**.

- Ngày nào **đầu óc** của cả **khối Quốc Dân** biết **trọng dĩ vãng lịch sử** của mình rồi **định phận** cho mình xứng đáng làm một nước đủ **liệt cường**, đủ **uy tín** hầu **đối diện** cùng **Quốc Tế** rồi **chủ định số phận** của mình do **năng lực** của mình, không **y lại** nơi một **ngoại bang** nào thì ngày ấy mới **giả i ách lệ thuộc** về **tinh thần lẫn vật chất** của mình mới **đặng**.

Tình thế đương nhiên là Bắc Việt đã bị lệ thuộc của Trung Cộng, còn Nam thì bị sống gởi nơi tay người, thì kiếp số tương lai của ta chưa biết nương nơi đâu mà an đặng. Nếu tình thế này mà kéo dài tới mãi thì hòa bình của họ đã hứa hẹn cùng ta thì là mộng ảo.

Bản Đạo ước mong và cầu xin cho toàn thể đồng bào sáng suốt hơn đặng tự định số mạng và tương lai của mình.

Bản Đạo để lời chào mừng toàn thể đồng bào và cầu chúc cho các gia đình đều hạnh phúc.

Bức thư Bản Đạo có gởi cho đài phát thanh Sài Gòn, đêm nay có lẽ giờ này đã đọc rồi.

Cái nạn qua phân lãnh thổ, Bản Đạo nói sẽ làm cho nhơn loại đau khổ và nguy hiểm không thể tưởng tượng vì năng lực tàn phá của vũ khí tối tân nhất là bom nguyên tử. Nếu nhơn loại không rán sức đem hòa bình hạnh phúc do con đường thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã đến thì nhơn loại sẽ bị tiêu diệt. Nhơn loại mắc nạn tiêu diệt ấy là do tội tình của họ. Một điều Bản Đạo nói cho nước Pháp biết rằng: “Sắc dân này không quen chịu lệ thuộc, cả sự tranh đấu đặng giải ách lệ thuộc của họ đối với nòi giống Trung Quốc buổi nọ không ai cản họ được. Hốt Tất Liệt thâu cả Hoàng đế bên Âu Châu, đặt gót tới Việt Nam bị thảm bại”.

Bản Đạo xin hai chánh phủ phải hiệp với nhau làm một và toàn thể quốc dân Việt Nam không phân biệt đảng phái, Tôn Giáo phải hiệp nhau làm một đừng chia đôi ra. Bản Đạo cầu xin họ sáng suốt đặng định tương lai mình, do mình vì chủ không muốn cầu ai. Nhất là nước Việt Nam nhờ Pháp nói với Mỹ. Nước Việt Nam đã đánh đổ quyền hành của Pháp, không muốn quyền hành nào thay thế là vậy.

Đạo mở tức là Cơ Đại-Ân-xá của Đức Chí-Tôn:



3- HỘ PHÁP Hành Pháp mỗi khi

vô Cúng Đàn

Đền Thánh, đêm 14-2- Mậu Tý (dl. 24-03-1948)

Hôm nay Bản Đạo chẳng phải thuyết Đạo.

Bản Đạo chỉ nói chuyện mà thôi: Nói chuyện Hộ Pháp, mỗi phen vô CÚNG ĐÀN làm việc chi, theo như lời Bản Đạo đã hứa.

Bản Đạo nói đây để cả thầy được biết điều ấy trọng hệ như thế nào, đừng giữ gìn và giúp Bản Đạo mỗi phen HÀNH PHÁP được dễ dàng một chút. Bản Đạo nói hôm nay, để đêm mai có nhiều thì giờ giảng những điều thiết yếu hơn, trọng hệ hơn.

- Mỗi phen nhập Đàn, hễ trống chuông rồi, thì tất cả đi vô, cả thầy đi vô thông thả, chỉ có Bản Đạo thật bối rối. Bước lên Ngai rồi, trụ Pháp lại, vẽ bùa niệm chú. Câu chú mà khi ~~thưng~~ *thưng* sớ, chúng ta thường nghe đọc “Tam Châu Bát Hộ -Pháp Thiên-Tôn”. Thật sự thì như vậy “TAM THIÊN THẾ GIẢI HỘ PHÁP GIÁNG LÁ M”. Từ trước đến giờ, các bậc tiền bối của chúng ta đã để như nói trên nên không thể sửa cải được, phải để y như vậy.

Khi bái đàn rồi cả thầy quì tụng kinh, còn Bản Đạo tịnh niệm, mỗi câu Kinh mấy em đọc vẫn dễ, vì thuộc mà đọc thôi, riêng Bản Đạo mỗi câu Kinh phải mật niệm, tụ hết cả nghĩa lý của nó dâng lên Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng. Rồi còn điều này rắc rối hơn hết, hễ khi nào cả thầy tụng rồi bài Kinh Chí Tôn hoặc Kinh Tam Giáo: khi Bản Đạo thấy nín hết, buổi đó đem hết tinh thần trụ lại, dâng lời mật niệm ấy vào Bát Quái Đài. Đến khi tất cả niệm Ngũ nguyên cũng vậy, Bản Đạo định tâm, dồn cả đức tin biến thành một Huệ-quang chiếu diệu đem vào Bát-Quái-Đài rồi, đợi cho Bát-Quái-Đài trả lời, khi ấy ở trong đó ánh sáng ủa ra, Bản Đạo cúi đầu niệm thế cho cả thầy.

Còn dâng Tam Bửu: Bản Đạo hiểu cả nghĩa lý của nó đang khi dâng Bông, cả thấy hình thể con cái của Chí Tôn tức là Thánh Thể của Ngài, trụ hết xác Thánh đó dâng cho Ngài **đăng** Ngài làm phương ưu thế. Đó là dâng Bông.

Tới dâng rượu: cả thấy khi dứt câu Kinh, nín lặng hết, Bản Đạo vận dụng cả trí não tinh thần, đem đức tin của cả thấy dâng vào Bát Quái Đài.

Tới dâng Trà: là dâng **ả** L inh hồn cho Chí Tôn. Bản Đạo để cả tinh thần trụ lại, đem linh hồn của cả con cái Chí Tôn dâng cho Ngài.

Khi các người Cầu nguyện, buổi cầu nguyện biết vậy thì nguyện như vậy thôi, còn Bản Đạo phải trụ hết tinh thần định trở lại, đem cả những lời cầu nguyện ấy dâng dâng cho Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

Khi Chí Tôn truyền cho P háp ấy, Bản Đạo nghĩ rằng: Đó là chiếu theo Cổ pháp của nhà Phật buổi trước, nhưt là Thiền Môn mỗi khi làm chay, thí của, cầu siêu, hay tuần tự chi đều rước một vị Hòa Thượng trụ trì đến. Không gì khác hơn là Bí-pháp của Chí Tôn trụ thần. Bản Đạo dám chắc rằng không ai biết, họ tụng kinh như hát mà thôi, không ai để hết tí nh thần vào câu kinh, nên mấy thầy chùa gõ mõ tụng kinh có ăn thua gì. Trọng hệ là vị Hòa Thượng trụ trì ngồi hành pháp, nhưng không hiểu họ có biết mà làm y theo đó hay không? Cái trọng hệ ấy, nếu ai làm cho y, thì là trúng với Bí pháp. Tiểu Đàn thì vậy.

Còn Đại Đàn lại còn rồi cho Hộ Pháp hơn nữa, là có ba ấn: Thượng Nguơn, Trung Nguơn, Hạ Nguơn, ấn ấy không phải do tay Hộ Pháp không? Khi đứng lên Ngai rồi bắt ấn Hộ Pháp, lấy cả Tam Bộ Thiêng Liêng tức là sanh khí mà ta thấy trước mắt tỏa ra cùng khắp. Rồi đến trụ Thần lại bao trùm cả trái đất này như vòng bao một trái

cây gì vậy, để cái cuống lên trên, đem dâng cho Chí Tôn ngự.

Kế dâng Bông, **bắt Ấn Thượng Nguơn** dưới đập Nguơn Đẩu, tay đưa Gián Ma Xử lên hiệp với chữ Khí, đem Khí ấy đưa ra cả Càn Khôn thế giới. Ấn Thượng Nguơn làm chủ chữ Khí, đem Khí ấy hiệp hết cả Nguơn Khí đăng bao trùm vũ trụ.

Đến Trung Nguơn bắt Ấn Hiệp Chưởng biến hóa, Gián Ma Xử để nằm ngang, đuôi bên Thế, cán bên Đạo, ý nghĩa Đạo cầm cán đăng trị Đồi. Bắt ấn Hiệp Chưởng, cầm cả cơ pháp của vạn vật biến sanh đăng bảo tồn không cho tương tranh, tự diệt nhau.

Tới Hạ Nguơn, tay ử thuộc Dương ở trên, tay hữu thuộc Âm để dưới, rồi để Gián Ma Xử chúi xuống, trụ Thần đem cả Càn Khôn hiệp cả vạn vật. Bắt ba Ấn phải trụ thần, làm sao cho ấn ấy đừng thất pháp. Cho nên ban sơ, buổi Chí Tôn mới giao cho Bản Đạo tại Từ Lâm Tự, cái khó là trí óc vẫn lo ra, vì không quen, không phải mình làm thầy phù, thầy pháp gì ông giao cho học mãi làm không trúng. Vì ở nên mới có quĩ lộng tại Từ Lâm Tự buổi nọ, các Ấn khác của Hộ Pháp có linh hay không mà quĩ lộng? Ấy là Thiên Cơ khiến vậy. Chí Tôn mở Tam Thập Lục Động coi có phá nổi Ngài không? Có thể làm cho tiêu diệt nền Chánh Giáo không? Để cho chúng sanh thí nghiệm mà thay quyền năng vô tận của Ngài. Buổi nọ vì thời gian ngắn ngủi, nên công việc chưa rành rẽ, vì không đủ thì giờ để chuyên luyện, hoặc cho là chưa trọng hệ cho lắm, nên có điều sơ lược. Đó là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn như vậy.

Trong một thời Cúng, Bản Đạo đã căn dặn nhiều phen trọng hệ hơn hết, là khi Dâng Tam Bửu, dầu cho tinh thần suốt buổi Cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi

Dâng Tam Bửu, khuyên cả thầy định thân đặng mật niệm, dâng ba bửu trọng hệ cho Chí Tôn, tức là giúp sức Bản Đạo hành pháp dễ dàng một chút đó.”



4- Vía Đức Phật Quan-Âm Đức Hộ-Pháp HÀNH PHÁP trong thời Cúng Đàn

Đền Thánh đêm 18 /02 năm Nhâm Thìn (1952)

Mỗi kỳ Đại Đàn kể từ 12 giờ cho đến 2 giờ, trong hai giờ đồng hồ nếu mấy người mặc một bộ đồ võ phục như vậy, có buộc dây như Tôi, chịu thử như Tôi coi ra sao mấy người biết. Từ lúc mới vô dĩ chí cho tới mãi lẽ, không có lúc nào không, luôn luôn hành pháp không nghỉ, tới xong lẽ lại lên giảng đài giáo Đạo cho con cái Đức Chí Tôn, nếu ngày kia có tuổi thêm chút nữa, chắc làm không nổi, không thể đứng nổi, chịu không nổi nữa.

Hạng nhứt dờm trở lại thấy họ làm biếng đi Cúng, thấy nó nảo nề làm sao! Thối chí làm sao! Bản Đạo cho hay lần này là lần chót, ngày giờ nào có Đại lễ như vậy, Bản Đạo ngó thấy trước mắt nếu còn sự biếng nhác của con cái Đức Chí Tôn, Bản Đạo không thuyết Đạo nữa, lần này là lần chót!

Đêm nay Bản Đạo thuyết cái đề rất trọng yếu là:

Con người đi tìm Đạo hay Đạo đi tìm người?

Từ Thượng Cổ đến giờ đã lắm người tự nhiên biết rằng: Cả cái khuôn luật thiên nhiên của tạo đoan thể nào là Thánh ý của Đức Đại Từ Phụ cũng đã định vậy. Luật thiên nhiên của tạo đoan buộc chúng ta phải nhìn nhận cái khuôn luật tối yếu, tối trọng của Ngài. Trong vạn vật hữu sinh chúng ta thấy chúng ta đứng đầu hơn hết, vì chúng ta linh hơn vạn vật. Vì có cho nên khi chúng ta còn thiếu niên

chúng ta chưa đi trí thức, chúng ta vẫn thường theo một khuôn luật là tìm sống thôi. Bởi phương bảo vệ cái sống của mình là khuôn luật thiên nhiên đã định vậy, hễ khi nào chúng ta tìm **ởng** tức nhiên chúng ta làm thế nào cho chúng ta **sống** được. Tức nhiên chúng ta không chịu nhận sống cho ai hết, nói rõ ra cái tấn tuồng tranh sống mà Bần Đạo đã thuyết cái yếu lý của toàn thể Nhơn loại trên mặt địa cầu này, để định vận mạng tương lai của họ, cái yếu lý ấy hệ trọng hơn hết. Hễ nhượng sống thì còn **ồn** tại với nhau, mà tranh sống thì tức nhiên tự diệt với nhau vậy.

Ấy vậy, chúng ta tìm Đạo là gì? Là chúng ta thoát ly cho **đặng** cái thú tánh, để bảo tồn cái thiên mạng của mình. Dầu cá nhân của chúng ta, dầu toàn thể Nhơn loại cũng vậy, duy chịu có khuôn luật ấy mà thôi.

Kỳ trước Bần Đạo đã thuyết hai cái cơ thể: Nhục thể và Linh hồn của chúng ta tức nhiên là cái nguơn linh của chúng ta vậy. Nó phải tương liên mật thiết với nhau, **đặng** nó điều độ dịu dẫn trên con đường Tu, tức nhiên trong con đường Đạo của chúng ta là tánh và mạng phải song tu, ta phải biết cái tánh của ta vẫn còn cái thú tánh của nó, trong xác thịt thú này, ta tìm phương nào cho thoát ly nó, **đặng** chịu quyền năng của nó ràng buộc, ta phải đạt cho được cái tinh thần thiêng liêng vô đối đó. Chúng ta đồng thể cùng Đấng Chí Linh tức nhiên đồng thể cùng Đạo. Đạo là cơ quan mà toàn thể Nhơn loại từ Thượng Cổ đến giờ, tìm kiếm đó vậy. Họ tìm Đạo là tìm gì? Họ tìm Đạo **đặng** đạt được chơn pháp giải thoát kiếp sinh của họ. Nhà Phật tìm phương **chước** **đặng** diệt quả kiếp của mình **đặng** đạt cơ siêu thoát. Đạt cơ siêu thoát **đặng** làm gì? **Đặng** lập vị Thần, Thánh, Tiên, Phật và có phương thể đồng thể cùng Đức Chí Tôn **đặng** cầm quyền

tạo đoan của Càn Khôn Vũ Trụ, ấy là mơ vọng của toàn thể Nhơn loại từ xưa đến nay đi tìm Đạo là vậy đấy.

Hỏi từ trước đến giờ họ đã tìm được hay chăng? Ta để dấu hỏi mơ hồ. Những Đấng đã đạt Đạo, chúng ta chắc hay không, duy mấy vị Giáo Chủ mà thôi. Còn các môn đệ của các Ngài, sau khi các Ngài đã qui liễu; chúng ta để dấu hỏi họ đã đạt vị được như vậy hay chăng? Chắc cả thấy đều để dấu hỏi mơ hồ hết. Giờ phút này chính mình Bần Đạo đứng tại giảng đài này, là người để đức tin vững chắc hơn toàn thể Nhơn loại. Mà chính mình Bần Đạo phải để dấu hỏi mơ hồ này, thì tưởng chưa có ai đạt cơ siêu thoát được.

Ấy vậy, đạt siêu cơ thoát được chi? Được đạt phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật và cả phẩm vị Trời nữa, có phải như vậy chăng? Hết thấy đều nhìn nhận là phải vậy. Mà giờ phút này Đấng cầm quyền cả Càn Khôn Vũ Trụ, làm Chúa cả Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, Ngài đến cùng ta đem cái địa vị của Ngài để trong mình của mỗi đứa, tức là Ngôi Chí Thánh của Ngài. Ngài đến lấy cả hình xác của chúng ta để làm phần tử Thánh Thể của Ngài. Phải chăng nếu chúng ta lấy cái triết lý chọn lý ấy tìm tòi, chúng ta thấy rằng: Ông Trời đến ở cùng ta, ta là ông Trời tại thế này, cứu phẩm Thần Tiên ở trong Thánh Thể của Ngài; Thần, Thánh, Tiên, Phật Ngài đem để trong tay của chúng ta cả thấy. Lý do là Đạo đến tìm ta, chứ ta không có tìm Đạo. Thượng Cổ không biết chừng nhiều Đấng đã muốn trông thấy như ta đã trông thấy, và họ muốn được như ta đã được hôm nay, nhưng họ chưa được mà chúng ta đã được.

Ấy vậy Bần Đạo quả quyết rằng, xưa kia thiên hạ tìm Đạo một cách khó khăn mà giờ phút này ta lại thấy Đạo đến tìm ta.

Hồi chiều mấy anh em chúng tôi có ngồi luận Đạo với nhau, đang nhắc Ngài. Đức Chí Tôn mới đến Ngài có than rằng:

*Cười khan mà khóc bởi thương bầy,
Chẳng mắt một con nghiệt cả bầy;
Biết phận già không chờ chống gậy,
Nương theo con dại mới ra vầy.*

Ông thấy mình tội tình quá lẽ, hơn loại con cái của Ông đã sa ngã, đã tội chương quá nhiều, chính mình Ông cầm gậy đến ở cùng con cái của Ông. Một là tìm phương gửi tội cho nó. Hai là tìm phương đem quyền pháp cơ quan siêu thoát ết trong tay nó. Nếu toàn thể con cái từ Tín Đồ dĩ chí Thiên Phong Chức Sắc không có đạt vị đặng, dám chắc khi trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống cái hổ nhục chẳng thế gì chúng ta thấy đặng các bạn của chúng ta đang tiếp chúng ta nơi cửa Hư linh đó vậy, và lẽ sao đạt không đặng không có gì tệ mạt hơn”



5- Ý nghĩa đi Hoán Đàn (Cúng Đại Đàn)

Đêm rằm tháng 2 năm Mậu Tý (dl. 25-03-1948)

(LỄ THÁI THUỢNG)

Không có một điều chi Chí Tôn đề trong Pháp giới của Ngài, trong cửa Đạo này, mà không có nghĩa lý. Ít nữa mình không biết thì phải tìm cho biết, coi tại sao như thầy chùa chạy kim đàn vậy, tìm cho ra duyên cớ đặng hiểu biết bên trong pháp giới của Đức Chí Tôn là thế nào mà hình thể bên ngoài lại dị kỳ làm vậy. Không biết phải hỏi, cả thầy nên biết rằng, không một điều gì trong nền Tôn Giáo này mà vô nghĩa lý đa nghe.!

Tại sao phải Hoán đàn, nam, nữ chen nhau?

Đó là Bùa Pháp Luân Thường Chuyển. Tại sao Chí Tôn để bùa Pháp Luân Thường Chuyển tại thế này, đừng chỉ vậy? Hiện đã mãn Hạ Ngươn ta m chuyển, bắt đầu Thượng Ngươn Tứ chuyển ta gọi là khai ngươn nên phải để cho Pháp luân chuyển.

Ta đã biết thời Tiên Thiên Khí và Hậu Thiên Khí chuyển làm một mới mới đạt Đạo đặng. Cả thầy đều biết qua Cửu Trùng Đài này là Cửu Thiên Khai Hóa, còn Cung trên kia là Cung Đạo. Từ trước đến nay, mỗi người mãi miết tìm Đạo mà Chí Tôn để giữa đó, trước mắt mà không biết. Đi chín tầng Trời để cho phân hồn đi cho cùng tột Cửu phẩm Thần, Thánh, Tiên, đến Phật, tức là Phật xuống phàm, rồi phàm trở lại Phật, chuyển luân như vậy, Bí pháp gọi là đạt Đạo. Tại sao cả thầy không tìm hiểu, rồi không chịu vô Hoán đàn, sợ mỗi chân, chờ trong này thiên hạ đi giáp rồi mới vô cúng mà thôi.

Cũng vì bởi không Hoán Đàn là không đạt được Thể pháp đó không đủ theo pháp giới của Chí Tôn, nên người cầm pháp có phận sự không cho vô tức là không cho làm loạn Đạo.”



6- Hành Bí-pháp trong cửa Đại-Đạo

Ngài Bảo-Đạo Hồ-Tấn-Khoa có nói:

Những điều sơ khởi:

Người mới Nhập môn vào Đạo Cao-Đài lập Minh thệ thì đặng hưởng hồng-ân là thọ phép Giải oan. Phép này rửa sạch tội tiền khiên của mình từ trước.

Phép này cũng là một Đại Ân xá những tội tình, nhưng từ ngày Nhập môn về sau thì phải gìn giữ đừng gây

thêm tội mới cho đến ngày chết tức là ngày trở về với Đức Chí-Tôn (Đại-Từ-Phụ) thì được nhẹ nhàng rất nhiều.

Ngoài Bí-Pháp giải-oan này Đức Chí-Tôn còn ban cho Pháp Tắm Thánh, pháp làm Hôn phối và đặc biệt nhưt là phép xác và phép độ thăng.

Người Tín-hữu Cao-Đài nào giữ được 10 ngày chay trong mỗi tháng để lên được thọ truyền B ửu pháp tức là hưởng được phép xác, cắt hết 7 dây oan-nghiệt. Linh-hồn không còn bị ràng buộc với thi hài bởi 7 dây oan-nghiệt nữa nên được xuất ra nhẹ-nhàng về cõi Thiêng-liêng Hằng sống.

Còn Phép độ thăng là để giúp cho linh hồn những Chức-sắc được nhập vào Bát-Quái-Đài dễ-dàng hơn”.

a/- Tín đồ khi mới Nhập môn phải Minh-Thệ:

Tớ phiên các Môn 𡇗, từ người đến bàn Ngũ Lôì mà thề rằng:

“Tên gì?... Họ gì?... Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.” (36 chữ)

Tớ trước bàn Hộ Pháp cũng thề như vậy, rồi mới đến lạy nhị Đầu Sư.”

b/- Cúng Tứ Thời là Bí pháp Giải thoát:

Thầy dạy:

Thuở Đức Hộ-Pháp còn sanh tiền Ngài cũng lo ngại cho loài người vì sự văn-minh tuyệt đỉnh bị *“giục thúc bởi phương sống vật chất, họ tìm hạnh phúc trong cái sống vật hình, vì có Đạo-giáo mất quyền”*.

Ngài vẫn nạn Đức Lý Giáo-Tông:

“Đương thế kỷ hai mươi này văn-minh ạc điếm đã đi quá cao rồi, đem đạo -đức tinh thần làm thuyết cứu

thế sợ chẳng có kết quả. Tôi công nhận rằng trước hai ngàn năm có lẽ Nhơn loại còn bảo thủ được khối thiên lương, biết xu-hướng đạo-đức; tinh thần đạo-đức buổi ấy dường như gặp một mảnh ruộng có nhiều phân nên hột giống mới mọc đặng, còn thế-kỷ hai mươi này là thời-kỳ văn-minh vật chất, nếu đem đạo-đức ra làm môi giới cứu vãn tình thế cho đời e vô hiệu quả.

Đức Lý Ngài than, nói quyết đoán rằng:

- Theo Ē Hiền -hữu nói Nhơn loại ngày giờ này không cần đạo-đức có phải?

Bản-Đạo trả lời:

- Thật vậy! Nhơn-loại buổi này không cần đạo đức, chỉ tìm hạnh phúc nơi văn-minh khoa học cũng có thể được chứ?

Ngài cười:

- Văn-minh khoa-học chỉ nuôi phần xác thịt mà thôi, con phần linh hồn chắc-chắn họ sẽ đói!

Bản-Đạo vấn nạn tiếp:

- Tại sao Ngài nói linh-hồn đói? Linh-hồn có ăn sao mà đói?

- Phải! Phải có vật-thực đặng bảo dưỡng nó như thi hài vậy, nếu không vật thực nó sẽ tiêu-tụy rồi chết mà chớ!

Bản Đạo lại hỏi:

- Đạo-đức tìm nơi đâu mà có đặng?

- Tức nhiên tìm nơi cửa Thiêng-liêng hằng sống mới có, mà tìm nơi cửa Thiêng-liêng hằng sống tức là cửa Đạo. Buổi ăn của linh-hồn là buổi ta vô Đền Thờ cúng đấng! Ta không thấy mùi của nó tức chưa hưởng được, tưởng vô Đền thờ là bị luật buộc, không dè mỗi phen đi cúng tức là cho linh-hồn ăn vậy! Bản Đạo tưởng thấy trong trí cần phải bắt buộc cả thầy đi cúng. Vì trong thâm tâm Bản Đạo định mấy người chưa biết mùi của nó, cũng

như kẻ nhà quê đưa cho gói bánh ăn chẳng được, rồi khi đã biết mùi rồi bán cả áo quần mà mua ăn” (TD II/152)

Vì tính cách tọng -yếu đó mà Đức Phật Quan-Âm nhắc nhở rằng:

- Phải năng cúng kiến:

Thánh Giáo của Đức Quan Âm Bồ-Tát dạy:

“... Các em phải lo cúng kiến thường:

1- Một là tập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng cho đăng xán lạn.

2- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

3- Ba là có tế lễ thì tâm mới có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

4- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri, lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các em nhớ à! ...”

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, ngày 08--05-1933)

- Cúng phải nghiêm trang:

Thánh Giáo Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy hằng nói với các con rằng: Thà là các con lỗi với Thầy, thì Thầy vì lòng từ bi mà tha thứ, chớ chẳng động đến oai linh chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, vì họ chẳng tha thứ bao giờ.”

Thầy lại cũng đã nói:

“Mỗi khi Chơn linh Thầy giáng Đàn, thì cả vàn vàn muôn muôn Thần, Thánh, Tiên, Phật theo hầu hạ. Các con nếu mắt phàm thấy đặng, phải khứng khiếp kinh sợ vô cùng! Nhưng thấy chẳng đặng, nên tội cũng giảm nhẹ đó chút.

Thất lễ là đại tội trước mắt các Đấng Chơn linh ấy! Thầy phải thẳng cho các con khỏi hành phạt. Thầy chẳng buổi nào chấp trách các con, bởi lòng thương yêu hơn

chấp trách rất nhiều. Sợ là sợ cho các con mất đức với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Xem đó, thì các con khá dè dặt, kính Thần, Thánh cho lắm! Vì Thầy là bậc Chí Tôn, lòng hay quảng đại mà tha thứ, chớ Thần, Thánh hễ các con có lỗi, thì cứ Thiên điều mà quả phạt các con nghe à!”

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, ngày 15-10-1926)

Cúng là hình thức Xét mình:

“Trước khi vào lạy Thầy buổi tối phải tự hỏi mình coi phận sự ngày ấy xong chưa? Nếu phận-sự chưa rồi, lương tâm chưa an ổn thì phải biết cải quá, rán sức chuộc lấy tội lỗi của mình đã làm thì các con lo chi không bị bực chí Thánh. Thầy mong cho mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình ấy. Đặng vậy thì may-mắn cho Đạo và các con cũng sẽ đặng thung dung nêu gương cho kẻ khác”.

Hiện nay có nhiều vị niên cao kỷ trưởng muốn được nghỉ đi cúng, vậy có đúng chơn pháp không?

Sau đây là lời phê của Đức Hộ -Pháp vào năm 1951 qua tờ xin của Chí-Thiện Lê-văn-Trường xin nghỉ Cúng thời Tý vì tuổi già bệnh hoạn.

Đức Hộ-Pháp phê rằng:

“Hễ càng già lại càng Cúng nhiều đặng dâng mạng căn số kiếp của mình cho Chí-Tôn định, ấy là Bí mật giải thoát của Chí-Tôn để nơi Cô tận độ. Dầu đương giờ mình Cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên truyền cho ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý Bí pháp này.

Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh, hễ nghe thời Cúng là dậy dâng Tam bửu cho Chí-Tôn”.

Đi Cúng quả là hữu ích, nên Thầy ân cần dặn bảo:

“Phải chịu khó cúng Tứ thời và nhìn Thiên-Nhãn cho thường. Mỗi lần Cúng cho được lâu, lâu đặng cảm lòng giáng hỏa hết đau mắt.

Luôn dịp Thầy nói cho các con biết: Cúng Tứ thời có ích cho các con lắm, chứ không phải ích chi cho Thầy. Nếu Cúng được thường thì lòng dạ mở-mang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt. Con nên biết việc Cúng Tứ thời nghe! (ĐCT:10-11-Bính Dần -14-12-1926)

Đức Hộ-Pháp thường nhắc:

Điều trọng-yếu là cả Bí-pháp Đạo -giáo có liên quan mật thiết với Thể-pháp rồi cả thấy đều nghĩ, từ thử tới giờ Hộ-pháp buộc phải đi Cúng, phải hành Đạo thế nào, không phải Ngài buộc mà Ngài hưởng một quyền lợi gì riêng hết, thử suy đoán chơn pháp ấy rồi mới biết.

Bản Đạo vì phận sự muốn cho con cái của Đức Chí Tôn tạo cơ giải thoát nên mới buộc gắt-gao như vậy thôi”

-Niệm danh Cao-Đài là Bí-pháp giải thoát

Cao-Đài là gì?

Nho-Giáo nói rằng trên đỉnh đầu là Đấng Cao-Đài. Đã nói là Cao thì không còn chi cao hơn nữa để tôn tể Đấng Thượng-Đế là Đấng tối cao, tối đại. Ngày nay Đấng Thượng-Đế mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ xưng danh là Ngọc-Hoàng Thượng-Đế viết *Cao Đài Tiên Ông Đại-Bồ Tát Ma-Ha-Tát Giáo Đạo Nam phương*.

CAO-ĐÀI là cái Đài cao, xưa muốn cầu Thần Tiên thì cất một cái Đài cao bằng tranh lá rồi lên đó để cầu-đạo gọi là thảo-đài. Nay chính Đấng Thượng-Đế đến với nhân loại mở Đại-Đạo nơi đất nước Việt-Nam chính là mở cơ Đại-Ân-Xá lần ba để độ dẫn 92 ức nguyên-nhân còn đắm mê hồng-trần.

Danh xưng “CAO-ĐÀI TIÊN-ÔNG ĐẠI-BỒ TÁT MA-HA-TÁT” là gồm cả Tam-giáo gọi là Tam Giáo Qui nguyên:

- **Cao-Đài** là tượng-trung cho Nho-Giáo.
- **Tiên-Ông** là chỉ Tiên-Giáo.

- Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ Phật Giáo.

Chính Đấng Thượng-Đế đã nói về việc xưng danh ấy, tức nhiên quyền Chuông quản Càn khôn vũ trụ là một mà ba, mà ba cũng như một là vậy. Thầy dạy:

“Các con coi bậc Chí-Tôn như Thầy mà hạ mình đặng độ-rối nhơn-sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên-Ông và Bồ-Tát là hai phẩm chót của Tiên Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối-cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm-nhượng là thế nào. Vì vậy mà nhiều kẻ Môn-đệ cho Thầy là nhỏ. Cười..!.

“Hạnh khiêm-nhượng là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi Thiên-hạ đặng. Các con phải khiêm-nhượng sao cho bằng Thầy. Thầy lại nói buổi lập Thánh-Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không tội-lỗi, đâu đến nhọc công Thầy.

“Ấy vậy, các con ráng độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết”.

7- Tại sao Đức Chí-Tôn phải cho Môn đệ của Ngài cả Ấn – Pháp – Bùa - Chú và còn bắt lập Minh thệ nữa?

Đức Hộ-pháp thuyết 12-7 Mậu-Tý (1948)

“Phương ngôn Pháp có câu “Aide-toi le ciel t'aidera” và Tiên Nho chúng ta nói “Tận nhơn lực tri thiên mạng” điều này hiển nhiên chơn thật lạ lùng chúng ta rần cố gắng hết sức mình thì Chí Tôn mới ban cho cái huyền linh của Ngài, nếu không rần không thế gì hưởng được, mấy Em nhận biết điều ấy, chúng ta do Chí-Tôn kêu gọi đặng gây dựng, ta phải cố gắng, vì lẽ không thặng tức ta phải đọa. Mấy Em nhớ, Đạo của mấy Em chúng Qua đã tạo dựng cho mấy Em đặng ngày kia mấy Em tiếp theo

Chon Truyền Luật Pháp thay thế cho mấy Qua đặng truyền nghiệp cho hậu tấn.

Pháp nói “Chaque soldat a un bâton de maréchal dans son sacoché” nghĩa là: Mỗi tên lính đều có cây gậy của ông Thống Chế trong bị của họ. Qua nói rằng: Mỗi vị Tín đồ đều có cái mào của Giáo Tông và Hộ Pháp đội trước trên đầu, không lấy được là lỗi tại mấy Em, chẳng lẽ có một người mà người đó chết rồi là diệt tiêu nền Đạo.

Ngày kia không có gì vui~~ing~~ cho Qua hơn, khi thấy xuất hiện trong mấy Em, khi Qua đã già vô Tịnh thất an dưỡng tinh thần, mà thấy đặng mấy Em ở dưới bước lên ngôi địa vị cao trọng của Qua”.

8-Người Tín hữu Cao Đài được sử dụng các Bí pháp

1/-Bắt Ấn Tỷ:

Pháp Đạo buổi Tam Kỳ là “Bắt Ấn Tỷ” tức nhiên nắm cả pháp Thiên điều vào tay, do câu “*Ốc trần hườn ư song thủ chi nội*”. Do vậy mà người mới nhập môn vào Đạo là được trao cho Ấn, Pháp, bùa, Chú. **Ấn** là Ấn Tỷ. **Pháp** là dùng nước Âm Dương thủy hoả Ký Tế, **Bùa** là bùa chữ Khí, là khí sanh quang tức là sự sống của vạn loại. **Chú** là câu chú của Thầy, niệm “*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”.

Trong kỳ ba giáo Đạo, Đức Chí Tôn đại từ đại bi ban cho toàn Đạo ẤN TỶ để cho mỗi Môn đệ hộ thân, chớ không cầu xuất diễn hại người, nên ngón trở và ngón út không đưa thẳng ra như cách bắt ấn khác. Vì khi bắt Ấn Tỷ thì dùng ngón tay trái ấn vào ngón áp út chỗ cung Tỷ, Tỷ là nơi khởi đầu vạn vật.

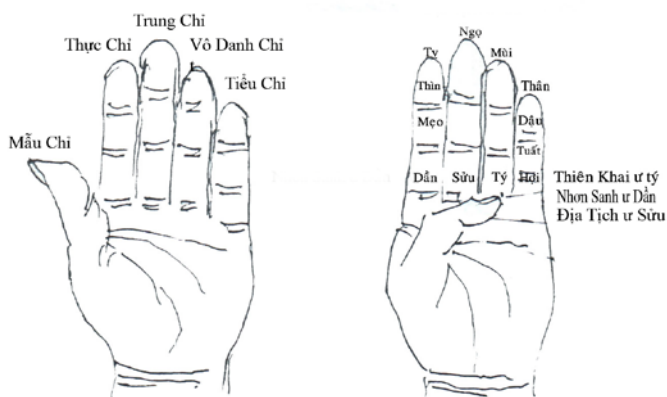
Tam-Kỳ Phổ-Độ: Hiệp đủ Phật, Thánh, Tiên là thời-kỳ kết quả độ đủ chín mươi hai ức nguyên nhân về

nơi nguyên thủy. Có câu: “*Thiên Địa tuần hoàn châu nhi phục thi. Tam Giáo qui nguyên*” chấp tay hoa sen đã thành trái.

Buổi Tam-kỳ Phổ-Độ, trước khi lạy phải bắt Ấn Tý, gọi là Kiết quả, nghĩa là thời-kỳ này đã thành trái. Tu thì thành, dữ thì đọa. Thường phạt phân minh.

Mỗi bàn tay có 5 ngón:

- Ngón cái gọi là mẫu chỉ (ngón mẹ của các ngón)
- Ngón trỏ gọi là thực chỉ (chỉ đúng sự thực)
- Ngón giữa gọi là trung chỉ (ngón ở chính giữa)



- Ngón áp út là Vô danh chỉ (ngón tay không tên)
- Ngón út gọi là Tiểu chỉ (ngón tay nhỏ nhất)

Bàn tay trái thuộc Dương, bàn tay hữu thuộc Âm. nắm lại, đó gọi là Ấn Tý (bấm vào cung Tý) như một trái cây đã thành trái. Đoạn bàn tay phải đỡ bàn tay trái ôm tròn lại và đầu ngón cái của bàn tay phải bấm vào cung Dần của bàn tay trái, như hình một trái cây đầy đặn.

Nay qua hội Nhơn sanh ư Dần, tức là qua Tam-Kỳ Phổ-Độ- Kiết quả - là ngươn hội mà Chí-Tôn đến mở một

nền Đại-Đạo, độ hết cả quần linh về cõi Niết-bàn, chẳng để cho một điểm chơn-linh nào ở nơi Đông-Độ.

Khi ngón tay cái của bàn tay trái ấn vào cung Tý, còn lại bốn ngón của bàn tay trái này là *Tứ Dương*, ngón tay cái của bàn tay mặt bấm vào tay tả ở cung Dần, bốn ngón bao ngoài là *Tứ Âm*, hiệp chung nhau lại là Bát quái tức là tám ngón tay biểu thị cho Bát phẩm Chơn hồn.

- Tức nhiên bốn ngón thuộc Âm là: *Vật chất-hồn, Thảo-mộc-hồn, Thú cầm-hồn, Nhơn hồn*.

- Bốn ngón thuộc Dương là chỉ về *Thần-hồn, Thánh hồn, Tiên-hồn, Phật hồn*.

Ấy là buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ này Đức Chí Tôn độ hết nhơn vật quần linh tận qui nguyên vị. Cộng chung hai lần 4 ngón tay trên lại tức là Tứ tượng biến Bát-quái. Bát quái biến hóa vô cùng mới thành ra Càn khôn thế giới.

Tay trái (Dương) mà có ngón tay cái ở trong; đồng thời tay trái lại có ngón tay cái của bàn mặt là Âm chỉ vào, đó là trong Âm có Dương, trong Dương có Âm. Âm Dương luôn luôn quyện nhau không bao giờ xa lìa. Một Âm một Dương gọi là Đạo “*nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo*”. Âm Dương hiệp nhứt mới phát khởi Càn khôn.

Sách có câu: “*Vô danh Thiên Địa chi thủy*” là trước khi Trời Đất chưa khai, thì một khí không không, sau định hội Tý mới mở Trời, nên chữ Tý ở tại góc ngón tay vô danh. Khi mở Trời rồi mới có *hữu danh vạn vật chi mẫu*. Muôn vật có hình chất đều thọ nơi mẫu mới hóa sanh.

Như cách lạy này là thời kỳ dạy Đạo, còn người luyện Đạo cách lạy cũng hai tay kiết quả, nhưng mà khi lạy chỉ đất phải để hai bàn tay ngửa mới cúi đầu. Cách lạy mẫu nhiệm, nghĩa lý sâu xa, chưa đến kỳ Tịnh Thất nên không dám giải diệu mẫu, e lậu Thiên cơ chẳng dễ”.

(Lời dạy của Đức Quyền Giáo-Tông)

Đức Chí-Tôn lập Đạo trong buổi Hạ-nguơn này thể hiện cơ tuần-huòn châu nhi phục thủy, Tôn-chỉ lấy Tam giáo qui nguyên Ngĩ chi Phục nhứt để đưa nhân-loại đến Đại-Đồng. Lấy theo nguyên-lý của vũ-trụ thì:

- **Thiên khai ư Tý**, trời khai vào hội Tý
- **Địa tịch ư Sửu**, đất thành hình ở hội Sửu
- **Nhơn sanh ư Dần**, có nhơn-loại vào hội Dần.

Nay là buổi “Nhơn sanh ư Dần” nên đây là phần hành của Đức Di-Lạc. Do vậy mà hình ảnh của Ngài ngự ở mặt tiền Đền-thánh, cỡi cạp để làm biểu tượng là năm Dần

***Thiên khai ư Tý:** Vì trước khi trời đất chưa khai thì chỉ là một khí không không mờ昧. Sau khi định hội Tý mới mở trời, nên chữ Tý đặt ở ngón vô danh (ngón tay không tên, gần bên ngón út, nên gọi là áp út). Có câu “*Vô danh Thiên địa chi thủy*” 無名天地之始 (không tên là trước khi có trời đất)

***Địa tịch ư sữu:** là khi mở trời rồi, đất mới được thành hình, do khí nhẹ bay lên làm trời, khí nặng lắng xuống thành đất. Cơ biến hóa này do Mẫu (mẹ) tượng trưng ngón tay cái trên bàn tay gọi là Mẫu chỉ. Vạn-vật hữu hình trong trời đất này đều do Mẹ tạo thành, có câu “*Hữu danh vạn-vật chi mẫu*” 有名萬物之母.

Đạo Cao-Đài xác nhận trong vũ -trụ bao la đều do Phật-Mẫu điều hành, Phật-Mẫu nắm cơ hữu tướng. Chí Tôn nắm phần vô tướng.

***Nhơn sanh ư Dần:** Tức là nay qua Hội Dần là thời kỳ của nhơn-loại, là người. Bây giờ đủ cả “Cha, Mẹ, Con” Tam tài thông hiệp. Người đứng vào ngôi cùng với trời đất tức là Thiên, Địa, Nhân. Đạo-pháp đã đúng h ội Tam-Kỳ kết quả. Cao-Đài xuất thế là hiệp với Thiên thơ đã định:

“*Tam kỳ khai hiệp Thiên thi,*



Bí-pháp Đạo Cao-Đài

“Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên”.

Do vậy mà Ấn Tý của thời kỳ thứ ba Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ là thời kỳ Thiên Địa hoằng khai.

Đức Hộ-Pháp nói:

Đạo “Là cơ mầu nhiệm, mà cơ mầu nhiệm ấy phải làm ra thể nào có hình thể như một con đường dẫn người ra khỏi chốn trầm luân khổ hải, lạiặng phước siêu phàm nhập Thánh.

Muốn thoát khỏi luân hồi phải làm sao ?

Phải đoạt choặng cơ bí mật siêu phàm nhập Thánh. Cơ bí mật ấy, nếu không phải Thầy cho thì chưa ắt xin ai màặng.

Ấy vậy, Đạo là cơ bí mật làm cho kẻ phàm có thể đoạtặng phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy đến qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi để cho chúng sanh hiểu cơ mầu nhiệm mà luyện tinh thần.

Thầy đã đến rồi, thoảng muốn lập riêng ra một Tôn giáo khác lại chặngặng sao? lại Qui Tam Giáo và Hiệp Ngũ Chi mà làm gì ?

Nếu như kẻ ngoại giáo nói mình bắt chước đoạt cả đạo của người ta mà làm của mình thì mới nói sao?

Ai ai cũng hiểu rằng:

- Nhơn đạo dạy tu luyện phần xác.*
- Tiên đạo phần trí thức tinh thần.*
- Phật đạo phần Thiêng liêng Hư vô tịch diệt.*



D- HÀNH PHÁP ĐỘ THĂNG

**1-Đức Hộ-Pháp hành Pháp độ thăng
ông Phối-sư Thượng Sách Thanh (Đỗ Văn Sách)**

Đức Hộ-Pháp nói tại Báo Ân Từ ngày

19-6-Canh Dần (1950)

“Thưa cùng Chư Thánh, chúc C^h S^{ắc} Thiên Phong Cửu Trùng Đài.

Hôm nay, chúng ta Nam cũng vậy, Nữ cũng vậy, phải chịu một cái tang chung của người Bạn đồng khổ với chúng ta là Phối Sư Thượng Sách Thanh đã qui liễu. Cái trạng huống đời bao giờ cũng vậy, mảnh xác thịt này của chúng ta chung ống với nhau trong một thời gian thôi, dầu cho ngăn ngừa bao nhiêu đi nữa, chúng ta cũng lưu lại một thâm tình trong nền nông nân. Nếu không có luật thiên nhiên ấy, chắc cả kiếp sống ta vô vị không có chi hết. Theo Chơn pháp của Đức Chí Tôn ngày chúng ta vui, vì đã biết Bạn trọn trung cùng Hội Thánh, trọn hiếu cùng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, ngày giờ này Bạn đã hưởng một đặc ân riêng của Đức Chí Tôn đã dành để.

Thương thay!

Cả công nghiệp của ông Bạn đồng khổ với chúng ta đây là ông Phối Sư Thượng Sách Thanh. Kể từ khi phé đời hành Đạo, dầu cho gia đình nghèo khổ khó khăn bao nhiêu nhưng ông chỉ biết Đạo, không biết đời, biết Hội Thánh không biết gia đình.

Thảm cho một điều là bao phen nền Đạo chinh nghiệp, bị khảo đảo như thế mà Người vẫn lo vẫn làm, vì đầu óc Người biết tư tưởng về hành tàng của mình, biết thi thố đầu óc sở định chớ không muốn nói, mà tánh người cũng ít hay nói nữa. Cả thầy Quân Đội, kể từ lúc đảo chánh, đều có ý thấy tại sao một người bệnh hoạn, ốm yếu mà hoạt bát không buổi nào ngừng hành Đạo, không buổi nào nghỉ, mảnh thân yếu ớt bạc nhược mà lo hơn ai hết: lo cho nghiệp Đạo, nghiệp Đời, không nói mà làm là tại sao? Tại cái lòng ái quốc, ái chủng nông nân của ông. Một nổi nữa, cái phần của Đạo quyết đem mảnh thân làm sao cho

nên, lấy cái năng lực của mình, đem mặt công lý cho toàn thể thiên hạ thấy rõ cái quyền năng vô tận của Đạo thể nào, sở hành của ông không nói chỉ làm mà thôi, có tư tưởng không ngôn ngữ. Công nghiệp của ông kể sơ từ trước đến giờ:

- Mừng 4 tháng 10 năm Bính Tuất, ông khai công nghiệp

-11 tháng 10 năm Bính Tuất, Thánh Linh truyền bổ trách nhiệm Khâm Trấn Đạo (Biên Hòa).

-12 tháng 8 năm Đinh Hợi, bổ làm Thượng Thống Lại Viện.

-17 tháng 4 - Mậu Tý thăng thưởng lên Phối Sư.

-11 tháng 3 năm Canh Thìn xin phép nghỉ dưỡng bệnh, chính mình Bàn Đạo thấy yếu ớt, bệnh hoạn, nên biểu nghỉ. Nếu không thì Người nhứt định không nghỉ, nhứt định làm Đạo cho đến chết mà thôi. Bàn Đạo biết nên để cho nghỉ, mà trong lúc nghỉ không có nghỉ gì hết, nghỉ gì được; người đầu óc như thế mà nghỉ, lo mãi thôi. Phải biết cái tuổi già hồi hưu chỉ lấy an nhàn làm căn bản; nhưng không, vẫn giúp đỡ Đạo, vẫn tìm phương thể làm cho Đạo, Đời chung hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn chan rưới.

Ấy vậy, cái công nghiệp của người Bạn đồng khổ với chúng ta ngày giờ này chúng ta đã giao và chính tay Bàn Đạo đã giao Chơn linh của Người đến nơi tay của Đức Chí Tôn cho Người lập vị; còn mấy em, mấy con trong tang quyến cả thấy nên nhớ lời Bàn Đạo nói đến, nếu cửa Thiêng liêng vẫn mở, thì có thể ông cha của mấy em đăng hưởng tình yêu vô tận trên cảnh Thiêng liêng Hằng sống. Cảnh đó mới là cảnh hạnh phúc, còn cảnh này đây là cảnh khổ mà thôi. Hy sinh mạng sống tạo nghiệp, mà không phải tạo nghiệp đời cho mấy em. Bởi nghiệp đời

vinh hiển bao nhiêu đi nữa cũng không giá trị gì hết, bao nhiêu xã ắc, sơn hà, V ương đế từ trước đến giờ đã tạo dựng mà ngày nay còn tồn tại cái chi không?

Trái lại ông cha của mấy em, đã tìm một con đường vinh hiển cho mấy em là “Đạo nghiệp”. Nghiệp Đạo còn, thì giọt mồ hôi, giọt máu của ông cha mấy em còn; mấy em biết giữ nó cho tồn tại là cái hiếu của mấy em đó. Biết bao nhiêu ông cha đã thương con, lo cho con, nhưng thương là nhiều cách khác nhau, Cha mấy em đã tạo dựng cơ nghiệp cho mấy em đây, mấy em không còn trách ứ được nữa, Cha mấy em đã làm xứng đáng một ông Cha. Bần Đạo xin làm chứng cho mấy em đã được người Cha xứng đáng.”



2-LỄ HÀNH PHÁP ĐỘ THĂNG CHO GIÁO HỮU THƯỢNG SANG THANH.

Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền Thánh ngày 19 tháng 7 năm Canh Dân (1950)

“Lời dạy của Đức Hộ Pháp căn dặn có một điều nên để ý là làm sao ngày qui liểu, gởi Thánh cốt tại đất Thánh Địa vì trái địa cầu 68 này không có chỗ đất nào quý hóa cho lững đất Thánh Địa, nếu để đượ c cốt hài nơi đây rồi thì rất hạnh phúc cho tương lai con cháu.

Cái quý trọng của đất Thánh Địa, là có Lục Long phò ần nên Đền Thánh nằm ngay trung tim ủa 6 con rồng doanh lại.

Dầu nơi Cực Lạc cũ, hay đất mới, cùng là Nghĩa Địa; đất 50 mẫu ở Long-Thành cũng vậy, Bần Đạo đã biết bên nước Tàu: hễ ông, bà, cha, mẹ họ có qui, họ quàng lại để chọn ngày hoặc chỗ đất tốt có hàm rồng, dầu phải năm, ba năm họ cũng đợi kiếm được mới làm

lễ an táng, vì bên nước Tàu có nhiều nhà biết Thiên văn, hay khoa coi bói họ gì ỏi. Phần nhiều là các nhà giàu có hay chọn lựa. Ngày nay dân tộc Việt Nam có phước: Chí Tôn đã tiền định cho gì ông giống Lạc Hồng sẽ hưởng điều phúc hậu tương lai, ai có duyên mà về đây gởi cốt hài là có phước lắm vậy”.



3- Đức Hộ-Pháp hành phép độ thăng cho ông Thừa Sứ Phạm Ngọc Trấn

Đức Hộ-pháp hành pháp tại Đền Thánh ngày 09
tháng 7 năm Nhâm thìn (1952).

“Hôm nay là ngày qui đầu của vị Thừa Sứ Phạm Ngọc Trấn, Bần Đạo đề lời phân ưu cùng Hiệp Thiên Đài và Quân đội vì các người đã mất một người bạn đồng khổ. Từ khi mở Đạo cái kiếp sanh của Thừa Sứ Trấn không biết thú vị mùi Đời là gì, trọn hiến thân cho Đạo, hai mươi mấy năm gian lao khổ nhọc, không có một điều chi chúng ta đã chịu, mà Thừa Sứ Trấn không chịu.

Gánh nặng của Đạo cũng đã chia sót, gánh nặng của Đời cũng dám hy sinh, vì nước, vì nhà, vì chủng tộc; hiến thân cho Đạo trọn đời đó vậy.

Hỏi? Từ thử đến giờ Thừa Sứ Trấn có đặng vui hưởng hay chăng?

- Bần Đạo nói không, không có gì hết.

Tuy vẫn biết con người có mặt tại thế gian này thì phải sống. Hễ có sống tức nhiên có chết, bởi không ra ngoài tứ khổ, dù chết thế nào cũng chết; nhỏ cũng chết, lớn cũng chết, luật thiên nhiên ấy không từ bỏ ai. Đã mang mảnh thi hài này, dầu chết thế nào cũng là chết. Duy có một điều may mắn cho Thừa Sứ Trấn hơn hết là biết mình đã mang mảnh thi hài xác tục sống ở mặt thế gian này, mà

không có vui sống; nếu có cái sứ mạng thiêng liêng hiệp công tạo Đạo, thì Thừa Sứ Trần là người đã chờ Đức Chí Tôn đến, hiệp cùng Đức Chí Tôn để tạo nên chơn giáo của Ngài. Nay có kẻ đã giết Trần, thắng như Trần còn oan nghiệt quả căn tiền kiếp, thì kẻ đã giết Trần tức nhiên kẻ đó sẽ giải nợ cho Trần và chịu quả kiếp của Trần. Từ khi có linh hồn tới giờ, bởi nó đến nó trả mà kẻ ấy không cho nó trả, tức nhiên lãnh cho nó.

Tội nghiệp thay!... Đi năm non bảy biển, vào sanh ra tử mà không chết, về ở trong nhà máu thịt mà chết, thảm thiết có bao nhiêu đó mà thôi !.

Dưới bóng ờ CỨU KHỔ , dưới bóng cờ NHƠN NGHĨA, hai bóng gầy tưởng đâu gởi mảnh thân phàm, có thể bảo vệ được! Nhưng ngày nay đã ra nông nổi, chúng ta buồn duy có bao nhiêu đó mà thôi !.

Kẻ giết rồi tưởng đâu kiếp sống bèn bĩ có hạnh phúc mà hưởng cho tới tận thế, hưởng choặng sống nơi mặt địa cầu này hoài, chớ không tưởng có cái chết, nhưng sự thật thì chết cũng chết. Thử hỏi trong lương tâm của họ vui hưởng được cái gì? Nếu kẻ thù địch giết Trần thì không nói làm chi. Nhưng trong cửa Đạo này, có kẻ phản Đạo, phản Thầy, phản bạn, đưa mũi súng bắn Trần, họ không nghĩ rằng: “Họ bắn chết Đạo của họ” họ không nghĩ rằng họ đã bắn chết thân danh của họ, duy tiếc có bao nhiêu đó mà thôi !. Còn ngoài ra thì con cái Đức Chí Tôn nên mừng giùm cho Trần, ấy là lời của Bàn Đạo nói quả quyết như thế.



4-ĐỨC HỘ PHÁP Hành Lễ Độ Thăng Ngài Đạo Nhơn PHẠM CÔNG ĐĂNG

Đền Thánh ngày 10 tháng 2 Giáp Ngọ (1954)

Phạm Công Đăng là một vị Môn Đệ trong Phạm Môn hồi ban sơ.

Bản Đạo còn nhớ lại, khi Bản Đạo đến Kiêm Biên mở Hội Thánh Ngoại Giáo. Khi trở về Đức Cao Thượng Phẩm ở nhà dạy đặng một đoàn Môn Đệ: trong số ấy có Ông thân của Phạm Công Đăng. Buổi nọ Ông Đăng chỉ theo cha hành Đạo, có một điều là gia đình của người rất hạnh phúc hơn hết toàn con cái Tông Đường đều mộ Đạo.

Sanh nơi thế kỷ 20 này dưới quyền Pháp thuộc gia tộc của Phạm Công Đăng chỉ thủ cựu, cả phong hóa cổ tục của Tổ Phụ để lại, tức nhiên là gìn giữ Đạo Nho, nhứt là Ông thân của Phạm Công Đăng.

Khi Bản Đạo về: cả cha con phé Đời hành Đạo.

Dầu rằng buổi nọ gia đình ở tại Thanh Phước nhưng cả con cái Nam, Nữ toàn thể đều theo Đạo. Phạm Công Đăng tiếp tục đến khi nền Đạo chinh nghiêng: trong bị quyền Đạo khảo đảo, ngoài bị Pháp buổi họ, áp bức làm cho mấy Anh lớn cầm quyền của Đạo chia rẽ nghịch lẫn nhau với thiên hạ giục cho nghịch, giục cho loạn.

Đức Cao Thượng Phẩm về Thảo Xá Hiền Cung, chỉ còn Đức Quyền Giáo Tông, tình trạng nguy ngập không thể tưởng tượng, chúng tuyệt lương, chúng bắt buộc. Bất cứ ai trong Đền Thánh buổi nọ đi ra hành Đạo đều bị chúng bắt và đem giam cầm. Pháp định diệt Đạo hồi buổi sơ sanh mới phôi thai. Họ bắt buộc cho đến đôi không có cơm ăn đĩ; có sao đặng, miệng ăn đông, việc làm không có gì hết, ba bốn phen đi xin tiền về để tạo Đền Thánh, ba bốn phen đều ăn hết, làm cho thiên hạ thối chí ngã lòng, trong cũng thế, ngoài cũng thế.

Bên ngoài chúng mượn tay sai của Pháp buổi nọ bắt buộc, giam cầm, bị nhục một cách không thể tưởng tượng. Bên trong chia phe phân phái, một đoàn theo Đức Quyền

Giáo Tông, một đoàn theo Ông Tương, một đoàn theo Đức Cao Thượng Phẩm (ba bốn phe).

Họ nghịch nhau cho đến nước, Thầy trò Phạm Môn không có gì lết, để lại bao nhiêu ng ười Môn Đệ thiên hạ lại gọi rằng Tả Đạo Bàn Môn, lập phe lập phái đi đầu cáo Pháp. Pháp bắt Phạm Môn đem ra tòa xử nào phạt vạ, nào tù tội, làm cho Đạo buổi nọ phải chết. Cho đến những kẻ chứa Đức Cao Thượng Phẩm cũng không dặng và những người trọn hiến thân hy sinh vì Đạo cũng bị thiên hạ xô đuổi. Buổi nọ Phạm Môn cũng bị đuổi ra khỏi Đền Thánh Thầy trò dất nhau mua miếng đất tạo nên Phạm nghiệp làm cho Đạo sống trở lại.

May thay! “Hoàng Thiên ắt phụ hảo tâm nhơn” nhất là Đức Chí Tôn ở bên mình nên những mâu thuẫn phá hoại không thành tựu gì hết.

Trong số 72 Môn Đệ của Bàn Đạo, thật sự hành Đạo chỉ có 26 đứa mà nghiệp Đạo hôm nay được thành tướng dường này. Nếu không có Phạm Môn thì Đền Thánh không thành trụ, nếu không có Phạm Môn thì nền Đạo Cao Đài đã chết rồi.

Trong công nghiệp gây dựng, cứu sống Đạo, Phạm Công Đẳng đã có chung chịu trong đó.”



E- ĐỨC TIN THỂ HIỆN Ở SỰ CẦU NGUYỆN 求願

Nay Đạo Trời khai mở, người Tín -Hữu Cao-Đài đều có một Đức-tin mạnh-mẽ nhứt, đó là Cầu-nguyện. Vì cầu nguyện là một sự cảm ứng với Thiên-liêng. Chính chỗ này không ai kiểm soát được, không ai thấy biết được, cũng là chỗ cao thượng của tâm-linh là vậy.

Cầu là xin, *nguyện* là hứa. Đây là phần tâm linh của người muốn thông-công cùng với Đấng Huyền linh cầu xin một ước muốn mà khả năng của phàm thể này không làm nổi, phải cậy sự trợ giúp của Thế-giới vô hình, của các Đấng Thiêng-Liêng, để hưởng sự Huyền diệu ấy.

1- Giá trị của sự cầu-nguyện:

“Sự cầu-nguyện có cảm-ứng với chánh-trị Thiêng Liêng tức là các Đấng vô hình đều rõ biết mọi sự hành tàng nơi đời thế, triết -lý về hình thể của con người, thọ tinh Cha huyết mẹ sản xuất ra thì có sự cảm giác Thiêng Liêng đối cùng nhau rất mật-thiết, cho nên một người con lúc đi làm ăn xa nhà, khi có bệnh -hoạn hay xảy ra điều gì tai biến thì thân-thể của người con sẽ có điềm máy động: giật thột, máy mắt hoặc là ứng mộng thấy rùng rợn và các điều khác, đó là về phần Tinh Khí hình thức của con người.

Còn về phần linh tánh thì do nơi Đức Chí-Tôn ban cho Nhứt điểm lương tâm nó có cảm giác cùng Chí-linh, **cho nên Ta hữu sự thì thành tâm Cầu-nguyện.** Nền Đạo là một sự Cảm ứng rất mầu-nhiệm vô cùng, có câu:

“Nhân tâm sanh nhứt niệm thiên địa tất giai tri”

Giải về “Con đường Thiêng-liêng hằng sống”

Đức Hộ-Pháp có nói:

“Bản-Đạo có những điều trọng-yếu căn đn: Từ ngày Bản-Đạo giảng cái Bí-Pháp ấy, Bản-Đạo vẫn cầu nguyện với Đức Chí-Tôn luôn, bởi vì nó có nhiều điều khó-khăn, những điều mà mình ngó thấy bằng con mắt Thần, lấy cái nhân-khẩu của mình mà tả chẳng hề khi nào đúng chắc đặng. Bản-Đạo thú thật rằng mười phần có lẽ

Bản-Đạo tả đặng năm hay bảy phần là nhiều, sợ còn kém hơn nữa.

Bản-Đạo chỉ có Cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cũng như hồi trước Tam-Tạng đi thỉnh kinh nơi Ấn-Độ.

Ngài là người Tàu mà kinh viết tiếng Phạn, muốn dịch ra rất khó lắm, lấy cả Kinh Luật trong tiếng Phạn đem ra rất khó cho Ngài lắm, cho nên Ngài đại nguyện, Ngài làm thế nào Ngài rán sức âm tiếng Phạn ấy ra chữ Nho. Ngài chắc ý Ngài âm tiếng Phạn ấy chưa đúng, Ngài có hứa chừng nào mà tôi qui liễu, nếu trong Kinh Luật Đạo Giáo mà tôi không minh hắt ra đặng thì khi chết cho cái lưỡi tôi đen, nếu tôi tả trọn vẹn thì cho cái lưỡi tôi đỏ.

May phước Bắc Tông được hưởng một ân-huệ của nhà Phật đã ban ân riêng cho Đức Tam-Tạng, khi Ngài chết người ta vạch lưỡi của Ngài ra coi thì lưỡi của Ngài đỏ, vì có mà chơn-giáo của nhà Phật là Bắc-Tông có thể nhờ Đức Tam-Tạng đã minh tả ra trọn vẹn.

Ngày nay Bản-Đạo mỗi phen lên giảng về Bí-Pháp thì Cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cho sáng-suốt, mà biết vẫn còn thiếu kém không thể gì tả bằng con mắt Thần của mình đã ngó thấy đặng trọn một bài.

Nếu đoạt Pháp đặng, thấy đặng, có lẽ cũng chinh thêm, giùm giúp tay với Bản-Đạo mới toàn-thiện toàn-mỹ đặng”.

2- Cầu-Nguyện những gì?

Đức Hộ-pháp thuyết tại Đền Thánh, đêm 1-12
Giáp Ngọ (1954)

“Chúng ta thử giở lịch - sử loài người ra xem, thì không có một thế-kỷ nào mà không có giặc-giã tàn sát lẫn

nhau, giờ này chúng ta cũng thế. Các bạn đồng đạo, Tôn giáo cũng thế.

Hôm nay xúm-xích nơi Đền-Thánh chung vào lòng Từ-bi Bác-ái vô ận vô biên của Đức Chí-Tôn để Cầu nguyện một điều là Đức Chúa Jêsus Christ sống lại, là mơ ước thế nào hơn loại hưởng đặng đặc ân ấy, để chia khổ não đừng tàn sát lẫn nhau đem trở lại sự yêu-ái lẫn nhau. Nhìn nhau là bạn đồng sanh, lời cầu nguyện quý báu hơn hết với Đức Chí Tôn là cầu nguyện như thế. Bần Đạo nói Đức Chúa Jêsus Christ đối với triết lý của Đức Chúa Trời như thế nào thì hôm nay đường lối của Đức Chí Tôn đến dạy chúng ta như thế ấy. Chúng ta chỉ mong mỗi có một điều là hơn loại đặng Hòa bình mà thôi”.

Tiếp theo:

Muốn đến Thầy thì phải cầu nguyện:

Một người Pháp hầu đàn Thầy giảng Cơ nói:

“Thầy cho con hiểu rằng nếu không có ý muốn của Thầy, thì trên quả địa cầu này chẳng có vật chi sanh tồn tất cả.

Lại có lắm kẻ đáng thương hại tự phụ rằng họ hiểu thấu cả lẽ mầu nhiệm của Đấng Tạo Hóa. Nhưng Thầy không bao giờ cho một kẻ nào dưới cội trần này tiết lộ Thiên cơ cả. Muốn đến Thầy thì phải cầu nguyện. Thầy không bao giờ không cảm ứng với những lời cầu nguyện chơn thành. Như thế đủ chứng tỏ cho con tin rằng Thầy là Đức Jêhovah của dân Hébreux, vị chủ tể của quân lực dân Israël, vị Thánh vô danh của dân Do Thái, Đức Đại Từ Phụ của Chúa Jêsus Cứu Thế. Con chỉ cần cầu nguyện Thầy với danh hiệu CAO ĐÀI thì sẽ có sự cảm ứng chấp thuận.

Bí-pháp Đạo Cao-Đài

Con đến đây với tâm lòng thành thật để làm việc phải cho giống dân biết phục thiện hiện đang giao phó cho con. Vậy Thầy nhờ con truyền bá giáo lý này cho dân tộc đặt dưới quyền bảo hộ của con. Chỉ có cách đó mới có thể kèm giữ nhơn loại trong tình yêu sanh chúng và đem lại cho con một cuộc đời Hoà-bình bền bỉ”.



Bí pháp về đồng 1 Dola xem quyển
THIỆN NHÂN THẦY (Cùng soạn giả)

CHƯƠNG IV

ĐỨC HỘ-PHÁP GIẢNG BÍ-PHÁP

A-Duyên khởi:

Thầy đã dạy rõ ngay từ buổi đầu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển còn ghi lại những nguyên nhân chính mới có xuất hiện Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ Độ buổi nay là vì:

Từ việc Phật giáo bị bẻ đến Kỳ truyền đã thất:

Ngày 19 tháng 4 Bính Dần (DL 30 Mai 1926)

“Từ trước TA giảng sanh lập Phật Giáo gần sáu ngàn năm thì Phật Đạo chánh truyền gần thay đổi. T A hằng nghe chúng sanh nói Phật giả vô ngôn! Nay nhưt định lấy Huyền diệu mà giáo Đạo, chớ không giảng sanh nữa, đặng chuyển Phật Giáo lại cho hoàn toàn.

Dường này, từ đây chư chúng sanh chẳng tu bị đọa A TỠ, thì hết lời nói rằng “Phật tông vô giáo” mà chối tội nữa. TA nói cho chúng sanh biết rằng: Gặp TAM KỲ PHỔ ĐỘ này mà không tu, thì không còn trông mong siêu rồi”.

Nhưng hai thay Phật Thích Ca đầu đón bởi lý do:

B- Tam giáo Kỳ truyền đã thất:

Ngày 5-4- Bính Dần (Samedi 5 Juin 1926).

“Vốn từ Lục Tổ thì Phật Giáo đã bị bẻ lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành; Chánh Pháp bị nơi THẦN TỬ làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp luật buộc mới Đạo Thiên.

TA vì luật lệnh Thiên mạng đã ra cho nên cam để vậy, làm cho Phật Tông thất chánh có trên ba ngàn năm nay. Vì TAM KỲ PHỔ ĐỘ, Thiên Đạ hoàn g khai, nơi "Tây Phương Cực Lạc" và "Ngọc Hư Cung" mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hầu t rước đến buổi hôm nay rồi; tại Tăng đồ không kiếm chơn lý mà hiểu.

Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành đạo...

Ôi! Thương thay! Công có công, mà thông chưa hề có thưởng; vì vậy mà TA rất đau lòng.

TA đến chẳng phải cứu một mình chư Tăng mà thôi; vì trong thế hiếm bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật phải đọa hồng trần, TA đương lo cứu vớt.

Chư Tăng, chư chúng sanh hữu căn hữu kiếp, đang gặp KỲ PHỔ Độ này là lân chút; phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trông giả luật. Chư Sơn đắc đạo cùng chẳng là do nơi mình hành đạo. Phép hành đạo Phật Giáo dường như ra sái hết, tương tự như gần biển “Tả Đạo Bàng Môn”. Kỳ truyền đã thất, chư sơn chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào; cứ ôm theo luật Thần Tú, thì đương mong mỏi về Tây Phương mà cửa Tây Phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy. Ta đã đến với huyền diệu này, thì từ đây TA cũng cho chư Tăng dùng huyền diệu này mà học hỏi, ngày sau đừng đổ tội rằng vì thất học mà chịu thất kỳ truyền. Chư Tăng từ đây chẳng được nói Phật giả vô ngôn nữa.”

Với nền Tân Tôn giáo như Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ do chính Đức Thượng-Đế đến lập tại đất nước Việt Nam là một cơ Đại Ân Xá cho toàn cả nhân loại. Vì:

“Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban thưởng một nước từ thuở đến giờ hằng bị lầm con thanh nộ của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả địa cầu 68 này được vậy”. (12-01-Đinh Mão)

Thế nên Đức Hộ-Pháp mới thuyết THỂ PHÁP và BÍ PHÁP CAO-ĐÀI cho toàn thể nhân tâm hướng về:

I- Bí Pháp Chơn Truyền của ĐỨC CHÍ TÔN

Đền Thánh, đêm 05-04- Kỷ Sửu (02-05-1949)

1-Tôn giáo Thất Chơn truyền do đâu?

“Toàn cả Thánh-Thể Đức Chí-Tôn tức nhiên Chức Sắc Thiên Phong đều biết rằng: Các nền Tôn-giáo đương nhiên bây giờ nếu gọi là thất chơn truyền, thì thất chơn truyền do nơi đâu?

- Do tại Bí-pháp không đúng theo lương tri lương năng của loài người.

Lương tri lương năng của mỗi người đương thời buổi này đã đạt đến một mức cao thượng, trọng hệ là những triết lý đơn sơ buổi nọ, của các nền Tôn giáo để tại mặt thế này. Hồi buổi Thượng cổ, không cảm được quyền năng cảm tâm lý của Nhơn loại trong khuôn khổ đạo đức tinh thần nữa.

Đối với các triết lý Bí pháp buổi nọ, bây giờ Nhơn loại tăng tiến quá lẽ, thành thử các vị Giáo chủ đã lập luật pháp, nhưng luật pháp đơn sơ ấy, ngày nay không có đủ quyền năng trị tâm thiên hạ nữa”.

Đức Thượng-Phẩm cho biết thêm về hậu quả:

“Các Em cũng dư hiểu rằng các Giáo-lý từ xưa đã bị Thất-kỳ-truyền là tại Môn-đồ của họ không chịu đặt mình trong khuôn viên Luật-Pháp của Giáo-lý ấy.

Nếu một thời-kỳ mà Giáo-lý đã Thất Chơn-truyền thì đem đến cho Nhơn-sanh biết bao tang-thương biến đổi. Cũng vì lẽ ấy mà nay Đức Chí-Tôn giáng trần lập Đạo lại chia hình thể của Ngài ra hai phần để có phương kèm-thúc nhau trên bước đường lập vị.

- Phần Cử-Trùng-Đài chuyên về mặt giáo hóa Nhơn-sanh,

- Còn phần của Hiệp-Thiên-Đài thì lo về mặt Luật Pháp để bảo-thủ chơn-truyền của Đạo. Nhờ đó nền Thánh giáo của Đức Chí-Tôn khỏi phải qui thành phạm-giáo.

Cũng vì lẽ quyền-hành riêng biệt ấy mà khiến cho hai bên thường có phản kháng Đạo-quyền, bởi tánh phạm thường hay có phạm những lỗi-làm mà chẳng chịu phục thiện đặng cải sửa cho trở nên tận thiện. Các Em đâu hiểu rằng Chí-Tôn giao quyền sửa trị Chức Sắc, Chức việc và toàn Đạo Nam, Nữ cho bên Hiệp Thiên-Đài là Thánh-ý Đức Chí-Tôn muốn dùng hình phạm đặng làm cho giảm bớt tội vô hình. Nếu ai chẳng thận-trọng để cho phạm vào luật pháp mà chẳng chịu pháp sửa trị của Hiệp-Thiên-Đài thì rất uổng cho một kiếp tu mà không trọn phận và đến khi rời bỏ xác phạm rồi làm sao có cơ hội công nữa!

Mà một khi không lập công-quả được nữa thì tội án đã phạm làm sao chuộc được; rồi mãi bị trầm-luân khổ hải cả đời đời”.

Xét kỹ ra trong cả Tam giáo: Phật, Tiên, Thánh thì:

2-Bí pháp chơn truyền của Công giáo không có:

“Bởi thế cho nên nền Tôn giáo ~~trở~~ hơn các nền Tôn giáo khác có ~~một~~ tại địa cầu này là nền Thiên Chúa Giáo, vị Giáo chủ sáng suốt, vị Giáo chủ ngôn ngữ hoạt bát, tinh thần minh hoạt hơn hết, là Đức Chúa Jésus Christ, nhưng ~~hại~~ thay trong Thể pháp Ngài đủ quyền năng đem giáo lý của Ngài đặng làm nền tảng tâm lý của nhơn loại. Nhưng về mặt Bí pháp chơn truyền, Ngài chỉ có nói một điều, các Môn đệ nhứt là các vị Thánh Tông Đồ “*Có nhiều lý lẽ cao siêu ta chưa có thể nói với các người đặng, dầu ta có nói các người cũng chưa hiểu*”.

Vì có cho nên Bí pháp chơn truyền của Công giáo không có, không có ~~thứ~~ có . Bởi Bí pháp, theo lời Đức Chúa Jésus-Christ thì buổi nọ Bí pháp Chơn truyền của Ngài chưa có thể gì nói cho thiên hạ nghe đặng.

3-Tôn giáo của Chí-Tôn dùng Huyền-diệu Cơ Bút

để giải rõ hai mặt LUẬT: Thể pháp và Bí pháp

“Ngày nay Đức Chí Tôn đã đến, đem nền Tôn giáo của Ngài để tại mặt thể này, đặng chỉnh đốn đạo đức tinh thần từ thượng cổ đến giờ, bằng Huyền-diệu Cơ Bút. Ngài đến không có quyền nào ngăn cản, Ngài dạy con cái của Ngài, Ngài có quyền đem cơ bí mật huyền vi tạo đoan giáo hóa con cái của Ngài.

Nền Tôn-giáo xưa khác, còn nền Tôn-giáo của Đức Chí Tôn ngày nay khác.

Vả chẳng mỗi cơ quan đã tượng hình nơi Càn Khôn vũ trụ ngày giờ này có hai mặt luật.

1- Luật hữu vi, tức nhiên luật định tướng định hình gọi là **Thể pháp**.

2- Luật vô hình là định luật bí ẩn của nhơn loại gọi là **Bí pháp**.

Đạo giáo trọng hệ nhứt là Bí-pháp, vì do **ai** Bí pháp mà người ta mới tìm tòi được trong cơ quan Tạo đoan. Cơ quan đó, tìm tòi Bí pháp ấy do cách vật trí tri, nếu ta dịch ra Pháp-văn “La raison renverra toute la chose”. Cách vật trí tri, ta ngó thấy Đạo Nho đã có một khoa tối cổ đó vậy.

Các Đạo giáo đương quyền tức nhiên cơ quan Tạo đoan vạn vật, Đạo phải có luật hữu hình và vô hình.

Đạo giáo của Đức Chí Tôn hay các nền Tôn giáo khác cũng vậy. Đạo là gì?

- Đạo là huyền vi bí mật cơ quan Tạo đoan, trọn cả cơ quan Tạo đoan ở trong hai khuôn luật hữu hình và vô hình của nó.

Khuôn luật vô hình tức nhiên cơ quan bí mật huyền vi. Tìm hiểu đặng chi? Phải tìm hiểu đặng, mới biết cái định luật về phần hữu vi. Trong hữu hình ấy, nếu ta lấy cách vật trí tri của nó mà tầm vô hình vô ảnh của nó.

- Luật hữu hình tức nhiên là *Thể pháp*.
- Luật vô hình tức nhiên là *Bí pháp*.

Ví dụ 1: nấu một nồi cơm

Bây giờ chúng ta lấy một cái thí dụ: nếu nấu một nồi cơm muốn cho chín, cho ngon, ta phải làm thế nào?

- Muốn cho nồi cơm trắng thì phải giã gạo, trước khi nấu để gạo vào nồi, ta phải vo cho sạch cám, vo rồi bắc lên nấu, nếu không đổ nước thì thành gạo rang còn gì, nếu đổ nước nhiều thì nhão, nhão quá thành cháo ngô, nên phải đổ nước cho vừa chừng với gạo, cơm cạn rồi cần phải bới lửa ra, chỉ hong lấy hơi cho chín thì gạo mới thành cơm.

Nồi cơm bây giờ đem ra, ta phải tìm cái bí mật của nó tại sao cơm nhão? Tại sao cơm khô? Tại sao có cơm cháy? Tại sao cơm sống? Nếu từ thử đến giờ quốc-dân Việt-Nam không biết nấu cơm thì ăn gạo sống sao? Định luật chỉ có một chứ không có hai!

Ví dụ 2: làm bánh bông lan

Một cái thí dụ nữa: Như làm bánh bông lan chúng ta ngó thấy muốn làm cần phải có bột, có đường, có trứng gà tất cả là ba món. Bây giờ phải làm sao cho bánh bông lan nổi tằm phồng. Chúng ta thấy phải đánh trứng gà cho nổi bong bóng đều lên, để đường vô đánh nữa, đánh cho nổi tằm phồng, rồi mới để bột vào đánh nữa, đánh cho đều. Bột, đường, trứng gà đánh cho nổi thật đều, nổi chừng nào tốt chừng nấy, tới chừng hấp phải để hơi lửa vô cho nóng, cho chín, thành ra bánh bông lan tằm phồng, nếu bánh không nổi thì thành bánh xẹp.

Nhận định rồi mình ngó thấy bột, đường, trứng gà, là *Thể-pháp*, nướng chín và nổi thuộc về *Bí-pháp*, cái bí ẩn vô biên là để lửa nướng chín. Cho nó chín, cho nó tằm phồng đó mình không thể định được.

Bây giờ cơ quan Tạo đoan cũng vậy, nó có cái lý do của nó, nó có cái định luật của nó, nó có từ mức của nó. Tức nhiên hình luật:

- Chúng ta có thể quan sát được là *Thể pháp*;
- Còn mức bí ẩn chúng ta không thể lấy trí định được tức nhiên *Bí-pháp*.

Ấy là một điều rất trọng yếu các nền Tôn-giáo tại mặt địa cầu này, được trường cửu hay chẳng là do Luật Bí pháp.

Đức Chí Tôn để cả hai triết lý cho nhơn loại biết sự thật. Bởi cơ cho nên Đức Chí-Tôn đến. Ngài đến đặng Ngài giải một triết lý, một công lý hiện hữu tại mặt thế gian này.

Sự chơn thật. Ngài đã giải sự chơn thật.

Ấy vậy từ đây đến sau, Bần-Đạo giảng tiếp Thể pháp. Cho biết Thể-pháp rồi mới thấu đáo Bí pháp.

Có một điều Bần-Đạo khuyên đừng có lơ lơ nữa, điều khó khăn phải để tinh thần trí não tìm hiểu cho lắm, khó lắm phải rán học mới có thể đoạt pháp đặng. Điều rất khó khăn là phải viết sách, nhưng Bần Đạo muốn lấy ngôn ngữ làm thế nào cho mau hiểu.”

Bần Đạo hứa mỗi kỳ Đoàn thuyết về Bí Pháp.

Đền Thánh đêm 01-6 năm Tân Mão (1951)



II- Tại sao Bần Đạo phải thuyết minh về Bí Pháp?

Đáng lẽ theo cổ truyền Bí Pháp là huyền bí không thể gì truyền một cách rõ ràng được. Nhưng đối với Đạo Cao Đài tức nhiên đối với nền Chơn giáo của Đức Chí Tôn nó không phải như trước. Đức Chí -Tôn đã nói rõ ràng rằng: **Ngài đến cốt yếu để diệt trừ mê tín mà hại thay từ**

trước đến giờ các Đạo giáo nếu quả nhiên có mê tín là do Bí Pháp hơn hết.

-Thể Pháp của Đạo Cao Đài là một trường công quả của chúng ta, trường công quả ấy để cho chúng ta lập đức, lập công và lập ngôn.

-Còn Bí Pháp Chọn truyền Đức Chí-Tôn tức nhiên cơ quan huyền bí để cho con cái của Ngài siêu thoát.

***Thể Pháp:**

Nói về Thể Pháp chúng ta hân hạnh làm sao, muốn cho chúng ta lập đức, chính mình Đức Chí Tôn đã cho chúng ta mượn danh thể của Ngài, chúng ta đã làm Thánh Thể của Ngài nơi mặt thể này.

Ôi! Quyền lực về phương pháp lập đức đối lại với cảnh Thiêng Liêng là mua ngôi vị của chúng ta đó vậy.

Lập công là Ngài đã tạo hình thể của Ngài tức nhiên Đền-Thánh đó là Đền thờ hữu hình của Ngài để tại mặt thể này, chúng ta phải lập công với sanh chúng tức nhiên lập công cùng con cái của Ngài. Ngài để cho chúng ta lập công chứ không phải làm nô lệ cho ai tất cả. Chúng ta thấy Ngài phụng sự cho con cái của Ngài, chúng ta lập công là tạo danh thể của Ngài, do lập công mà ra.

Bây giờ lập ngôn: chính mình Ngài, Ngài phải làm, cầm cây Cơ bút viết dạy chúng ta từ lời nói việc làm, từ tánh đức, từ đạo lý. Còn ngôn, có ngôn gì hơn Ngài nữa để cả thầy các Thể pháp dạy chúng ta định vị chúng ta, chính tay Ngài cho chúng ta mượn cả thầy.

***Bí Pháp:**

Bí Pháp là điều trọng yếu hơn hết, nếu không phải chúng ta cầu nơi quyền năng vô biên của Ngài dạy đoạt cơ siêu thoát thì dám chắc rằng: Dầu Thánh Thể của Ngài

hay con cái yêu **đầu** của Ngài Nam Nữ cũng vậy, thì giờ phút này không có ai **ngồi** đây, trong cửa Đạo Cao Đài này, chúng ta vì một kiếp sanh thọ khổ Tứ Diệu Đề chúng ta chỉ mơ ước một điều là đạt đăng huyền linh Bí Pháp, trước khi thực hiện đăng Bí Pháp, chúng ta phải có một đức tin mạnh mẽ, đức tin ấy phải đủ năng lực trong tinh thần của Hội Thánh.

Muốn có Đức tin vững chắc thì chúng ta phải có đức Tự tín, có tự tín mới đạt đăng Thiên tín, tức nhiên đạt đăng Đạo tín của chúng ta.

Muốn thấu đáo và muốn đạt cho đăng tự tín chúng ta phải tự biết chúng ta, rồi ta mới biết địa vị đứng trong hoàn vũ này đương đầu với Vạn Linh, ngôi vị ở trong hàng phẩm nào, chúng ta phải biết ta ở đâu mà đến, chúng ta mới hiểu con đường chúng ta sẽ về, Bí Pháp sẽ dìu dẫn chúng ta đi trên con **đường** ấy. Cả tinh thần nhơn loại hoang mang giờ phút nay họ chưa hiểu họ là gì?

Bần Đạo chỉ cười có một điều là trí thức tinh thần con người đã đến địa vị cao trọng, cái hay biết của họ giờ phút này Bần Đạo quả quyết rằng, họ đã tạo nhiều rồi, bằng có là ở Thư Viện tại New York (Nữ ưóc) chứa hai triệu hai trăm ngàn quyển sách, chúng ta thử nghĩ kiếp sống của chúng ta có ba vạn sáu ngàn ngày, chúng ta muốn đọc cho hết sách ấy ít nữa bảy trăm năm, mỗi ngày chúng ta giỏi đọc một quyển.

Nhưng Con người chưa biết do đâu mà có ?

Ôi! cho cái hay biết của con người còn gì luận nữa, biết thật, giỏi thật, nhưng có một điều là họ chưa biết họ, con người chưa biết con người do đâu mà có. Giờ phút này dầu văn minh cực điểm, trí thức quá cao trọng mà họ chưa

biết họ là gì hết. Sự thật vậy, bởi họ không biết họ cho nên sản xuất ra thuyết Duy vật và Duy tâm đang hy vọng lấy Vật lý học họ tìm con người.

Nhút hơn hết là họ tìm căn nguyên con người, họ lấy theo vật lý học họ nói con người là con vật, họ nói con vật này nó cũng đồng sống như vạn vật kia, họ tiềm tàng vật-lý-học họ nói bản căn con người do hai tinh trùng của nam nữ: là nam tinh trùng và nữ tinh trùng. Hai con tinh trùng ấy khi nam nữ giao cấu với nhau, hai con tinh trùng hiệp với nhau sanh ra con người, nó là con sâu, nguyên nhân nó là con tinh trùng, hai con ấy hợp lại với nhau, tinh trùng nam là cốt, tinh trùng nữ là nhục, hai con đó hiệp lại với nhau thành cục huyết đỏ lỏm rồi lần lần mọc đầu, mọc tay biến ra thành nhơn hình.

Con thú gì trước kia cũng bởi do hai con tinh trùng ấy nó hợp với nhau rồi biến ra hình tượng của nó vậy. Bây giờ Đạo cũng nhìn con người là con vật, nhưng lúc nó biến ra Nhơn ~~linh~~h, quyền năng nào biểu nó biến, do quyền năng nào cho phép nó biến, họ lấy vật-lý-học nói tâm xàm, kẻ muốn tìm sự thật đem chơn lý đánh đổ tinh thần mà chơn lý của họ là chơn lý mộng ảo.

Chính Bần Đạo cũng nhìn sự thật chúng ta là con vật. Bần Đạo biết rằng nơi mặt địa cầu này trước kia tượng hình ra nó là cây, điều động có rễ, có máu, bắt đầu lần lần mọc lên cái đầu, hai cái tay, hai cái chân biến hình ra con dã nhơn, lần lần biết đi như con khỉ vậy. Mà lạ chướng hơn hết lúc biến thân ra nó, cái Linh cái Sống của nó thể nào chúng ta không biết. Hồi thời buổi nó tượng Nhơn hình của nó rồi, hỏi vậy cái Sống của nó ở đâu? Ai cho mà có? Và cái linh ở đâu mà có? -Đạo giáo chúng ta có chối rằng thi hài chúng ta không ~~phải~~ là con vật đâu! Chính

Đạo giáo nhà Phật có nói con người chúng ta là con kị vật để cho Vạn linh cỡi nó đi đường từ mặt địa cầu này qua mặt địa cầu khác, mà con thú ấy là người của ta, mà người cỡi thú ấy là Phật, tức nhiên là cái Linh của chúng ta đó vậy. Bây giờ không phải thi hải này siêu thoát được, thú là thú, sanh ra tại Thổ hườn tại thổ, còn người cỡi nó là Phật, cho nên không có quyền năng nào giam hãm hay trói buộc được. Phật ấy mới thật là con cái của Đức Chí Tôn, chính mình con thú vật -lý-học đã nói, con thú có người cỡi, mà người cỡi ấy là Phật, là con đẻ của Đức Chí Tôn.

Ấy vậy cơ quan siêu thoát là Phật siêu thoát chứ không phải con thú này siêu thoát được.”

Kỳ tới Bản Đạo sẽ thuyết cái sống của con người đối với Vạn linh nơi mặt địa cầu này.



III- Bí-pháp của Đức Chí-Tôn là gì?

Đức Hộ-pháp thuyết tại Đền Thánh ngày 15-05
năm Tân Mão (1951)

“Trước, Bản Đạo đã hứa kỳ này **giảng về Bí Pháp**, ấy là một điều giảng rất khó khăn, Bản-Đạo lấy cả tinh túy của nó thuyết ra đây. Chẳng phải đứng nơi tòa giảng này mà thuyết cho đủ được. Nếu như không có điều gì trở ngại về bí quyết, Bản Đạo thuyết minh cho toàn thể con cái Đức Chí-Tôn thấu đáo, hiểu cho tận tường cái bí-pháp Đức Chí-Tôn đến trong thời kỳ này, để trong nền chơn giáo của Ngài. Ấy vậy Bản-Đạo có một điều mơ mộng tìm phương trụ cả đức tin con cái của Ngài, nam nữ đặng cái đức tin ấy làm một ngọn huệ quang Thiêng-liêng, nó dịu dặt Thánh-Thể của Ngài trong con đường Thiêng-Liêng Hằng Sống tức nhiên con đường giải thoát.

Bí Pháp là gì? Là những cái hình trạng của Đạo về hữu hình, tức nhiên hình ~~tạng~~ của Hội Thánh, tức là hình trạng của Thánh-Thể Đức Chí-Tôn tại mặt thể này. Là quyền năng điều khiển Càn Khôn Vũ Trụ tức là quyền năng vô đối của Đức Chí Tôn đã cầm nơi tay, Ngài đến cùng con cái của Ngài, đặng Ngài ban cho một quyền hành đủ phương pháp, đủ quyền năng tự giải thoát lấy mình.

Tiên Nho chúng ta có ~~tạng~~ tả một điều vô hình, để tả ra một hình trạng hữu vi, nó vô tướng mà nó hữu lý làm sao đâu. Tiên Nho gọi chúng ta là khách trần, gọi mặt thể gian, tức là mặt địa cầu 68 này là “Quán tặc”. Ta là khách, cõi trần này là Quán, nó hay làm sao đâu, không lấy tí thí gì minh-bạch chơn chánh hơn tí thí đó. Chúng ta thử nghĩ toàn cơ quan ~~huện~~ diệu vô biên Đức Chí -Tôn ~~đào~~ trong Càn Khôn Vũ -trụ và vạn vật hữu hình, chúng ta có thể quan sát trước mắt chúng ta đây, chúng ta ngó thấy đều do khuôn luật Thiên nhiên tương đối mà ra, hễ có khuôn luật tương đối tức nhiên nó phải có đối cảnh. Bởi khuôn luật tạo ra hình, hễ có hình thì có cảnh, hễ có khuôn luật tương đối tức nhiên phải có đối cảnh, tức nhiên có hình thì có bóng, vô bóng tức nhiên vô hình.

Chúng ta thử nghĩ luật tương đối, chúng ta lấy điều đơn sơ quan sát chúng ta ~~ta~~ sống trong giấc ngủ và chúng ta sống trong khi thức, ngủ là sống với Vạn Linh, thức là sống với vạn vật. Chúng ta quan sát được hai đối cảnh sống với khuôn luật Càn Khôn Vũ Trụ kia cũng vậy không có gì khác, có ~~ảnh~~ sống có cảnh chết, sống chúng ta thể nào chết chúng ta thể này, không có chi lạ. Sống chúng ta là khách của “Quán tặc” này, ta chết tức nhiên ta trở về quê Tổ, tức nhiên ta nhập trong cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống chứ không có chi lạ.

Bây giờ hai hình trạng ấy chúng ta thử nghĩ nó có liên quan mật thiết với chúng ta thể nào? Đơn sơ chúng ta nên lấy tỉ thí một cách khoa học là khi chúng ta thức mơ vọng điều gì, làm điều gì, cái năng lực trong hành tàng thường thức của chúng ta, trong giấc ngủ chúng ta nằm mộng mơ nói tầm xàm làm đổi cảnh của nó, đổi buổi thức tức nhiên buổi sống ấy vậy. Thức ngủ là trong khuôn luật sống chết, cái sống phải có cái chết, hành tàng của cái sống chúng ta thể nào thì buổi chết của chúng ta nó cũng hiện tượng ra nguyên vẹn, ấy vậy không có điều gì lạ hết.

Bây giờ luận về phần Thiêng Liêng tức nhiên phần linh-hồn của chúng ta.

Bần-Đạo nói mỗi cá nhân con cái Đức Chí Tôn đều có phẩm vị của họ, có từ thử đến giờ, khuôn luật vẫn có một mà thôi. Chúng ta thấy trong Bí Pháp của Phật Tổ, Ngài đặt đặng bí pháp, Ngài để khuôn luật giải thoát. Chúng ta đã ngó thấy tại sao người khác Đức Chí Tôn không để “Tam Diệu Đề”, tức nhiên, Lão, Bình, Tử trước mắt đặng lãnh giáo Ngài, lại để cho Đức Phật Thích-Ca thấy Tam Diệu Đề? Khi Phật Thích Ca thấy Tam Diệu Đề Ngài mới thêm một đề Sanh nữa là Tứ Diệu Đề: Sanh, Lão, Bình, Tử.

Đức Phật Thích Ca nhờ Bí-pháp của Đức Chí Tôn để trước mặt Ngài mà Ngài đạt được cơ quan giải thoát, có chi đâu. Muốn tránh Tứ Diệu Đề tức nhiên Tứ Khổ thì đừng gây Nhân, có Nhân tức nhiên có Quả, muốn tránh Sanh, Lão, Bình, Tử thì phải diệt cho hết quả, lẽ dĩ nhiên đó vậy...

Bí-Pháp Đức Chí Tôn đã cho Phật Thích Ca thể nào, Đức Chí Tôn cũng có thể cho con cái của Ngài mỗi đứa để tự giải thoát lấy mình.

Nếu Đức Lão-Tử không làm *Thượng -Thơ-tịch* vô Đại thơ phòng nhà Châu, nếu Ngài không vô Thư Viện nhà Châu lật Bát Quái -Đồ của Phục Hi để lại, chưa chắc rằng Ngài đã đoạt pháp. Ngài ngồi tìm tòi coi Bát Quái Đồ để trong Thư Viện nhà Châu, tức nhiên Bí Pháp của Đức Chí Tôn dành để cho Lão Tử. Khi Ngài đã đạt được Bát Quái Đồ rồi, Ngài được trở nên vị Giáo Chủ danh vọng đến đời nay.

Bây giờ tới Đức Chúa Jesus, vị Giáo Chủ danh vọng đương buổi này gồm cả Vạn Quốc, các Dân Tộc Âu Châu trong khuôn khổ đạo đức của Ngài nếu không có 40 ngày Ngài đã ra đồng sa mạc thiên định, Đức Chí Tôn không đến cùng Ngài và không bị quỉ cám dỗ thì Bí-Pháp của Ngài không hiện tượng ra được.

Bây giờ đến Khổng Phu Tử, nếu Ngài không có khổ về Nhơn đạo của Ngài và xã hội của Ngài giặc-giã can qua, bởi Ngài sanh ra gặp buổi loạn ly đời Đông Châu Liệt Quốc, nếu Ngài không có khổ về công danh của Ngài cho đến đổi và nếu Ngài không khổ về tinh thần của Ngài vì hiếu, thì chắc tinh thần của Ngài chưa ngó toàn thể các sắc dân, tức nhiên đồng chủng đồng bào của Ngài, thì tôi tưởng Đạo Nho của Ngài chưa xuất hiện.

Nếu Đức Chí Tôn không để Thánh Thể của Ngài xuống 60 năm trước ngày mở Đạo, không phải ngày nay Ngài không sai các chơn linh xống thể, không tạo hình ảnh Cửu Thiên Khai Hóa, Ngài không mở rộng cửa Bạch Ngọc Kinh tại thế gian này thì dám chắc nền chơn giáo của Ngài chưa hiện tượng. Huyền diệu thay nền chơn giáo của Ngài! Lấy cả quyền năng vô biên Ngài làm Thánh Pháp, Bí Pháp của Ngài, Ngài lấy căn bản Vạn linh, Ngài tạo nên đặng phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật trên mặt thế gian này.

Ấy vậy Bản Đạo nói: Nơi cửa Tịnh Thất chúng ta có thể nói rằng: Nơi chúng ta đưa bạn chúng ta đi cũng là cửa rước bạn chúng ta đến. Bí pháp ấy càng ngày con cái Đức Chí Tôn càng ngó **ấy**, vì mới mở nên hình trạng chưa có **đ**, chớ hoàn thành rồi con cái Đức Chí Tôn sẽ ngó thấy đối tượng Thiêng Liêng của nó thế nào, phải để đức tin vững vàng nơi Thánh Thể Đức Chí Tôn cho cường liệt, cường liệt Đức Chí Tôn mới xoay chuyển xã hội nhơn quần và tạo hạnh phúc cho xã hội nhơn quần được.”



Đêm 09 tháng 04 Kỷ Sửu (dl 06-05-1949)

“Kỳ trước Bản Đạo giảng tại sao gọi là Thể Pháp và Bí Pháp của khuôn luật Tạo đoan Càn Khôn vũ trụ này. Nay Bản Đạo giảng tiếp:

IV- Do nơi học thuyết nào sản xuất ra chữ Đạo?

“Vả chẳng, cơ Tạo-đoan hiển nhiên trước mắt, chúng ta thấy là định một khuôn luật, ngó thấy cả vạn vật đang sống trong Càn Khôn vũ trụ, nó có nghĩa lý sống của nó, cũng như mình biết mình có nghĩa lý sống của mình. Cái nghĩa lý sống ấy có phần hiển nhiên ta định được, ta thấu đáo được, gọi là **Đời**; còn bí mật huyền vi chúng ta lấy lương tri lương năng định đoạt không được, thuộc về bí ẩn huyền vi cơ tạo, nhứt là cái **Sống** và cái **Linh** là trọng yếu của cơ quan Tạo-đoan hơn hết, nó giục tinh thần nhơn loại buộc phải tìm tòi khảo cứu cho ra hình tướng, phần ấy gọi là **Đạo**.

Vì cơ cho nên sách vở để lại, thiên hạ đã thú thật rằng không phương đoạt được, phần định được chỉ nói “Cường danh viết Đạo”.

Cái Sống và cái Linh chia ra làm hai hạng:

- Hạng khảo cứu về Vật.
- Hạng khảo cứu về Thần.

Vật thì xu hướng theo bản năng của cơ Tào đoạn hiện hữu, lấy vật lý làm căn bản; mà lấy vật lý làm căn bản thì họ hướng về xã hội hơn quần hay là định sống của xã hội. Định sống của xã hội tức là định sống của vật. Định sống của vật tức nhiên là **Đời**.

Bây giờ, bí ẩn huyền vi của cơ Tào đoạn để trước mắt có nhiều lý lẽ bất công, họ khảo cứu về tinh thần đạo đức. Những lẽ bất công đó, buộc họ tìm tòi cao siêu hơn nữa để cho thấu đáo cả bí-mật huyền vi cơ tạo đoạn ấy. Lẽ cố nhiên, con người cũng đồng sống với vạn vật, thấy mình linh hơn vạn vật, biết mình có bản năng đặc sắc hơn nhờ cái Linh đó. Linh ấy đáng lẽ nó phải tồn tại, nhưng cơ bí mật Tào đoạn, có chết thì có sống, giục con người đi trong con đường hiểu biết, tìm tòi cho thấu đáo: tại sao mình sống, sống duy chủ thân thể mình; mình chết cái Linh ấy, cái Sống ấy nó đi đâu? Vì cơ mà đời đã sản xuất các triết lý Đạo giáo, các vị Giáo chủ từ trước đến giờ đến thế gian này tạo Đạo, đã để hai khuôn khổ, định về chủ hướng ấy.

Sống về vật hình là điều dẫn sự sống của huyền linh, họ thuyên về một đường vô hình. Sự sống, chết họ thấu đáo cái hư không tiêu diệt và cái tồn tại hiển hách của nó.

Bây giờ cả hành tàng bất công do chỗ nào sản xuất ra trong cửa Đạo?

Đời chúng ta ngó thấy cái sống về vật hình chia hẳn nó ra, thì cái sống về vật hình là bóng dáng mơ hồ. Trong cái sống vật hình, thì hài thể chất, chúng ta nhận thấy nó không tồn tại, mà trái ngược lại nó vẫn là cơ quan tạo khổ cho ta mà thôi. Đã là cơ quan tạo khổ, thì cái sống này có

hữu ích gì đâu? Chẳng lẽ cơ bí mật Tạo đoan tạo ra vật hình, mà loài người ngó thấy đây để ảnh hưởng đến chơn tánh cao thượng. Tạo đoan ra, không phải để chịu thống khổ mà thôi, phải có nguyên do gì chứ?

Bởi nguyên do phải có chủ hướng, vì lẽ đó mà nó giục nhơn loại tìm tòi chí hướng của con người sống để làm gì, là tìm hiểu định phận của mình, liên quan như thế nào trong cái sống, tức nhiên là thấu đáo bản năng của mình, định phần tương lai giữa Càn Khôn vũ trụ trong vạn vật đó vậy. Tương lai của sự sống tức nhiên tương lai của loài người. Tương lai của loài người tức nhiên tương lai của Đạo. Con người đứng trước vạn vật, thú cũng đồng thú, khác loài người là Đạo, trong người Chí -Tôn đã đề Đạo, Đạo khác với thú là vì trong loài thú Đức Chí -Tôn không có để tánh Linh như Đức Chí Tôn đã định tánh cho loài người, định loài người làm Chúa vạn vật. Vật phải dựa vào trong tay loài người định duy chủ đó vậy.

Ấy vậy Bàn Đạo nói: Có Thể-pháp thì có Bí-pháp.

Các vị Giáo Chủ cũng phải tùng theo khuôn luật đó, một nền chơn giáo có Thể pháp là cơ quan giải khổ cho chúng sanh tức nhiên phải có Bí pháp định làm cơ quan giải thoát cho chúng sanh. Hễ độ phần xác tức nhiên phải độ phần hồn cho toàn vẹn.

Một nền Tôn giáo nào đã xuất hiện tại thế gian này dầu Thể pháp cao siêu bao nhiêu đi nữa, nếu không có Bí pháp làm tương diện căn bản, thì nền Tôn Giáo ấy chỉ là Bàn Môn Tả Đạo mà thôi.”



V- ĐẠO 道 LÀ GÌ?

Tây-Ninh -Chùa Gò Kén- năm Bính-Dần 1926

THẤY các con,

“Cối trần là chi? Khách trần là sao?

Sao gọi khách?

Trần là cối khô, để đọa bậc Thánh, Tiên có làm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần.

Đạo là gì?

Sao gọi Đạo?

Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cự vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm, do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo, thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm. Đạo, nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó, rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng. Đời cũng thế, Đạo cũng thế, chẳng Đạo chẳng nên Đời, Đời Đạo chẳng trọn, lấy Đạo trau Đời, mượn Đời giới Đạo, Đạo nên Đời rạng, giữ áo phồn hoa, nường bóng khổ trăm năm mãi c uộc, tự thanh cao, nếm mùi tự toại, dưỡng chí thanh nhàn thì có chi hơn.

Vậy là mẫu, vậy là trí.”

Phân tích chữ Đạo:

Chữ **Đạo** 道 bắt đầu chấm hai chấm trên là Âm Dương nhị khí, kể dưới một nét ngang tức là Âm Dương hiệp nhứt, nên chi một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật; rồi vạn-vật cũng quay về hiệp một. Kể dưới chữ **tự** 自 (6 nét) nghĩa là tự nhiên mà có. Nên chi Đạo dạy phải tự lập, tức là lo tu-hành để đạt được huyền-bí đạo-mẫu thì trí lự mới phát minh. Chữ **tự** 自 là tự tri, tự giác chớ chẳng ai làm cho người khác giác ngộ giùm hay minh-huệ giùm được. Trên dưới ráp lại thành chữ **thủ** 首 (9 nét). Chữ thủ nghĩa là ban sơ, lúc ban đầu, khởi thủy, là đầu mối của càn

khôn vũ-trụ. Kế là **bộ Tẩu 𨔵** (3 nét) tẩu nghĩa là chạy, nên kêu là “pháp luân thường chuyển”.Hợp chung lại thành chữ **ĐẠO 道**

Chữ **ĐẠO 道** Thánh-nhân đã đ ặt một cái luân-lý trong đó tự lâu rồi; hai nét Âm Dương hiển-hiện trên đầu đó, hình ảnh của cha mẹ ta đó, có hợp nhất được thì mới sanh ra một chủng-tử đầu tiên là con mắt, tức là chữ **Mục 目** **mục** là con mắt, là trung tâm của chữ Đạo. Con mắt để thấu thập tất cả tinh-hoa, đó là công ơn trước hết là của cha mẹ sản sanh ra ta. Cha mẹ cũng phải chịu ơn của hai Đấng trên cao kia nữa, đó là âm dương trời đất, ngày nay Đạo Cao-Đài xác nhận là Đức Chí-Tôn và Đức Phật Mẫu.

Đức Thượng-Đế là một khối Đại linh quang, là ánh sáng bao la, biểu tượng bằng “Con mắt” thế nên Đạo Cao Đài thờ “Thánh Tượng Thiên Nhân” là vậy.

Hai Đền thờ của các Ngài còn đó! Ni ềm tự tìn này không bao giờ lằm, nghĩa là ánh sáng đã lóe lên từ mắt trở thành chữ **Tự 自** (tự là chính mình), từ đây con người tự giác, tự tu, tự trau-giồi cho kiếp sanh trên con đường tiến hóa. Nhưng nẻo đến đ ể có lối thông thì đ ờng về cũng chính mình sáng-suốt, cho nên khi ráp cả hai phần trên dưới lại thành ra chữ **Thủ 首** (thủ là đầu). Cái đầu này đưa ta đến và nó ững hư óng dẫn cho ta về, chúng ta xuống bằng cái đầu cho rằng thuận, **thì khi về cái đầu cũng phải quay ra ngoài** để triều kiến Đức Mẹ Diêu-Trì nơi cung Tạo-Hóa Thiên ở tầng trời thứ chín, thì cái đ ầu này biểu tượng chữ **thủ 首** (9nét) nó mới hợp lẽ. Nếu quay vào thành ra đi nghịch làm sao đoạt Đạo? Than ôi!

Đức-tin nơi ta đó, ngày nay Chí-Tôn tạo Đạo ra để cho nhân-loại thờ nhân-loại. Đạo Cao-Đài thờ con Mất là thờ thiên-lương của mình đó vậy, cho nên con đường tu giục-giã ta phải hoàn thành Tam lập, tức nhiên lập đức, lập công, lập ngôn nghĩa là chữ thủ 首 thêm một bộ sước 辶 (biểu-tượng bằng bộ sước có 3 nét) thành ra chữ **ĐẠO 道** (chữ Đạo có 12 nét do 9+3, tức là con số của Thầy)

Đây là tầng trời cao nhất, có về đến đây được thì mới nhập vào cõi Thiêng-liêng Hằng sống và hòa nhập được với Càn Khôn vũ-trụ, tức là về được cùng Thầy.

Sự tu thân cần phải có ĐẠO, tin-tưởng nơi Đạo. Bởi “Đạo là cơ bí-mật làm cho kẻ phàm có thể đoạt đặng phẩm-vị Thần, Thánh, Tiên, Phật”.

Thầy làm chủ chữ Đạo là Cha của sự sống:

Thầy dạy rõ về quyền-uy tối thượng ấy (TNII. 62)

“Các con. Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế -giới thì Khí Hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái cực. Thầy phân Thái cực ra Lưỡng nghi, Lưỡng-nghi phân ra Tứ tượng, Tứ tượng biến Bát-quái, Bát-quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn-khôn thế-giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật-chất, Thảo-mộc, Côn trùng, Thú-cầm, gọi là chúng sanh.

Các con đã hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn-Linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống. Vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.

Cái sống của cả chúng sanh Thầy phân phát khắp Càn khôn Thế -giới, chẳng khác nào như một nhành hoa trong cõi, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm. Nếu

như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa. Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu Nguyên-sanh hay Hóa-sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước. Nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ. Các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy”.



*Thuyết tại Đền Thánh, đêm 13 tháng 04 Kỷ Sửu
(dl 10-05-1949)*

“Trước khi giảng tiếp Bí-pháp và Tả -pháp của Đạo, Bần Đạo nhắc lại một lần nữa. Kỳ rồi Bần Đạo đã tỏ cho cả thầy đều biết, nhơn loại đến giữa cơ Tọa đoạn Càn Khôn vũ trụ, huyền vi bí mật Tọa đoạn đã cho một tánh chất lý kỳ bí mật, là khôn ngoan hơn vạn vật. Do khôn ngoan ấy mà tìm hiểu rằng:

**VI- Cả cơ thể Tọa đoạn có hai đặc điểm
trọng yếu:**

- Một là sống

- Hai là linh

Biết được hai đặc điểm ấy, thấy nhơn loại có hai chủ hướng:

- Một là nương với cái sống của mình, cho cái sống là hệ trọng tức nhiên là học thuyết cơ thể Tọa đoạn của đời.

- Hai là nương theo tinh thần nhơn loại, nương theo triết lý này cho cái Linh là trọng hệ, vì cơ nên xu hướng theo phần hồn là tinh thần thường tại.

Bây giờ chia theo hai lẽ ấy.

- Sống tức là Đời

- Linh tức là Đạo

Hai ẽ sống chia nhơn loại ra hai đường căn bản, đứng trung tâm điểm cũng do nơi trí thức tinh thần, mà trí thức ấy xu hướng:

Theo học thuyết Đồi tức là xu hướng theo cái **Sống**.

Theo học thuyết Đạo, tức là xu hướng theo **Linh**.

Cả hai tinh thần ta thấy không có lầm lạc, nhứt là đảng nào cũng có nguyên lý của nấy. Đồi xu hướng theo cơ quan sống tức nhiên cơ quan Đồi họ cũng có Bí pháp và Thể pháp. Xu hướng theo Đạo cũng có Bí pháp và Thể pháp. Nhưng hai lý thuyết dường như phản trắc. Về phần Đạo, thì trí thức tinh thần nhơn loại nhìn nơi vô biên bất Càn Khôn vũ trụ tức là cơ Tạo đoan, nó định luật cho khối người, thành ra *Pháp chủ Luật, tức là Pháp trước Luật sau*. Còn cơ quan Đồi tức là cơ quan xu hướng theo cái sống, định Luật được rồi, mới tìm tàng Pháp đăng thi hành Luật, *thành ra Luật trước Pháp sau*. Bây giờ B ản Đạo thuyết về Đạo-giáo trước rồi thuyết về Thể đạo sau.

Kỳ rồi Bản Đạo hứa thuyết về Đạo pháp tức nhiên là Bí pháp. Bản Đạo đã nói có hai chủ hướng:

- Sống tức nhiên là Thể pháp.
- Linh tức là Đạo thuộc Bí pháp.

Chia rẽ rõ ràng như vậy, rồi không còn bỡ ngỡ gì mà không quyết định.

Ấy vậy trong Đạo Pháp có hai thuyết:

Thể Pháp là xu hướng theo sống, cái sống của vạn loại tức là đồng sống với nhơn loại, rồi do cái sống ấy tìm tàng Thể pháp trong tinh thần Đạo giáo đăng bảo thủ cho tồn tại cái Linh, tức là bảo thủ tồn tại cái khôn ngoan trí thức của mình; buổi sống thế nào vẫn còn mãi mãi đến buổi chết. Trái ngược lại dầu cho cơ quan chết ấy do cái Linh ấy không có đại diện của nó, ít nữa Linh ấy cũng để lại trong máu mủ chúng ta, tức là để lại cho nhơn loại

tương lai còn tồn tại đặng. Chúng ta không thể chối cãi được. Tại sao chúng ta thấy hiện tượng trên mặt địa cầu này con người có đặc điểm riêng, dầu cho kẻ sơ sanh cũng sống với cái sống của con vật; mà con vật ấy cũng sanh như những con vật khác. Có điều ta nhận thấy nó khôn ngoan hơn tức là linh hơn vạn vật, Linh ấy do nơi Linh của Nhơn loại đoạt được với tinh thần Đạo Giáo đặng truyền lại (Droit d'hérédité) nếu Linh ấy Nhơn loại đoạt được là do cha mẹ đã đoạt được trước, vì trẻ sơ sinh kẻ như con thú kia lấy gì khôn ngoan hơn con thú được, nếu không nhờ cái Linh truyền thống lại. Chúng ta ngó thấy Bí pháp ở giữa Thể pháp, ta thấy nó bán thể, bán lý; Ấy là do sự truyền thống của tinh thần loài người. Ta chưa thấy một sắc dân nào đã tiến triển, tức đã tiến bước trên đường văn minh hay là đã tiến bước trên con đường trí thức tinh thần mà thối bước trở lại. Nhơn loại mãi tiến tới không bao giờ thối.

Chúng ta ngó thấy nữa: Mặt địa cầu này có nhiều sắc dân, sắc dân nào đã khôn ngoan thì họ truyền tử lưu tôn, khôn ngoan đặc biệt, điều ấy không ai chối đặng. Ấy vậy cái Linh của chúng ta không ngó thấy mà biết rằng có cái truyền thống. Cũng như Bí pháp là cơ quan bí mật ta không ngó thấy, không có gì tượng trưng cho nó nơi mặt địa cầu này, nhưng ta biết rõ nó vẫn tiến triển mãi.

Nhìn cao hơn chút nữa, giữa Nhơn loại đối với cá nhân hay đối với dân tộc, chúng ta thấy trước sau đặc biệt không thể gì chối cãi được nữa, ta không thể nói mặt địa cầu này, giờ phút này, có một người nào làm người như Đức Phật Thích Ca, như Đức Lão Tử, Đức Chúa Jésus Christ đã làm người. Ta không thấy người nào dám nói là người, có đủ sức đối thủ với các Đấng ấy, chưa có đặc điểm gì khác. Các Đấng ấy cũng là người như ta, tại sao

lại được hơn ta vậy? Tại khối Linh của họ đoạt được muôn muôn kiếp sanh, ta không đoán biết đặng đã lập vị cho họ đến đặc điểm mà ta chưa hề biết tới, chúng ta đang còn ở hồi sau, khối Linh ấy định phận trong tinh thần đạo đức, định phẩm cho họ làm Giáo chủ nhơn loại.

Hai đặc điểm Bàn Đạo vừa nói thuộc về Bí pháp.

Bây giờ nói Thể Pháp tức là nói xu hướng của cái sống. Các người đã tìm tòi học thuyết về cái sống mà họ có tinh thần xu hướng về cái Linh của họ, họ đã làm thế nào tìm ra khuôn luật. Bàn Đạo đã nói, họ tìm khuôn luật cho hợp với cơ Tạo đoan Càn Khôn vũ trụ tức nhiên cái sống của họ phải thế nào cho phù hợp với chơn lý của vạn vật trước họ đặng đồng sống với vạn vật, đồng sống thì ta thấy có khuôn luật đặc điểm như thế nào? Tại sao vậy? Tại luật thiên nhiên định cho họ bảo thủ cái sống (Instinct de conservation). Luật thiên nhiên cho bảo thủ cái sống là khuôn luật định phận làm người giữa nhơn loại vậy.

Rồi đến bảo thủ cái Linh cho tồn tại tức nhiên là bảo thủ khôn ngoan, cái khôn ngoan hơn vạn vật. Trước phải cung kính cái sống ấy tồn tại mãi, cái sống ấy vẫn còn về tương lai đạo đức tinh thần của nhơn loại để định phận cho nhơn loại. Nhơn loại đã tìm tòi và hiểu rằng: Trên một triệu năm khi nhơn loại để chọn nơi mặt thế này, cho đến ngày nay vẫn còn tồn tại, tại thế này có thể thêm chứ không có bớt là do khôn ngoan, biết bảo thủ cái sống tại mặt địa cầu này thay thế cho Đấng Chí Linh mà sửa cải, tô điểm các cơ quan hữu hình cho đặng tận thiện tận mỹ như Đấng Chí Linh đã định: họ theo khuôn luật của mỗi ngày đi tới nơi, mỗi kiếp mỗi mới mãi thôi “Nhựt tân, nhựt nhựt tân, hựu nhựt tân” ngày nay mới, càng ngày càng mới là lời Tiên Nho của chúng ta đề lại. Đổi mới là khuôn luật thiên nhiên chỉ định cho họ mỗi ngày phải mới từng theo

khuôn luật tấn hóa của vạn loại trong Càn Khôn vũ trụ này vậy.

Muốn bảo thủ cho cái sống tồn tại, Đạo giáo lập ra cái thuyết “Ái tất thương sanh” (1) làm căn bản. Họ lấy yêu ái mà định luật cho cơ quan bảo thủ cái sống tồn tại đến ngày nay, là do nơi đó mà tinh thần của con người định quyết rằng: khuôn luật Tạo đoan có bảo thủ mạng sống với khuôn luật “Ái tất quần sanh” của họ đăng thi thố định con đường, rồi họ quả quyết đi đến, tức nhiên sẽ đến cảnh Linh của họ giữa vạn vật, họ sẽ thấy đặc điểm của họ để làm chủ Vạn linh ấy. Giờ phút nào họ thấy được thì họ có quyền vi chủ Vạn linh. Đương nhiên họ sống với hình xác thịt mà họ đã quả-quyết, định quyền vi chủ của họ giữa Vạn linh được. Buổi thoát xác tức là buổi lìa khỏi căn bản nguyên sanh của họ, họ sẽ tới được cảnh giới Chí linh; ấy là Bí pháp Đức Chí Tôn để tại mặt địa cầu này vậy.

Kỳ rồi Bàn Đạo đã thuyết một nền Tôn-giáo nào có đủ cái Linh tại thế, giữa loài người và loài người biết ra một nền chơn giáo có đủ bằng cứ là Huyền linh, đăng bảo thủ phần hồn của loài người là căn bản của loài người. Còn nền Tôn Giáo nào không có cái Linh ấy, Bàn Đạo đã nói chỉ là Tả Đạo Bàn Môn mà thôi. Bởi không có đủ quyền năng siêu độ chơn hồn của vạn loại, phải có cái Linh đủ năng lực độ hồn nhân loại. Bằng không, Bàn Đạo nói lại, chỉ là Tả Đạo Bàn Môn đó thôi.

Chúng ta thấy các nền Tôn -giáo từ trước đến giờ đều cho Linh ấy không ra tướng diện, từ buổi có loài người vẫn chạy theo Linh ấy. Các nền Tôn Giáo tại mặt địa cầu này và các vị Giáo chủ tạo Đạo vẫn tìm cách làm cho cái Linh ấy được ra tướng diện. Bàn Đạo không cần tả nhiều, e thiên hạ nó i của mình trọng hơn của thiên hạ.

Đạo Cao Đài có đủ quyền năng hiển hách anh linh của nó, không có nền Tôn-giáo nào tại thế này khả dĩ đối thủ được cả thấy, tức nhiên Bí pháp của Đạo Cao Đài giờ phút này không có kẻ nào dám cả gan nói Bí pháp ấy do tay phạm hay do một vị Giáo-chủ mang xác phạm cầm nó, mà chính trong tay của Đức Chí Tôn là Đấng tạo Càn Khôn vũ trụ, Chúa cả vạn vật, cầm Bí-pháp trong tay đăng độ rồi phân hồn nhơn loại. Tức nhiên không có nền tôn giáo nào dám đối thủ với Đạo Cao Đài cho bằng đăng

Ghi chú:

Câu “Ái tuất thương sanh”. Đúng ra là Chữ **Tuất** 𠂔 chứ không phải chữ truất, vì **Tuất** có nghĩa là thương xót, một bên là bộ tâm 𠂔 một bên là chữ huyết 血. Còn chữ truất 𠂔 có nghĩa là loại bỏ thì ở đây thấy ra hơi tối nghĩa. Tự điển của Hiên Tài Hồng thấy có chỗ đồng quan điểm là “Ái tuất thương sanh”



Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 12 tháng 05 năm

Kỷ Sửu (dl 08-06-1949)

Bản Đạo giảng tiếp:

VII- Thể Pháp và Bí Pháp của Thể Đạo.

Mấy kỳ trước Bản Đạo đã trình bày đại cương Thể Pháp và Bí Pháp của Đạo. Bây giờ Bản Đạo khởi tách ra từ chi tiết của nó.

Bản Đạo đã chán biết, có nhiều người ham nghe Bí Pháp của Bản Đạo lắm, nhưng Bản Đạo phát ngôn lên đó để đăng cho họ theo đăng họ đi Cúng, nếu không họ làm biếng đi cúng họ ngủ hết.

A- Bản Đạo khởi thuyết Thể Pháp của Đời:

Vả chẳng Bản Đạo đã nói rằng: do hai chủ yếu làm cho con người xu hướng theo hai lẽ.

- Yêu tố thứ nhứt SỐNG đeo đuổi theo sống: theo yêu tố sống tức nhiên theo **Đời**.

- Yêu tố thứ nhì đeo đuổi theo LINH tức nhiên theo **Đạo**.

Trước, Bàn Đạo đã thuyết cái sống của Đời, chúng ta đã thấy luật định sống của con người. Bàn Đạo nói: muốn định sống cho có trật tự, cho có đẳng cấp, thì họ có hai cái: hòa bình và tranhhống với nhau. Cái khổ Thê Pháp của Đời là vậy. *Chúng ta thấy Thê Pháp của Đời để dặng bảo toàn sự sống chung của nhơn loại. Chúng ta thấy trước mặt không cần kiểm.*

1-Bảo toàn sanh mạng :

Muốn bảo toàn sanh mạng của loài người, chúng ta thấy buổi Thượng cổ lúc còn ăn huyết ở hang chưa biết cất nhà cửa lầu đài dặng ở, phương sống của họ khó khăn lắm. Chung quanh họ bao vây toàn những cơ quan tiêu diệt họ là thú dữ thiên tai mộc ách.

Họ muốn bảo toàn mạng sống, tức họ phải kiểm phương thể tự an tự lập. Chỉ có hai bàn tay không thì làm sao kiểm cho ra sắt dặng làm binh khí tự vệ lấy mình; vì buổi ấy thú dữ mạnh hơn người.

Người Mường Mán tự vệ bảo toàn sanh mạng buổi đó cho còn tồn tại cho đến ngày nay không phải dễ.

Chưa biết cất nhà, họ phải chun vô hang, hổ dặng bảo trọng lấy họ, rồi một người chiến đấu với thú mạnh mẽ không nổi họ phải chung hiệp với nhau, tức nhiên thành Mường Mán như chúng ta ngó thấy Mọi miền Cao Sơn của chúng ta vậy.

Mường Mán ấy chẳng phải dễ chiến đấu với thú dữ, chiến đấu với thiên tai mộc ách mà thôi, họ còn phải chiến đấu với các cơ quan làm hại họ, tức nhiên Mường Mán

này muốn đề lên Mường Mán khác, buộc họ phải chiến đấu, chiến đấu để giành quyền tự chủ của mình.

Muốn chiến đấu cho đắc thắng họ phải chung hiệp lại đại đa số hơn, thành ra một quốc gia một xã hội. Trong một quốc gia chúng ta thấy nhiều số hơn sanh là vậy.

Ngày nay định sống của họ cho có trật tự thì khổ lắm, bởi vì ai cũng muốn bảo tồn mạng sống của mình trước đã. Nhiều khi mình muốn bảo tồn mạng sống của mình chẳng kể mạng sống của kẻ khác, khổ là chỗ đó.

Muốn cho sống có trật tự thì phải định luật tức nhiên họ phải bảo vệ sanh mạng của dân, đừng buộc người đồng sống trong khuôn khổ tự hữu của mình; muốn cho được vững chắc thì phải đặt ra luật pháp, có luật pháp thì phải có Viên Quan Vua Chúa.

2-Định luật xã hội:

Định luật xã hội phải như thế mà thi hành rất khó khăn lắm, lúc tâm lý hơn sanh còn đơn giản, thi hành là muốn cho thiên hạ bảo vệ sự sống của dân trong một quốc gia mà thôi, rồi lần lần họ khôn ngoan, họ lấy khôn ngoan của mình để chiến đấu với các cơ quan nào làm cho mình mất tự do, làm cho mình không được tự chủ.

Nhơn loại bây giờ cũng thế, họ phá rối luật pháp buộc ràng họ bằng mọi cách gián tiếp hay trực tiếp. Bởi vậy ngày nay một luật định xã hội bảo toàn sanh mạng cho hơn loại đương nhiên bây giờ khó khăn lắm.

Đầu tiên khởi ra Mường Mán chiến đấu với nhau, Mường Mán đó tiêu diệt sang qua xã hội quốc gia, quốc gia bao giờ cũng muốn cường quốc đông dân số, như các nước mạnh kia vậy. Cũng như thế Trung Hoa dân số có lỗi bảy trăm mấy chục triệu dân tộc hiện tại thành thử họ thường thường tương tranh với nhau luôn luôn, khuôn khổ kia xét lại đến ngày nay các liệt cường quốc gia liên minh

của mặt địa cầu này, muốn bảo toàn mạng sống khó khăn lắm.

Bản Đạo nói cho mấy người nghe đặng mấy người theo, rần theo sau Bản Đạo đặng hiểu Bí Pháp của Đạo. Bản Đạo cho biết rằng: Bí Pháp của Đạo và Thể Pháp của Đồi có liên quan với nhau, nếu làm biếng không nghe Đồi không thể gì biết đến Đạo.

Bản Đạo nói rằng về Thể Pháp: dù Thể Pháp, dù Bí Pháp của một quốc gia nào, một dân tộc nào, mà phù hợp với tinh thần tiến triển của dân sanh nước ấy, tức nhiên phù hợp với tinh thần hữu nghị của họ, thì nó tồn tại bằng trái ngược lưng lại tinh thần của dân tức nhiên dùng cường quyền ép bức mà thôi.

Bản Đạo đã nói từ hồi nào đến giờ, con người bao giờ cũng chiến thắng với các trở lực làm mất tự do, mất quyền vi chủ của mình, tức nhiên tâm lý nhơn sanh không buổi nào chịu thua một cường bức nào làm cho họ đã mất quyền vi chủ, họ chiến đấu mãi thôi.

Ngày giờ nào còn quyền áp bức, dân tộc này ép bức dân tộc khác, dùng quyền tàn sát đặng bảo thủ sanh mạng của họ, thì giờ phút đó chưa có hòa bình trên mặt địa cầu này. Không hòa bình là Tĩ Đạo, là giả pháp, không đúng với tâm lý nhơn sanh.

Ấy vậy, chúng ta thấy những quyền luật nào lập ra tại mặt địa cầu này mà không trái với tâm lý của nhơn loại thì nó sẽ tiến triển theo sự tấn hóa của nhơn loại, đặng bảo tồn sanh mạng của nhơn loại cho được vĩnh viễn và hạnh phúc.

Ấy thể Đạo của Đồi chơn chánh đó vậy”.

*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 22 tháng 05 Năm
Kỷ Sửu (18-06-1949)*

B- Bí Pháp của Đòi (tức Thế Đạo)

Đêm nay Bàn Đạo thuyết Bí Pháp của Thế Đạo, vì kỳ trước Bàn Đạo đã thuyết Thế Pháp của Thế Đạo.

Nay Bàn Đạo phải thuyết Bí Pháp đặng cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn biết định phận chơn với giả. Người ta tưởng Thế Đạo không có Bí Pháp. Có chớ, tại Đòi không đem ra để cho toàn thể nhơn sanh hiểu biết.

Có Bí Pháp chớ, bởi những hạng vĩ nhân tạo thời cải thế, đã lập công trạng đối với nhơn loại nơi mặt địa cầu này. Chủ hướng của họ tùy theo khuôn luật, khuôn pháp nào đặng họ tạo nên cơ nghiệp vĩ đại nơi mặt địa cầu này.

Thế Pháp của họ chúng ta thấy họ mơ ước một điều: trước khi quá vãng (chết) được nêu danh ư hậu thế hay là để lại một trang sử tốt đẹp cho đoàn hậu tấn của nhơn loại.

Xem ấy mà định hướng chủ tâm của mình hay định tương lai của mình, tức nhiên thế gian người ta thường gọi “Lưu danh ư hậu thế” để danh lừng lại cho kẻ sau đó vậy.

Lưu danh ư hậu thế, họ đã dùng phương thế nào, họ đã dùng chánh thuyết nào đặng họ phụng sự cho thiên hạ trong một nước? Nếu họ không phụng sự cho Tổ quốc.

Đối với Quốc dân họ phụng sự cho Quốc dân, đối với toàn nhơn sanh nơi mặt địa cầu này, họ có đủ chủ hướng phụng sự cho nhơn loại. Đã định tâm phụng sự tức nhiên nơi này là nơi bí yếu hơn hết. Xin đề ý.

Hễ quyết tâm phụng sự tức nhiên họ phải lấy chánh tâm làm căn bản, do chánh tâm ấy họ bước vô khuôn khổ của Đạo, tương liên với Đạo, chánh tâm ấy để giá trị cho Quốc dân. Thiên hạ bước vô đường chánh tâm rồi tức nhiên có liên hệ với Đạo, họ phụng sự cho thiên hạ là chỗ liên hệ sự đạo đức tinh thần của toàn nhơn sanh đó vậy. Chúng ta đã thấy rằng lời của Đức Chí Tôn đã nói “Đạo

không Đời không sức mà Đời không Đạo không quyền” cả hai tinh thần ấy phải tương liên mật thiết cùng nhau không thể gì rời rã với nhau được. Chúng ta đã thấy nhiều lý thuyết họ đã tìm tòi họ muốn thế nào Đời thoát ly với Đạo mà như thế chúng ta ngó thấy các nền Tôn Giáo như bên Thiên Chúa Giáo như Care Litaire **muốn** thoát ly ra khỏi Công Giáo Gia Tô mà họ chẳng hề thoát ly được.

Họ muốn thoát ly Công Giáo, thoát ly Công Giáo tức nhiên họ tìm tòi đạo để họ kiếm phương thế giải thoát ra khỏi Đạo nhưng cũng không được.

Giờ phút này chúng ta ngó thấy Nga Xô Viết lấy thuyết Cộng Sản làm căn bản, thuyết Cộng Sản tức nhiên thuyết Duy Vật lấy vật chất làm căn bản, mà chối bỏ linh hồn.

Về thuyết vật hình, tức nhiên nghịch hẳn với tinh thần đạo đức. Vật chất họ phải đề xướng: “Tam vô” là vô thần đứng đầu hơn hết, nó phải đánh đổ tinh thần đạo đức được nó đi trọn con đường vật chất. Phải chiến đấu để vật chất thắng tinh thần.

Giờ phút này nước Nga cũng chưa hề thoát ly đạo đức được, phải đem đạo đức làm căn bản mà thôi.

Tại Nga Xô lúc Cộng Sản chiến thắng đánh đổ chánh quyền rồi, tức nhiên "Staline" không còn nhìn Đạo Giáo nữa, không còn nhìn quyền Hội Thánh La Mã nữa.

Ngày đánh đổ chánh quyền khám phá quyền lực của Nhà Thờ, chỉ trích quyền lực của Nhà Thờ, nhưng rốt cuộc ngày nay phải đem Đạo Giáo đem Công Giáo, tái lập các Đền Thờ trở lại.

Tuy vẫn không từng quyền Ông Giáo Hoàng La Mã mà nó **vẫn** từng quyền Ông “Got Oann” như Ông Giáo Hoàng của nhà Thờ mà thôi.

Còn nhiều nữa, nếu chúng ta quan sát từ thượng cổ,

bao giờ Đời cũng kiếm phương thể thoát ly Đạo, chiến đấu để thoát ly Đạo.

Họ biết không tùng theo nó thì họ không quyền mà hề tùng theo nó thì mất tự do tự chủ của họ, nó mất thì nó chẳng khi nào mà trị thiên hạ được?

Từ thượng cổ đến giờ không một quốc gia xã hội nào nơi mặt địa hoàn này vô Đạo mà cầm quyền thiên hạ được, không thể có!

Vì có cho nên cổ nhơn tức nhiên Tổ Phụ nòi giống Việt Nam trị dân vi đạo “Dĩ đạo vi tiên” tức nhiên trị Đạo chứ không phải trị dân đó vậy.

Có một điều Bàn Đạo chỉ chỗ chính giữa, muốn phụng sự quốc dân hay quốc gia cho đắc lực, phải có thành ý, rồi chánh tâm; muốn có chánh tâm thì mình phải tề gia trị quốc rồi mới đến bình thiên hạ nghĩa là: tu thân, tức nhiên nhơn đạo đó vậy. Chính thiên hạ có liên quan mật thiết với Đạo mà lưu lại thanh sử, nhưng cũng chưa đủ. Chúng ta ngó thấy họ muốn thoát ly Đạo Giáo, nói gần hơn nữa, ở cõi Á Đông chúng ta thấy gì? Như nhà Vua các công thần “Vị quốc vong thân” nhà Nam ta có phong thần nên buộc các Làng các Tổng, các Huyện, các Phủ, phải lập Đền Thờ, thờ các Đấng ấy, là Đình của chúng ta đó vậy.

Thoát ly, họ muốn thoát ly Đạo, đặt họ lập khuôn khổ riêng tư của họ, họ càng lập càng đội Đạo Giáo trên đầu thêm nặng nữa.

Bên Âu Châu chúng ta thấy gì? Họ muốn thoát ly Đạo Giáo mà những công thần ấy họ dựng hình để chỗ nào đông dân chúng, tùy theo công nghiệp của mỗi người họ định chỗ dựng hình ảnh của họ để lưu lại cho hậu thế, dựng hình ảnh ấy là gì? **Ấy là Bí Pháp của họ đó vậy.**

Họ tưởng thoát ly Đạo Giáo là dễ nhưng mà hình cốt dựng lên họ để cả bài học cho hậu tấn; những cái hình

ảnh còn tồn tại đây, xác thịt xương máu của những kẻ ấy được lưu hình ảnh tại mặt thể này là những Đấng để cả tâm đức phụng sự cho quốc gia và nhơn loại đó vậy. Làm cho đặng họ ham lắm.

Giờ phút này các vị cầm quyền trị thể trong một xã hội nhơn quần nào cũng mơ ước một điều là phải lưu danh hậu thế mà thôi, lưu cả hình ảnh tôn nghiêm của họ để hậu thế nữa.

Vì ớ cho nên nhiều người, nhiều khi khổ hạnh phải cực khổ trong trường tranh đấu vì quốc gia xã hội nhơn quần khổ não về tinh thần nhọc nhằn biết mấy. Có nhiều người thói chí mà nhờ cái năng lực và quyền lực lưu danh ư hậu thế ấy buộc họ phải làm nữa trong con đường phụng sự quốc gia cho đến cùng. Vì thế phải có một tấm lòng chọn thật mới quyết định được.

Ấy vậy, Bàn Đạo lập lại một lần nữa để lại một trang lịch sử tốt đẹp cho hậu thế, để hình ảnh tôn nghiêm cho hậu thế ấy là Bí Pháp của Thế Đạo.

Còn nữa, ngoài ra nữa, còn có cái này; cái này không hình trạng mà đáng sợ hơn hết là miệng lưỡi của thế gian. Có nhiều việc không để nơi trang lịch sử được, nhiều khi bất công của nhà vua hay của nhơn quần họ không để nơi trang sử được, họ chỉ để nơi miệng lưỡi thế gian mà thôi, đáng sợ hay chẳng là chỗ đó. Hoặc là vì sự bất chánh yếm cả công nghiệp công thần của mình; nhưng công nghiệp ấy họ để nơi miệng lưỡi của dân, của thiên hạ. Bí Pháp ấy mới cao thượng, mới bền bỉ, Bí Pháp mà Đức Chí Tôn dành để đặng ban thưởng cho những kẻ vì đạ o nhơn luân của con người biết quên mình. Vì đạo mà tạo tinh thần cho quần chúng đó, Bí Pháp ấy cao thượng hơn hết.”



*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 26 tháng 05 Năm
Kỷ Sửu (22-06-1949)*

Kể từ hôm nay Bản Đạo giảng tiếp:

VIII- Thể Pháp và Bí Pháp của Thiên Đạo.

“Trước khi Bản Đạo giảng một cái triết lý trọng yếu ấy Bản Đạo muốn cho cả thầy chúng ta mỗi người đều để tinh thần trí não của mình tự xét lại coi đương nhiên chúng ta đang sống trong hoàn cảnh nào ...?”

Chúng ta làm gì nơi cõi thế này? Cái lập trường của kiếp sống ta đối với vạn vật hữu hình mà Đức Chí Tôn gọi là Vạn linh ấy thế nào?

Mỗi người tự soát, tự soát đặng mới có thể hiểu đặng **huyền vi bí mật của Thể Pháp và Bí Pháp của Thiên Đạo, ấy là cái chìa khóa của chúng ta** mỗi đứa mở lấy cái nguyên linh của chúng ta vậy.

Bản Đạo rủ cả thầy con cái Đức Chí Tôn cầm chìa khóa nơi tay, đặng mở cả huyền vi bí mật ấy cho thấu đáo, thấu đáo cho đặng rồi mới có thể biết được cơ quan giải thoát của mình.

Bản Đạo lấy của Bản Đạo trước đã, Bản Đạo tự mình quan sát của Bản Đạo coi cái sống của Đời và cái Linh của Đạo, tức nhiên trí hóa khôn ngoan vô đối của chúng ta thuộc về Đạo như thế nào?

Linh ấy sống với phương pháp nào cho còn tồn tại? Tại sao chúng ta vào cửa Đạo, chúng ta vào đây chúng ta ngồi, tại sao chúng ta chung hiệp với nhau vô Đền Thánh này mỗi đêm phải cầu nguyện kinh kệ với Đấng mà chúng ta gọi là Đấng Tạo Đoan cả Vạn Linh tức nhiên Đấng Chí Linh đó vậy. Chúng ta tôn sùng Đấng ấy để làm gì? Đấng ấy đó hữu ích gì cho chúng ta hay chẳng? Mà chúng ta phải phụng sự những điều chí thiết ấy, nên tìm tòi cái

nguyên lý của nó cho thấu đáo mới gọi rằng tu mà muốn tu phải biết huyền vi bí mật ấy mới tu, còn không biết bắt quá vô Đền Thánh hát chơi vậy thôi.

Hễ khi nào làm biếng không đi cúng rồi đổ thừa có chuyện này chuyện kia, tại mình không biết giá trị của sự đi cúng, phải biết trong đó cái đã.

Bần Đạo biểu tự soát mình coi, tại sao vô Đạo Cao Đài, Đấng đã chung hiệp với con cái của Ngài là Đấng Chí Linh tức nhiên là Đức Chí Tôn chúng ta đương chiêm ngưỡng tại Đền Thánh này. Phải biết giá trị đó mới dám can đảm thí thân cho Đạo mới có thể cương quyết đứng chung sống với con cái của Ngài. Chớ không lẽ ngồi đó tu theo họ mà không biết chơn lý ở đâu.

Các nền Tôn Giáo, chúng ta đã thấy chán chường trước mắt vì lẽ đó mà vong phước.

Bần Đạo thuyết, bây giờ Bần Đạo khai rõ cả tâm lý của Bần Đạo rồi cả thấy con cái Đức Chí Tôn cũng vậy tự mình cung chiêu của mình đi.

Bần Đạo theo Đạo Cao Đài do lẽ này: Kiếp sống của Bần Đạo không có biết tin gì hết, nhứt là đầu óc chỉ lấy triết lý học thức làm căn bản, không ai nhồi sọ đặng, nhứt định không để chủ quyền tinh thần mình không bị ai lừa gạt, dầu cho Bần Đạo đã theo Đạo Thiên Chúa Giáo.

Hồi thuở nhỏ nghe ra bị khó nuôi rồi Ông già Bà già sanh ra nấy người đều chết hết, đến nóng lạnh cũng chết, đến đổi thiên hạ sợ, tới phiên tôi Ông già Bà già bỗng đem tôi đến Nhà Thờ Thiên Chúa cho ông Cha, làm con nuôi ông ấy.

Tôi lớn lên đi học trường mà cũng đi theo làm đồng nhi bên Thiên Chúa Giáo cũng như ai kia vậy; nhưng trước khi đi học Bà già cho vô trường học Nho trước, học chừng một năm rưỡi rồi cho vô trường Pháp nên không

biết thêm gì hết, xét mình tự nhỏ đến lớn kỳ khôi hơn ai hết.

Cái gì cũng muốn biết mà thôi, cho đến lúc khôn ngoan trí thức cũng vậy, cả cơ quan của Đời tìm tòi cho thấu đáo mọi điều, tìm cho hiểu, mỗi sự chi cũng tìm cho biết mà không biết được thì không ăn không ngủ.

Khó lòng ăm, khó lòng quá, khó khăn lắm, vậy phải tìm qua choặng hay biết choặng mọi việc ở Đời. Suốt một thời gian, vẫn giục thúc tới chỗ bí mật huyền vi của Càn Khôn Vũ Trụ, giục thúc Bản Đạo một điều làm cho tinh thần Bản Đạo xốn xang biết bao.

Bản Đạo thấy chung quanh các bạn đồng sanh của Bản Đạo dầu cho chí thân hay ngoại tộc cũng vậy họ đương dung rủi trên con đường quanh co khúc khuỷu của Đời. Bản Đạo cũng sống theo với họ trong con đường dục tấn, con đường ấy tức nhiên chạy theo quan chức mỗi bước, mỗi ngày tình trạng khổ não, khó khăn lắm, không biết họ làm cho tinh thần đặng hạnh phúc hay đau khổ! Không thấy hạnh phúc gì hết; qua mỗi khoảng đường day lụng lại kẻ thương yêu của mình dầu lớn dầu nhỏ họ đã té quỵ theo dọc đường ấy nghĩa là họ chết.

Những kẻ thương yêu Bản Đạo, Bản Đạo dòm lại một lần nữa họ đều chết hết dầu chí thân hay ngoại thân cũng vậy. Tức tối thay cho quyền năng vô đối của vô hình kia tại sao phải từ bỏ? Không sanh sống cho vẹn toàn con người già hay trẻ đều lần lượt chết hết biết bao nhiêu giọt lệ của Bản Đạo đã khóc với thân già và biết bao nhiêu giọt thảm của Bản Đạo đã rưới trên thân trẻ. Tình trạng đau khổ giục thúc Bản Đạo tìm hiểu coi cái phương pháp giải kiết phương pháp giải nạn coi có nơi nào hay chăng. Thử tự soát mình, tự xét nghĩ mình cũng một mạng sống cũng như mấy ngàn triệu mạng sống nơi mặt địa cầu này, không

kể các Vạn Linh bao phủ chung quanh họ, thấy họ khổ trong con đường sống ấy lắm.

Có nhiều khi muốn bảo thủ mạng sống họ mà họ phải tận diệt mạng sống khác. Các mạng sống bị tận diệt thì họ phải chịu đau khổ thống thiết vô ngần vô đối trường đau khổ ấy trải trước mặt Bàn Đạo.

Đối với vạn vật thấy tình trạng mạnh hiếp yếu, dữ ăn hiền, đối với loài người thì ngó thấy họ không kính nể mạng sống đồng loại đồng chủng với nhau. Một tấn tuồng bất công trải trước mặt, muốn kiếm phương an ủi thấy mình cũng một kiếp sống như các người kia vậy.

Mỗi chúng ta kiếm con đường hữu ích, cái hữu ích cho bạn đồng sanh của mình, hễ thấy mình ăn thì bạn mình mất ăn; mình mặc thì bạn mình mất mặc, tức nhiên chính mình, mình cũng giành sống với họ. Xét đoán mình không có hữu ích chi đối với họ cả, mà trái ngược lại mình làm tội ác, mình làm khổ não cho họ mà thôi. Bởi vì mình giành giật cái sống họ để bảo thủ cái sống của mình, mình phải giành cái sống của họ kia kia thành ra mình không hữu ích gì hết.

Kiểm thể an ủi, có thể nào làm nô lệ cho họ tôi không ăn mà tôi ăn g không, nói ăn cái đó thì rất khó muốn làm choặng trọn trong con đường sống tức nhiên tôi không thể làm được. Muốn kiếm giải pháp ấy cho được thì tôi gởi cả tâm hồn tôi vào tay một Đấng vô hình, nương theo cái quyền năng vô hình làm Chúa của các mạng sống ấyặng kiếm thể bảo thủ mạng sống của thiên hạ.

Triết lý ấy kiếm coi ở đâu, như bên Phật Giáo biểu vô chùa mà tu,ặng kinh gõ mõặng ăn mà sống, sống riêng cho cá nhân, như vậy thì còn tội ác hơn hết thấy bởi vì biểu họ bố thí cho mình ăn để mình sống còn lợ thì thiếu sống. Các nơi khác nữa, ngồi đó duy chủ cái quyền

sống như các nền Tôn Giáo khác họ giành cái sống ấy còn mạnh mẽ hơn các thứ quyền giành sống khác nữa. Nếu tới một vài cửa khác họ lại giành sống xảo trá còn tồi tệ hơn nữa. Kiếm phương thế giúp sống cho đồng sanh mà kiếm không ra.

May thay trong bối khuôn bách tinh thần ấy, có Đấng quyền linh đem lại với một phương pháp vô hình, không hình mà làm cho chúng ta ~~ấy~~, không nói mà làm cho chúng ta nghe là Đức Cao Đài Thượng Đế, nhờ đó mà Bàn Đạo khỏi đi đâu hết. Nếu không có Đấng ấy thì có lẽ Bàn Đạo điên đi mà chớ, điên vì cái khổ não của Đời, điên vì góm ghiết cái cơ quan tranh sống của nó.

Ban sơ Bàn Đạo chưa biết Ông mà Ông cho Bàn Đạo làm Hộ Pháp. Bàn Đạo không biết gì hết, Bàn Đạo nhắm mắt Bàn Đạo theo.

Tại sao Đấng ấy làm thiên hạ nghe, thiên hạ theo, chính mình cũng vậy. Lý lẽ của Ông, Ông đem đến cho thấy rằng: giúp sống chớ không phải giành sống, các bạn của mình họ đưa họ theo, em út của mình dĩ chí cho đến bạn đồng niên mình họ đưa họ theo họ nghĩ rằng tôi gởi tâm hồn tôi cho Ông, một mình tôi, tôi thấy rằng không đủ, Đấng tạo Đạo không phải gọi một mình tôi mà chính gom góp đại đa số tâm hồn như tôi và có thể đem gởi cả đôi triệu tâm hồn khác nữa vì vậy tôi có thể theo Đấng này được, Đấng đó tôi nên theo, theo có hai lẽ.

1-Về phần Đời tôi khỏi cái bệnh đau thảm của tôi.

2-Về phần Đạo tôi khỏi cõi cút lẻ loi.

Tôi có một đám người biết tình ái vô hạn của tôi, có một đám người cùng tôi gánh khổ của đời tức nhiên họ chịu nhiều khổ đặng họ giải khổ cho thiên hạ.

Nói đó là nói của tôi, để tâm hồn theo Ông về mặt Đời và về mặt Đạo mà thôi, tôi chỉ nghĩ có bao nhiêu

ngoài ra tôi không biết gì nữa.

Bây giờ Đạo Cao Đài không biết chánh hay là tà, tôi chỉ biết Đấng ấy có thể gom góp đôi triệu tâm hồn vào tay Đấng ấy là Đấng Chí Linh.

Bây giờ tôi không tin Đấng ấy nữa mà tôi chỉ tin một điều là ngày giờ nào cái linh hồn tôi thoát xác ra đi bỏ cái địa hoàn này, tôi sẽ gặp các bạn chí thân từ trước của tôi, Tổ phụ Ông Bà của tôi. Tôi không biết cảnh hư linh như thế nào mà nếu tôi gặp được họ thì tôi mới chắc.

Ngày giờ nào tôi về cảnh Thiêng Liêng kia, quả nhiên linh hồn tôi còn tồn tại chứ không phải tiêu diệt như nhiều triết lý vô thần, nhiều nhà duy vật đã thuyết nơi mặt địa cầu này.

Giờ phút nào tôi thoát xác tôi về với hư linh mà tôi được một vài triệu linh hồn về cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống thì tôi không còn hạnh phúc nào hơn chỗ đó nữa. Tôi không biết giá trị, không biết quyền năng ra sao, nhưng tôi ngó thấy Ông có thể làm cho tôi làm bạn với cả trăm cả triệu chơn linh trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, vì có cho nên **tôi phải vào Đạo Cao Đài đặng tôi phụng sự cho Ông tức nhiên tôi phụng sự cho con cái của Ông.** Tôi nghĩ có bao nhiêu đó mà tôi theo cho đến ngày nay. Tôi đứng giữa Tòa Giảng này để ngửa cái triết lý ấy đặng cho toàn thể con cái của Đức Chí Tôn rõ biết đặng suy xét.

Đó tôi lấy chìa khóa mở tinh thần của tôi rồi đó còn mấy bạn lấy chìa khóa mở tinh thần mấy bạn đi rồi tôi tiếp tục giảng Thể Pháp và Bí Pháp của Đạo Cao Đài”.

Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 29 tháng 05

Năm Kỷ Sửu (dl 25-06-1949)

IX- Thể Pháp Thiên Đạo của Cao Đài:

“Đêm nay Bần Đạo thuyết Thể Pháp Thiên Đạo Cao Đài. Kỳ trước Bần Đạo và toàn con cái của Đức Chí

Tôn đã rủ nhau tự soát cái kiếp sống của mình đang thâu đáo hành tàng ở chơn tướng của mình, phải thế nào đối với Càn Khôn Vũ Trụ, đối với kiếp sống.

Tương cả mỗi người chúng ta đều có trí định cái nguyên do căn bản của sự sống mình, cũng như Bản Đạo đã tự soát nơi giảng đài này bữa hôm trước đó vậy.

Chúng ta đã thâu đáo cả chơn truyền của Đức Chí Tôn các huyền vi bí mật cơ tạo đoạn Càn Khôn Vũ Trụ, nó có ba điều trọng yếu là:

1- Cái kiếp sanh của ta theo như chơn truyền Đức Chí Tôn các chơn linh ẩn tại mặt thể này hay là các địa giới trong Càn Khôn Vũ Trụ, cốt để trả quả kiếp của mình, hoặc mình đã tạo căn quả, vì trong con đường tấn hóa chơn linh của mình không đủ mực thước để điều khiển khối nguon linh yếu ớt, không đủ quyền duy chủ mà phải phạm thêm tội tình oan nghiệt.

2- Đến đây tìm tàng cái học lực của mình, học lực của mình là điều mình muốn biết cả kiếp căn của mình nếu không biết cũng đeo đuổi theo, tìm tàng theo cho biết cả cơ quan bí mật tạo đoạn.

3- Là đến lập vị cao thẳng hơn nữa tức nhiên theo cơ tạo đoạn Càn Khôn Vũ Trụ về hữu hình cốt yếu để giúp cho các chơn linh ẩn triển trên con đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Bản Đạo có cho toàn thể chúng ta thấy căn sống của mình chẳng phải nơi trái địa cầu 68 này mà thôi, mà các mặt địa cầu khác trong Càn Khôn Vũ Trụ cũng đều một khuôn luật ấy.

Có nhiều trái địa cầu tấn triển cao hơn khuôn khổ kiếp sống của con người, có thể giảm bớt tội nhưng khuôn luật vẫn một mà thôi không có chi sửa đổi.

Chúng ta đã thấy mình sống, kiếp sống của mình như thế; Bần Đạo đã cho toàn thể con cái của Đức Chí Tôn tự soát mình lại không có hạnh phúc chút nào hết. Thật sự ra đề mục chúng ta phải đi trong khóa học này của Đức Chí Tôn, đến đăng mở khoa mục cho nhơn loại buổi này. Hay là mỗi lần các Đấng Chơn linh cao siêu hơn nữa đến tạo Đạo, cốt yếu đến mở khoa mục cho các chơn linh thì khi chúng ta đã ngó thấy khóa này là khóa đầu tiên hết thấy trong đề mục.

Khóa ấy riêng từ mức, mới khởi mức số một, chơn linh kia trong vật loại dĩ chí đến Phật vị đề mục ấy chưa có vị Phật nào đoạt vị đầu cao siêu đi nữa cũng chưa giải quyết được. Chính mình các vị trong các vị Chí Linh hằng sống chỉ có một Đấng giải quyết đăng đề mục "khổ sanh" của chúng ta tấn triển là duy có Đức Chí Tôn mà thôi. Ngoài ra nữa không có vị Phật nào giải quyết đăng.

Đức Phật Thích Ca lập vị cầm quyền Chương giáo nơi Cực Lạc Thế Giới, chính mình Ngài đem thuyết Tứ Khổ mà thôi, chính mình Ngài cũng không giải quyết được, chính mình Ngài không duy chủ cái khổ ấy đăng. Ấy vậy, đề mục khổ là Khổ sanh, trước là Khổ sanh, rồi tới Lão, Bệnh, Tử. Sanh trước là sanh sống, sống là khổ, hễ cái pháp luật nào làm giảm khổ của chúng sanh nó là chơn, cái pháp luật nào nó làm cho thống khổ chúng sanh là giả. Pháp luật Đạo Giáo nào mà không hữu ích gì cho cái khổ sanh của chúng ta thì không có giá trị gì hết.

Chúng ta quan sát coi cầnnTôn Giáo đã có phương giải khổ cho chúng sanh hay chăng?

Tại sao chơn, tại sao giả, chính mình Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng cũng như chúng ta thấy các cơ quan trong Càn Khôn Ỡ Trụ cốt yếu là **phải phụng sự cho nhơn loại, cho Vạn Linh.**

Trái lại họ không phụng sự cho Vạn Linh mà lợi dụng Vạn Linh chứ không phải làm tôi tớ cho Vạn Linh. Hễ lợi dụng là không phải phương pháp giải khổ tức nhiên là giả pháp.

Quan sát lụng lại các nền Tôn Giáo hết, chúng ta thấy không có phương pháp để giải khổ chúng sanh, bất quá là một lý thuyết mơ mộng mà thôi.

Giải khổ cái sống cái đã:

Chúng ta thấy các nền Tôn Giáo đương nhiên bây giờ có nền Tôn Giáo nào phụng sự cho chúng sanh không? Có nền Tôn Giáo nào làm tôi tớ cho chúng sanh đang giải khổ cho chúng sanh hay chẳng? Quan sát coi. Chưa có!

Chúng ta ngó thấy chúng ta có một điều tức cười hơn hết là họ ngồi gõ mõ đánh chuông mà họ nói giải khổ cho chúng sanh.

Sanh trước cái đã, là mực thước đi từ khuôn khổ của nó nếu nói phi lý không quan sát được, không thể công nhận được, nhưng đương nhiên chúng ta đã thấy gì?

Bần Đạo đã thuyết kỳ rồi cái pháp luật của thiên hạ là họ đã xu hướng theo "Tứ Diệu Đề" của Đức Phật Thích Ca, họ giống ruồi theo Tứ Diệu Đề để giải khổ cho chúng sanh là: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Họ thi hành trong khuôn khổ quyền pháp của họ mà thôi.

1- Sanh, họ lập nhà Bảo Sanh đang giải khổ cho sự sống.

2- Lão, họ lập ra cơ quan Dưỡng Lão để nuôi kẻ già, kẻ yếu.

3- Bệnh, họ lập ra nhà thương khắp nơi cả thầy trên mặt địa cầu này biết bao nhiêu nhà thương để chữa bệnh cho đời.

4- Tử, họ cũng làm âm công, cũng bố thí, cũng làm phước vậy, nhưng có một điều là họ bố thí chứ không phải

phụng sự. Họ lấy của người này đem cho người kia chứ không phải phụng sự cho nhơn loại.

Còn Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn đến biểu chúng ta làm gì? BỂ chúng ta dùng cả xác thịt, trí não, tâm hồn, làm Thánh Thể cho Ông, làm đầy tớ cho cả con cái của Ông, đó mới là thuyết giải khổ vậy.

Chính mình **Bần Đạo** cầm quyền Hội Thánh đem vào khuôn khổ luật pháp ấy thế nào?

Buổi ban sơ **Bần Đạo** lấy cả pháp luật làm chuẩn thẳng, chỉnh đốn cả cơ quan chánh trị của đời là: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. **Bần Đạo** lập nhà thương, nhà Dưỡng lão, nhà Bảo sanh là cốt yếu chỉnh đốn thân sống trong khuôn khổ mực thước, tức nhiên họ giúp cho nhau trong khuôn khổ đạo đức. Tức nhiên họ có cả cơ quan làm cho buổi thống khổ loạn lạc phải tiêu hủy.

Cơ quan Đạo Cao Đài cốt yếu chỉnh đốn nhơn quần xã hội tăng tiến trong khuôn khổ nhơn luân, nhơn đạo để trong tâm não họ dựng họ tương trợ nhau họ xúm nhau trong một nhà để giúp nhau về mặt tinh thần.

Bây giờ Bệnh, Tử cũng thế, về mặt xác thịt chuyển cả cơ quan Thế Đạo, cốt yếu để giải khổ chúng sanh về sự sống đối với Sanh, Lão thì chúng ta đã lập thành đại gia đình; như thân này khi già ồi còn em, còn bạn, còn con, còn cháu, một đại gia đình càng ngày càng lớn hơn nữa. Giờ phút này có hai triệu người chứ không phải như trong buổi tạo Đạo chúng ta dầu sống đi nữa cũng không phải cô độc mà khi chúng ta phụng sự trong Thánh Thể Đức Chí Tôn tức nhiên phụng sự cho Ngài, tuổi già chứ tinh thần không già, không buổi nào chúng ta già hơn Đức Chí Tôn, nhỏ làm tôi mọi cho nhỏ, lớn làm tôi mọi cho lớn, già làm tôi mọi cho già.

Không buổi nào thấy cái già cái khổ cho chúng ta tức nhiên giải khổ rồi đó vậy.

Sanh, Lão không phải khổ chúng ta, mà nó là một cơ quan giúp cho **ta** được lịch duyệt. Bệnh, Tử không phải khổ của chúng ta, mà nó là cơ quan giúp ta đoạt Thiêng liêng **vì**. Bệnh, Tử, bệnh chúng ta là gì chúng ta bệnh, tại số chết của chúng ta, tại khối sanh quang của ta hết lực mà thôi.

Kiếp sanh này làm tôi mọi cho người, dầu cho có bỏ xác hay chết là cùng. Mạng sống kiếp sanh của mình do quyền Đức Chí Tôn định liệu, thì sợ gì cái chết, trái ngược lại thiên hạ sợ chết là khổ mới chết, còn chúng ta không sợ chết vì chết là cơ quan giải thoát đó vậy.

Giờ phút này người tu là đem thân làm nô lệ cho nhơn loại, rồi có vui sướng gì với kiếp sanh mà cần sống, giá trị cái sống của ta khác hẳn hơn thiên hạ tưởng tượng, mà tưởng tượng cái chết của ta là buổi nghỉ ngơi, buổi hết cực, cái chết ấy chẳng phải do mình mà do nơi Đức Chí Tôn định là tới buổi Đức Chí Tôn nói các con đã làm xong phận sự Thầy cho con về.

Giờ phút này chúng ta đương ở Đền Thánh của Ngài đây, đương phụng sự cho Ngài đây, thì cái sống chết của chúng ta không còn giá trị gì đối với chúng ta nữa, và trong Tứ Khổ không còn giá trị gì đối với chúng ta nữa. Ấy vậy "Tứ Diệu Đề" tức nhiên bài học, bài thi, của đề mục khổ, duy có Đạo Cao Đài giải quyết nó, đánh mất nó, làm cho nó không còn giá trị nữa, tức nhiên chính mình và toàn cả con cái của Đức Chí Tôn hay tương lai tôi nữa cũng vậy.

Chúng ta **tận** hiến thân làm Thánh Thể cho Ngài mà ta **sống** cho mình chứ không phải sống cho Ngài là không đúng, sống không phải sống cho mình mà chính là

sống cho Ngài vì chính mình đem trọn cái sống ấy dung nạp cho Ngài, mà tưởng tượng ta khổ thì tức nhiên Đức Chí Tôn khổ còn gì. Ông không có khổ, mà lại sống vinh diệu quá, ta lại gặp thời kỳ này may duyên gặp được một cảnh sống lạ thường, sống về Thánh chất, sống về Thiêng Liêng, sống về Càn Khôn Vũ Trụ, sống về Trời Đất, sống đường ấy mà gọi là khổ sao đặng.

Ấy vậy Chơn Pháp thuộc về Thể Pháp của Thiên Đạo Cao Đài ngày nay có lẽ phù hợp với tinh thần hơn loại hơn các nền Tôn Giáo khác, có lẽ, nhưng chúng ta đừng ý mình.

Mỗi ngày thường tự hỏi mình coi làm vừa sức của ta chưa? Làm vừa sức của Đức Chí Tôn biểu mình làm hay chưa? Sống của mình có vừa với cái sống của Đức Chí Tôn hay chưa? Nếu chúng ta đủ tinh thần, đủ trí não và đủ năng lực để thay thế cái sống của Đức Chí Tôn thì “Tứ Diệu Đề” của Đức Phật Thích Ca để tại mặt thế gian này không có nghĩa lý gì và giá trị gì đối với chúng ta hết.

Thể Pháp của Đạo Cao Đài chủ về sống mà đánh tiêu cả sự khổ tức nhiên đánh tiêu cả Thể Pháp. Thể Pháp đánh tiêu được thì sẽ đánh tiêu Bí Pháp được.”



*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 04
tháng 06 Kỷ Sửu (29-06-1949)*

X- Bí Pháp có liên quan đến Thể Pháp

“Đêm nay lần Đạo thuyết Bí -pháp có liên quan đến Thể pháp, nói rõ là cái luật Đạo có liên quan đến luật Đòi đó vậy.

Vả chẳng chúng ta đã ngó thấy cái cơ quan Tọa Đoan Càn Khôn Vũ Trụ là cơ quan Đức Chí Tôn để phụng sự cho Vạn Linh, cái chơn pháp nó vẫn vậy.

Bản Đạo có thuyết về thuyết ấy, Bản Đạo nói đất phải hy sinh dâng phụng sự cho cây, tức nhiên là thảo mộc. Cây phải hy sinh dâng phụng sự cho thú, tức nhiên nó phải hy sinh dâng nuôi thú, mà loài người đứng đầu trong loài thú chó không có chi khác nữa.

Vì cơ cho nên cổ luật lại buộc thú phải hy sinh phụng sự cho người, phụng sự không đi quá sức, hy sinh dâng nuôi loài người. Bởi vì lẽ lắm hiểu về chơn pháp ấy mà nhơn sanh đã thực nhục (ăn thịt).

Giờ tới một mức nữa, người phải hy sinh dâng phụng sự cho Trời. Chắc là cả thầy đều nhớ cổ luật của Thượng Cổ khi tế Trời họ đem người ra họ giết, rồi họ thiêu như con thú kia ậy. Con người có luật ấy một thời hạn cũng khá lâu. Khi dùng người làm tế vật dâng hiến cho Đức Chí Tôn nếu Bản Đạo hiểu theo các Đạo Sử thì đã có gần 40.000 năm về pháp luật ấy, thử nghĩ coi các nhơn mạng buổi nọ đã đem làm con vật hiến cho Đức Chí Tôn nhiều lắm rồi vậy. Mới đây chừng lối 6.000 năm đời của Jacob trước 6.000 năm, theo Đạo Luật của Hébreu tức nhiên luật của Do Thái phải giết vật để tế Đức Chúa Trời, luật đó tới nay có lẽ vẫn còn đó vậy.

Đức Chí Tôn có đòi hỏi chăng? Không, tôi dám chắc không, vì chính mình Ngài tạo cho Vạn Linh, chính mình Ngài làm tôi ở cho Vạn Linh và phụng sự cho Vạn Linh, có lẽ đâu Ngài đòi nhơn loại phải làm con tế vật tế cho Ngài.

Bao giờ chúng ta cũng thấy luật phụng sự cho Vạn Linh đi từ vật loại đến nhơn loại.

Chúng ta thấy việc của con ong, con mối, con ong chúa thật sự ra phụng sự đầy dẫy hơn hết, đứng đầu hơn hết, vì làm chúa nên phải có nhiều phụng sự, nó phải chịu sanh sản, làm giống nòi nó sanh sản mãi mà thôi.

Cũng như Thượng cổ trước lối 150.000 năm và trước nữa thì loài người cũng vậy. Đạo Pháp trong Phật Giáo để lụng lại các Đấng duy chủ của các sắc dân, chủng tộc do tiếng Phạn gọi là "Ma Nu" cũng một kiểu vờ con ong, con mối. Con mối chúa phụng sự cho cả một ổ mối hơn ai hết, bởi vì chính mình con mối chúa đã sản xuất chủng tộc của loài mối.

Chúng ta thấy lụng lại một triều chính của xã hội nhơn quần đã lập quốc, tức nhiên lập một nền chánh trị tương liên, một quốc gia vô trong một khuôn khổ của một quốc thể, một văn hiến đều chịu một luật pháp ấy, mà luật pháp ấy muốn thi hành thì phải có triều chính. Thật sự ra triều chính nhà Vua phải phụng sự cho quần linh, tức nhiên phụng sự cho lê dân. Một mình Ông phụng sự cho toàn thể lê dân không thể được nên phải lập triều chính, từ Tể Tướng, dĩ chí cho tới bậc hạ quan. Chánh trị một quốc gia là thay thế hình ảnh cho Vua đăng phụng sự cho lê dân mà thôi.

Chúng ta ngó thấy trong vật loại như con mối chúa, con ong chúa cũng làm chúa, cũng phụng sự, trong phụng sự kia cũng lập một triều chính đăng có phương pháp phụng sự cho nó. Nhà Vua cũng vậy, lập triều chính đăng biến thân cho muôn ngàn triệu, đăng phụng sự cho toàn thể lê dân. Mối chúa cũng vậy.

Bây giờ Đức Chí Tôn Ngài phụng sự cho Vạn Linh toàn cả trong Càn Khôn Vũ Trụ, Ngài đã dùng cái gì? Ngài dùng phương pháp phụng sự Vạn Linh là lấy Đồi, lấy Vạn Linh phụng sự cho Vạn Linh. Chúng ta ngó thấy Đức Chí Tôn nuôi cây, nuôi thú, thú phụng sự cho người. Ngài dùng căn bản đó để phụng sự cho Đồi, cũng như nhà Vua dùng lê dân lập triều chính đăng phụng sự cho lê dân.

Đức Chí Tôn ngày giờ này đến lập Đạo muốn phụng sự cho cả toàn nhơn sanh mặt địa cầu 68 này, Ngài phải làm thế nào? Ngài cũng phải mượn loài người phụng sự cho Ngài. Ngài phải dùng loài người đăng làm Thánh Thể cho Ngài là lập triều chính của Ngài.

Chúng ta ngó thấy Đức Chí Tôn đến lập Đạo o, lập Đạo phải lập Hội Thánh đăng phụng sự cho Vạn Linh trên mặt địa cầu 68 này. Chúng ta ngó thấy cái quyền rồi, ban cho cái quyền luật định phụng sự, vì phụng sự ấy mới làm chúa như con ông kia, con ~~ông~~ ^{ai} kia vì phụng sự mới làm chúa. Ông Vua cũng vì phụng sự cho dân mới làm Vua, bây giờ Đức Chí Tôn vì phụng sự cho Vạn Linh mới làm Trời.

Ngài phải lập Hội Thánh tức nhiên Ngài lập Thánh Thể của Ngài. Triều chính tức nhiên Thánh Thể của Ngài chớ không có gì lạ. Muốn cho Hội Thánh cầm quyền thống trị đăng phụng sự cho Vạn Linh, Ngài phải lập triều chính, triều chính là ngôi Thần, Tiên, Thánh, Phật đó vậy. Ngài lập Thánh Thể cũng như thế ấy; vì có cho nên chúng ta ngó thấy Thánh Thể Đức Chí Tôn tức nhiên Hội Thánh có đủ các phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế này.

Không có cái chi mà chúng ta muốn hay là dùng công nghiệp mà Người không trả không bồi thường, vì Ngài đã mượn chúng ta làm Thánh Thể cho Ngài đăng Ngài phụng sự cho Vạn Linh thì Ngài phải trả, phải bồi thường, nếu muốn cho người ta theo thì phải lập vị cho họ, thì họ mới theo.

Đức Chí Tôn Ngài đến ký hòa ước với loài người nhứt là dân tộc Việt Nam trước cái đã, mấy người làm Thánh Thể cho tôi, đăng tôi phụng sự cho Vạn Linh, thì tôi sẽ lập vị Thần, Thánh, Tiên, Phật lại cho mấy người. Nếu các người chịu thì ký hòa ước với tôi, hễ các người làm tôi

cho con cái của tôi cho vừa sức của tôi muốn, hay vừa ý của tôi định thì tôi sẽ trả lụng lại là lập ngôi vị cho mấy người trong Thánh Thể ấy, tôi đã định phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, tôi đã lập vị sẵn cho mấy người, mà mấy người đoạt được tại mặt thể này, tới chừng về cõi vô hình tôi không chối cãi gì hết, trái lại còn trả hơn khi mấy người phụng sự cho Vạn Linh tại mặt thể này nữa là khác”.



*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 08 tháng 06 năm
Kỷ Sửu (dl 03-07-1949)*

XI-Bí pháp chơn truyền của Đạo tương liên Thể pháp của Đạo thể nào ?

“Đêm nay trước khi Bàn Đạo thuyết Bí Pháp chơn truyền của Đạo, tương liên Thể Pháp của Đạo thể nào? Trước khi thuyết Bàn Đạo nhắc lại nữa, nhắc một điều cần yếu cho cả thầy đều nhớ, nhớ để đi theo.

Trước khi trong tinh thần đạo đức kia chỉ dẫn chơn pháp Càn Khôn Vũ Trụ cốt định cho loài người có hiện diện tại nơi thể này đăng phụng sự cho Vạn Linh, mà cũng là dẫn đạo cho Vạn Linh.

Phụng sự đăng dẫn đạo cho Vạn Linh, ấy vậy chơn pháp có ảnh hưởng là quyết định thiệt phận của loài người là phải phụng sự mà thôi. Hễ không phụng sự tức nhiên là vô đạo, mà vô đạo thì không thể gì đoạt được cơ giải thoát hết.

Bàn Đạo đã chỉ rõ tương quan của luật pháp Trời cốt yếu nương theo “Tứ Diệu Đế” tức nhiên Tứ Khổ, đăng rồi thiên hạ dầu quốc gia xã hội nào cũng kiếm phương bợ đỡ tinh thần loài người hay là toàn dân trong nước đăng lập vị của mình.

Thật sự ra, nói rằng: Họ đã tạo dựng Đạo Giáo đặng phụng sự cho dân nhưng thực sự đi trong đường nào? Lấy tinh thần cứu khổ của Đạo Giáo mà kỳ trung họ không phụng sự quốc dân, chỉ tạo quyền cho họ mà thôi, tức nhiên họ không phải vì sở định cứu khổ mà đến để lập quyền cho vững chắc. Nhưng Đạo Giáo chúng ta thì khác.

Đạo Giáo chúng ta buộc phải định phận mình là giải khổ, tức nhiên phải làm thế nào cứu vớt quần linh cho khỏi “Tứ Diệu Đề” tức nhiên Tứ Khổ của kiếp sanh đó vậy.

Hai cái tinh thần ấy dầu trong hành tàng cũng vậy, vẫn khác hẳn với nhau vì cơ cho nên Đạo với Đời không có bao giờ tương đắc với nhau đặng. Bàn Đạo nói Đạo không phải giành quyền, mà chỉ tạo Đạo đặng định phận mà thôi.

Bên kia họ cho rằng: Đạo giành quyền của họ, trái hẳn chúng ta vẫn thường thấy, chính mình Đức Phật Thích Ca đến khi Ngài có quyền, chính cha của Ngài còn tranh giành cái quyền ấy. Về quyền hành có điều khó giải quyết hơn hết là: Cả tinh thần chúng sanh, cả thầy đều biết rằng Đạo phải phụng sự cho nhơn loại, vì vậy mà bên Đời dầu thế nào đi nữa bất quá là lòn con mắt đặng cho người ta theo, chứ không phải như bên Đạo phải phụng sự.

Bởi cơ cho nên mới dục ra tấn tuồng giành quyền với nhau là vì chỗ đó.

À, bây giờ Bàn Đạo nói rõ phải ra phụng sự đặng giải khổ tức nhiên giải quyết “Tứ Diệu Đề” của Đức Phật Thích Ca đã để nơi mặt địa cầu này.

Bàn Đạo thuyết cả Bí Pháp Đạo Giáo có liên quan mật thiết với Thể Pháp rồi cả thầy đều nghĩ từ thử đến giờ, Bàn Đạo buộc phải đi cúng, phải hành đạo là thế nào, không phải buộc mấy người mà Bàn Đạo hưởng một

quyền lợi gì riêng hết, mấy người suy đoán chơn pháp rồi mấy người mới biết. Bần Đạo vì phận sự muốn cho con cái của Đức Chí Tôn tạo cơ giải thoát nên mới buộc gắt gao như vậy thôi.

Vả chẳng trong chơn pháp con người nơi mặt thể này có ba điều:

1- Hoặc là phải trả quả kiếp xuống tại mặt địa cầu này để trả.

2- Hoặc muốn học hỏi thêm, muốn tấn hóa tới nữa, về phương lược địa vị tinh thần của mình còn thiếu kém, học thì đến mặt địa cầu này đăng học.

3- Các vị đã được địa vị cao siêu nơi cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống, đến mặt địa cầu này đăng lập vị mình thêm cho đăng cao trọng.

Ba điều ấy muốn đoạt được thì phải phụng sự Vạn Linh mới được. Bần Đạo thuyết tới con cái của Đức Chí Tôn sẽ ngó thấy Đức Chí Tôn không dùng quyền Chí Tôn của Ngài, Ngài đến đăng lập quyền cho con cái của Ngài mà thôi, không phải đến đăng lập quyền hành hoặc bảo vệ con cái của Ngài, Ngài không thể gì để cho con cái Đức Chí Tôn lạm quyền đăng.

Cơ quan giải thoát là phụng sự, dầu cho quả kiếp mà đến cũng vậy, dầu cho vì học hỏi mà đến cũng vậy, dầu cho lập vị mà đến cũng vậy. Chúng ta phải phụng sự cho Vạn Linh mới được, trong phụng sự ấy chúng ta không biết chúng ta bị quả kiếp nơi nào, người nào, nhưng nhờ phụng sự ấy mà mình gặp được người mình muốn trả nợ tiền khiên, biết đâu nhờ hồng ân Đức Chí Tôn định cho mình gặp đúng người để đăng trả, tóm lại cũng phải phụng sự mới có.

Bây giờ về học hỏi thì chúng ta muốn gì? Muốn

biết mọi điều về huyền vi cơ tạo, muốn biết cho đặng thì phải phụng sự cho Vạn Linh mà thôi, rồi trong phụng sự ấy nó sẽ chỉ điều cho chúng ta muốn biết mà lập vị, và có gì hơn thay thế cho Đức Chí Tôn mà phụng sự cho Vạn linh lập vị ấy không thể gì ai chối cãi được.

Muốn làm cho đặng như Đức Chí Tôn đã làm ta phải làm gì? Ngài biểu chúng ta hiến ba món báu trong mình chúng ta là Tam Bửu.

1. Xác thịt

2. Trí não

3. Linh hồn

Tức nhiên thân thể và phạm thể của chúng ta Đức Chí Tôn biểu ta hiến cho Ngài đặng Ngài phụng sự cho Vạn Linh.

Chúng ta thấy gì? Mỗi ngày ta kêu Đức Chí Tôn làm chứng, kêu Tam Giáo làm chứng, giờ phút này con nguyện dâng cả xác thịt, trí não và linh hồn của con cho Thầy đặng Thầy làm lợi khí mà phụng sự cho Vạn linh. Hễ dâng rồi còn gì của mình nữa, có trả nợ tiền khiên chớ không có tạo nữa, nếu có tạo mà giờ phút này mình đến Đền Thánh này đây, ngồi trong lòng của Đức Chí Tôn đứng trong phần tử Thánh Thể của Ngài tình cờ mình bị quả kiếp gì xảy đến, mình không biết, vì thân thể mình không biết duy chủ nữa mà chính Đức Chí Tôn duy chủ, vì mình giao cả thân thể mình nơi tay Đức Chí Tôn thì mình không còn biết gì nữa.

Ngày kia mình có thể nói mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay Đại Từ Phụ, quyền hạn xử định do nơi tay Thầy chớ con không biết.

Mình giao cả hình hài đó cho Ngài sử dụng, nếu sự thật có gì không hay xảy tới cho mình, mình không hiểu, mình giao cả thân thể mình cho Đức Chí Tôn đặng Đức

Chí Tôn phụng sự cho Vạn Linh, quyền xử định ấy do Đức Chí Tôn quyết định, mình đừng làm trái với mặt luật của Ngài định.

Ấy vậy, mỗi ngày từ mơi tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya tới sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân cững trước. Thân tôi không còn của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn làm tôi tớ cho Vạn Linh thay thế cho Đức Chí Tôn, giờ phút đó chúng ta không biết tội nào chúng ta đã làm, dầu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đạt không thể gì định tội được. Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta, thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát, quyền ấy chính của ta chứ không phải của Đức Chí Tôn. Lấy quyền của ta mà cho ta, mình đã định quyền cho mình, chứ không phải Ngài định, Ngài định cho có quyền giải thoát, quyền Thiêng Liêng không có đo, chính ta tạo quyền gì ải thoát đó do nơi ta mà thôi.”



*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 11 tháng 06 năm
Kỷ Sửu (Đl 06-07-1949)*

XII- Sự liên quan Thể Pháp và Bí Pháp của Đạo.

“Đêm nay Bàn Đạo giảng tiếp sự liên quan Thể Pháp và Bí Pháp của Đạo.

Trước khi Bàn Đạo giảng tại sao Đức Chí Tôn lập hình thể hữu hình đặng Ngài tạo Đạo.

Đêm nay Bàn Đạo giảng đặng cho cả thầy đều hiểu rõ Thánh Thể là gì? Tại sao lấy Tam Bửu ấy là trong

người của ta để làm Thánh Thể, cả thầy Tam bửu là có một, mà một do ba người hiệp nhứt, cũng như Càn Khôn Vũ Trụ sản xuất ba quyền Phật, Pháp, Tăng trong đó có ba người, nhưng trong ba người chỉ có một là Đức Chí Tôn mà thôi.

- Người thứ nhứt là ta hay là thể chất tức nhiên thân thể của ta đây.

- Người thứ nhì là chơn thần tức là trí não của ta hay là pháp thân, pháp thân ấy do nơi Kim Bàn phát hiện, tức nhiên do nơi Phật Mẫu sanh để ra đó vậy.

- Người thứ ba là chơn linh tức linh hồn của ta hay linh thể của chúng ta do nơi Đức Chí Tôn sản xuất, ba món ấy hiệp lại mới thành người. Linh thể của chúng ta từ trước Đạo Giáo của nhà Phật do Ấn Độ sản xuất, tức nhiên Đức Phật Thích Ca đã minh tả thể chất có ba người. Ngài gọi nguyên chất là (Égo) người thiết của chúng ta, tới chừng đem qua Bắc Tông rồi, tức nhiên họ qua Nho Giáo. Nho Giáo không có tên 祀 đặt linh thể ấy là Tâm, lấy Tâm đặt tên chơn thể, chữ Tâm ấy do tướng hình Thiên Lương vi bốn.

Một vật hể sản xuất tại mặt địa cầu này đứng trong khuôn khổ Đạo Giáo tức nhiên Thiên Lương của mình, Thiên Lương ấy không tướng hình nên để chữ Tâm. Ấy vậy, chữ Tâm ở bên Bắc Tông Phật Giáo tả hình Linh Thể của chúng ta đó vậy, tức nhiên tả hình chơn linh của chúng ta, do nơi Đức Chí Tôn sản xuất. Ấy vậy, ba người trong thân thể chúng ta đang gánh chịu đó, khi được hình rồi, có hiện tượng tại mặt thể này rồi thì chúng ta ngó thấy chúng ta có ba mối nợ.

Mỗi nợ của cha mẹ thân sanh ra ta, sản xuất ra ta, là mỗi nợ trước phải trả. Nếu khi ta đoạt kiếp được, lập vị Thiêng liêng của mình đăng vô cửa Thiêng Liêng Hằng

Sống mà đàng sau lưng của mình có mang ba mối nợ thì vô cửa ai cho, phải trả cho rồi mới vô đặng.

Vì có cho nên Đức Chí Tôn biểu mình phụng sự cho Vạn Linh, đặng trả nợ thi hài của mình, tức nhiên trả nợ máu thịt của mình, nợ ấy ta nhận là công chánh hay oan khức cho ta? Thì chúng ta ngó thấy nó rất công chánh, một giọt máu, một điểm tinh của chúng ta thọ nơi phụ mẫu chúng ta, ôi cha mẹ của ta đã thọ của người trên trước nữa, cũng một giọt máu, cũng một điểm tinh mà tạo nên thi hài. Cha mẹ đã thọ nơi Ông Bà Tổ Phụ của chúng ta, rồi giọt máu, điểm tinh ấy truyền thống cho chúng ta, ta phải chịu khi ấy phải trả, mà trả thì phải khổ cho ta lắm, nếu chạy thì cha mẹ chúng ta phải trả.

Rồi khi cha mẹ sanh ra ta, ta phải nhờ ai mà sống, nhờ ai mà nên người, nhờ ai mà có. Chúng ta sản xuất tại mặt thế gian này tức nhiên nhờ xã hội nhơn quần, nhờ ăn mới sống, thi hài thân thể mới giữ đặng giọt máu, điểm tinh, để truyền thống? Trả đủ nợ ấy cho xã hội nhơn quần mới về cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống được. Quả nhiên chúng ta thiếu nợ hay là Tổ Phụ Ông Bà chúng ta thiếu nợ nên chúng ta phải trả, muốn trả phải phụng sự cho xã hội nhơn quần. Đức Chí Tôn coi trọng hệ nhứt, nên Ngài mới lập trường công quả này đây. Chỉ có làm công quả nơi của Đạo Cao Đài này mới trả hết số nợ đó mà thôi.

Tiếp sau đây Bần Đạo sẽ giảng tại sao có mở trường công quả trong thời buổi này? Ấy là nơi để chúng ta tạo công, rồi lấy công trả nợ máu thịt mà trả nợ máu thịt tức trả cho xã hội nhơn quần đó vậy.

Phụng thờ Tổ Tiên Ông Bà và song thân đó, do đạo Nhơn luân vì bổn. Mang nợ máu thịt ấy phải trả tức nhiên làm công quả để lấy công quả trả nợ máu thịt đó vậy.

Xã hội chúng ta vẫn thấy từ thử đến giờ, chúng

sanh vẫn chạy nợ, dầu muốn dầu không họ vẫn trốn nợ bất kỳ là nợ gì? Cho nên Đức Chí Tôn vì chứng rằng: Bầy phải trả nợ mà bầy đã vay từ trước. Ngài truyền tức nhiên Ngài truyền cho xã hội nhơn quần, vì trong Thiên tánh của Ngài định cho chúng ta trả nợ, mà muốn cho ta dễ trả nợ, Ngài bảo chúng ta phải làm thế nào? Chúng ta duy có phụng sự mà thôi. Vì có cho nên Ngài lập Đạo là vậy.

Trả nợ nhơn quần xã hội rồi mới chỉ có một mối, còn hai mối nợ nữa phải trả chớ, nợ của người sản xuất ra chơn thần, là Mẹ đẻ pháp thân tức nhiên Phật Mẫu đó vậy. Bây giờ Đức Chí Tôn Ngài đến đặng Ngài nhìn nhận con cái của Ngài, Đức Chí Tôn bảo Đức Phật Mẫu bà là chủ nợ Bà phải đòi, kêu chúng nó đến trước mặt Bà mà trả cho Bà. Bà đừng để cho nó thiếu nợ mà nó giải thoát không đặng.

Ngài đến mở Đạo nhìn chúng ta là con cái, con cái của Ngài nhìn chủ nợ là Bà, thì chúng ta phải trả, vì có cho nên chúng ta thờ phượng Phật Mẫu là vậy. Chúng ta đến bái lạy Ngài thì chúng ta cũng nguyện dâng cả thi hài, chơn thần và chơn linh của ta dâng làm mô giới cho Ngài tạo Đạo, cũng như Đức Chí Tôn vậy. Chúng ta trả nợ Đức Chí Tôn ra sao thì đối với Phật Mẫu cũng thế ấy.

Còn nợ thứ ba nữa là: Nợ đối với Đức Chí Tôn. Ngài đã ban cho ta một điểm Chơn Linh của Ngài, tức nhiên chúng ta do nơi Ngài mà sản xuất, linh tánh của chúng ta linh hơn vạn vật, vì có tánh Trời ở trong.

Bần Đạo thuyết minh rằng: Con thú này có Ông Trời ở trong. Ông đồng sống với nó. Có Ông Trời đồng sống trong Tánh linh ấy, mà muốn trả nợ với Đức Chí Tôn do nhứt điểm chơn linh của Ngài sản xuất thì chúng ta phải làm như Ngài đã làm, đặng kế nghiệp cho Ngài, mà làm như điều của Ngài đã làm. Ở chúng ta không thể gì

định được sự trả nợ của các Ngài, sự làm của Ngài có ảnh hưởng thanh túy, tức nhiên là hy sinh Vạn Linh mà phụng sự Vạn Linh.

Chúng ta phải học ở Ngài, cái tánh chất mà Ngài đã làm để chúng ta phụng sự cho Vạn Linh, như Ngài đã phụng sự chúng ta thấy trước mặt không thể gì chối cãi đặng. Chúng ta thiếu nợ Nhứt điểm linh, chúng ta muốn trả nợ phải trả như Ngài, mà muốn trả nợ Vạn linh Ngài phải làm tội tở cho Vạn Linh, chúng ta vẫn ngó thấy. Chúng ta muốn trả nợ cho Ngài thì chúng ta phải làm tội tở cho Vạn Linh như Ngài đã làm. Chúng ta phải làm Thầy Vạn Linh như Ngài đã làm Thầy của Vạn Linh.

Chúng ta trả ba món nợ ấy được rồi, tới ngày chúng ta giải thể của chúng ta, trở về cảnh Thiên g Liêng Hằng Sống nhập vô Niết-bàn-cảnh, không còn ai níu lưng nữa. Phải trả nợ ấy rồi mới vô bởi vì chúng ta đã trả rồi”.



*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 18 tháng 06 năm Kỷ
Sửu (13-07-1949)*

XIII- Bí Pháp chơn truyền của Đạo

Trước khi Bàn Đạo thuyết về Bí Pháp chơn truyền của Đạo, Bàn Đạo đã kết luận cái phản khắc Đạo Pháp, Thê Pháp, tức nhiên sự phản khắc của Đời và Đạo. Sự phản khắc ấy do nơi nguyên khí mà ra, không phải vì nguyên khí trong Vạn l inh mà thôi, nguyên khí của vạn loại nữa. Chính nguyên khí ấy trong mình của chúng ta đã chuyển xuất ra vậy.

Bàn Đạo cần thuyết cái thi hài này lấy triết lý chứ không phải lấy bí truyền mà luận, thì thi hài chúng ta đã có nơi mặt địa cầu này, do nơi nguyên căn vật dục xuất hiện ra, tức nhiên trong Thất tình nó đi đến cái tình chót hết là

tình quyết định, tình duy chủ, cả môi tình kia thường phản khắc nhau còn cái tình dục cốt yếu duy chủ định hướng của nó mà thôi.

Chúng ta ngó tấy trong Vạn Linh nó chia ra hai phần chơn hồn: Tiểu Chơn Hồn và Đại Chơn Hồn. Tiểu Chơn hồn chia ra làm ba thuyết, mà tối tiểu là Vật chất hồn, Thảo mộc hồn và Thú cầm hồn nó thuộc về tiểu hồn.

Nhơn hồn thì có thứ Tiểu và có Đại tức nhiên tình dục định phận nó, muốn Tiểu thì Tiểu, muốn Đại thì Đại. Đại hồn là Thần, Thánh, Tiên, Phật bốn cái Đại hồn định Thiêng-liêng-vị cho cả Vạn linh. Chúng ta ngó thấy trong mình chúng ta có tằm có t hú, vì ớ cho nên triết lý thất tình định duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm Thú thì làm, bởi nó định theo tình dục của nó. Bây giờ trong thân thể của chúng ta, trong nguyên bản của chúng ta, vẫn thường chiến đấu, Phật chiến đấu với Thú, Thú chiến đấu với Phật.

Hai hình trạng của Đời và Đạo, Đạo xu hướng theo Phật, Đời xu hướng theo Thú, hai tương quan phản khắc ngang nhau, vì ớ cho nên thuyết duy tâm và duy vật nó hay tương đối với nhau. Tình dục duy bản thì thấy trong mình nếu chúng ta muốn thành Phật thì chúng ta làm đặng, muốn đi theo Phật lập vị mình thì trong Đại hồn giúp ta làm đặng, hay là tình dục ấy muốn đi theo đám Tiểu hồn, vì ảnh hưởng trong cá nhân ta mà ảnh hưởng ấy chẳng phải của chúng ta mà thôi! Chúng ta ngó tấy trong Vạn linh nó có hai con đường đi đặc biệt, không thể gì chối cãi được, thành thử cái phản khắc tương liên của Đời và Đạo nó đi từ trong cá nhân của chúng ta mà ra, cho tới xã hội nhân quần. Nhân loại phản khắc ấy không thể gì tương được. Từ thử tới giờ lập vị Phật như Đức Phật Thích Ca cũng chưa giải quyết được; Đức Chí Tôn đến kỳ này

chúng ta thử hỏi giải quyết hay không? Cũng phải giải quyết chứ, Ông đến vạch ra lẽ Phật với Thú ấy để chán chường trước mắt, con cái của Ông, Ông biểu lấy trí khôn ngoan, lấy huệ khiêu của mình làm mô giới, tòng theo Nguơn Linh làm căn bản.

Định Phật, muốn Phật, sẵn được Phật, muốn Thú được Thú, Ông chỉ hai con đường rõ rệt để cho con cái của Ông quyết định cho mình, sự tương tranh tương đấu bây giờ trong các xã hội như quần trong mặt địa cầu này, đương nhiên bây giờ cũng tấn tuồng ấy, làm hình trạng của nó ra lớn vĩ đại, chúng ta không để ý mà thôi. Muốn tìm tàng chơn lý thì rõ rệt không có lạ lùng gì hết.

May sao, giờ phút này như loại đương bị trong thảm cảnh khôn khổ, không biết chừng thảm cảnh ấy xô đến cảnh diệt vong của họ nữa mà chưa giải quyết được, vì cả tinh thần bên Phật yếu ớt bên Thú đương tráng kiện, hùm hổ dữ tợn, mà bên Phật thì yếu ớt quá.

Đạo Phật truyền tại mặt địa cầu này đương nhiên bây giờ vô giá trị mà lẽ Đạo hết quyền tức nhiên con vật kia không có kỷ cương muốn chạy đâu thì chạy, muốn làm gì thì làm, muốn làm ngang nào thì dặng ngang nấy, nếu không duy chủ dặng nó, tánh đức không mực thước, không chuẩn thẳng, không biết định phận mình thì sẽ xô đẩy đến cảnh diệt vong chứ không có lạ gì hết.

Bởi vậy cho nên Đức Chí Tôn đến kêu gọi cả toàn nhưn loại chỉ con đường diệt vong trước mắt, khôn thì dừng bước lại để biết lấy phận mình đứng mực nào? Rồi mình mới phân định được.

Bí Pháp chơn truyền Bản Đạo thuyết không gì khác hơn là chỉ đường, biết giá trị mỗi cá nhân, mình biết mình, nếu vị Hoàng Tử con của Ông Vua kia lên ngôi Cửu Ngũ trị vì thiên hạ mà không biết giá trị tương lai làm Chúa thì

tướng lại họ như kẻ thường dân hay hèn hạ, họ tập thành theo tánh dĩ thỏa, điểm đàng bụng lung, thì chẳng khi nào làm vị Đế vương xứng đáng đặng, mình phải biết địa vị mình thế nào, rồi mới thi hành theo khuôn luật định của mình, Bí Pháp chơn truyền là vậy.

Ngày gờ nào cả con cái Đức Chí Tôn biết đoạt Pháp, biết mình, biết định phận của mình, biết ngôi vị của mình, biết giá trị của mình là giờ ấy trật tự an ninh trong cửa Thiêng Liêng Hằng Sống Đức Chí Tôn để tại mặt thế này, tức nhiên trong cửa Đạo đây mới thiết giá trị.

Giờ phút này ngó thấy tấn tuồng hỗn độn, con người họ tưởng Đạo Cao Đài như Thầy Chùa, Thầy Pháp, Bổng Chàng, nói cái nào cũng được, vì cứ mới có Đảng Phái dám cả gan bày ra Tả Đạo Bàn Môn, nếu biết đâu dám làm, vì họ lầm tưởng diện của họ cho nên ngày nay mới có cái cảnh tương tàn đánh sát họ kia kia, bằng đi tới nữa thì không còn chơn tướng nào tồn tại được.

Ấy vậy Bàn Đạo đã nói rõ, bây giờ có một điều trọng yếu không lẽ trong cái Bí pháp chơn truyền nói cho mấy người nghe mà thôi, mấy người được đặc ân gì mà hưởng riêng như vậy. Kể từ đây đến sau, họa may Bàn Đạo có thuyết, là thuyết trong ngày Sóc Vọng mà thôi, hễ đi cúng nhiều thì nói, bằng không thì thôi, còn nữa, còn nữa nếu con cái Đức Chí Tôn còn làm biếng đi cúng nữa thì vô nhà tịnh rồi sẽ hay chớ không thuyết nữa.”



*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 29 tháng 07 Năm
Kỷ Sửu (23-08-1949)*

XIV- Bí Pháp chơn truyền của Đức Chí Tôn :

“Đêm hôm nay Bàn Đạo khởi giảng tiếp Bí Pháp chơn truyền của Đức Chí Tôn.

Trước khi chúng ta muốn hiểu, cái huyền vi của Bí Pháp ấy thì chúng ta phải tìm coi con người của ta đây có chịu ảnh hưởng với Thể Pháp ấy thế nào, và ta là gì trước đã.

Ta là gì? Và có tượng hệ trong cơ quan bí mật, Tào Đoan Càn Khôn Vũ Trụ, và tạo hình thể chúng ta có tại mặt thể này. Nguyên do đâu sản xuất? Chúng ta đã ngó thấy Đức Chí Tôn đến Ngài để trước mặt chúng ta một cái huyền bí tạo Càn Khôn Vũ Trụ.

Bản Đạo thuyết về "Tam Bửu" tức nhiên là:

1. Thi Hải

2. Chơn Thần

3. Chơn Linh.

Đức Chí Tôn gọi chung là xác thân. Chơn thần và Chơn linh, Bản Đạo xin nói quả quyết rằng: Không có một vật loại nào trong Càn Khôn Vũ Trụ này mà không do quyền năng vô tận của Đức Chí Tôn sản xuất. Cái nguyên do thế nào chúng ta đã ngó thấy, vạn vật trong Càn khôn Vũ Trụ này phải hoạt động mãi thôi, không ngừng, nó nhờ hoạt động chuyển luân mà tấn hóa mãi mãi.

Vạn vật trong Càn Khôn Vũ Trụ dù trái địa cầu thấy trước mắt hay địa cầu chúng ta đương cư ngụ đây, phải vận hành luôn, ngưng là chết mà cả vạn vật loài người cũng phải vậy. Nó có lưu động là nhờ khí nổ Thái Cực buổi nọ, Thái Cực nổ thành khối lửa, khối lửa nổ trong Càn Khôn Vũ Trụ hiện ra muôn muôn triệu triệu ức quả địa cầu trong Càn khôn Vũ Trụ. Quả cầu ấy nguội lại thành địa cầu chúng ta đương ở đây, là quả địa cầu 68, quả cầu ấy là vậy.

Bản Đạo nói thật không có vật loại nào, chúng ta Nam, Nữ cũng vậy, cũng đồng trong khối chất ấy mà biến ra, Bản Đạo đứng giữa tòa giảng này, nói tất cả đều chịu

ảnh hưởng Thái Cực đó định mà có. Ngày giờ chúng ta chết, chúng ta trở về Nguơn khí vô cùng vô biên ấy, cũng do nơi quyền năng vận chuyển của Thái Cực. Cái Nguơn Linh của chúng ta cũng do quyền năng Thái Cực mà nó nắm cả Nguơn linh tạo nghiệp ấy trong Càn Khôn Vũ Trụ. Cả cơ quan hữu hình, nó tạo Bí Pháp vô biên là chuyển luân trong Càn Khôn Vũ Trụ hoặc là chuyển luân hình thể, hoặc là chuyển luân Nguơn khí, hay chuyển luân Bí Pháp Thiêng Liêng của Ngài.

Ấy vậy, Bần Đạo khởi giảng trong ba món bửu bối chúng ta là gì? Thi hài chúng ta đồng mạng như sống theo vạn vật hữu hình là vật thú, thật sự nó vậy, chớ không gì khác hết. Nếu chúng ta kiểm theo cái phương pháp “Cách vật trí tri” chúng ta đã ngó thấy quả quyết rằng: Con người chúng ta không có gì khác ~~lớn~~ con khỉ, con chó, con bò, con trâu, thật sự nó vậy.

Duy có một điều trọng hệ hơn hết là do nơi quyền năng Tạo đoạn của Đức Phật-Mẫu đã tạo chơn thần chúng ta và hình thể chúng ta khi con người mới th ai bào. Cái tinh trùng ở trong nguơn khí cha nhập vô nguơn khí của mẹ, khi vào lâm bồn của mẹ thì gặp con âm trùng mẹ, con dương trùng của cha nhập vô âm khích lại với âm trùng của mẹ; dương trùng của cha tạo biến thành hình hài xương cốt chúng ta, còn âm trùng của mẹ chúng ta biến ra máu thịt của chúng ta đó vậy. Hai con vi trùng ấy ôm khít lại với nhau thành tượng biến hình hài.

Hai cái tinh trùng ~~hợp~~ lại khác hẳn với cái hình tượng tinh trùng đơn sơ, khi nhập vào hai con làm một. Cái buổi tượng hình của chúng ta thì chơn thần của chúng ta còn ở ngoài thân, ngoài cốt hài của chúng ta, nó lơ vẩn hoặc là quanh theo bà mẹ chúng ta ở dựa bên, nhứt là bà mẹ đi nơi nào nó đều theo nơi đó. Chơn thần đến theo

người mẹ có chữa, nếu người mẹ có đạo đức dám chắc đi đâu chưa có sự gì rủi ro đến đời thiệt hại, bởi có cho nên đưa con theo mãi, theo cho đến khi tượng hình chúng ta ra khỏi lòng bà mẹ, chơn thần ấy mới nhập vô ảnh hài đó làm khuôn viên cho ảnh hài đó.

Tượng hình khuôn khổ chơn thần Đức Phật Mẫu đã tạo cho nó đi bực Tiểu Hài, nó đi trong thú chất không có chơn thần nào tạo nhứt phẩm liên quan cho trọn vẹn. Họ có can đảm dám đầu kiếp từ vật loại đi lên, tạo đến Phật vị đặng tạo nhứt phẩm liên quan, Phật Mẫu tạo ra họ buộc họ phải quên cả kiếp trước, bỏ cái cũ nhập vô cái mới đi từ Tiểu hài Vật hài đến Nhơn loại, Chơn Linh ấy biết làm người rồi đó, làm cũng như khuôn khổ chúng ta biết vậy.

Ngộ ngĩnh thay nếu chúng ta ngó thấy tinh thần chúng ta đầy đủ đạo đức chừng nào thì chơn thần ảnh hài càng ngày càng đẹp càng tăng tiến.

Bởi thế Tiên Nho chúng ta có nói: rủi sanh chỗ bất phước, Tiên Nho ta cho rằng: Kiếp tu không có dễ dàng, ít có người tu thiệt tâm tu, nếu tinh thần đầy đủ là kiếp sanh mình tạo đầy đủ đạo đức, mỗi kiếp tu của chúng ta mỹ miều đẹp dễ lắm.

Hại thay!!! Chúng ta đã ngó thấy trong nhà Phật chúng ta quả quyết rằng: Những chơn thần nào bị tội đọa xuống Phong đô trong Kim Bồn Phật Mẫu xuất hiện thế nào mà bị đọa xuống cửa Địa ngục rồi hại thay! Quả kiếp ấy quỉ quái thì thành quỉ quái không thoát.

Cả tinh thần ấy biến tướng do Nguơn linh mà ra, vì Nguơn linh không ử quyền năng tạo dựng. Tạo dựng Nguơn linh phát động thế nào, thì Nguơn linh biến động ra thế ấy. Loài người ở tới chừng nào đoạt được Đạo nơi mặt địa cầu này mới thôi.

Kể từ ngày có nhơn loại nơi mặt địa cầu này đến

nay chừng một ngàn năm trăm triệu năm. Nếu đoạt được phẩm vị đó là hơn phẩm chó không phải là dã nhơn, chịu trong phẩm dã nhơn ít nữa một trăm triệu năm, xác thịt họ mới có phương thể dung nạp guơn linh Đức Chí Tôn.

Chơn thần Phật Mẫu đến theo loài người từ b uồi mới tạo ra loài người, còn nguơn linh Đức Chí Tôn đến loài người chừng năm chục triệu năm, nguơn linh có trong thân thể của loài người, Đức Chí Tôn đến sau chó không đến trước như Đức Phật Mẫu. Khi mẹ chúng ta sanh ta ra, nuôi gần năm sáu tuổi cũng chưa biết cha là gì, chưa biết theo cha, nghe hửu nhìn cha là gì, bảy, tám, chín, mười tuổi mới biết. Buồi ban sơ loài người cũng thế đó.

Phật Mẫu sanh ra chỉ biết nuôi nấng theo bực Tiểu Hòi, chó Đại Hòi chưa có. Ngày giờ có Đại Hòi là Đức Chí Tôn giáng linh trong thân thể loài người.

Thánh Giáo Gia Tô nói: Hình hài người là đất, Ngài nắn Ngài thổi ra mới biến người. Không phải vậy đâu. Nếu nói thân thể con người thú chất là đúng duy có Đức Chí Tôn đến ở cùng nó mới là Thánh thôi. Đức Chí Tôn ở cùng nó thì lĩĐại Hòi (Ego) chó không phải Tiểu Hòi (Monad).

Bây giờ ta sống với cái Nguơn linh mà cái Nguơn linh xác thịt ấy là Phật và Thú, Chơn thần chúng ta làm trung gian cho thi hài, làm trung gian ững như làm thông ngôn cho Chơn linh và xác thịt chúng ta vậy.

Bản Đạo lấy cái thí dụ trắng như: Cái máy bay, cánh đuôi và ình là xác thĩ, cái chong chóng quay đi được đó là Chơn thần. Người cầm lái điều khiển cho vận hành là cái linh tánh ỉnh cái sống đặc biệt nó là Nguơn linh.

Bản Đạo nói lại nữa: cái máy bay. Minh, đuôi nó chẳng khác chi như xác chúng ta, chong chóng quay chạy

đó là chơn thần, người cầm máy làm cho máy bay vận hành theo ý người muốn là Nguơn linh đó vậy.

Muốn hiểu Bí Pháp Đức Chí Tôn thì xem cái xác thịt của chúng ta và chơn thần của chúng ta phải chịu ảnh hưởng thế nào thì cái Bí Pháp thế ấy. Linh hồn trùng là chơn pháp, trật là giả pháp.

Kỳ tới Bần Đạo kết vô Bí Pháp Đức Chí Tôn.



Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 15 tháng 08

Kỷ Sửu (Đl 06-10-1949)

XV- BÍ PHÁP LỄ HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ

“Hôm nay là ngày lễ kỷ niệm Bí Pháp, Bí Pháp Hội Yến Điều Trì, Đức Chí Tôn đã lập trong nền chơn giáo của Ngài, Bần Đạo thừa dịp nên thuyết minh cho toàn cả con cái Đức Chí Tôn hiểu rõ cái huyền vi bí mật ấy, bởi có ảnh hưởng với cơ quan đoạt Đạo chúng ta tại mặt thể gian này. Hơn nữa Bần Đạo có phương tiện tỏ ra một đức tin dĩ thường của một Đấng yêu ái, một Đấng tạo Càn khôn Vũ Trụ, Đấng tự hữu, hằng hữu, Đấng quyền năng vô tận vô biên, cốt để cho con cái của Ngài thấu đáo cái tâm tình của Ngài đối với ta và ta đối với Ngài dường nào.

Đoạt đặng đức tin phi thường ấy, năm Ất Sửu tức nhiên năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm (1925), Đức Chí Tôn đến với chúng ta, nhưng Ngài đến với một tình bạn mà thôi, đến với một danh hiệu, giờ phút này Bần Đạo không dám nói. Ngài đến cũng làm bạn Thượng Phẩm và Hộ Pháp. Tháng 12 năm ấy, Ngài dùng cơ bút huyền diệu của Ngài, Ngài dạy vọng Thiên Bàn cầu Đạo (điều mà chúng ta không thể tưởng tượng đây là một cử chỉ) ai cũng lấy làm lạ, nhiều người muốn tầm Đạo phải đề một dấu hỏi, hỏi tại sao buổi ấy Thượng Phẩm và Hộ Pháp có một

đức tin vững vàng nghe theo lời Ngài vọng Thiên Bàn cầu Đạo. Điều mà chúng ta không thể tưởng tượng, đây là một cử chỉ chung chớ không phải cá nhân Thượng Phẩm hay Hộ Pháp mà lời huấn giáo của Ngài cốt yếu để cho toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này nhứt hơn hết là nòi giống Việt Nam chúng ta.

Bần Đạo nói đây: Còn có Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu là người bạn Cao Thượng Phẩm và Bần Đạo buổi ban sơ thấu hiểu điều ấy, Ngài đến với một tình cảm đáo dể, một đức tin vững vàng làm sao đâu? Không thể sợ đặng; không còn biết vị kỷ nhục nhã chi hết. Giữa khoảng đường nơi Châu thành Sài Gòn thiên hạ tấp nập mà Đức Chí Tôn buộc phải quì ngoài đường dựa bên lề ấy, quì đặng cầu nguyện xin Đạo cho chúng sanh, tội nghiệp thay!!! Ngài thử thách cho đến nước thoảng như mình quì đó mà thiên hạ không hiểu mình quỳ làm gì thì cũng ít mắc cỡ chút mà cũng có thể quì, còn làm mà người biết thì nhột nhạt khó chịu lắm, nhưng sợ Đức Chí Tôn phải rán mà làm.

Ngoài ra có ông bạn ai cũng đều biết danh của người là nhà thi sĩ danh tiếng, Bần Đạo dám chắc nội trong Nam Bộ chúng ta đây chưa có ai bằng, nổi danh thi sĩ đứng đầu hết thấy là người ấy, không biết chúng có gì mà người mê thi phú của Đức Chí Tôn quá chừng quá đổi. Đến nước người thuộc lòng thi phú của Đức Chí Tôn rồi người họa lại với Đức Chí Tôn, người làm như mê man vậy. Bần Đạo thì nhột nhạt, duy có sợ mà vâng mạng lệnh thi hành, quyền giáo hóa của Đức Chí Tôn, còn người “Thi sĩ Bồng Dinh” họa theo đó mà ngâm, thiên hạ thấy tẩn tuồng dị hợm tụ lại xem đông lắm. Trước để một cái bàn vọng Thiên cầu Đạo, ngay chính giữa coi bộ dị hợm lắm, Bần Đạo mới gát hai tay lên cho đỡ mắc cỡ, vừa gát tay

lên thì cái bàn quay gõ nói chuyện.

Các Đấng Thiêng Liêng đến không biết bao nhiêu, đến các vị Giáo Chủ cũng xuống giảng dạy chúng ta và làm nhiều kiểu lạ lắm; cũng lúc này Đức Chí Tôn đã giáo hóa khá lâu, các Đấng Thiêng Liêng cũng đến cùng Thượng Phẩm và Hộ Pháp, tuy mới mà đủ đầu óc có một đức tin vững vàng, đức tin ấy có thể nói rằng: Tuy buổi ban sơ mà dường như khối óc đã thâm hiểu nhiều rồi; nên Đức Chí Tôn mới ra lệnh biểu làm một cái tiệc. Ngài dạy sắp đặt cái tiệc ấy để đãi Đấng vô hình; đãi mười người: Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Phần hữu hình có 3 người Thượng Sanh, Thượng Phẩm và Hộ Pháp. Sắp tiệc ấy do tay Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu vâng mạng lệnh tạo thành một tiệc, trên bàn thờ Phật Mẫu, ở dưới sắp 9 cái ghế cũng như có người ngồi vậy. Chén, đĩa, muống, đĩa, bất kỳ cái gì cũng giống như đãi người hữu hình vậy; duy có 3 người có xác thịt là Thượng Sanh, Thượng Phẩm, Hộ Pháp. Bàn Đạo mới hỏi tiệc này là tiệc gì? Ngài nói là Hội Yến Diêu Trì, Bàn Đạo nghe nói vậy thì hay vậy chớ không biết giá trị Hội Yến là gì cả. Nghĩ chắc cũng có ảnh hưởng gì cần yếu đến tương lai của Đạo mà vâng lệnh thôi. Chớ không hiểu nghĩa lý cho cùng cặn gì hết.

Ba người sống đồng ngồi ăn, còn Bà Phối Sư Hương Hiếu gấp đồ ăn để vào chén cho 9 vị và trên bàn thờ cho Đức Phật Mẫu cũng như người sống kia vậy.

Bàn Đạo còn nhớ một chuyện lạ lùng, lúc đó lấy làm kỳ quái không hiểu gì hết, giờ biết Đạo mới hiểu, Đức Chí Tôn buổi nọ lấy một tên riêng đối với Bàn Đạo; bây giờ Bàn Đạo không dám nói lại, Ngài đến làm bạn cùng Thượng Phẩm và Hộ Pháp.

Chừng Hội Yến Diêu Trì rồi các Đấng Thiêng liêng

và các vị Giáo Chủ ra từ già (Thăng) kế Đức Chí Tôn đến nhập cơ. Thượng Phẩm và Bần Đạo tọc mạch hỏi:

- Khi này Diêu Trì Cung đến có Ngài đến ở đó không?

Đức Chí Tôn trả lời:

- Có chứ, ta ở đây từ khi ban sơ đến giờ.

- Ngài có thấy Diêu Trì đến không?

- Có chứ, chính mình ta tiếp đãi!

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Diêu Trì Cung ngó thấy Ngài không?

- Không ngó thấy.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Sao vậy?

Ngài trả lời: Ngài dùng phép ẩn thân.

Bần Đạo tọc mạch hỏi tiếp: - Như đứa em của tôi là Thất Nương Diêu Trì có thể đoạt đăng chăng?

- Đoạt đăng chứ.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Phải làm sao?

Ngài nói: - Phải tu, bằng không tu thì chẳng đoạt đăng.

Bần Đạo hỏi: - Tu chừng bao lâu mới đoạt đăng?

Cái đó Ngài làm thình. Bần Đạo hỏi một năm, năm năm, một ngàn năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm.... Ngài cũng làm thình, rồi thôi không hơi sức nào hỏi nữa, không biết chừng nào mới đoạt đăng, nghe vậy hay vậy. Các vị Nữ Phái rán nhớ Diêu Trì Cung, Bần Đạo có giải nghĩa Hội Yến Diêu Trì là gì rồi đó.

Toàn Thánh Thể Đức Chí Tôn và con cái của Ngài rán để ý cho lắm: Từ khi Đạo bị bế Ngọc Hư Cung bác Luật, Cục Lạc Thế Giới thì đóng cửa nên chúng sanh toàn cả Càn Khôn Vũ Trụ có tu mà thành thì rất ít, bởi phương pháp khó khăn lắm, muốn đoạt Pháp không phải dễ.

Cổ Pháp định cho các chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung hưởng được Hội Yến Bàn Đào tức nhiên hưởng

được Hội Yến Diêu Trì, ăn được quả Đào Tiên, uống được Tiên Tửu mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống gọi là nhập tịch. Ôi thôi! Từ thử đến giờ có ai đăng hưởng, nếu có đăng hưởng cũng một phần rất ít.

Giờ phút này Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài thay vì Bí Pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu đăng hưởng đặc ân Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian này để Bí Pháp HộiYến Diêu Trì tại cửa Đạo này, cho con cái của Ngài giải thoát, ấy là một Bí Pháp Thiêng Liêng duy có tay Ngài định pháp ấy mới đăng.

Hôm nay là ngày Phật Mẫu đem Bí pháp đăng giải thoát chúng sanh, ận độ toàn Vạn linh sanh chúng, Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo này mà thôi.

Hôm nay, ngày Lễ của Ngài mà là cũng ngày trọng hệ trong cửa Đạo; xin toàn cả con cái của Ngài nhớ và để nơi tâm mình, bởi thế năm nào Bàn Đạo cũng để ý đến Lễ của Ngài hơn hết; từ tạo Thiên lập Địa đến giờ chưa có ai hưởng được thời kỳ này, Ngài đến tại mặt địa cầu 68 này đăng tận độ con cái của Ngài. Chúng ta phải chiêm ngưỡng ơn vô biên vô tận của Ngài, chúng ta phải chiêm nghiệm Lễ này để làm mật niệm cảm ơn Đức Chí Tôn và Phật Mẫu ấy là Bí Pháp của chúng ta đó vậy”.

Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 01 tháng 09

Kỷ Sửu (Đl 22-10-1949)

XVI- Bí Pháp đối với ta và đối với Đức Chí Tôn

“Bàn Đạo hứa mỗi kỳ SócVọng thì thuyết Bí Pháp. Hôm nay Bàn Đạo khởi thuyết về Bí Pháp, có nhiều yếu tố Bàn Đạo phải minh bạch ra cho toàn con cái của Đức Chí Tôn hiểu cái sơ yếu của Bí Pháp đối với ta và đối với Đức

Chí Tôn.

Bản Đạo khởi giảng cho hiểu tại sao Đức Chí Tôn mở Tam Kỳ Phổ Độ gọi là mở Cơ quan tận độ chúng sanh? Đức Chí Tôn sai Hộ Pháp giảng thế; tại sao Ngài không dùng cơ bút để truyền Bí P háp cho con cái của Ngài, Ngài chỉ giảng bút truyền cho Hộ Pháp mà thôi, vì có cho nên bạn của Bản Đạo nơi Hiệp Thiên Đài có lắm người thắc mắc về vụ đó. Không có lạ chi; mở cơ quan tận độ chúng sanh tức nhiên là lập một khoa thi sang Tam chuyển tái phục Thiên liêng ị nơi cảnh vô hình; mỗi chuyển tức nhiên mỗi khoa mục của các đẳng chơn hồn cần phải thi đặng đoạt vị: Thăng hoặc Đọa.

Bởi có cho nên Đức Chí Tôn gọi là trường thi công quả là vậy. Đức Chí Tôn cho Hộ pháp và Thập Nhị Thời Quân đến cốt yếu để mở cửa Bí Pháp ấy đặng cho Vạn linh đoạt vị. Cả thấy đều hiểu rằng Đức Chí Tôn buổi mới sơ khai chưa tạo Thiên lập Địa, Ngài muốn cho Vạn linh đặng hiệp cùng Nhứt Linh của Ngài do quyền năng sở hữu của quyền hạn Thần Linh.

Ngài vừa khởi trong mình quyết định thi hành điều ấy thì Ngài nắm cái Pháp. Trước Ngài chỉ là Pháp, vì có cho nên ta để Phật tức nhiên là Ngài, kế thứ nhì là Pháp hể nắm Pháp rồi Ngài phán đoán vạn vật thành hình; Ngài muốn vạn vật thành hình tức nhiên Tăng, cả Vạn Linh đều đứng trong Tăng. Ấy vậy, Pháp là chủ của Vạn Linh. Bởi do nơi Pháp, Vạn Linh mới chủ tướng biến hình do nơi Pháp mới sản xuất Vạn Linh. Cả huyền vi hữu hình Đức Chí Tôn tạo Đạo do nơi Pháp. Chúng ta biết Pháp thuộc về hình thể của Vạn Linh, vì có cho nên Đạo Giáo minh tả rõ rệt Tam Châu Bát Bộ thuộc về quyền Hộ Pháp. “Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn”.

Tại sao gọi Tam Châu Bát Bộ là: Đông Thắng

Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, đều thuộc về quyền hạn của Hộ Pháp, còn Bắc Cù Lưu Châu để cho các phẩm chơn hồn quí vị nó định phận tại nơi đó, định nơi cư trú tại đó. Nó có một quyền năng vô định chẳng cần chỉ giáo, để đặc biệt một Châu cho quí vị ăn năn tu học đăng đoạt vị; ba Bộ Châu kia thuộc quyền hạn Hộ Pháp giáo hóa, duy có Bắc Châu Ngải không thường ngó tới lắm, để cho nó tự do làm gì thì làm, không nhờ đại chịu.

Bát Bộ là gì? Là nơi Bát phẩm chơn hồn chớ có chi đâu. Tám hồn là gì: Là Vật Chất hồn, Thảo Mộc hồn, Thú Cầm hồn, Nhơn hồn, dĩ chí cho đến Thần, Thánh, Tiên, Phật. Tám bộ ấy thuộc về quyền hạn Hộ Pháp Thiên vị nơi Đức Chí Tôn gọi đến tạo cơ quan tận độ chúng sanh không còn ai khác hơn Hộ Pháp, chính Hộ Pháp trách nhiệm ấy.

Hạnh phúc thay cho nhơn loại! Hạnh phúc thay cho Vạn Linh! Đức Chí Tôn đã đem một hồng ân tối đại để nơi mặt địa cầu 68 này. Tại sao Đức Chí Tôn giao cho Hộ Pháp? Bần Đạo nói thật giờ phút nào Bí Pháp duy chủ quyền Đạo là giả tướng mà thôi, không có chơn thật gì hết. Nếu chúng ta tu mà không đoạt Pháp được tức nhiên chúng ta không giải thoát đăng, thì kiếp tu chúng ta không hữu ích chi hết.

Đức Hộ Pháp đến cốt yếu đem Bát phẩm chơn hồn thăng vị: nhiều hoặc ít, có thể một đẳng cấp từ vật chất Hộ Pháp đem lên Thảo mộc, Thảo mộc đem lên Thú cầm, Thú cầm đem lên Nhơn loại dĩ chí Phật vị, Hộ Pháp có thể chỉ định cho họ đăng. Bởi trong quyền ấy Đức Chí Tôn nói trọng quyền thì trọng phạt. Quyền hành nắm chẳng phải nơi mặt thể gian này mà thôi, Hộ Pháp và Thập Nhị Thời Quân, không phải quyền tại thể gian này, quyền nơi cửa Đạo Cao Đài này, cũng không phải tại đây nữa. Bần Đạo

nói đây là quỳ n Đạo Cao Đài cả Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cao Đài Đại Đạo cảnh vô hình kia y như lời Tiên tri của Công Giáo tức nhiên Thiên Chúa Giáo nói: Trên nước Thiêng Liêng Hằng Sống kia Đức Chí Tôn gần đến và đã đến, đến thời buổi này, ấy vậy bây giờ chúng ta tìm coi cái tương liên chúng ta đối với Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn biểu chúng ta làm gì, và chúng ta đã làm gì?

Đức Chí Tôn muốn ta làm thi hài hữu hình của Ngài, tức nhiên Ngài đến lập Thánh Thể của Ngài là Hội Thánh. Hội Thánh của Ngài để thay hình ảnh cho Ngài. Muốn thay hình ảnh cho Ngài thì phải đổi cho Ngài cái gì? Ông đem cơ gĩa thoát, đem phẩm vị Thiêng Liêng cho chúng ta, đem tận nơi tay cho chúng ta đặt chúng ta định vị. Rồi Ông đòi chúng ta đổi chọn cái gì? Ông đòi chúng ta đem đổi ba món báu là “Tam Bửu” là Tinh, Khí, Thần. Cái liên quan mật thiết Tinh, Khí, Thần là gì? Đối với thi hài chúng ta nó bảo trọng thể nào mà Đức Chí Tôn đòi đó mà thôi? Nếu không có nó chẳng hề khi nào Đức Chí Tôn tạo thành Thánh Thể của Ngài đặt. Ngài lấy ba cái vật tí như ba món báu trong mình chúng ta; Hoa, Ngài như thân thể chúng ta; Rượu, Ngài tí như trí thức tinh thần khôn ngoan của chúng ta; Trà, Ngài tí như linh hồn của chúng ta, mà thật ra trong mình của chúng ta có ba món ấy là báu mà thôi.

Ngộ ngĩnh thay chúng ta nên để ý điều này: Đức Chí Tôn biểu chúng ta mỗi ngày phải dâng ba món ấy ba món trọng hệ hơn hết là Tinh, Khí, Thần. Thường ngày chúng ta chỉ lấy Khí, Thần dâng mà thôi, còn Tinh thì Tiểu Đàn hay Đại Đàn mới có. Ngài chán biết thi hài của chúng ta chẳng phải chúng ta làm chủ nếu đòi quả quyết nó thì nó đi đặt phụng sự cho Vạn Linh thì không có làm gì được

nên Ông không buộc mà để cho nó có quyền tự do định phận của nó. Nội bao nhiêu đó chúng ta cũng ngó thấy cái lòng Đại Từ Đại Bi của Ngài đến thế nào. Thể chất kia mà Ngài không ràng buộc không ép bức để cho nó định phận, tưởng coi ai có nhân từ đến mức đó không?

Kỳ tới Bàn Đạo sẽ giảng tiếp về trí não và tâm hồn như thế nào”.



*Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 30 tháng 10 năm
Kỷ Sửu (19-12-1949)*

XVII- Cái sứ mạng để dung hòa Đời với Đạo

“Đêm nay Bàn Đạo đình thuyết Bí Pháp, cái nguyên do thế nào Bàn Đạo xin minh biện ra. Vả chăng, chúng ta đương ở trong hoàn cảnh náo nhiệt, vì hai thuyết duy tâm và duy vật đương chiến đấu với nhau, chúng ta dầu Chúc Sắc Thiên Phong hay là mấy em nam nữ cũng thế, là một phần tử trong Thánh Thể Đức Chí Tôn. Ngài đã tạo tinh thần chúng ta, vì sự thương yêu của Ngài, Ngài lập thiên vị tại thế này cho con cái thương yêu của Ngài, Ngài biểu chúng ta ký Hòa-ước với Ngài, để thay thế hình ảnh cho Ngài, đem hết tinh thần từ bi công chánh của Ngài, đối với Vạn Linh, tức nhiên chúng ta phải thay thế hình ảnh cho Ngài, dung hòa Vạn Linh hiệp với Chí Linh, tức nhiên Ngài cho ta cái sứ mạng để dung hòa Đời với Đạo.

Cái lý thuyết duy vật, là cái lý thuyết sống của đời, còn cái lý thuyết duy tâm phải chăng là cái sống của Đạo. Đáng lý ra chúng ta phải tòng bên mặt duy tâm thì mới phải, bởi chính mình chúng ta có sứ mạng thay thế vị chủ của duy tâm tức nhiên chúng ta phải ngã bên mé duy tâm hơn hết, vì đã có ký hòa ước với Đấng Chí Linh kia giữ

công chánh đặng dung hòa tinh thần Đời với Đạo, vì mức công chánh ấy chúng ta không nên nghiêng đổ đó vậy.

Chúng ta tìm tòi, chúng ta định lụng lại, là có cái lý do này, Đạo Cao Đài không cần dùng mê tín dị đoan là cho sự tín ngưỡng đặng mạnh mẽ của nó. Chúng ta không cần trái ngược lụng lại, đem hết triết lý chơn thật để lại thế này mà thôi. Bởi vì dối trá dầu cho Đạo hay Đời, trường dối trá ấy đã làm cho cơ thể Tạo Đoan nghiêng ngửa. Chúng ta không cần xu hướng, theo cái dối trá thường tình nữa, chúng ta phải tiêu diệt cái dối trá ấy. Lại nữa trong hoàn cảnh chúng ta đương làm trung gian giữa Đạo và Đời, chúng ta chẳng nên mượn thể lực mê tín dị đoan để làm khiếp phục đặng quyết thắng tà quyền đương làm tinh thần loài người điên đảo, một trường ngôn luận xù xì đã kiếm thể hèn tiện của thiên hạ đang tính tạo thành một phản động lực đặng làm mất giá trị của nền chơn giáo Đức Chí Tôn. Bần Đạo nói thật, muốn đánh tiêu cả sự dối trá, gian ngược ấy, chẳng phải dễ, người có thể làm cho thiên hạ mê tín dị đoan được là Bần Đạo, mà Bần Đạo không làm. Bởi vì Bần Đạo coi sự làm ấy hèn tiện và vô đạo đức, Bần Đạo chỉ lấy một triết lý chơn thật của Đức Chí Tôn để giáo đạo cho con cái của Ngài mà thôi.

Bần Đạo duy muốn làm bạn với con cái Ngài, nên phẩm vị Phật Sống của Đức Chí Tôn để cho Bần Đạo, mà Bần Đạo chưa có ngời. Ấy vậy mê tín dị đoan trong cửa Đạo Cao Đài không có và không cần có, quả quyết hẳn vậy, nên đình lại bí pháp chơn truyền, nếu thuyết ra là lấy cái quyền năng mê tín dị đoan mà thắng thiên hạ là một điều hèn nhất nên Bần Đạo không dùng, để khi nào dùng được Bần Đạo sẽ dùng. Bần Đạo hứa chắc sẽ giáo hóa cho con cái Đức Chí Tôn

mà thôi.

Bây giờ Bàn Đạo xin thuyết “Ý vị và ý nghĩa lý sống của con người”. Và chẳng, chúng ta đến với một phần xác ở tại thế này, chúng ta phải biết cái sống của nó có ý vị gì? Đã sanh đứng làm người sống tại mặt thế gian này, chúng ta nên tìm hiểu cho thấu đáo cái ý vị của cái sống ấy và cái ý nghĩa của nó thế nào trước cái đã . Vì thế mà từ Thượng Cổ đến giờ tinh thần loài người vẫn đeo đuổi mãi mà thôi, vì có cho nên tượng trưng các hình tượng, các nền Đạo, các Tôn giáo.

Chúng ta quan sát cả triết lý của cái sống phải có lý do nào? Sống đương nhiên của chúng ta có hai cái sống:

1- Sống về vật chất, mà nói rõ ra sống về phương pháp thú chất.

2- Sống về tinh thần, tức nhiên sống về phương pháp hiển hách, anh linh của nó, chúng ta thấy có hai cái quyền năng ấy, nó tương tranh với nhau mãi mà thôi. Vì có cho nên mới nảy sanh ra thuyết duy tâm và duy vật. Chúng ta thử nghĩ do lịch sử của loài người, thì chúng ta biết loài người như đã nói cái thuyết kia là phải “Connais-toi, toi-même” Nghĩa là: "Người biết người hơn hết". Mình muốn biết mình đang chi? Đang tìm hiểu cho thấu đáo cái nghĩa lý sống của mình.

Chúng ta ngó thấy Thượng Cổ, bọc cổ nhân, nhứt là hạng vĩ nhân. Dân Âu Châu thì có Socrate cũng trong thời đại nhơn sanh đó, chính Ngài lấy thuyết Đấng Chí Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ, cái thuyết làm cho phản động lực coi Ngài như kẻ thù nghịch đến nước, cái quyền năng buổi nọ coi mạnh mẽ thế nào? định tử hình Ngài, cho Ngài lấy chén thuốc độc mà tự tử. Khi giam Ngài trong ngục, Ngài có phương tể hội đàm với các nhà triết học. Tới giờ chúng đem chén thuốc độc đưa trong tay của Ngài bị ều

Ngài uống. Ngài bung chén thuốc độc ấy để từ giã các bạn của Ngài mà Ngài nói như chơi vậy.

Ngài nói: “Tôi biết rằng Ngoài cơ thể Tạo Đoan của đời này nó còn có cơ quan vô hình tối trọng kia, tôi đã quả quyết rằng có, thì cái chết này ta mong lắm chớ, giờ phút ta cầm chén thuốc độc này ta uống thì ta sẽ được hội hiệp với các vị hiền triết được làm bạn với họ thì có gì hơn” Nói rồi Ngài bung chén thuốc độc Ngài uống.

Giờ chết của Ngài, giờ ngất mình của Ngài thì môn đệ của Ngài hỏi: “Ngài chết đây rồi Ngài sẽ đi đâu? hay sẽ làm gì ?”.

Ngài cười nói: “Ta chưa biết, ta sẽ làm chúa cả cơ thể Tạo Đoan này, để điều đình cả cơ quan vĩ đại của Càn Khôn Vũ Trụ hay ta sẽ làm chơn của con châu chấu, dẫu thế nào cũng có Đấng cầm mực thước định cho ta làm cái gì, thì ta làm cái ấy”. Cái chết đối với Ngài không có nghĩa lý gì hết.

Đức Lão Tử khi đạt được bí mật của Bát Quái Đồ rồi, Ngài từ giã nhà Châu, Ngài về Côn Lôn Sơn mà an nghỉ, môn đệ của Ngài hỏi: Ngài về Côn Lôn Sơn để làm gì? Có hạnh phúc hay không? Ngài trả lời: “Duy có cái biết của ta mà nó làm cho ta có cái thú vị sống đặc biệt riêng, không cần nói rõ hạnh phúc ấy ra thế nào? Nhưng ta chỉ nói rằng: cái biết của ta nó làm cho ta hưởng được thú vị an ủi của cái sống ấy”.

Đức Khổng Phu Tử từ giả quan trường về giáo Đạo cho các môn đệ của Ngài, thiên hạ gọi là vô phước, mà cảnh thiết vô phước của Ngài là lúc làm quan cho nhà Châu, làm quan cho nước Tề, nước Yên, và lúc châu lưu trong lục quốc.

Bây giờ Ngài về sống với thất thập nhị hiền, tam thiên đồ đệ của Ngài, là Ngài hạnh phúc hơn hết, vì Ngài

biết thú vị cái sống của Ngài thế nào, cái sống của Ngài vui về Đạo mà thôi.

Giờ trái ngược lại, sống chúng ta ngó thấy trước kia sống của Tần Thủy Hoàng, sống như Sở Bá Vương, hai tay trắng lập nên nghiệp đế, đè ép cả tinh thần dân chúng buổi nọ, vị Chúa của họ tàn sát tàn ác không có điều chi mà họ không làm, quyền hành của họ tàn sát lẫn.

Cái sống của Tần Thủy Hoàng thế nào?

Dòm lụng lại, thấy cái chết của Ngài, Ngài than: Cái tài tình thâm ả nghiệp Đế ta thắng đư ợc, duy có cái chết ta thắng không được, vì thế mới cho người đi kiếm thuốc trường sinh bất tử, mê tín đến nước người ta cho ăn dái ngựa mà cũng ăn nữa, ăn đặng sống mà anh ta cũng chết.

Nã-Phá-Luân đã được cơ hội làm nên nghiệp đế, hồi buổi đó làm cho cả toàn dân Âu Châu, các nước chư hầu đều cúi đầu hết thảy, đến chừng chết, chết trong ngục Le Saint Hélène.

Ông vua giàu có sang trọng hơn hết là Louis (XIV) thiên hạ hồi thế kỷ đó cho Ông là vua Trời "Le Roi Soleil" cả thiên hạ đều tòng phục, kính trọng, kiêng nể, Âu Châu buổi nọ, có thể nói Ngài là một Vị Bá Chủ của thiên hạ, không có cái gì mà anh ta không có, "Phủ Hư Tứ Hải" sang trọng vô biên có một điều là đền Vua của Ngài "Palais Louis XIV quân lính canh ững bảy vòng, cấm cái chết vô trong Hoàng Gia của Ngài mà không đặng, chết cả con cháu của Ngài cho đến nỗi gần hết trong Hoàng Gia. Rốt chuyện Ngài truyền ngôi báu lại cho đứa cháu nội mà thôi. Ngài than ằng: Hại thay! Hoàng Thành của ta mấy vòng canh nghiêm ngặt mà không cản được cái chết đến nhà ta.

Chức vị sang trọng của mình sống như cọp vậy, bắt

được thịt ăn cho đã rồi nằm ỳ ra đó ngủ mà chúng cũng không cũng sợ, nhưng chúng chưa biết thương, sống như cá Ông không ai lấy, mà chiếc ghe nào chìm thì cá Ông cũng đỡ. Cái sống con cộp không có ai thờ, còn cái sống của cá Ông có người ta thờ.

Hai cái sống đặc biệt ấy là cái sống duy vật và duy tâm. Bàn Đạo tả ra cho con cái Đức Chí Tôn mỗi người lấy đó mà suy gẫm”.

Kết luận:

“Chúng ta thử hỏi, một người tượng trưng tinh thần của một dân tộc, tinh thần đạo đức cho nước Việt Nam đã có sứ mạng đem tinh thần đạo đức ấy cứu khổ cho thiên hạ, sửa lại cái hành tàng hung ác của người đời cho thành giọt nước Thiêng liêng của Đức Chí Tôn, nước Thiêng liêng đạo đức của Ngài gọi rửa con đường Thánh Đức cho sạch sẽ đừng cho nhơ bẩn, ấy là nước Chí Thánh ủa Ngài, cầm giọt Cam-lồ đem rưới khắp toàn thể con cái của Ngài tức là cả chúng sanh nơi mặt địa cầu này, người ấy còn phải làm thế nào hơn?”

Một người Thầy giỏi mới tạo được trò hay

Một nền Tôn-giáo phải có đủ Tinh-thần làm căn bản và một Giáo-chủ sáng-suốt mới mong lãnh đạo một Tôn giáo toàn cầu .

Đức Hộ-Pháp nói:

“Đức Chí-Tôn mở Đạo đem lòng Thương -yêu vô tận của Ngài, Ngài đến chung sống cùng con cái của Ngài. Theo luân-lý thường tình của ta, một ông Cha cực nhọc đi đến tìm con, bao giờ lòng Thương-yêu vô tận ấy cũng trên hết mọi tâm tình. Chính mình không có kẻ đưa con nào nên, đưa nào hư, đưa nào hèn, đưa nào sang, không kể gì cái đó hết thấy. Vì có cho nên Đức Chí-Tôn mở Đạo, Ngài

ôm cả con cái của Ngài vào lòng, theo thể Bản-Đạo ngó thấy hiển-nhiên rằng: Đức Chí-Tôn không kể Nguyên nhân, Hóa-nhân, Quĩ-nhân gì hết.

Bằng có khi nọ có một người đàn bà, Bản-Đạo không nên nói tên ra làm chi, đội sớ quì mãi đến bãi đàn, Tôi không biết xin điều gì, quì đến bãi đàn, đội sớ quì như vậy từ đàn này đến đàn khác, theo đuổi giới-dẫn siêng năng lắm. Ngày nọ, đến cái đàn chót Đức Chí-Tôn kêu tên người đó rồi hỏi:

- Con muốn lắm sao con ?

Người kia thăm vái cái gì không biết, Đức Chí-Tôn nói:

- Thôi, phong cho con chức Giáo-hữu đó !

Thành thử ta ngó thấy rằng: Giá-trị của chức Giáo Hữu chẳng có gì hết! Bất kỳ ai cũng cầu được, đem vô cái thể của Ông với những phần tử vô-giá-trị, làm cho Đức Lý buổi nọ cảm quyền Thiêng-liêng mới Đạo Ngài khổ-não không biết sao luận được.

Buổi nọ Bản-Đạo không hiểu gì hết. Đức Chí-Tôn đến ban sơ mở Đạo, **Đại-Từ-Phụ đòi truyền Bí pháp cho Bản-Đạo đi thôi**, còn về Thể-pháp thì Hội-Thánh không biết chi hết. Nội Bí-pháp không, Đại-Từ-Phụ đã truyền giáo, Ngài mở Đạo tại Từ-Lâm-Tự đến ngày khai đàn, Bản-Đạo cười sống, cười chết, cười lộn mặt, cười quên đầu quên đuôi hết ráo. Bởi có cho nên quì lộn, cho đến chừng bị rầy cam chịu, bơ-bơ có biết gì đâu !

Về Thể-pháp, Bản-Đạo bị chê, Đức Lý phiền biết bao nhiêu. Bản-Đạo không dám mở miệng nói gì hết, lại một nỗi Phật-Mẫu và Đại-Từ-Phụ đem quyền Chí-Tôn, Bát-Quái-Đài duy có một Ông mà thôi !

Còn quyền Chí-Tôn Thánh-Thể hữu-hình, Ông hỏi lấy ai hiệp một mới đương đầu với Ông? Tức nhiên Hộ

Pháp, Giáo-Tông hiệp một cùng nhau: hai quyền ấy mới nắm quyền Chí-Tôn của Ngài.

Ngẫm ra, buổi nọ Đức Lý nói với Bàn-Đạo: theo Ngài phải hay theo Đức Chí-Tôn phải ?

- Theo Đại-Từ-Phụ chắc hẳn !

Bàn-Đạo nói thiệt, chẳng hề Bàn-Đạo nghe theo Đức Lý đ̣ợc, Thánh-thể của Đức Chí-Tôn hồi buổi đó không có giá-trị, không trật-tự, họ chia phe phân phái, họ còn phe đ̣ợc ảng dữ lắm, mạnh đ̣ợc yếu thua, thể-lực dữ lắm, không có cái gì thiếu, làm cho Thánh-Thể Đức Chí-Tôn buổi nọ dơ bẩn làm sao đâu! Không thể tưởng-tượng đ̣ợc !

Đức Lý-Giáo-Tông hội Chư Thánh, nhưng đ̄ương đầu với Đức Chí-Tôn chẳng dám. Vì lẽ đó, họ chia phe phân phái, lập đ̄ảng. Ngài thấy tình cảnh như vậy, Ngài mới biểu Bàn-Đạo xuống tại Thủ-Đức trong 7 tháng, Bàn-Đạo chung sống cùng Ngài đ̄ặng cho Ngài truyền Thể pháp.

Giờ phút này Bàn-Đạo đ̄ứng tại Tòa giảng đ̄ây tưởng-tượng nhớ đến tâm-tình ấy thấm-thiết biết bao nhiêu! Nồng-nàn mà nói, không có một điều gì sơ-sốt: chỉ đủ mọi hành-tàng, rành-rẽ chi tiết hết.

Bàn-Đạo vừa biết rồi Đức Lý liền từ chức, không làm Giáo-Tông của Đạo trọn ba năm nữa vậy.

Khi Bàn-Đạo ở Thủ-Đức về:

Đức Lý đặt một đ̄àng, Ngài biểu theo Ngài chỉnh đ̄ốn Hội-Thánh lại.

Một đ̄àng Đức Chí-Tôn nói: đừng nghe Lý-Thái Bạch nghe Phạm-Công-Tắc !

Một đ̄àng kéo, một đ̄àng ừ; làm cho Bàn-Đạo không biết đ̄ường đi ch̄út nào; thất-thor thất-thưởng, mất linh-hồn, muồn nửa tỉnh nửa say. Ngài đến 11 giờ, Ngài

viết cho đến 4 giờ sáng, chỉ rành-rẽ thế nào, nhưt là Ngài biểu Bàn-Đạo hiệp cùng Ngài cho có quyền Chí-Tôn hữu hình tại thế này:

Hiền-hữu muốn cho Đạo Cao-Đài ồn t ồn-tại hay nghe lời Đức Chí-Tôn để cho nền Đạo phải mất ?

Bàn-Đạo cứ nghĩ-nghĩ, đó rồi Đức Chí-Tôn đến; thật sự Ông già hơi buồn thật, Ngài nói:

- TÁC ! con sửa-soạn đăng làm Lễ đăng điện cho Đức Lý-Giáo-Tông đã nghe! Rồi có Ông ở đó Ông nghe Đức Lý-Giáo-Tông cảm quyền.

Đức Lý, Ngài biểu Thiên-phong Chức-sắc Cửu Trùng-Đài, Hiệp-Thiên-đài lập Cửu-Trùng-Thiên để Ngài đăng điện, khi Ngài đăng điện rồi, Ngài cầm cây viết Ngài viết bài Diễn-văn đăng điện cho tới tận thế sẽ không có vị Giáo-Tông nào làm một bài Diễn-văn hay như vậy. Bài Diễn-văn của Ngài vạch rõ tinh-thần, con đường hay ho làm sao, nhưt là bài Diễn-văn đó cho cả Hội-Thánh hay rằng:

“Kể từ khi Ngài cảm quyền Giáo-Tông đây, các người ấy dùng Ý CÔNG KHI LỊNH, Ngài chẳng hề tha thứ bao giờ”.

Ngài nói một đàng về hữu hình, chính mình Bàn Đạo chưa thấy Ngài làm gì đư ợc nhưng về vô-hình Ngài trùngthanh bí-mật huyền-linh không thể tưởng-tượng đư ợc. Khéo là cái làm Ngài không lợi dụng, chính Ngài dùng quyền hành Thiêng liêng trùngthanh độc lập mà thôi. Duy có Ngài làm, Bàn-đạo không biết !”

1- Tinh-thần của Đấng Giáo-chủ.

Đức Hộ-Pháp nói:

“Lấy Nhơn-nghĩa đối với bạo tàn, lấy tâm ưu ái trả thù hận, ấy là tâm Phật, phải tâm chí Thánh mới làm đặng.

Bản-Đạo làm đặng, đặng chi?

- Đặng nêu cao tinh thần Đạo Cao-Đài này lên như Chí Tôn muốn.

Lẽ thì đem hung bạo trừ hung bạo, theo thường tình thì mới vui lòng, thỏa mãn tâm phàm của Phạm Công Tắc thì ắt vui mừng lắm chớ. Nhưng Hộ-Pháp vì bất hại cho tương lai nước nhà, nên cầm cây huệ kiếm đưa ra, lấy tâm lý yêu ái đối lại với oán ghét, cốt yếu làm cho nhơn loại, làm chứng rằng chơn truyền của Đạo Cao Đài là hườn thuốc "Phục sinh hòa bình" cho nhơn loại. Quốc dân Việt Nam làm đặng thì toàn cầu mới làm đặng. Ai cầm huệ kiếm ấy đặng, thì họ cứu nước họ đặng, cũng như Việt Nam đã cứu nước Việt Nam vậy”.

(Ngày 01-giêng-Mậu Tý (dl. 10-02-1948)

-Trách-vụ của Người đứng trong trời đất:

Phải đạt đức làm Chúa:

“Con người sanh ra phải biết trách vụ của mình, trong tiểu gia đình hay đại gia đình cũng vậy. Người ở gia đình chỉ xưng mình là con, vì có Jésus Christ chỉ xưng mình là con của Người (le fils de l'homme).

Ôi! Chỉ làm người mà được thành nhơn thì hiểu giá trị của nó thế nào? Văn-minh Nho-giáo hiểu giá trị làm người ấy khó khăn lắm, khó mà mình biện được: "Vi nhơn nan, vi nhơn nan" (làm người khó, làm người khó). Tổ tổ vi nhơn nan (làm người rất nên là khó).

Mong làm người cho xứng đáng là người trong gia đình là khó khăn lắm, mà hễ làm người để diu đỡ được gia đình, tức là Chúa gia đình đó;

Mình là người mà nâng đỡ được quốc vận, là Chúa của quốc gia.

Giờ ta thử hỏi: Một nền Tôn-giáo đem tâm lý lài người hiệp một lại là một điều đứng trên cái mức đại gia

đình đó. Làm người chủ xứng đáng của gia đình đã là khó, làm người chủ xứng đáng của quốc gia lại càng khó, rồi làm người chủ xứng đáng của một nền Tôn-giáo không phải dễ. Hễ làm chủ được xứng đáng, thì đối với nhơn quả, ta chỉ có nhơn mà không còn quả nữa.

Người đã đem thân này ra làm Chúa gia đình, không còn là mình nữa mà là bậc tiền bối;

Người đáng là người Chủ của một nước là bực Thánh nhơn,

Người đáng là người Chủ một Tôn-giáo ấy là vị Phật.

Ấy vậy, chúng ta muốn quan sát một Tôn-giáo nào được gọi là Chánh-giáo, thì Tôn-giáo đó phải đủ yếu-điểm tạo nên người chủ của nó đặt điều đỡ các phần tử của Đạo ấy, đủ hạnh kiểm, đủ quyền năng. Phải cao thượng hơn sự thường tình, đi cho vững trên con đường hằng sống mới xứng đáng là Chủ của Đại gia đình Càn Khôn Vô Trục.

Cả phương pháp không mực thước quyền hành để đạt đến địa vị chúa một Tôn-giáo thì không phải chánh đạo. Ta đã thấy gì?

Đạo Cao Đài có không? Ta suy xét coi: Có hẳn! Nếu con đường ấy, kẻ nào cố gắng thì nên người làm Chúa nền Tôn-giáo của Chí-Tôn đã tạo sẵn, có mực thước, chuẩn thẳng, phép tắc, để cho người lập nên địa vị

(Ngày 3 giêng Mậu Tý - dl. 12-02-1948)

Nhân-loại được diễm phúc được Đức Chí-Tôn lựa chọn một Đấng Giáo chủ hữu hình là Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc thật đức tài vẹn-vẻ để đứng ra làm Chúa của một nền Tân Tôn-giáo như Cao-Đài Đại-Đạo này mới đứng vững trong bảy trăm ngàn năm tuổi Đạo. Đức Chí Tôn đến, Ngài muốn cho nhân-loại đều biết làm Chúa.

“Cả nhơn loại đều học làm Chúa toàn cả gia đình:

Được làm chủ một tiểu gia đình, tức là một tông tộc là một vị Hiền tại thế rồi,

Được làm chủ một đại gia đình là Quốc gia, là một vị Thánh nhơn.

Được làm chủ một số Quốc gia hiệp lại như Hiệp Chúng Quốc tại Mỹ Châu như Washington,... chẳng hạn, là một vị Tiên,

Được làm chủ tối đại gia đình tức nhiên làm chủ toàn thiên hạ, một nền Tôn-giáo là một vị Phật. Thề pháp của Đạo Cao Đài có khuôn khổ tập cho nhơn loại đi đến mục đích trong luật pháp của một nền Chánh-giáo.

2- Kết luận về Bí-pháp:.

“Vả chẳng Chí-Tôn sanh chúng ta là **ngự** cho chúng ta là người, cho chúng ta nhưt Điểm Linh quang tạo hình ảnh mỗi cá nhân. Ngài định phận sự tối trọng yếu của Ngài và **đầu** chúng ta thật hành cho ra thiết tướng, nghĩa là: Làm thế nào đặng làm Chúa vạn vật hữu vi cho Ngài. Hễ giao phận sự thì buộc phải đảm nhiệm luật pháp cũng như sai ai thế hình ảnh cho mình đến nơi nào, làm phận sự gì cần đưa chương trình đặng thi thố ra sao cho thành đạt. Trong chương trình có **phươ** ng pháp hành vi, **ức** nhiên Luật pháp của Đức Chí Tôn muốn buộc loài người đạt đức làm Chúa vạn vật, định pháp vô hình tức nhiên định Thiên điều.

- Thiên điều là luật.

- Pháp là quyền năng thưởng phạt Nhơn quả.

Không **lạ** gì, chúng ta thấy thế thường, con người không làm thì không có nên **lạ**, còn lãnh trách vụ thì nên hư đặng thất. Nên hư đặng thất của con người là một tấn tuồng nơi mặt thế. Ta nhận thấy mang thi hài, xác thịt, khối chơn linh chịu mờ ám, chỉ biết sống phải hiểu nghĩa vụ mình, không phải sống đặng thừa hưởng, từ khi lọt lòng

mẹ thì đã mang một mối nợ trần. Hễ mắc nợ thì phải trả, mà trả cho ai? Khởi trả cho gia đình trước. Ai là người làm trọn đạo gia đình cũng khó lắm rồi, biết bao nhiêu trở lực, quả kiếp trước tái diễn lại, phải vay trả kiếp sau. Vay vay, trả trả, chẳng khác anh lái buôn kia trong đường đi. Muốn học làm chúa vạn vật cũng phải nhiều đường lối gay trở khó khăn.

Nếu Bần-Đạo không vì chủ đặng đề nên con vật này, chỉ biết sống như con vật thì đã quên hẳn mình là gì, chẳng cần luận, đương nhiên nhơn loại lâm vào cảnh vay trả như anh lái buôn bị gian lận nhiều nên bán lỗ, ấy là nhơn. Đi chuyến khác nữa may mua rẻ bán được mắc thì được lời. Lời lỗ là con buôn nơi trường đời. Ta thấy giờ nào chúng ta chẳng còn buôn lấy lời cho chúng ta hưởng mà là buôn cho Ông chủ hưởng, ngày ấy chúng ta không sợ lỗ lời. Nhơn quả cũng thế, ngày giờ nào ta chẳng còn là ta mà còn trong gia tộc ta, ngày giờ nào ta chẳng còn là ta mà còn cho nhơn loại, ngày ấy là ngày giải thoát.

Mình không vay đi ai, mình chỉ cho mượn thì mình ắt giàu. Ngày giờ nào mà lời lỗ mình không chịu trách nhiệm chỉ sống về nghề nghiệp của mình mà thôi, thì mình ắt không ăn thua chi với ai tất cả. Đức Chí Tôn cũng thế, ngày giờ nào con cái của Ngài lấy hiếu đối với Ngài, nuôi nhơn loại về tinh thần và vật chất đó là cơ quan đạt đạo, chúng ta cho vay mà không thiếu, ấy là ta tự giải thoát.

3-Ta thử hỏi cả Bí pháp của Đạo Cao Đài có như vậy chăng?

- Có chứ! Kia cái Cửu Trùng Thiên Chí-Tôn đem phô bày ai mặt thế này đối với Cửu phẩm Thần, Tiên, không còn ai chối đặng, ai đi trọn thì được giải thoát. Ngồi

Giáo-Tông môi giới hay thiệt? Chính Anh Cả chúng ta đã ngồi được. Ai làm được vậy chẳng? Làm được chớ! Nếu có kẻ nói mắc lo gia đình, không thể lo Đạo được là phi lý. Đạo là trường học đạt đại gia đình, Đạo là trường thi lập vị, sao lại làm không được? Tại làm biếng học! Học đặng hành. Nên hư do tại mình, không phải do Chí-Tôn và cũng không phải tại Đạo.

Tôn-giáo nào không đ được Cửu phẩm Thần, Tiên dưới thế này, thì trên Cửu Thiên kia không hề đạt vị được. Ấy vậy, về mặt bí pháp Đạo Cao Đài là rõ ràng một nền chánh giáo của Chí Tôn vậy.”



CHƯƠNG V TAM BỬU

“Trọng giá của TAM-BỬU mà CHÍ TÔN ưa chuộng để dâng Đại Lễ cho Ngài là nguyên-nhân chấm dứt cái hoạ tranh thù đã gây nên tường oan-nghiệt cho toàn thế-giới (Đức Hộ-Pháp)



Giá trị của Tam Bửu là gì?

Đền Thánh đêm 30-02-Nhâm Thìn (dl 25-3-1952)

“Đêm nay nhân dịp V ía của Đức Cao Thượng Phẩm, **Bản Đạo giảng nghĩa lý cái giá trị Tam Bửu là gì?** Sẽ chỉ rõ Hội Thánh đối với Đức Chí Tôn là gì?

Vả chẳng từ Thượng Cổ tới giờ, loài người bao giờ cũng thờ Đấng Tạo Hoá ra Càn Khôn Vũ Trụ. Tuy lúc Thượng Cổ tâm đức của loài người vẫn đơn sơ, họ chỉ tưởng niệm một điều là họ biết thờ cái Đấng đã tạo đoan ra Càn Khôn Vũ Trụ. Họ đồng sống trong ấy, họ chỉ nhìn nhận cái quyền lực ấy mà thôi. Khi ấy họ không biết người của Đức Chí Tôn là gì? Mãi tới sau mới có Đấng đã nói rõ, chỉ hình rõ rệt Đại Từ Phụ của Vạn Linh là Đức Chí Tôn, Đấng đã vạch rõ ra đã thiết hình ảnh của Ngài là Đức Chúa Jésus Christ. Trong tam bửu nó hình trạng những vật quý hoá của loài người đã hiến dâng cho Đức Chí Tôn đó vậy.

Trước kia, hồi buổi ban sơ thì con người chỉ dùng các lễ vật mà họ gọi là quý trọng hơn hết dâng cho Đấng

ấy, mà lễ dâng của họ không có xa hơn nghĩa lý Tam bửu, Bàn Đạo sẽ giảng rõ tỷ như: Lúc Thượng Cổ người ta đã dâng cho Đức Chí Tôn đã có những gì? Cái vật dâng cho Đức Chí Tôn buổi Thượng Cổ họ dâng sanh mạng con người cho Đấng ấy. Khi nhơn loại bị khốn khổ, bị tai nạn bất cứ trong quốc gia nào họ dùng cho đến sanh mạng, tức dùng con người làm tế vật dâng hiến cho Đức Chí Tôn. Tới chút nữa, nghĩa là tinh thần loài người tiến triển đến một mức nữa, họ dùng cái vật lựa chọn quý hoá, đồng thể với sanh mạng của con người dâng dâng cho Đức Chí Tôn, tức nhiên họ dâng Tam sinh. Khi ta đã xem tế Nam Giao, từ Thượng Cổ nhà Vua dâng cho Đức Chí Tôn ba cái vật là: Trâu, heo, và dê gọi là Tam sinh. Ngày hôm nay sau Đức Chí Tôn đổi lại với Đạo Thiên Chúa, không dâng Tam sinh là sanh mạng của con vật nữa, mà chính mình Đức Chúa Jésus Christ dâng cái xác thịt của Ngài làm con tế vật cho Đức Chí Tôn, tức nhiên Ngài nói rằng Ngài chịu khổ hình là chết trên cây Thánh Giá cốt yếu làm con tế vật dâng dâng cho Đức Chí Tôn để cứu rỗi tội tình nhơn loại. Chúng ta đã ngó thấy từ thử tinh thần của loài người tiến triển tới mức văn minh của họ, thì cái vật phụng thờ, cung hiến dâng lễ vật cho Đức Chí Tôn vẫn khác. Ngày hôm nay Đức Chí Tôn đến, Ngài biểu chúng ta dâng cho Ngài ba món gọi là **Tam Bửu là: Tinh, Khí, Thần.**

Ngài thể nó là Bông, là Rượu, là Trà, Bàn Đạo tưởng nếu lấy vật ấy mà tưởng tượng thì nó không nghĩa lý gì hết. Ôi! Biết bao nhiêu quý hoá, nếu cả thấy con cái của Ngài biết Đức Chí Tôn muốn dâng cho Ngài cái gì thì của dâng ấy quý hoá không thể nói. Tinh, là Ngài biểu dâng hình thể của ta tức nhiên dâng xác thịt ta nghĩa là dâng cái sống của ta nơi mặt thể gian này, dâng cho Ngài làm khí cụ, dâng Ngài phụng sự cho con cái của Ngài, nó thuộc về

Tinh, tức nhiên Bông đó vậy, phải dâng cho Ngài cái hình xác chúng ta cho **đ** đẹp, cho trong sạch, cho thơm tho, cho quý hoá như Bông kia **ư**i được. Tưởng tượng Ngài muốn cho chúng ta trong sạch như vậy là vì Ngài mong con cái của Ngài biết thương yêu lẫn nhau, rồi lại tự mình tu tâm dưỡng tánh thế nào cho đẹp đẽ mỹ miều, như Bông kia đáng xứng đáng làm Thánh Thể của Ngài đáng phụng sự cho con cái của Ngài.

Giờ nói về Rượu, Ngài thể cái chơn thần của ta tức nhiên thể cái trí thức cái khôn ngoan của ta về chơn thần, tượng ảnh trí thức khôn ngoan tức nhiên Ngài biểu cả trí não con cái của Ngài phải dâng trọn cho Ngài dâng làm khí cụ. Giờ phút nào toàn thể con cái của Ngài có trí óc khôn ngoan dâng phụng sự cho nhơn loại thay thế cho Đại Từ Phụ mà nói rằng: Chúng tôi không biết làm gì ngoài phận sự thiêng liêng của Đức Chí Tôn giao phó. Ngày giờ nào toàn thể con cái của Ngài biết nói như thế đó, thì ôi! Hiên cho Đức Chí Tôn một vật quý hoá không thể nói gì được.

Nói về Trà, Ngài thể Trà là tâm hồn tức nhiên Ngài biểu cả tâm hồn của ta hiệp lại làm một khối với nhau. Giờ phút nào toàn thể con cái của Ngài hiệp cả tâm hồn làm một, cái tâm hồn này sẽ làm tâm hồn của mặt địa cầu này, cho trái đất này, nó sẽ làm tâm hồn của toàn thể nhơn loại. Ngày giờ nào cả toàn thể con cái của Ngài tượng ảnh tâm hồn cho toàn thể nhơn loại được, thì ngày giờ ấy có thể Thánh Thể của Ngài mới phụng sự cho Vạn Linh tức nhiên con cái của Ngài hạnh phúc được. Chỉ ngày ấy mới có thể nói rằng: Nhơn loại hưởng được hồng ân đặc biệt của Ngài, mà hưởng được hồng ân đặc biệt của Ngài thì ngày ấy mới mong hưởng được hòa bình và đại đồng thế giới. Bây giờ Tam bửu ở trong Hội Thánh, cả toàn thể anh

em, chị em chúng ta đây là Tinh là Hình Thể của Ngài tại thế này. Hình thể của Đức Chí Tôn là trong ta đây hết. Ngày giờ khôi trí thức của toàn thể nhơn loại tượng hình ra mà nói **lật** rằng Đạo duy nhất là Đạo Trời với Đạo Người hiệp làm một. Giờ phút nào cả toàn thể nhơn loại biết mình đến đây có **phận** sự để tô điểm kiếp sống của nhơn loại cho đặng hạnh phúc, đặng bảo trọng sanh mạng của toàn thể vạn linh cho đặng hạnh phúc. Giờ phút nào có cái **đấy** thì mới tượng ảnh ra Khí của mặt địa cầu này.

Nói đến tinh thần Bát Quái Đài nghĩa là cái Hồn, tức nhiên hồn chúng ta đã ngó thấy rằng con người sinh nơi thế gian này nếu ba món báu ấy mà không có thì xác thịt nhơn loại cũng thế, vật chất cũng thế, toàn thể nhơn loại cũng thế, nếu nói rằng có xác thịt không có hồn, hay có hồn không có trí thức bảo vệ sống còn của mình thì chúng ta đã ngó thấy tận tường đó rồi, người không hồn ngơ ngơ ngáo ngáo, người có hồn không có trí thức chẳng hề khi nào định mạng được. Ông Pythagore nói Dyade là phải điều hòa nhau, ta tu cốt yếu làm cho ba món ấy điều hòa. Giờ phút này chúng ta hãy tưởng tượng rằng trước khi muốn điều hòa, cả Hội Thánh dâng cho Đức Chí Tôn, cả toàn thể con cái của Ngài dâng cho Ngài một chí hướng, một hy sinh mà thôi. Toàn thể con cái của Ngài hy sinh phụng sự Vạn Linh, tức nhiên phụng sự cho toàn thể nhơn loại. Biết đặng, hiểu đặng hạnh phúc mình do nơi sống chung cùng nhau, nhượng sống cho nhau, tạo hạnh phúc cho nhau. Cả phút nào thiên hạ khôn ngoan định vận mạng cho mình như Đức Chí Tôn đã định cho ta phù hợp với chữ Khí, tức nhiên chữ Khí là báu **ật** chúng ta dâng cho Đức Chí Tôn mới thành tựu. Ngày giờ nào thành tựu nơi Bát Quái Đài, quyền năng thiêng liêng kia mới đủ năng lực day trở thiên thơ tạo hạnh phúc cho toàn nhơn

loại trên mặt địa cầu này. Duy có giờ phút ấy, nhưn loại sẽ hưởng đặng hòa bình và đại đồng thiên hạ mà thôi.”

2- Tam Bửu: Tinh, Khí, Thần.

Rằm tháng 2 năm Đinh Hợi (1947)

Phàm con người có ba báu:

- **Tinh** là xác thân của cha mẹ sanh ra, liên quan với xác thân (corps astral) là hơi, nó **ấp** xúc liên quan bảo trọng sự sống.

- **Sự sống** là nuôi **răng** lấy hình hài chúng ta bằng sanh quang do nơi Phật Mẫu tạo mà có,

- Liên quan với **linh hồn** ta là của Chí Tôn ban cho mà có. Ba thành một, một thành ba gọi là Tam Bửu: Tinh – Khí – Thần.

Chí Tôn **hì** chọn lựa vật quý bá u là Bông (Tinh), Rượu (Khí), Trà (Thần) là ý nghĩa Ngài muốn đòi hỏi con cái của Ngài những món quý mà ta có để sống ấy hiến cho Ngài, tức là Ngài muốn toàn con cái của Ngài sống mãi với Ngài đó vậy.

Muốn cho khỏi phụ lòng Chí Tôn thì ta phải đào luyện cho **đệ** nhị xác thân ấy đặng tinh khiết nhẹ nhàng. Muốn được vậy, ta chỉ có hai điều là phải trai giới, chỉnh tu cho cái **đệ** nhị xác thân được tráng kiện hoạt bác, tưng khuôn viên thiện đức. **Đệ** nhị xác thân ta khi còn sống ở quanh mình ta, bảo hộ về sanh quang tiếp với **đệ** tam xác thân là linh hồn. Khi lìa khỏi xác thúì hơi hữu hoại thì nó trực tiếp ngay với linh hồn nếu nó được thanh khiết. Bằng nó nghiệp ác thì nó phải dính lúu với cái xác thúì hơi này mà phải chịu lìa xa cái linh hồn thì thần tử sẽ rước đi mà phải đọa là vậy. Bởi có Chí Tôn ban cho ta cái Bí Pháp (phép xác) cắt đứt dây oan nghiệt cho nó rời hẳn với **đệ** nhứt xác thân được khinh phù nhập một với linh hồn tức là hằng sống vậy.

Loài người quá xảo quyệt khôn khéo tiềm tàng sự sung sướng xác thịt này, tại do đó mà gây nên biết bao nhiêu thần sầu qui khóc, chiến tranh không ngớt, là do nơi lòng tham lam tấn triển văn minh, cơ khí tối tân như là bom nguyên tử để giết người. Hiện tại nơi Mỹ Châu, Cổ Tăng Viện của họ có đến 200 triệu quyển sách. Cứ bỏ đồng một ngày xem một quyển thì phải sống đến mấy đời mới đọc hết được.

Chí Tôn bắt rõ loài người tiến hóa tốt bụng mà tự đắc tự tôn, chỉ biết lo cho xác thịt mà thôi, không chuyên lo cho đệ nhị xác thân và tinh thần, nên Chí Tôn đến khai Đạo là cố ý giáo hóa cho loài người biết rõ câu tội phước, giới luyện cho con người tận thiện đến hiệp cùng Ngài. Nếu chúng ta biết được vậy thì toàn thể thế giới này những điều tinh ma quỷ quái sẽ tiêu diệt, thần tử không hề đến ta được.

Nếu ta thấy được cõi Hư Linh kia, cái tinh của vạn loại bị giết chóc một cách tàn nhẫn, bởi loài người kết oán thù thâm với nó, chực chờ thù ghét, vì vậy mà có vay trả luân hồi mãi mãi đọa đày, bất năng thoát tục.

Mong sao chúng ta từ đây phải biết trọng lấy lẽ ấy mà luyện đệ nhị xác thân cho đủ đầy sự tinh khiết, là phải thương loài vật, phải thương tất cả để chấm dứt cái oan nghiệt ấy mà truyền bá cái hườn thuốc linh đơn này là đạo đức của Chí Tôn, để cứu vớt quần sanh thoát vòng đọa lạc hoàn toàn.

Cả thế gian này biết được vậy thì chắc chắn không còn cảnh thảm khổ này tái diễn lại nữa. Loài người do một nguyên căn mà thôi, do tâm lý và tập quán của các nước, của các sắc dân, vì cái khác ấy mà chia phôi nhau, nghịch lẫn nhau, thù địch nhau, mà tranh tranh đấu đấu không ngừng.

Vậy Thánh Ý của Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt là muốn dung hòa tâm lý toàn cả con cái của Người để cứu vãn trọn 92 ức nguyên nhân, vì thế mà phải bị sa đọa nơi đây. Chí Tôn đã đại từ đại bi chỉ rõ căn nguyên và ban ơn cho ta, dạy dỗ cho ta để đạt đạt ngôi vị là phải trau luyện cho Tinh hiệp với Khí, Tinh Khí hườn Thần là cơ huyền bí để mà đắc Đạo vậy.

Trong giá ủa Tam Bửu mà Chí Tôn ưa chuộng để dâng Đại Lễ cho Ngài là nguyên nhân chấm dứt cái họa tranh thù mà gây nên trường oan nghiệt cho toàn thế giới.

Ấy vậy, muốn duy trì sự hòa hiệp đại đồng này cũng do nơi gốc Bí Pháp đó mà thôi, dầu triết lý thâm uyên đạo đức mà tôn giáo nào cũng không qua lẽ ấy; mà nếu không đạt được thì toàn lẽ ấy là đệ nhị xác thân của toàn thể ô trược tội tình, thì thế giới sẽ điêu tàn tiêu diệt mà chớ.

3-Tam Bửu: Tiên thiên khí, Hậu thiên khí và Vật chất khí

Rằm tháng 2 nhuận năm Đinh Hợi (1947)

Hôm nay Bần Đạo giảng tiếp về Tam Bửu, Bần Đạo lần lượt giảng Tam Bửu trước là vì Đức Chí Tôn lấy Bông, Rượu, Trà mà tượng hình ba thể chất, tạo nên vạn loại.

Chơn linh mới thiệt là ta, còn Chơn thần là do tinh ba của vật khí biến hình. Chơn linh ta mượn cơ quan hữu hình để thân mật cùng cả cơ quan tạo đoan vô trụ.

Ta đến mang mảnh hình hài như thế này đăng chi? Nguyên do nơi nào mà đến, rồi Bần Đạo lần lượt giảng vì sao mà ta phải Tu. Tu có ích gì, do nguyên lý nào mà phải Tu. Bần Đạo sẽ giảng nguyên do con người là gì, rồi mới tiếp giảng đến Cửu Thiên Khai Hóa, Đức Chí Tôn tạo Bát

Quái Đài là gì?

Bây giờ Bần Đạo giảng về Tam Bửu, ba cơ quan tạo nên hình thể con người, Chơn linh ta do nguyên khí mà có, nguyên khí là Tiên Thiên khí; Chơn thần do Hậu thiên khí kết thành, còn xác thịt thì do vật chất mà nên.

Hỏi vậy ta muốn sống đây do cơ quan nào? Ấy là nhờ chơn linh mới có sự sống. Chơn linh có một quyền năng vô đoán, chưa có khoa học nào tra cứu rõ thấu được. Cái quyền năng của nó là của Đức Chí Tôn ban cho. Quyền năng của chơn linh không giới hạn, nó là quyền năng bảo trọng đường sống của vạn loại, của xác hình. Chơn thần là Hậu thiên khí, nó bảo trọng vật chất khí.

Trong ba khí chất ấy, tạo ra hình hài chúng ta, chơn linh là nhứt điểm linh quang do Chí Tôn mà có để bảo trọng cái sinh mạng, cái sống của thi hài. Đến ngày giờ nào niên kỷ đã định hết khối sinh quang rồi thì cái quyền năng ấy ra khỏi xác, thì xác phải hoại, chúng ta gọi là tử.

Ấy vậy, ta kiểm thử coi Tiên thiên khí, Hậu thiên khí và Vật chất khí là gì? Chúng ta sẽ thấy bất kỳ vật hữu hình nào cũng có ba thể chất:

- *Vật chất thì mắt ta thấy.*
- *Mùi vị là Hậu thiên khí.*
- *Năng lực là Tiên thiên khí.*

Ba khí chất này tượng ra hình hài của con người, vật chất mùi vị, năng lực thể nào thì loài người thể ấy, vì chúng ta thấy một hạt gạo, nấu ra cơm, ăn vào để lấy cái tinh ba của nó là Hậu thiên khí phục nguyên khối sanh quang của ta được tồn tại.

Tinh ba của vật chất nó vào mình làm cho xác hài có năng lực tráng kiện. Ta thấy khi đói bủn rủn tay chơn là thiếu sanh khí đó vậy.

Chơn thần là Hậu Thiên Khí, ta không thấy mà

chớ nên tưởng rằng không có, ta ăn hột cơm vào bụng, lọc lấy cái tinh ba làm huyết khí để nuôi lấy khối sanh vật này. Ta biết có mà không thấy được. Chơn thần chúng ta, thiên hạ kêu là phách, vía cả thầy đều có.

Người hay sợ ma là tại sao? Vì họ thấy hình ảnh của khí chất biến hình, năng minh năng ẩn, mà sự ẩn hiện ấy lấy làm lạ và trái với mắt phàm thường thấy, nên làm cho họ sợ.

Một khi ta thấy một vong linh hiện hình mà ta có phước gần gũi đặng họ sẽ thương yêu mình hơn kẻ phàm lắm vậy.

Kẻ phàm mang xác hài hay có thất tình, lục dục, nên có sự phân cách về thể chất hữu vi làm cho thiếu sự thương yêu vì ta sợ.

Ngày nào ta ở cảnh vô hình sống trong khối tạo đoan chừng đó ta mới biết Đạo là có phận sự bảo trọng chúng sanh, khuyên lơn dạy dỗ và giục thúc cho các đẳng linh hồn tăng tiến trên đường tấn hóa. Ta chỉ đặng phép thương yêu bình ực chớ không ai đặng mưu hại giục hù. Bần Đạo giảng cõi Hư linh, nếu ta đạt pháp xuất ngoại xác thân, tương hội cùng các Bạn cõi vô hình thì ta thấy khác hẳn theo tánh chất phàm tâm tưởng tượng.

Cõi Hư linh các bậc cao trọng: Thánh, Tiên, Phật chỉ có mơ ước thiết thực nhất một điều là làm thế nào giúp ích cho chúng sanh. Các Đấng ấy rất may mắn gặp những dịp để an ủi tâm hồn chúng sanh, hằng giờ hằng buổi không thiếu tình thương.

Chúng ta đến làm người, cốt yếu đạt cho được cơ tạo đoan trở nên Chí linh chí Thánh, một kiếp học thêm một bậc, để ngày kia mong mỏi làm Trời.

Các bạn biết Phật Thích Ca xưng là Bổn Sư, người tu gọi là Thầy, nếu các chơn linh ấy gặp được, thấy được

gần được Phật thì đối với Phật không ngoài mức Bạn thân ái. Ở thế này dầu một vị Phật cũng không chê ai, không hạng nào chê, hạng nào khen, vì Phật đã biết con đường đi trước kia, dầu ai phạm, dầu ai lạc hậu cũng tới sau, họ chỉ biết một điều là chỉ từ neo quanh co, vui vẻ chỉ cho Bạn đi cùng đường đạt lên Phật vị.

Họ không dám chê ai, chẳng phải đối với loài người mà thôi mà đối với tất cả vạn loại, chúng sinh chỉ là anh em còn lạc hậu đó vậy.

Con vật mà ta thấy bị giết được là vì nó vô cô không phương bảo vệ, ngày nay giết nó mà ăn thịt, biết đâu sau này các Bạn lạc hậu ấy tiến hóa đến phẩm người trở lên, rồi chúng ta sẽ gặp nó bên mình, khi ấy nó ngó ta mà cười và hỏi: “Xưa kia Đức Phật có ăn tôi một lần”. Nghĩ tưởng chẳng gì si-hỗ thẹn-thường bằng. Thế nên ta phải ăn chay.

Chưa có ai nỡ tâm giết người đang ăn thịt, cũng không có ai đang quyền giết các Bạn lạc hậu ấy để ăn. Ta đến đây làm Bạn cùng vạn vật chúng sanh, vạn vật giúp ta học cho thấu đáo huyền vi cơ Đạo, tạo chí linh nổi nghiệp Đức Chí Tôn.

Thầy có nói: Thầy dành sẵn gia nghiệp phẩm vị cho chúng ta, Thầy không khi nào lấy lại, trừ ra kẻ nào từ bỏ bởi Đại Từ Phụ mà không tin sao? Ông cha phạm kia còn yêu ái con, trước buổi nhắm mắt còn tính để lại cho con một phần gia nghiệp hương hỏa.

Một điều là ông cha phạm làm với phạm vi nhỏ phương pháp nhỏ theo phạm. Còn ông Cha Thiêng Liêng không lẽ thua ông cha phạm? Thầy nói: Thầy dành sẵn gia nghiệp ngôi vị thì Thầy không quyền cho kẻ khác, trừ khi mình bỏ. Bần Đạo tưởng, nhứt là phái Nam, thanh niên vũ chức nếu mấy em biết cơ quan này thì không hạnh phúc

nào hơn là dám hủy mình vì Chí Tôn. Bàn Đạo dám chắc Thầy không hề chịu thiếu ai và Thầy không hề quên mỗi nợ tình ái của con cái của Ngài. Nếu Thầy không thường món nợ ấy thì HỘ -PHÁP hứa sẽ tái kiếp luân hồi bồi thường cho đủ.

Vì những kẻ dám đem mình làm tế vật cho Thầy để lập nên một Quốc gia Thiên định tại thế này, Bàn Đạo chắc Quốc gia ấy phải thành. Đức Chí Tôn tạo cho con cái của Ngài một cửa nhỏ tuy khó đi mà Bàn Đạo chắc rằng, những hạng con cái dám chết vì Ngài thì chúng nó dám đạp văng cửa ra chúng nó đi sẵn đến. Nếu chúng ta có con mắt thiêng liêng, ngày nào họ đi ngang qua thì ta sẽ thấy các Đấng dầu chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tức là các chơn linh cao trọng cũng phải cúi đầu.

Thầy sẽ trả bao nhiêu món nợ tình ái của con cái của Ngài thì không biết, chớ không khi nào Đức Chí Tôn trả cho một mà phải trả nhiều hơn là hẵn vậy.

Xin cho toàn Đạo nam nữ sao lục nguyên văn để phổ thông chơn lý.”

4- Tam Bửu: Nho – Thích - Đạo.

Rằm tháng 3 năm Đinh Hợi (1947)

“Hôm nay, nhơn Bàn Đạo làm phép Giải Oan cho một người anh em của chúng ta là Hồ Tấn Khoa, nên Bàn Đạo giảng tiếp về Tam Bửu. Giảng tiếp về vấn đề ấy lại, Bàn Đạo tuyên bố cho toàn Đạo nam, nữ và chư Chức Sắc Thiên Phong Nhị Hữu Hình Đài được nghe rõ. Đối với cơ quan đổi biến chuyển, từ ngày Bàn Đạo bị đồ lưu hải ngoại đến khi về tới nay tính lại đã gần tám tháng,

Bàn Đạo thấy tình hình quốc gia của chúng ta mà cả thấy ai ai cũng biết chẳng cần phải lập lại, vì Bàn Đạo đã thuyết minh nhiều lần rồi.

Bây giờ thử hỏi chơn truyền của Đức Chí Tôn mở Đạo là một nền chánh giáo, tôn chỉ bảo chúng ta làm gì? Và Đạo Cao Đài phải đi theo con đường nào? Chúng ta thấy Đại Từ Phụ lấy ba Tôn Giáo: NHO, THÍCH, ĐẠO làm cơ quan duy nhất, dẫu về phần thiêng liêng hay hữu hình cũng vậy, để làm bí mật chơn truyền dui dắt linh hồn và thi hài của chúng ta và là một phương pháp đo ạt kiếp giải thoát linh hồn. NHO lấy nhơn nghĩa làm căn bản, ĐẠO lấy công chánh làm căn bản, THÍCH lấy bác ái từ bi làm căn bản. Ba triết lý ấy hiệp lại vừa lo phần Đời và phần Đạo, xác hồn chúng ta đi đến tận con đường mà Đức Chí Tôn đứng chờ đợi các con cái hiệp một cùng người.

Nhơn nghĩa là gì? Người có Nhơn thì không oán, Nghĩa thì không bạc. Công chánh là gì? Có công thì không phụ, có chánh thì không tà, không chối cái điều chơn thật được, còn có Từ bi thì có khoan hồng dung thứ, có Bác ái mới có thể bảo thủ và thân mến toàn thiên hạ, nếu chiếu theo chơn truyền của Đức Chí Tôn khuyên bảo chúng ta thế nào, thì chúng ta phải tuân theo thế ấy, chúng ta phải khoan hồng, tha thứ, biết yêu ái, phải có công bình chánh lý, chúng ta giữ được cả chơn truyền ấy thì không ghét ai, oán ai. Trái lại, Đại Từ Phụ buộc chúng ta phải thương yêu kẻ nghịch, kẻ thù của chúng ta nữa.

Chiếu theo chơn truyền ấy, đối với đời, với quốc gia chủng tộc toàn đạo phải xử thế nào? Chẳng lẽ Đạo Cao Đài phải nhượng bộ hạ mình trước đảng phái, vì cái tinh thần của Đạo còn chẳng nhượng ai, huống phải hạ mình làm nô lệ cho đảng phái? Quyền tự chủ ấy là quyền của Chí Tôn ban cho, Thầy đã không làm tở ai, nên quyền Đạo nó chỉ làm Thầy.

Nó tự có một năng lực, mà cái năng lực ấy không từng năng lực của ai cả. Nó có một quyền hành sở hữu,

chớ không tùng ai và không theo đảng phái nào. Nó phải lập quyền yêu ái công chánh từ bi, nó có phận sự tạo nghiệp cho đời chớ không phải làm tội mọi cho đời. Đời đang phải chịu vòng nô lệ thì con cái của Đức Chí Tôn bây giờ phải theo tôn chỉ nào? Phải biết rằng có Thiên mạng con cái của Đức Chí Tôn là Thánh Thể, ông Trời tại thế này. Trời đã không nhường ai, không làm tội ai, thì con cái của Đức Chí Tôn cũng chỉ có phận sự giúp đỡ thiên lương của con cái Ngài, vì thiên lương ấy là căn bản tạo quyền cho thiên hạ, là con cái của Ngài, lẽ đương nhiên chúng ta phải biết phận sự đối với quốc gia xã hội, chúng ta đang ở trong tình thế bại hoại. Chúng ta chỉ biết nhìn một quyền dân Việt Nam mà thôi. Thời buổi loạn lạc dân không có quyền, trong nước đảng này phái kia, chia năm chia bảy, nên buộc chúng ta phải kiếm một cái quyền của nhà Vua, Vua và dân hai quyền ấy nó tương liên với vận mạng nước Việt Nam, tìm cái kia không phải tìm cái nọ, cái quyền sở hữu nào chúng ta thấy thì chúng ta phải cầm lấy, giúp Vua để lập quyền cho nước, cho quốc gia xã hội.

Vì vậy chúng ta phải đem nhà Vua lại để lập quyền cho dân, quyền là chánh sách Đạo Cao Đài giúp quân chủ tạo dân quyền. Bởi thế Bản Đạo đã công khai cùng Chánh phủ rồi. Bản Đạo sẽ công khai cho toàn thiên hạ biết rằng: Chúng ta sẽ hướng ra Quân chủ Dân quyền để tạo tương lai cho quốc vận. Chúng ta không thấy còn con đường nào khác nữa, chỉ một con đường duy nhất cao thượng này mà Đạo phải làm cho thành tựu, Bản Đạo xin cả thầy nghe và tìm hiểu chơn lý ấy rồi hằng đêm cầu nguyện để quyết định tương lai vận mạng nòi giống của chúng ta.

5-Quyền năng của đức tin.

Đêm 29 tháng 2 nhuận năm Đinh Hợi (1947)

Bản Đạo giảng về quyền năng của đức tin. Hôm

nay vì có hàng Quân Đội Võ Chức, nên Bản Đạo cần giải rõ cái quyền năng ấy cho toàn Đạo nam nữ rõ.

Thời buổi này là thời buổi toàn con cái của Đức Chí Tôn đưa tay lên cùng nhau nâng đũa và vĩa nôi quốc vận, nên Bản Đạo giảng về cái quyền năng của đức tin, để cả thầy trụ tinh thần cầu nguyện Đại Từ Phụ ban ơn nền Quốc Đạo sớm được hoàn thành, hầu cứu vớt cả giống nòi Việt Nam chúng ta thoát nạn tương tàn, tương sát.

Toàn Đạo nên đề trọn đức tin nơi Người, thì mới mong nền Quốc Đạo mau thành tướng. Đức Chí Tôn tạo cơ quan cứu sanh này mà gặp phải những điều trắc trở, nguy hại không sớm giải quyết được, là bởi toàn thể quốc dân ta không biết cầu nguyện nơi Người. Bản Đạo lặp lại lời nói của Đức Chúa Jêsus nói cùng Môn Đồ của Người rằng: "Hỡi các Môn Đồ, Đức Chúa Cha ta trên Trời dạy rằng: Nếu toàn thể các người có một cái đức tin bằng hột mè thì nó cũng đủ sức xô ngã núi, nó đi không gì ngăn cản nổi".

Ấy là Ngài nói cái đức tin bằng hột mè mà toàn thể quốc dân đều có, thì đâu có phải chịu cảnh trạng thương tâm thế này.

Hại thay! Dân 25 triệu, đã tự xưng là con Rồng cháu Tiên, tự biết giống nòi do một căn nguyên chí Thánh cao trọng, có máu Tiên Rồng, mà cái đức tin lại không bằng hột mè hay sao? Nếu mỗi người Việt Nam ta đều có một cái đức tin bằng hột mè mà thôi, cũng đủ dời non vét bể được.

Bản Đạo nói thật, buổi Chí Tôn đến tạo Quốc Đạo cho nòi giống Rồng Tiên này, chính Ngài cầm cơ đi đến các Tỉnh, kêu từ nhà gọi từ đứa con, cho không biết bao nhiêu bài khuyên dạy, tạo thành một nền Tôn Giáo Cao Đài là Quốc Đạo, Bản Đạo tưởng chưa có người nào đem

cả tinh thần, tâm đức mà thi ân cho ai đường ấy. Đức Chí Tôn đến độ rồi, lập giáo rồi lại bắt minh thệ.

Hỏi tại sao Ngài lại bắt minh thệ buộc con cái phải hiệp đồng cùng nhau. Mỗi người có một chút đức tin, Thầy bảo qui đức tin ấy lại, phải có tâm đức tin tương yêu ái lẫn nhau. Phải nhìn nhận có Thầy, có đức tin nơi Thầy.

Hại thay! Có nhiều đứa con của Ngài cũng nghe, cũng tìm Đạo, cũng thọ giáo, cũng minh thệ đủ phép tắc. Biết bao nhiêu, khi mới đến cùng Thầy, qui dưới chơn Thầy mà hễ ra khỏi chơn Ngài rồi thì lại phản phúc Ngài và con cái của Ngài.

Bản Đạo định quyết rằng: Cái tai nạn của giống dân Việt Nam đến cảnh tượng này chúng ta phải nhìn nhận tội của chúng ta vì thiếu đức tin nơi Ngài mà ra vậy. Phải chi trước kia biết nhìn nhận Đấng đến dìu dẫn yêu ái nâng đỡ, để đức tin nơi Người, nghe theo Người thì cái nạn đổ máu tương tàn, tương sát giống nòi không hề có đặng.

Cái hại về sự lưu huyết này Bản Đạo xin nói là do cái tội bất tín nhiệm cùng Đại Từ Phụ đó vậy. Ôi! Nếu Bản Đạo tả hết cái tình cảnh của Đạo trót hai mươi năm nay, thì mới biết cái năng lực của đức tin nó mạnh đến bậc nào. Từ khi Bản Đạo đến đây, ai xô cũng không ngã, đuổi cũng không đi, dầu còn dầu mất, dầu nên hư, Đức Chí Tôn bảo Bản Đạo ngồi nơi đây, ở nơi đây, dầu cho vì mạng linh ấy mà mảnh thân này có phải tiêu diệt để bảo trọng nền Quốc Đạo, thì Bản Đạo cũng không bước ra khỏi đây một bước. Nếu Bản Đạo quý trọng sanh mạng này, thì Bản Đạo có đủ thì giờ để trốn tránh. Biết bao nhiêu bạn, khuyên lơn Bản Đạo trốn đi. Bản Đạo trốn được, tránh được mà Bản Đạo không khi nào chịu vậy. Đức Chí Tôn bảo ở, dầu sống chết ngồi nơi đây ôm chân Ngài mà thôi. Bản Đạo chỉ để lời cầu nguyện đem cả thi hài và tâm hồn làm tế vật cho Quốc

Đạo được thành tướng mà thôi. Bản Đạo chỉ xin có bấy nhiêu mà chưa chắc đã xin được, vì phải toàn thể con cái của Đức Chí Tôn qui tụ đức tin lại thành một cái năng lực giúp chúng ta thắng nổi quỷ quyền và các cường lực đàn áp tiêu diệt Đạo. Chúng ta bảo trọng được Quốc Đạo, do cái năng lực của đức tin ấy. Chúng ta qui đức tin lại, bảo trọng cơ Đạo thì thoát được cái nạn tương tàn tương sát máu đổ thịt rơi.

Nếu toàn Đạo nam, nữ nhìn Đức Chí Tôn lập đấng cái quyền năng ấy, chúng ta nương Ầy nó mạnh mẽ, cầu nguyện đồng tâm một ngày một giờ, thử coi Đức Chí Tôn có giải thoát cho chúng ta không?

Từ khi Bản Đạo về qui tụ các con cái của Ngài, thì Bản Đạo đã giải kiết cho Đạo nhiều rồi. Chúng ta cầu nguyện thêm đôi tháng nữa mà thôi và lo tròn phận sự phú thác thì ngày đoạt vọng không lâu, và chúng ta sẽ thấy có huyền diệu hay không về quyền năng ấy.

6-Tam Bửu: Nguyên thì tạo thành Càn Khôn Thế Giới.

Đêm 29 tháng 3 năm Đinh Hợi (1947)

“Hôm nay Bản Đạo giảng về Tam Bửu, nguyên n thủy tạo thành Càn Khôn Thế Giới.

Từ trước đến giờ thiên hạ thường nói là có Đạo, tin Đạo, nhưng Bản Đạo tưởng chắc chưa có ai hiểu Đạo là gì cả, nên Bản Đạo lần lượt giảng cái chơn nghĩa của chữ Đạo, giải rõ cái liên quan giữa Đạo và con người cùng vạn vật do nơi đâu mà có, rồi sẽ giảng về nguyên căn của Tam Bửu, là một nguyên căn, là một bản nguyên Tinh, Khí, Thần. Đức Chí Tôn là Đấng tự hữu hằng hữu, mà từ thử đến giờ bất kỳ một Đấng Thiêng Liêng nào cũng không hiểu rõ nguyên căn của Người đấng.

Theo lời Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn nói thì chính Ngài cũng không hiểu rõ nguyên căn của Chí Tôn, chỉ biết cái quyền năng vô đối của Người mà thôi. Bần Đạo đã vấn nạn Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn một vấn đề khó giải mà từ xưa đến nay chắc chưa có vị Giáo Chủ nào đã hỏi như Bần Đạo. Bần Đạo hỏi nguyên căn của Đức Chí Tôn và quyền năng của Người, thì Đức Chương Đạo có tả một bài văn chữ Pháp dịch ra Quốc Ngữ; nhưng chính Đức Nguyệt Tâm cũng đã thú thật rằng: Không biết nguyên do của Chí Tôn là thế nào, chỉ biết quyền năng vô đối của Người mà thôi.

Nay thuyết về vấn đề ấy, Bần Đạo chỉ nói Đấng Chí Linh hằng hữu ấy là Đức Chí Tôn, là Cha cả chơn linh vạn vật mà nhứt là chúng ta đây đã biết với một cách thâm thúy khối linh ấy thế nào hơn hết, biết bao nhiêu Đấng, biết bao nhiêu người từ xưa đến nay thường tự xét, tự hỏi, vì có lẽ nào ta có một cái linh tâm cao trọng hơn cả vạn vật? Tìm tòi với chẳng biết bao nhiêu sự khôn ngoan hiểu biết, và cũng vì tại nơi ấy mà buổi nào loài người cũng chẳng hề quên Đạo. Nhìn biết và hiểu hay không hiểu, dầu muốn từ chối hay không, chúng ta cũng tự xét có vật tối linh trong thân thể ta, mà vật ấy là gì, từ trước đến giờ loài người tìm kiếm mãi nguyên do của nó.

Tiếp khai các nền Tôn Giáo hiện hữu không một nền Tôn Giáo nào nói mực thước và có một chơn lý cao siêu hơn là Phật Giáo, nhưng cũng chưa giải rõ. Ta chẳng cần tìm đâu xa xuôi làm chi, chúng ta thấy hiểu con người có tâm linh chúng ta có quan sát ở chơn lý của Phật Giáo từ buổi sơ khai, nên chúng ta dám nói chắc rằng: Chúng ta có một Tôn Giáo mà Tôn Giáo ấy là Chúa Tể các nền Tôn Giáo khác, vì bởi nó là nguyên căn của Tôn Giáo và chính nó là một Tôn Giáo tự hữu, từ buổi Trời Đất biến sanh đã

có, cái khối chơn linh ấy là Cha của chơn linh, Cha của nhứt điểm linh quang, làm sao chúng ta hiểu linh quang ấy, vì ta xét từ trước Đức Chí Tôn dùng cái thanh khí ấy mà tạo ra loài người với đất do thanh khí ấy mà biến thành vạn vật. Loài người đến nay nhờ tấn hóa mà khôn ngoan, cũng như vạn vật nhờ tấn hóa mà được toàn năng toàn tri vậy. Các nhà triết học luận bàn đã nhiều, nhưng xét ra cũng chưa hiểu rõ cái nguyên căn ấy. Phật Giáo nói: Cái khối linh ấy phân tán của mình ban bố ra cả vạn vật, khối linh ấy trước khi phân tán thì gọi là Brama là Phật, đến khi phân tán rồi thì Đấng thứ nhì Civa chủ về Pháp, Đức Chí Linh âm quyền năng biến chuyển chớ không cầm quyền năng tạo đoan. Pháp vận hành mà sanh khí nên ta thấy mệnh môn trước mắt ta ấy là Khí, vậy Khí là gì? Khí là khối sanh quang vạn vật nhờ thở khí ấy mà sống, cho nên chữ Khí là sự sống của vạn vật, do Khí là Pháp biến tướng ra vạn vật. Nên Đấng thứ nhì chương quản cái sanh khí thường gọi là "2è Logos" thuộc Âm ấy là Phật Mẫu chương quản cả cơ quan tạo đoan này vậy.

Như chúng ta thấy cơ quan sanh hóa vạn vật và loài người là do âm dương phối hợp mà biến tướng, Phật chiết tán biến ra Pháp là Ngôi thứ nhì thuộc Âm, là Phật Mẫu, nhưng chúng ta không biết cái bí mật ấy là khí âm dương phối hiệp biến hình, mà Phật Mẫu dùng gì để tạo nên cơ quan hữu vi này, vì bởi Phật Mẫu dùng khối sanh quang có năng lực vận hành trong không khí, chúng ta không thể thấy được. Khí biến ra hữu tướng là nước, lửa, gió, rồi nước, lửa, gió vận hành biến ra vạn vật, đi từ Hồn ngưng khí, Hư vô khí đến Huyền ảnh khí rồi mới biến ra vạn vật, tức là Huyền ảnh khí biến ra nhơn hình vậy. Khí mà khoa học gọi là Nguyên tử khí (Atome) Nguyên tử khí có năng lực vô biên mà loài người đã đoạt được để dùng, chớ

không biết nguyên căn và nguyên tánh của nó đi đến mức nào. Kể từ ngày loài người tìm được nguyên tử chất và dùng được cái Nguyên tử khí ấy là cái khí sanh của vũ trụ, mà họ có biết đâu một ngày kia phàm thể sẽ nương nhờ Nguyên tử khí ấy mà qui nguyên Thánh Thể. Thử hỏi Đức Chí Tôn cho nhơn loại đoạt Nguyên tử khí ấy để làm chi? Chúng ta cũng nên tìm hiểu cái huyền vi bí mật ấy, mà dầu cho Đạo Giáo nào cũng vẫn còn đương mơ tưởng để kiếm hiểu. Ngày hôm nay Nguyên tử khí dùng để giết người, thì biết đâu sau này nó sẽ là phương cứu tử hườn sanh cho người, và nó sẽ đem loài người đến địa vị trường sanh bất tử.

Vì bởi Nguyên tử khí là căn nguyên ~~ở~~ sống của vạn loại, nếu nó đã làm chết được thì nó cũng sẽ làm sống được. Cái khí ấy sanh trước hết là nước, lửa, gió vận hành tạo ra hữu hình là vạn vật, vì có mà con người đối với vũ trụ hình ảnh thể nào thì tạo đoan cũng thế ấy, nên mới lấy Càn Khôn làm Đại Thiên Địa và lấy con người mà làm Tiểu Thiên Địa. Mạng sanh của con người đồng thể cùng Càn Khôn, tức là sự sống phải tương liên với Chí Tôn mà Chí Tôn lại cầm quyền năng vô đối.

Hỏi vậy Chí Tôn tạo ra cái đại nghiệp ấy để cho ai? Để cho Vạn Linh, mà đứng đầu Vạn Linh lại là loài người, mà loài người có hưởng được thì Đức Chí Tôn mới dành cho, nếu chúng ta một ngày kia hoặc nam hay nữ chẳng hạn, cũng sẽ có một đũa hưởng được cái quyền năng ấy. Đức Chí Tôn lập ra đại nghiệp thì Ngài cũng muốn chúng ta làm được như Ngài, tức là đem Tiểu Thiên Địa đến Đại Thiên Địa.

Ấy vậy về cơ quan đoạt lấy đại nghiệp, Chí Tôn chỉ dặn chúng ta có một tiếng Tu. Tu cho hiền mới hưởng

được, nhưng thể gian lại chưa hiền, thể gian còn dữ quá thì chừng nào mới đoạt đăng.

KẾT LUẬN

Loài người do đâu mà đến ?

Ngày 29 tháng 4 năm Đinh Hợi (1947)

“Hôm nay Bản Đạo giảng về loài người do đâu mà đến. Trước khi ta tìm chơn lý ấy, ta nên biết trước tạo đoạn là Cha cả vạn vật hữu hình và tìm nguyên căn của Chí Tôn đã.

Chúng ta đã nhìn trong kinh điển hồi trước để lại thấy cả cơ quan hữu vi nhân tiền này làm cho ta biết và nhìn đến tạo đoạn ấy là Đại Từ Phụ. Chẳng luận giống dân nào và các nhà triết lý của các Tôn Giáo cũng vậy, đều nhìn Đấng Tạo Đoạn Càn Khôn Thế Giới sanh hóa vạn vật và loài người, là Đấng Cha cả chúng sanh, ấy là các Tôn Giáo đã có từ thượng cổ đến giờ. Phật Giáo cho ta hiểu, có một Đấng quyền năng vô biên vô đối không tả được, tạo ra vạn vật Càn Khôn Vũ Trụ này. Đấng ấy đã có đến ở cùng loài người, cũng thọ bao nhiêu thống khổ, đau đớn, biết luân luân chuyển chuyển từ phẩm người đến Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đấng ấy nắm cả quyền năng vô đối huyền vi màu nhiệm trong tay, tạo nên Càn Khôn Thế Giới định phép công bình, lành có lành trả, ác có ác trả hiển nhiên, nên loài người tôn sùng Đấng ấy là Đức Thượng Đế, cầm quyền thống ngự vạn linh ấy là Hoàng Đế tối cao thượng của vũ trụ vậy.

Các Tôn Giáo có nói Đức Thượng Đế, là Đấng không nhìn thấy được, vì không hình không ảnh, nhưng không một việc nào mà Ngài không biết. Trong Nho Giáo có câu: "Thiên võng khôi khôi, ư nhi bất lậu", nghĩa là: Trời cao lồng lộng mà mảy hào nào cũng không qua khỏi

tay Ngài và lời thiêng liêng của Ngài, nên xưng tụng Ngài là Thiên Tôn âm quyền Vạn Linh mực thước như một ông Tòa trị thế.

Đấng tạo ra vạn vật Càn Khôn Vũ Trụ, sanh ra nuôi nấng tạo ra bảo bọc, hằng để trong mỗi thi hài một tâm linh mới được khôn ngoan hiểu biết rằng: Có người có ta nên ta nhìn Đấng cho ta cái tâm linh ấy là Đấng tối linh, là Cha của ta. Ngoài Đấng ấy, thì không ai nữa làm Chúa Tể của Vạn Linh đặng, tôn sùng như thế là thấy Đấng Cha cao thượng hơn ông Cha phàm, vì thế mới xưng tụng Ngài là Đại Từ Phụ. Thật thế, nhà Phật cho Ngài là Đại Từ Phụ trùng hơn hết, vì nếu Đấng ấy không cho một điểm linh quang thì thế nào bảo tồn sanh mạng đặng.

Loài thú, ta thấy hiển nhiên mới sanh ra tuy mắt còn nhắm híp mà vẫn tìm vú mẹ để sống, đến cỏ cây hễ sanh ra thì bắt trái lá hứng sương tuyết, hấp thụ cái sanh khí mà nuôi sống, một vật có điểm linh quang ấy như thế khối linh quang ấy là Cha vậy.

Đại Từ Phụ là Cha cả Vạn Linh, chúng ta là con cái của Ngài, không phải chỉ hưởng phần hữu hình tại thế mà thôi, Ngài lại còn dành một phần quý trọng hơn là nhứt điểm linh quang, nhờ đó mà từ vật chất tiến đến thú cảm nhơn loại, mới tiến đến Phật vị mà ngang phẩm cùng Ngài, Đức Từ Phụ là Phật, Ngài muốn cho con cái cũng thành Phật. Đặng đạt quyền năng bí mật như Ngài, rồi lập ra một Càn Khôn Thế Giới khác. Luật thiên nhiên một ông Cha tạo nghiệp, thì con theo nghiệp Cha mà tạo ra sự nghiệp khác nữa.

Tuy trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ, Bần Đạo biết mở Đạo Cao Đài đặng tuyển chọn trong hàng Phật đạt kiếp từ tạo Càn Khôn Thế Giới đến kế vị Ngài. Trong buổi Đại Từ Phụ mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có treo bảng ở Ngọc Hư

Cung, lập một ông Trời kế vị Ngài, nhưng chúng ta thấy trong hàng Phật có ba người:

- ***Phật Thích Ca***
- ***Phật Di Lặc***
- ***Đức Chúa Christ***

Thử hỏi ba người ai sẽ làm Trời. Ta tưởng ba người sẽ có một người làm được, mà người đó chúng ta biết chắc có, tuy không quyết đoá n trước đặng, chúng ta mơ màng ngó thấy nhưng không dám nói.

Hễ Đấng nào đủ quyền năng trị thế, tinh thần cho cao trọng thâm phục cả tâm lý nhơn sanh vào khuôn Đại Đạo, gồm tinh thần tư tưởng loài người lại được, thì Đấng ấy sẽ kế nghiệp

Tại sao chúng ta phải tìm hiểu cho thấu đáo Chơn truyền của Đức Chí-Tôn?

Người Tín-hữu Cao-Đài cần phải rõ thông Giáo lý, Giáo pháp Đại-Đạo tức là tự mình xác định chỗ đứng của mình trên trái đất này: phải làm gì hôm nay? Mai ngày khi xác thân trở về cát bụi sẽ ra sao? Đó là mục đích của người tu, là học thêm một cấp cao về tâm linh

Đức Hộ-Pháp nói:

“Chúng ta ấi thấu -đáo ấi Chơn-truyền của Đức Chí Tôn, các huyền -vi bí-mật cơ Tạo-đoan Càn-khôn vũ trụ, nó có ba điều trọng-yếu là:

1- *Cái kiếp sanh của chúng ta theo như chơn truyền Đức Chí-Tôn: các Chơn-linh đến tại mặt thế này hay là các địa-giới trong càn khôn vũ-trụ cốt để **Trả quả kiếp của mình**, hoặc mình đã tạo căn-quả vì trong con đường tấn hoá chơn-linh của mình không đủ mực thước để điều khiển khối chơn-linh yếu-ớt, không đủ quyền duy chủ mà phải phạm thêm điều oan nghiệt.*

2- Đến đặng tìm-tàng cái lực lực của mình , học lực của mình là điều mình muốn biết cả kiếp căn của mình nếu không biết cũng đeo đuổi theo, tìm-tàng cho biết cả cơ quan bí-mật tạo-đoan.

3- Là đến để lập vị cao thăng hơn nữa tức nhiên theo cơ Tạo-đoan càn-khôn vũ-trụ về hữu hình, cốt yếu để giúp cho các chơn-linh tấn triển trên con đường Thiêng liêng hằng sống.

Bân-đạo có cho toàn thể chúng ta thấy căn sống của mình chẳng phải nơi trái địa-cầu 68 này mà thôi, mà các mặt địa-cầu khác trong Càn-khôn vũ-trụ cũng đều một khuôn luật ấy.

Có nhiều trái địa-cầu tấn triển cao hơn khuôn khổ kiếp sống của con người, có thể giảm bớt tội, nhưng khuôn luật vẫn một mà thôi, không chi sửa đổi.

Chúng ta đã thấy mình sống, kiếp sống của mình như thế; Bân-đạo đã cho toàn thể con cái Đức Chí-Tôn tự soát mình lại không có hạnh -phúc chút nào hết. Thật sự ra, đề-mục chúng ta phải đi trong khoá này của Đức Chí Tôn, đến đặng mở khoa-mục cho nhơn-loại buổi này, hay là mỗi lần các Đấng cao siêu hơn nữa đến tạo Đạo, cốt yếu mở khoa-mục cho các chơn-linh thì chúng ta đã ngó thấy khoá này là khoá đầu tiên hết thấy trong đề mục” (ĐHP: 29-5 Kỷ-Sửu)



MỤC LỤC BÍ PHÁP CAO ĐÀI

Lời nói đầu.....	Trang 2
Chương I: Khái niệm về Bí-pháp.....	3
1- Trong các Bí pháp có nhiệm mầu đặc Đạo.	9
2-Đạo mở tức là Cơ Đại Ân Xá của Đức Chí-Tôn	9
3-Người Đạo Cao-Đài thể hiện Bí pháp là lời Minh thệ... ..	10
4-Đạo Cao-Đài có Thể pháp và Bí pháp	12
Chương II	
A-Những hình thức gọi là Bí pháp Đại-Đạo.	
1-Bí pháp xưng tội.....	16
2-Nhận dạng Bí tích.....	16
3-Hộ-Pháp hiện thân là Chúa, Chúa đã chịu nạn thế nào? ..	20
B-Tìm hiểu ngươn linh tiền bối: Bát Tiên lâm phạm ...	23
1-Lý Ngưng Dương là Ngươn linh ông Lê văn Trung.....	24
2-Hón Chung Ly là Ngươn linh ông Cao Quỳnh Cư.....	27
3-Lữ Đồng Tân là Ngươn linh ông Cao hoài Sang	32
4-Trương Quả Lão là Ngươn linh ông Ca Minh Chương .	37
5-Lam Thế Hoà là Ngươn linh ông Lâm Quang Bính	40
6- Hà Tiên Cô là Ngươn linh Bà Huỳnh Hương Hồ	43
7-Hàn Tương Tử là Ngươn linh ông Vương Quan Kỳ	44
8-Tào Quốc Cự là Ngươn linh ông Ngô văn Chiêu	48
C-Thập Nhị Thời Quân.....	52
1-Khai pháp Trần Duy Nghĩa ngươn linh Thánh Pierre	55
2-Khai Đạo Phạm Tấn Đãi ngươn linh Đông Phương Sóc..	59
3-Hiến Pháp Trương Hữu Đức là Từ Hàng Đạo Nhơn..	60
4-Bảo pháp Nguyễn Trung Hậu ngươn linh Xích Tinh Tử	62
5-Tiếp Đạo Cao Đức Trọng ngươn linh Thánh Juda	64
6-Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa ngươn linh là Sa Nặc	65
D- Cửu Trùng Đài	
1-Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh ngươn linh Long Nữ	66
2-Ngọc Đầu sư Ngọc Lịch Nguyệt ngươn linh Dương Tiễn	69

Bí-pháp Đạo Cao-Đài

3-Thái Đầu sư Thái Nương Tinh là Văn Thù Bồ Tát	70
4-Thái Đầu sư Thái Thơ Thanh là Từ Hàng Đạo Nhơn	72
5- Ông Nguyễn ngọc Tương là Ngô Tôn Quyền tái kiếp....	73
6-Ông Lê Bá Trang ngươn linh là Quan Vân Trường.....	74
7-Ông Thái Ca Thanh là Thanh Nguu của Đức Lão-Tử ..	77
-Truyền Trạng Phạm v. Ngộ ngươn linh là Từ Giáp	

E-Phần ngoại lệ:

1- Ô.Trạng Trình Nguyễn Bình khiêm là Quan Âm Bồ Tát	80
2-Ô.Cao Quỳnh Tuân là Xích Bộ Tinh Quân	81
3-Ô. Hữu Phan Quân Lê văn Thoại là Nhan Hồi	83
4-Trần Quang Vinh ngươn linh Francois Hugo	87
5-Bà Trần Kim Phụng ngươn linh Khổng Minh	92
6-Ông Batrya chồng bà Kim Phụng là Mạnh Hoạch...	93
7-Ông Lò (nấu thuốc Nam ở Toà Thánh) Thổ Hành Tôn	94

Chương III

A –LỄ TRẦN THẦN & HÀNH PHÁP

-Ma Ha thủy và Cách luyện	95
I- Lễ Trần Thần Toà Thánh	108
II- Trần Thần tượng Tam Thánh	113
III- Trần Thần Trí-Huệ-Cung Thiên Hỉ Động	116
IV- Trần Thần chợ Long Hoa	118
B-Đức Hộ pháp nhập tịnh Trí Huệ cung	118
C-Hành Bí pháp:	
1-Đức Chí-Tôn hành pháp tại Kiêm biên	123
2-Đức Hộ-pháp Ban phép lành	124
3-Hộ-pháp hành pháp mỗi khi vô Cúng Đàn	129
4-Đức Hộ-pháp hành pháp trong giờ Cúng Đàn	132
D-Hành pháp độ thăng cho chức sắc	148
E-Đức Tin thể hiện ở Sự cầu nguyện	155

Chương IV: ĐỨC HỘ-PHÁP GIẢNG BÍ PHÁP.....159

I- Bí pháp chọn truyền của Đức Chí-Tôn	161
II-Tại sao Bàn Đạo phải thuyết minh Bí pháp?	165
III-Bí pháp của Đức Chí-Tôn là gì?	169
IV-Do nơi học thuyết nào phát minh chữ Đạo?	173

Bí-pháp Đạo Cao-Đài

V-Đạo là gì?	175
VI-Cả cơ thể tạo đoạn có hai đặc điểm trọng yếu	179
VII- Thể pháp và Bí-pháp của Thể đạo	184
VIII-Thể pháp và Bí pháp của Thiên Đạo	192
IX- Thể pháp Thiên Đạo của Cao-Đài	198
X- Bí pháp có liên quan đến Thể pháp	203
XI- Bí-pháp chơn truyền của Đạotương liên Thể pháp? ...	207
XII- Sự liên quan Thể pháp và Bí pháp của Đạo	211
XIII-Bí-pháp chơn truyền của Đạo	215
XIV-Bí-pháp chơn truyền của Đức Chí-Tôn	218
XV-Bí Pháp Hội-Yên Diêu TRì Cung	223
XVI-Bí-pháp đối với ta và đối với Đức Chí-Tôn	227
XVII-Cái sứ mạng để dung hoà Đời với Đạo	231

Chương V : TAM BỬU

1-Giá trị của Tam Bửu.....	245
2-Tam Bửu: Tinh Khí Thân.....	249
3-Tam bửu: Tiên Thiên, Hậu thiên khí và vật chất khí ...	251
4-Tam bửu: Nho Thích Đạo	255
5-Quyền năng của Đức tin	257
6-Tam Bửu: Nguyên thủy tạo Càn Khôn Thế giới	260

KẾT LUẬN

Loài người do đâu mà đến?	264
Tại sao chúng ta phải tìm hiểu cho thấu đáo Chơn truyền của Đức Chí-Tôn?	266

HẾT

SÁCH ĐANG IN

- | | |
|--|--------------------------------|
| 1- Số 3 Huyền diệu | 2- Những dòng lệ khô tiếp nổi. |
| 3- Đạo tâm bửu giám II | 4- Huyền diệu cơ bút II |
| 5- Giải Liễn đối Cao Đài | 6- Chữ Hán chiết tự |
| 7- Đức tin | 8- Thánh Thể Đức Chí-Tôn |
| 9- Tam lập | 10- Tam thể xác thân |
| 11- Luật Thương yêu | 12- Đạo thành do ba người |
| 13- Nữ phái Cao Đài | 13- Đại Đạo nhập môn. |
| 14- Điều Trì Cung | 15- Văn Thi của Phật mẫu |
| 16- Tư tưởng Cao Đài | 17- Những áng văn hay Đại Đạo |
| 18- Thiên Nhân Thầy | 19- Vườn thơ hương sắc |
| 20- Tam Giáo Qui Nguyên | 21- Việt Nam Thánh Địa |
| 22- Âm Nhạc II | 23- Kỳ yếu 28 vị tiền khai ĐĐ |
| 24- Thiên thai kiến diện | 25- Tứ giáo Thánh nhân |
| 26- Quê hương tinh thần | 27- Những dòng lệ nóng |
| 28- Môn đệ của Chí-Tôn | 29- Khổng Minh Thần toán |
| 30- Tâm thư tươi hoàn vũ | 32- 12 con số Dịch vi diệu |
| 33- Thế giới vô hình | 34- Tuyết sơn xứ Phật. |
| 35- Hồn nước Thi ca VN | 36- Nữ Trung Tòng phạm |
| 37- Thơ Nguyên Thủy. I,II,III | 38- Thế giới vô hình |
| 39- Ba ngôi Nhựt Nguyệt Tinh | |
| 40- Thi nhân và siêu nhân | |
| 41- Thiên thai Kiến diện (Giải bằng Dịch học) | |
| 42- Dòng lệ nóng | |
| 43- Dịch-Lý Cao-Đài từ quyển VIII - XV | |

ĐANG SOẠN

Cao-Đài Đại-Đạo tầm nguyên Từ điển (ghi chú bằng ba thứ tiếng: Hoa- Anh- Pháp trên 6.000 Từ ngữ& Thành ngữ)

Dịch học Nhập môn

Tìm hiểu về Khảo-Cứu-Vụ:

Quyển I. Cấp sơ đẳng. II.. Cấp trung đẳng III. Cấp Cao đẳng

In lần thứ nhất: 01-03-Kỷ Sửu (dl 26-3-2009)

**In lần thứ nhì ngày 11-05-2009 có thêm nhiều tài liệu
Mỗi lần in lại đều có sửa chữa. Xin làm quà cho bạn đọc
SÁCH BIỂU KHÔNG**



